

A. Cường

THƯƠNG HÀN KHÁI YẾU



Trần Minh An

MỞ ĐẦU

1. Tiểu sử tác giả :

Tác giả sách thương hàn luận là Trương Trọng Cảnh, người đời Hậu Hán Trung quốc, Trương Trọng Cảnh, tên là Cổ, người quận Nam Dương, Đời Hán Linh Đế, ông đỗ Hiếu Liêm, đã giữ chức Thái Thú Trường Sa (cần nghiên cứu xác minh thêm). Ông học y nơi Trương Bá Tổ, người cùng quận, được truyền thụ tường tận. Ông là người thiên tư đỉnh ngộ, lại khổ công nghiên cứu, nên thu được thành tựu lớn trong học thuật. Người đương thời ca tụng ông học thức tinh thâm, cao hơn thầy.

Trước tác của Trương Trọng Cảnh hiện nay lưu truyền ngoài Thương hàn luận, có Cổ Kim quý yếu lược (Hai quyển này nguyên là hợp làm một, gọi là Thương Hàn tạp bệnh luận).

2. Động cơ trước tác thương hàn luận :

Động cơ trước tác Thương hàn luận của Trương Trọng Cảnh dựa vào bối cảnh lịch sử thời đại, có mấy điểm dưới đây :

Điểm 1 :

Trọng Cảnh sống trong thời đại chiến tranh liên miên, bệnh tật lan tràn, nhân dân tử vong nhiều. Trong lời nói đầu của tác phẩm, phản ánh tình hình nghiêm trọng đương thời, ông nói: "Họ hàng nhà tôi đông đúc, trên hai trăm người, từ năm Kiến An đến nay, chưa đến mười năm, đã chết mất hai phần ba, trong đó do bệnh Thương hàn chiếm bảy phần mười!" Trong một họ đã bị bệnh chết nhiều như thế, tình hình tử vong do bệnh tật trong cả một xã hội, suy ra có thể thấy nặng nề như thế nào.

Trước tình trạng thảm thương ấy, ông vô cùng xúc động, không đành lòng nhắm mắt làm ngơ, bỏ mặc mọi người đau khổ trong cảnh chết chóc điêu linh. Lòng nhân từ cao cả thúc đẩy

Ông quyết tâm nghiên cứu tinh vi y thuật, hy vọng giải trừ nỗi đau khổ của nhân dân.

Điểm 2 :

Ông băn khoăn trước tình hình các nhà tri thức đương thời không quan tâm đến y dược, cho là tiểu đạo. Thực tế là giai cấp trên của xã hội lúc bấy giờ chỉ chú ý dúi mài kinh sử, tên nêu bằng vàng mong cầu vinh hoa phú quý, coi thường sự nghiệp y dược, bỏ mặc bệnh tật lưu hành giết hại nhân dân. Nhận rõ trách nhiệm vinh quang nhưng đầy khó khăn của lương y như lương tướng, lương y như tù mẫu, ông không nề hà gian khổ, dững cảm gánh vác nhiệm vụ nặng nề phát triển sự nghiệp y học.

Điểm 3 :

Các thầy thuốc đương thời phần lớn chữa bệnh theo kinh nghiệm, theo khuôn sáo gia truyền, không nghiên cứu sâu sách kinh điển, lấy lý luận chỉ đạo việc tổng kết kinh nghiệm, phát triển học thuật để nâng cao trình độ điều trị của bản thân. Chẩn đoán bệnh không biện chứng tinh tế, chỉ căn cứ vào một số triệu chứng lâm sàng rồi vọng đoán trị lầm. Hiện tượng ấy diễn ra tương đối phổ biến, ông thấy cần phải chấn chỉnh để hạn chế tác hại.

Do các động cơ nói trên, ông gắng sức nghiên cứu sâu các sách kinh điển như : Tổ vấn linh khu, Thần nông bản thảo, thang dịch cổ truyền, tổng kết kinh nghiệm y học từ đương thời trở về trước, ngày đêm miệt mài trước tác để xúc tiến sự nghiệp y dược phát triển. Kết quả hoàn thành công trình khoa học y dược lớn : Thương hàn tạp bệnh luận.

3. Nguồn gốc học thuật của Thương hàn luận :

Thương hàn tạp bệnh luận đến đời Tần (Trung quốc) được biên soạn tách ra thành hai quyển : Thương hàn luận và Kim quỹ yếu lược.

Thương hàn luận theo nghĩa hẹp là công trình khoa học, chuyên nghiên cứu nguyên tắc điều trị các bệnh truyền nhiễm cấp. (Nghĩa rộng sẽ bàn thêm trong phần dưới).

Thương hàn luận là tác phẩm Trương Trọng Cảnh tổng kết lý luận y học và kinh nghiệm điều trị từ đời Đông Hán* (Trung quốc) trở về trước. Thời kỳ đó, y học cổ truyền đã có cơ sở hoàn chỉnh sơ bộ. Về phương diện lý luận đã có Nội kinh Tố vấn, Nội kinh Linh khu mở đường. Về phương diện dược liệu đã có thần nông bản thảo kinh đặt ^{phần mới} liên tương. Về phương diện phương tễ đã có phép tắc phối ngũ nhất định. Trước tác về thang dịch của y Doãn ngày nay đã thất truyền, nhưng tài liệu quý giá về phương tễ học của Y Doãn đã được Trọng Cảnh thừa kế và phát huy, phát triển trong Thương hàn luận. Trong lời nói đầu của tác phẩm Thương hàn tạp bệnh luận, Trọng Cảnh ghi: Chuyên cần học tập lời cổ truyền, thu lượm rộng rãi các phương thuốc của mọi người. Trước thuật dựa vào Tố vấn cứu quyền, Bát thập nhất nạp luận, âm dương đại luận, Thái lữ được lược ^{ghi chép} v.v... Điều đó nói lên học thuật uyên bác của Trọng Cảnh là ^{thực} có sở đảm bảo giá trị khoa học to lớn của Thương hàn luận.

Tư tưởng chủ đạo của Thương hàn luận quán triệt hệ thống lý luận của Nội kinh và Nam kinh, đồng thời có phát triển thêm một bước lý luận của hai bộ sách kinh điển ấy. Phương pháp lục kinh phân chứng của Thương hàn luận là phát triển phương pháp phân chứng của thiên nhiệt luận trong sách Tố vấn. Các nguyên tắc điều trị của thương hàn luận là phát triển các phương pháp của Nội kinh: Chứng ~~hàn~~ phải làm cho nhiệt, chứng nhiệt phải làm cho hàn, chứng ở bì mao dùng hàn pháp để phát tán; Chứng ở nơi cao phải nhân theo thể bệnh mà là m cho vượt lên; chứng đầy trướng ở trong phải dùng tả pháp giải từ bên trong.

Do quan hệ mật thiết nói trên, muốn hiểu sâu thương hàn luận phải nghiên cứu kỹ Nội kinh. Đó là phương pháp lấy lý luận chỉ đạo thực tiễn, lấy thực tiễn bổ sung lý luận.

4. Giá trị của Thương hàn luận :

Tác phẩm Thương hàn tạp bệnh luận hoàn thành vào khoảng nửa đầu thế kỷ thứ ba sau công nguyên. Trải qua nhiều cuộc

chiến tranh, sách này bị thất lạc. Đến đời Tấn (Trung Quốc) tác phẩm được thái y Hịch vương Thúc Hòa chỉnh lý biên tập thành hai quyển Thương hàn luận và Kim quỹ yếu lược như ta thấy hiện nay. Đời Tống (Trung quốc) nhóm Bâm ư hiệu đính một lần nữa. Đến đời Kim (Trung quốc) Thành Vô Kỷ chú giải toàn văn lần thứ nhất, sau đó từ đời Minh đến đời Thanh (TQ) cho tới ngày nay, có vài trăm nhà chú giải Thương hàn luận.

Các y gia từ xưa tới nay đều đánh giá cao giá trị khoa học của Thương hàn luận, tôn gũng là "Tổ của phương thứ", Có người nói: "Học vấn của thầy thuốc hoàn toàn ở chỗ hiểu rõ lý luận của Thương hàn".

Giá trị của Thương hàn luận, cụ thể có mấy điểm dưới đây:

1. Làm cho phương pháp biện chứng luận trị của y học cổ truyền có một hệ thống lý luận hoàn chỉnh. Đặt cơ sở cho điều trị học cổ truyền.
2. Thương hàn luận là một trước tác đầy đủ và cụ thể về cả lý và pháp, thiết thực chỉ đạo công tác lâm sàng. Dựa vào phép tắc của tác phẩm để chẩn đoán bệnh đều trúng với tình hình bệnh.
3. Công trình này chẳng những tổng kết y học từ đời Hán trở về trước mà về phương diện điều trị lâm sàng là một tiến bộ lớn, đồng thời là cơ sở cho ôn bệnh học hình thành và phát triển trong đời sau.

ham Cudong

Bài II

HAM NGHĨA CỦA THUƠNG HÀN

K/V
50

Muốn tìm hiểu tinh thần cơ bản của Thương hàn luận, trước hết cần biết hàm nghĩa của hai chữ "Thương hàn". Nhận thức rõ được ý nghĩa của thương hàn, sẽ xác định được phương hướng học tập và thực hành lâm sàng để khỏi mất nhiều thời gian thu được kết quả tốt.

Bệnh danh "Thương hàn", trong y học cổ truyền, có hai hàm nghĩa.

1. Nghĩa rộng, như nội kinh nói: "Các nhiệt bệnh đều thuộc loại của Thương hàn", "người ta bị hàn lâm thương tổn sẽ phát ra bệnh nhiệt", theo tinh thần của hai câu nói trên khái niệm thương hàn là tên chung đại biểu cho mọi bệnh ngoại cảm.

2. Nghĩa hẹp, thương hàn là thuật ngữ dùng để nói về chứng ngoại cảm hàn tà, xâm nhiễm lập tức phát bệnh. Như Nội kinh nói: Thương hàn có 5 loại bệnh: Trúng phong, thương hàn thấp ôn, ôn bệnh, nhiệt bệnh, trong đó, loại bệnh thứ hai là thương hàn theo nghĩa hẹp, cảm nhiễm ngoại tà lập tức phát bệnh.

Trong chuyên luận này, bàn về bệnh thương hàn theo nghĩa rộng. Thiên thái dương, của luận văn lại phân biệt nghiên cứu các bệnh chứng: trúng phong, thương hàn, ôn bệnh, trúng hạ, trúng thấp (hai chứng sau xếp vào kim quỹ yếu lược).

Do đó, có thể biết ý nghĩa của thương hàn vừa bao hàm nghĩa rộng, vừa bao hàm nghĩa hẹp. Đó là thừa kế luận thuyết của nội kinh và ~~Nội~~ kinh, đồng thời làm sáng tỏ thêm nội dung của thương hàn luận, chính là nghiên cứu các quy luật phát triển của bệnh nhiệt tính cấp và phép tắc của phương pháp biện chứng luận trị. 10: 101 102 - đó bốn

Nội dung của thương hàn luận:

Trong sách Nho môn ~~Sự~~ thân, danh y Trương ~~Tứ~~ ^{Tứ} Hoà đời kim nguyên (Trung quốc) nói: "ôn bệnh trong mùa xuân thứ bệnh trong mùa hạ, ngược lý trong mùa thu, hàn khí và ~~hàn~~

2
AM
MAY
LAD
XEM
PAM
MEL
VISA
th

trong mùa đông gọi chung là thương hàn. Trương Trọng Cảnh, trong lời nói đầu sách thương hàn luận cũng nói: Họ ~~hồng~~ ông trong vòng chưa đầy mười năm đã chết mất hai phần ba trong đó thương hàn chiếm bảy phần mười. Kết hợp ý kiến của Trương Trọng Cảnh, Trương Tử Hoà và Nội kinh Nam kinh, nội dung của thương hàn luận là bàn về bệnh thương hàn nghĩa rộng bệnh thương hàn trong y học hiện đại do trực tràng thương hàn gây ra được y văn Trung quốc gọi là "Trường nhiệt bệnh" (bệnh nhiệt tính đường ruột) ở bệnh ở đường ruột đối chiếu với biến chứng của y học cổ truyền, tương đương, với thấp ôn thương hàn cũng là một loại trong thương hàn nghĩa rộng.

Thương hàn luận có 397 pháp, 113 phương thang, tùy theo diễn biến của bệnh chứng, vận dụng linh hoạt tùy theo pháp độ nhất định. Trong sách thương hàn luận có ghi câu: "xem nghịch khí xâm phạm như thế nào, ở đâu, tùy theo chứng bệnh mà điều trị", đó là phép tắc cơ bản trong biến chứng luận trị của y học cổ truyền, phương pháp chẩn đoán điều trị có tính nguyên tắc chặt chẽ đó làm cơ sở cho sự vận dụng linh hoạt là tổng kết kinh nghiệm lâm sàng của y học cổ truyền từ đời Tần Hán (Trung quốc) trở về trước ở nước ta, phương pháp đó đã được Tuệ Tĩnh đời Trần, Hải Thượng Lãn ông đời Lê, tổng kết trong các tác phẩm Hồng nghĩa giác ~~tập~~ y thừa và y tôn tâm lĩnh, ~~mở~~ ~~đầu~~ cho quy củ của y học cổ truyền đời sau. Phương pháp đó chẳng những có thể điều trị nhiều loại bệnh truyền nhiễm, mà còn có thể vận dụng điều trị bệnh mạn tính.

Triều đại khí hậu chuyển biến, ở Trung quốc từ đời Tống Kim Nguyên đến Minh Thanh, ở nước ta từ đời Trần Lê đến Nguyễn đối với việc điều trị bệnh truyền nhiễm nhiệt tính, các thời đại đều có phát triển, do đó có các luận thuyết "phương thang cổ không đủ để trị bệnh ngày nay" "thể chất người đời xưa, và người đời nay khác nhau" để chê trách việc nghiên cứu thương hàn/bản thân đối với sự nhận thức và giải quyết bệnh tật, về phương pháp tư tưởng càng không thể xa rời nguyên tắc của thương hàn mà không tự biết. Trên lâm sàng, tuy cách thực hành cụ thể khác nhau, nhưng nguyên tắc cơ bản của biến chứng luận trị là thống nhất. /Những người chê trách Thương hàn

Thương hàn tạp bệnh luận (tiền thân của thương hàn luận và kim củy yếu lược) đã được Vương Thuê Hoà đời Tấn (Trung

quốc) và nhóm Lâm Ưc đời Tống (Trung quốc) biên tập và hiệu đính, thành vô kỷ đời Kim (Trung quốc) chú thích. Lại trải qua nhiều đời khác in, nên có sai sót, mất mát, thêm bớt, sắp xếp lại cấu trúc của tác phẩm. Các Danh y ~~Đ~~ giả ngôn trong thượng luận thiếu, kha cầm trong thương hàn ~~lỗi~~ tô tập, ~~nhà~~ tại kinh trong thương hàn quán châu, tập ~~đầu~~ đã có ý kiến phân tích, dẫn chứng tham khảo về tình hình nói trên.

o
o o

TINH THẦN CƠ BẢN CỦA THƯƠNG HÀN LUẬN LA BIÊN CHUNG LUẬN TRỊ

Biện chứng luận trị là không lấy nguyên nhân bệnh làm đối tượng chẩn đoán điều trị bệnh mà lấy chứng trạng của bệnh phát sinh làm căn cứ chẩn đoán điều trị. Biện chứng án mạch là tiêu chuẩn dùng được là tinh thần cơ bản của Thương hàn luận. Thương hàn luận ~~thường~~ lấy tên phương thang đại biểu cho chứng trạng như sai ~~bổ~~ chứng, Quế chi chứng, Đại tiểu hãn trung chứng v.v...) tiểu sai ~~bổ~~ thang chứng trong thương hàn luận ghi: "Bệnh thương hàn hoặc ^{thực sự} trúng phong đã 5-6 ngày nóng rét qua lại, ngực và sườn có cảm giác đầy tức, không thích nói không muốn ăn uống, thương bứt rứt, bực dọc hay nôn, hoặc trong ngực bứt rứt mà không nôn, hoặc khát nước, hoặc trong bụng đau, hoặc dưới sườn bị cứng, hoặc máy động vùng thượng vị tiểu tiện khô, hoặc không khát, có sốt nhẹ, hoặc ho. Có các triệu chứng trên, có thể dùng Tiểu sai ~~bổ~~ thang làm phương ~~chủ~~ chủ yếu, tùy chứng gia giảm điều trị", "Bệnh thương hàn có sai ~~bổ~~ chứng, chỉ thấy một chứng là đúng, bất tất phải đầy đủ các chứng", "sau khi uống sai ~~bổ~~ thang thấy khát nước là bệnh đã chuyển sang dương minh". Các điều văn trên đây cho biết nhiệt bệnh ngoại cảm, dần muốn đi vào phân lý, thể lực đấu tranh với bệnh tà, phát sinh các triệu chứng ngực và sườn đầy tức, tâm bứt rứt hay nôn, không muốn ăn uống, nóng rét qua lại là bệnh ở bán biểu bán lý dùng hãn pháp hay hạ pháp đều không thích hợp, cho nên dùng tiểu sai, ~~bổ~~ thang hoà giải, các chứng trạng nói trên là chủ chứng của Tiểu sai ~~bổ~~ thang cần nói chỉ thấy một chứng là đúng tức là chỉ vào bốn chứng nói trên.

phát sốt có mẩn-khẩn $\rightarrow$ thực đáp
phát sốt có mẩn-khẩn $\rightarrow$ đáp mẩn
ở ~~Sở~~ ~~lấy~~

Lại cần Biện chứng tinh tế, nếu thời gian trước không khát mà sau khi uống Sài bồ thang thấy khát nước là chuyển sang thuốc dương minh táo hoá (thủy dịch trường vi bất túc), nên dùng phương pháp cầm hàn sinh tân điều trị.

Phương pháp biện chứng luận trị nói trên đòi hỏi phải có kiến thức vững vàng về bệnh học, kinh nghiệm phong phú về lâm sàng, phương pháp đối chứng điều trị thô thiển không thể so sánh được, người thầy thuốc phải phân tích sâu sắc các triệu chứng và mạch tượng tìm hiểu cơ chế bệnh, sau đó căn cứ vào cơ chế bệnh mà đề ra phương pháp điều trị và chọn dùng bài thuốc thích hợp.

Trên lâm sàng thường gặp triệu chứng tiểu tiện không thông lợi, về mặt bệnh cơ của nó, thương hàn luận phân tích rất sâu sắc. Thương hàn luận nói: "Bệnh dương minh sắc mặt đỏ dùng phương pháp ~~táo~~ phát sốt, thân thể sắc vàng là vi tiểu tiện không thông lợi", "Bệnh thái dương sau khi phát hàn, ra mồ ~~hàn~~ nhiều, nếu mạch tượng thấy phù, tiểu tiện không thông lợi, sốt nhẹ, tiêu khát, ~~đạt~~ muốn uống nước, nước uống vào thì thổ ra, chủ yếu dùng ngũ linh tán điều trị", "Bệnh nhân tiểu tiện không thông lợi, đại tiện lúc khó lúc dễ, có lúc sốt nhẹ, phát suyễn không nằm được là có phân táo, điều trị nên dùng Đại thừa khi thang", Ba trường hợp nói trên, ngoại chứng đều có tiểu tiện không thông lợi; đó là do tâm dịch bị thương tổn trong vị đình thủy, đường ruột không tiếp thu được thủy, ba cơ chế khác nhau. Tâm dịch bị thương tổn cho nên phát sốt, thân thể sắc vàng, điều trị nên thanh nhiệt sinh tân. Trong vị đình thủy nên uống nước vào thì thổ, điều trị nên dùng ngũ linh tán lợi thủy. Đường ruột không hấp thu thủy dịch, có táo kết cho nên đại tiện lúc khó, lúc dễ, điều trị nên dùng thừa khí thang công hạ. Nếu không biện chứng tinh tế chỉ dùng một bài thuốc chung để lợi tiểu, tất nhiên phạm sai lầm. Qua các điều văn nói trên của Thương hàn luận, trong điểm chẩn đoán phân biệt để vận dụng linh hoạt, đề ra trị pháp chính xác, chọn dùng bài thuốc thích hợp là dựa vào phương pháp biện chứng luận trị. Cho nên phương pháp biện chứng luận trị là tinh thần cơ bản của Thương hàn luận. Nghiên cứu thương hàn luận phải nắm vững tinh thần ấy mới có nhận thức sâu sắc và ứng dụng hiệu quả. /.

truyền khát

thủy hàn

truyền khát, sốt nhẹ, khát, uống vào thì thổ

hợp bệnh: uống nhiều - khát nhiều (gần như đái tháo)

BÀI III

HÀM NGHĨA CỦA THƯƠNG HÀN

Trong y văn cổ truyền, bệnh danh thương hàn có hai hàm nghĩa :

1. Theo nghĩa rộng ghi trong Nội kinh : "Bệnh nhiệt tính đều thuộc loại bệnh của thương hàn". "Người ta bị hàn là m thương tổn thì phát sinh bệnh nhiệt". Theo hai điều kinh văn nói trên, khái niệm thương hàn là tên chung đại biểu cho mọi bệnh ngoại cảm.

2. Theo nghĩa hẹp, khái niệm thương hàn chỉ vào bệnh lập tức phát sinh sau khi bị cảm nhiễm hàn tà ở bên ngoài. N h u Nan kinh đã nói : "Thương hàn có năm thể bệnh : Trúng phong, Thương hàn, Thấp ôn , Ôn bệnh, nhiệt bệnh. Trong đó loại thứ hai tức là thương hàn là thương hàn theo nghĩa hẹp, cảm nhiễm hàn tà lập tức phát bệnh.

Khái niệm "Thương hàn" bản trong chuyên luận này là thuộc nghĩa rộng. Trong Thiên Thái dương lại phân biệt bản về các thể bệnh : trúng phong, thương hàn, ôn bệnh, trúng hất, trúng thấp. (Hai thể bệnh sau xếp vào sách kim quỹ yếu lược).

Hàm nghĩa của thương hàn bao gồm nghĩa rộng, nghĩa h ẹp là từ Nội kinh, Nan kinh mà ra, từ cơ sở đó đúc kết kinh nghiệm lâm sàng. Trương Trọng Cảnh đời Hậu Hán Trúng Quố phát triển và xác minh nội dung của Thương hàn luận là bản về quy luật phát triển của các bệnh nhiệt tính cấp và phép tảo của phương pháp biện chứng luận trị.

Theo ý kiến của một số nhà nghiên cứu hiện nay, Thương hàn luận bản về quy luật phát sinh, phát triển và nguyên tắc biện chứng luận trị của tất cả các bệnh ngoại cảm nội thương.

*Các bệnh về nội thương cũng Bản Lý lược
đều theo học hỏi*



GIÁ TRỊ CHẨN ĐOÁN CỦA MẠCH HỌC THƯƠNG HÀN LUẬN

Mạch pháp của thương hàn luận chia ra thốn khẩu phu dương, thiếu âm. Thốn khẩu là sáu bộ mạch ở hai bên tay trái, tay phải. Phu dương là chân ở mạch xung dương, tức là động mạch lớn trên mu bàn chân thuộc kinh túc dương minh vị. Thiếu âm là chân mạch thái khê tức là động mạch lớn nằm phía sau mắt cá chân trong thuộc kinh túc thiếu âm thận. Các thầy thuốc ngày nay muốn cho giản tiện thường chỉ xem sáu bộ mạch trái phải ở thốn khẩu. Nhưng những trường hợp bệnh nặng, phức tạp, nguy hiểm, cần phải xem thêm mạch phu dương và thiếu âm. Mạch phu dương còn là vị khí còn, tức là khí hậu thiên còn. Mạch thiếu âm còn là thận khí còn, tức là khí tiền thiên còn. Xem mạch còn thấy mạch phu dương hoặc mạch thiếu âm, dù bệnh nguy nan vẫn còn hy vọng điều trị. Mạch thái khê thể hiện tình hình khí tiền thiên vô hình quan trọng hơn mạch xung dương thể hiện tình hình khí hậu thiên hữu hình.

Tác dụng chẩn đoán của mạch học thương hàn chia ra ba loại như sau :

1. Tìm hiểu cơ chế bệnh :

Cơ chế bệnh trong Nội kinh và Y tôn tâm lĩnh (quyển y hải câu nguyên ghi là bệnh cổ). Sách Thương hàn luận viết :

"Bệnh Thương hàn ngày thứ nhất xâm phạm kinh thái dương, nếu mạch tĩnh là bệnh không chuyển biến; nếu có cảm giác rất buồn nôn, hoặc bú rứt, bực dọc, mạch tương sắc cấp là bệnh sẽ chuyển biến". Điều này nói lên tình hình ngoại cảm nhiệt bệnh sơ kỳ, nếu mạch tượng người bệnh an tĩnh, bệnh thể sẽ không phát triển, dễ khỏi, cho nên không chuyển biến. Nếu mạch đập sắc cấp, cơ thể phải tăng cường điều tiết, tạng tâm phải gánh vác nặng nề thêm để thích ứng, bệnh thể có khả năng phát triển, cho nên sẽ chuyển biến.

917
Ful

Ma trận - hoàn -> có thể yêu
hoặc ngược lại yêu
Ma trận : ở phía chân : vị trí
lưu phục 70-80 giờ/phút

- 3 -

Thương hàn luận ghi : "Bệnh thái dương đã 8-9 ngày, triệu chứng ^{thực} (Sốt rất), phát sốt sợ lạnh, sốt nhiều sợ lạnh ít, người bệnh không nôn, đại tiện, tiểu tiện bình thường ; Một ngày phát 2-3 cơn, mạch tượng vi nhược là sắp khỏi. Mạch vi mà sợ lạnh là âm dương đều hư, không thể dùng phương pháp phát hàn, công hạ, hay thôi thổ". Theo tinh thần của kinh văn, bệnh ngoại cảm, nhiệt tính đang ở thời kỳ tiến triển mà mạch tượng chuyển thành tri hoãn, cơ năng tiêu hóa cũng khôi phục bình thường, cho nên mạch vi hoãn là dấu hiệu bệnh sắp khỏi. Nếu mạch tượng biến thành vi tiểu, ngoại chứng có sợ lạnh là tạng âm suy nhược, bệnh tình thêm nghiêm trọng, cho nên không thể dùng phương pháp phát hàn, thôi thổ, công hạ.

2. Hướng dẫn phép tắc điều trị : Nếu phát sớm quá mức ^{giải} ^{mal} ^{giao} ^{qua} ¹⁵ ^{giờ} ^{đến} ¹ ^{giờ} ^{đến} ² ^{giờ} ^{đến} ³ ^{giờ} ^{đến} ⁴ ^{giờ} ^{đến} ⁵ ^{giờ} ^{đến} ⁶ ^{giờ} ^{đến} ⁷ ^{giờ} ^{đến} ⁸ ^{giờ} ^{đến} ⁹ ^{giờ} ^{đến} ¹⁰ ^{giờ} ^{đến} ¹¹ ^{giờ} ^{đến} ¹² ^{giờ} ^{đến} ¹³ ^{giờ} ^{đến} ¹⁴ ^{giờ} ^{đến} ¹⁵ ^{giờ} ^{đến} ¹⁶ ^{giờ} ^{đến} ¹⁷ ^{giờ} ^{đến} ¹⁸ ^{giờ} ^{đến} ¹⁹ ^{giờ} ^{đến} ²⁰ ^{giờ} ^{đến} ²¹ ^{giờ} ^{đến} ²² ^{giờ} ^{đến} ²³ ^{giờ} ^{đến} ²⁴ ^{giờ} ^{đến} ²⁵ ^{giờ} ^{đến} ²⁶ ^{giờ} ^{đến} ²⁷ ^{giờ} ^{đến} ²⁸ ^{giờ} ^{đến} ²⁹ ^{giờ} ^{đến} ³⁰ ^{giờ} ^{đến} ³¹ ^{giờ} ^{đến} ³² ^{giờ} ^{đến} ³³ ^{giờ} ^{đến} ³⁴ ^{giờ} ^{đến} ³⁵ ^{giờ} ^{đến} ³⁶ ^{giờ} ^{đến} ³⁷ ^{giờ} ^{đến} ³⁸ ^{giờ} ^{đến} ³⁹ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁰ ^{giờ} ^{đến} ⁴¹ ^{giờ} ^{đến} ⁴² ^{giờ} ^{đến} ⁴³ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁴ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁵ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁶ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁷ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁸ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁹ ^{giờ} ^{đến} ⁵⁰ ^{giờ} ^{đến} ⁵¹ ^{giờ} ^{đến} ⁵² ^{giờ} ^{đến} ⁵³ ^{giờ} ^{đến} ⁵⁴ ^{giờ} ^{đến} ⁵⁵ ^{giờ} ^{đến} ⁵⁶ ^{giờ} ^{đến} ⁵⁷ ^{giờ} ^{đến} ⁵⁸ ^{giờ} ^{đến} ⁵⁹ ^{giờ} ^{đến} ⁶⁰ ^{giờ} ^{đến} ⁶¹ ^{giờ} ^{đến} ⁶² ^{giờ} ^{đến} ⁶³ ^{giờ} ^{đến} ⁶⁴ ^{giờ} ^{đến} ⁶⁵ ^{giờ} ^{đến} ⁶⁶ ^{giờ} ^{đến} ⁶⁷ ^{giờ} ^{đến} ⁶⁸ ^{giờ} ^{đến} ⁶⁹ ^{giờ} ^{đến} ⁷⁰ ^{giờ} ^{đến} ⁷¹ ^{giờ} ^{đến} ⁷² ^{giờ} ^{đến} ⁷³ ^{giờ} ^{đến} ⁷⁴ ^{giờ} ^{đến} ⁷⁵ ^{giờ} ^{đến} ⁷⁶ ^{giờ} ^{đến} ⁷⁷ ^{giờ} ^{đến} ⁷⁸ ^{giờ} ^{đến} ⁷⁹ ^{giờ} ^{đến} ⁸⁰ ^{giờ} ^{đến} ⁸¹ ^{giờ} ^{đến} ⁸² ^{giờ} ^{đến} ⁸³ ^{giờ} ^{đến} ⁸⁴ ^{giờ} ^{đến} ⁸⁵ ^{giờ} ^{đến} ⁸⁶ ^{giờ} ^{đến} ⁸⁷ ^{giờ} ^{đến} ⁸⁸ ^{giờ} ^{đến} ⁸⁹ ^{giờ} ^{đến} ⁹⁰ ^{giờ} ^{đến} ⁹¹ ^{giờ} ^{đến} ⁹² ^{giờ} ^{đến} ⁹³ ^{giờ} ^{đến} ⁹⁴ ^{giờ} ^{đến} ⁹⁵ ^{giờ} ^{đến} ⁹⁶ ^{giờ} ^{đến} ⁹⁷ ^{giờ} ^{đến} ⁹⁸ ^{giờ} ^{đến} ⁹⁹ ^{giờ} ^{đến} ¹⁰⁰ ^{giờ} ^{đến} ¹⁰¹ ^{giờ} ^{đến} ¹⁰² ^{giờ} ^{đến} ¹⁰³ ^{giờ} ^{đến} ¹⁰⁴ ^{giờ} ^{đến} ¹⁰⁵ ^{giờ} ^{đến} ¹⁰⁶ ^{giờ} ^{đến} ¹⁰⁷ ^{giờ} ^{đến} ¹⁰⁸ ^{giờ} ^{đến} ¹⁰⁹ ^{giờ} ^{đến} ¹¹⁰ ^{giờ} ^{đến} ¹¹¹ ^{giờ} ^{đến} ¹¹² ^{giờ} ^{đến} ¹¹³ ^{giờ} ^{đến} ¹¹⁴ ^{giờ} ^{đến} ¹¹⁵ ^{giờ} ^{đến} ¹¹⁶ ^{giờ} ^{đến} ¹¹⁷ ^{giờ} ^{đến} ¹¹⁸ ^{giờ} ^{đến} ¹¹⁹ ^{giờ} ^{đến} ¹²⁰ ^{giờ} ^{đến} ¹²¹ ^{giờ} ^{đến} ¹²² ^{giờ} ^{đến} ¹²³ ^{giờ} ^{đến} ¹²⁴ ^{giờ} ^{đến} ¹²⁵ ^{giờ} ^{đến} ¹²⁶ ^{giờ} ^{đến} ¹²⁷ ^{giờ} ^{đến} ¹²⁸ ^{giờ} ^{đến} ¹²⁹ ^{giờ} ^{đến} ¹³⁰ ^{giờ} ^{đến} ¹³¹ ^{giờ} ^{đến} ¹³² ^{giờ} ^{đến} ¹³³ ^{giờ} ^{đến} ¹³⁴ ^{giờ} ^{đến} ¹³⁵ ^{giờ} ^{đến} ¹³⁶ ^{giờ} ^{đến} ¹³⁷ ^{giờ} ^{đến} ¹³⁸ ^{giờ} ^{đến} ¹³⁹ ^{giờ} ^{đến} ¹⁴⁰ ^{giờ} ^{đến} ¹⁴¹ ^{giờ} ^{đến} ¹⁴² ^{giờ} ^{đến} ¹⁴³ ^{giờ} ^{đến} ¹⁴⁴ ^{giờ} ^{đến} ¹⁴⁵ ^{giờ} ^{đến} ¹⁴⁶ ^{giờ} ^{đến} ¹⁴⁷ ^{giờ} ^{đến} ¹⁴⁸ ^{giờ} ^{đến} ¹⁴⁹ ^{giờ} ^{đến} ¹⁵⁰ ^{giờ} ^{đến} ¹⁵¹ ^{giờ} ^{đến} ¹⁵² ^{giờ} ^{đến} ¹⁵³ ^{giờ} ^{đến} ¹⁵⁴ ^{giờ} ^{đến} ¹⁵⁵ ^{giờ} ^{đến} ¹⁵⁶ ^{giờ} ^{đến} ¹⁵⁷ ^{giờ} ^{đến} ¹⁵⁸ ^{giờ} ^{đến} ¹⁵⁹ ^{giờ} ^{đến} ¹⁶⁰ ^{giờ} ^{đến} ¹⁶¹ ^{giờ} ^{đến} ¹⁶² ^{giờ} ^{đến} ¹⁶³ ^{giờ} ^{đến} ¹⁶⁴ ^{giờ} ^{đến} ¹⁶⁵ ^{giờ} ^{đến} ¹⁶⁶ ^{giờ} ^{đến} ¹⁶⁷ ^{giờ} ^{đến} ¹⁶⁸ ^{giờ} ^{đến} ¹⁶⁹ ^{giờ} ^{đến} ¹⁷⁰ ^{giờ} ^{đến} ¹⁷¹ ^{giờ} ^{đến} ¹⁷² ^{giờ} ^{đến} ¹⁷³ ^{giờ} ^{đến} ¹⁷⁴ ^{giờ} ^{đến} ¹⁷⁵ ^{giờ} ^{đến} ¹⁷⁶ ^{giờ} ^{đến} ¹⁷⁷ ^{giờ} ^{đến} ¹⁷⁸ ^{giờ} ^{đến} ¹⁷⁹ ^{giờ} ^{đến} ¹⁸⁰ ^{giờ} ^{đến} ¹⁸¹ ^{giờ} ^{đến} ¹⁸² ^{giờ} ^{đến} ¹⁸³ ^{giờ} ^{đến} ¹⁸⁴ ^{giờ} ^{đến} ¹⁸⁵ ^{giờ} ^{đến} ¹⁸⁶ ^{giờ} ^{đến} ¹⁸⁷ ^{giờ} ^{đến} ¹⁸⁸ ^{giờ} ^{đến} ¹⁸⁹ ^{giờ} ^{đến} ¹⁹⁰ ^{giờ} ^{đến} ¹⁹¹ ^{giờ} ^{đến} ¹⁹² ^{giờ} ^{đến} ¹⁹³ ^{giờ} ^{đến} ¹⁹⁴ ^{giờ} ^{đến} ¹⁹⁵ ^{giờ} ^{đến} ¹⁹⁶ ^{giờ} ^{đến} ¹⁹⁷ ^{giờ} ^{đến} ¹⁹⁸ ^{giờ} ^{đến} ¹⁹⁹ ^{giờ} ^{đến} ²⁰⁰ ^{giờ} ^{đến} ²⁰¹ ^{giờ} ^{đến} ²⁰² ^{giờ} ^{đến} ²⁰³ ^{giờ} ^{đến} ²⁰⁴ ^{giờ} ^{đến} ²⁰⁵ ^{giờ} ^{đến} ²⁰⁶ ^{giờ} ^{đến} ²⁰⁷ ^{giờ} ^{đến} ²⁰⁸ ^{giờ} ^{đến} ²⁰⁹ ^{giờ} ^{đến} ²¹⁰ ^{giờ} ^{đến} ²¹¹ ^{giờ} ^{đến} ²¹² ^{giờ} ^{đến} ²¹³ ^{giờ} ^{đến} ²¹⁴ ^{giờ} ^{đến} ²¹⁵ ^{giờ} ^{đến} ²¹⁶ ^{giờ} ^{đến} ²¹⁷ ^{giờ} ^{đến} ²¹⁸ ^{giờ} ^{đến} ²¹⁹ ^{giờ} ^{đến} ²²⁰ ^{giờ} ^{đến} ²²¹ ^{giờ} ^{đến} ²²² ^{giờ} ^{đến} ²²³ ^{giờ} ^{đến} ²²⁴ ^{giờ} ^{đến} ²²⁵ ^{giờ} ^{đến} ²²⁶ ^{giờ} ^{đến} ²²⁷ ^{giờ} ^{đến} ²²⁸ ^{giờ} ^{đến} ²²⁹ ^{giờ} ^{đến} ²³⁰ ^{giờ} ^{đến} ²³¹ ^{giờ} ^{đến} ²³² ^{giờ} ^{đến} ²³³ ^{giờ} ^{đến} ²³⁴ ^{giờ} ^{đến} ²³⁵ ^{giờ} ^{đến} ²³⁶ ^{giờ} ^{đến} ²³⁷ ^{giờ} ^{đến} ²³⁸ ^{giờ} ^{đến} ²³⁹ ^{giờ} ^{đến} ²⁴⁰ ^{giờ} ^{đến} ²⁴¹ ^{giờ} ^{đến} ²⁴² ^{giờ} ^{đến} ²⁴³ ^{giờ} ^{đến} ²⁴⁴ ^{giờ} ^{đến} ²⁴⁵ ^{giờ} ^{đến} ²⁴⁶ ^{giờ} ^{đến} ²⁴⁷ ^{giờ} ^{đến} ²⁴⁸ ^{giờ} ^{đến} ²⁴⁹ ^{giờ} ^{đến} ²⁵⁰ ^{giờ} ^{đến} ²⁵¹ ^{giờ} ^{đến} ²⁵² ^{giờ} ^{đến} ²⁵³ ^{giờ} ^{đến} ²⁵⁴ ^{giờ} ^{đến} ²⁵⁵ ^{giờ} ^{đến} ²⁵⁶ ^{giờ} ^{đến} ²⁵⁷ ^{giờ} ^{đến} ²⁵⁸ ^{giờ} ^{đến} ²⁵⁹ ^{giờ} ^{đến} ²⁶⁰ ^{giờ} ^{đến} ²⁶¹ ^{giờ} ^{đến} ²⁶² ^{giờ} ^{đến} ²⁶³ ^{giờ} ^{đến} ²⁶⁴ ^{giờ} ^{đến} ²⁶⁵ ^{giờ} ^{đến} ²⁶⁶ ^{giờ} ^{đến} ²⁶⁷ ^{giờ} ^{đến} ²⁶⁸ ^{giờ} ^{đến} ²⁶⁹ ^{giờ} ^{đến} ²⁷⁰ ^{giờ} ^{đến} ²⁷¹ ^{giờ} ^{đến} ²⁷² ^{giờ} ^{đến} ²⁷³ ^{giờ} ^{đến} ²⁷⁴ ^{giờ} ^{đến} ²⁷⁵ ^{giờ} ^{đến} ²⁷⁶ ^{giờ} ^{đến} ²⁷⁷ ^{giờ} ^{đến} ²⁷⁸ ^{giờ} ^{đến} ²⁷⁹ ^{giờ} ^{đến} ²⁸⁰ ^{giờ} ^{đến} ²⁸¹ ^{giờ} ^{đến} ²⁸² ^{giờ} ^{đến} ²⁸³ ^{giờ} ^{đến} ²⁸⁴ ^{giờ} ^{đến} ²⁸⁵ ^{giờ} ^{đến} ²⁸⁶ ^{giờ} ^{đến} ²⁸⁷ ^{giờ} ^{đến} ²⁸⁸ ^{giờ} ^{đến} ²⁸⁹ ^{giờ} ^{đến} ²⁹⁰ ^{giờ} ^{đến} ²⁹¹ ^{giờ} ^{đến} ²⁹² ^{giờ} ^{đến} ²⁹³ ^{giờ} ^{đến} ²⁹⁴ ^{giờ} ^{đến} ²⁹⁵ ^{giờ} ^{đến} ²⁹⁶ ^{giờ} ^{đến} ²⁹⁷ ^{giờ} ^{đến} ²⁹⁸ ^{giờ} ^{đến} ²⁹⁹ ^{giờ} ^{đến} ³⁰⁰ ^{giờ} ^{đến} ³⁰¹ ^{giờ} ^{đến} ³⁰² ^{giờ} ^{đến} ³⁰³ ^{giờ} ^{đến} ³⁰⁴ ^{giờ} ^{đến} ³⁰⁵ ^{giờ} ^{đến} ³⁰⁶ ^{giờ} ^{đến} ³⁰⁷ ^{giờ} ^{đến} ³⁰⁸ ^{giờ} ^{đến} ³⁰⁹ ^{giờ} ^{đến} ³¹⁰ ^{giờ} ^{đến} ³¹¹ ^{giờ} ^{đến} ³¹² ^{giờ} ^{đến} ³¹³ ^{giờ} ^{đến} ³¹⁴ ^{giờ} ^{đến} ³¹⁵ ^{giờ} ^{đến} ³¹⁶ ^{giờ} ^{đến} ³¹⁷ ^{giờ} ^{đến} ³¹⁸ ^{giờ} ^{đến} ³¹⁹ ^{giờ} ^{đến} ³²⁰ ^{giờ} ^{đến} ³²¹ ^{giờ} ^{đến} ³²² ^{giờ} ^{đến} ³²³ ^{giờ} ^{đến} ³²⁴ ^{giờ} ^{đến} ³²⁵ ^{giờ} ^{đến} ³²⁶ ^{giờ} ^{đến} ³²⁷ ^{giờ} ^{đến} ³²⁸ ^{giờ} ^{đến} ³²⁹ ^{giờ} ^{đến} ³³⁰ ^{giờ} ^{đến} ³³¹ ^{giờ} ^{đến} ³³² ^{giờ} ^{đến} ³³³ ^{giờ} ^{đến} ³³⁴ ^{giờ} ^{đến} ³³⁵ ^{giờ} ^{đến} ³³⁶ ^{giờ} ^{đến} ³³⁷ ^{giờ} ^{đến} ³³⁸ ^{giờ} ^{đến} ³³⁹ ^{giờ} ^{đến} ³⁴⁰ ^{giờ} ^{đến} ³⁴¹ ^{giờ} ^{đến} ³⁴² ^{giờ} ^{đến} ³⁴³ ^{giờ} ^{đến} ³⁴⁴ ^{giờ} ^{đến} ³⁴⁵ ^{giờ} ^{đến} ³⁴⁶ ^{giờ} ^{đến} ³⁴⁷ ^{giờ} ^{đến} ³⁴⁸ ^{giờ} ^{đến} ³⁴⁹ ^{giờ} ^{đến} ³⁵⁰ ^{giờ} ^{đến} ³⁵¹ ^{giờ} ^{đến} ³⁵² ^{giờ} ^{đến} ³⁵³ ^{giờ} ^{đến} ³⁵⁴ ^{giờ} ^{đến} ³⁵⁵ ^{giờ} ^{đến} ³⁵⁶ ^{giờ} ^{đến} ³⁵⁷ ^{giờ} ^{đến} ³⁵⁸ ^{giờ} ^{đến} ³⁵⁹ ^{giờ} ^{đến} ³⁶⁰ ^{giờ} ^{đến} ³⁶¹ ^{giờ} ^{đến} ³⁶² ^{giờ} ^{đến} ³⁶³ ^{giờ} ^{đến} ³⁶⁴ ^{giờ} ^{đến} ³⁶⁵ ^{giờ} ^{đến} ³⁶⁶ ^{giờ} ^{đến} ³⁶⁷ ^{giờ} ^{đến} ³⁶⁸ ^{giờ} ^{đến} ³⁶⁹ ^{giờ} ^{đến} ³⁷⁰ ^{giờ} ^{đến} ³⁷¹ ^{giờ} ^{đến} ³⁷² ^{giờ} ^{đến} ³⁷³ ^{giờ} ^{đến} ³⁷⁴ ^{giờ} ^{đến} ³⁷⁵ ^{giờ} ^{đến} ³⁷⁶ ^{giờ} ^{đến} ³⁷⁷ ^{giờ} ^{đến} ³⁷⁸ ^{giờ} ^{đến} ³⁷⁹ ^{giờ} ^{đến} ³⁸⁰ ^{giờ} ^{đến} ³⁸¹ ^{giờ} ^{đến} ³⁸² ^{giờ} ^{đến} ³⁸³ ^{giờ} ^{đến} ³⁸⁴ ^{giờ} ^{đến} ³⁸⁵ ^{giờ} ^{đến} ³⁸⁶ ^{giờ} ^{đến} ³⁸⁷ ^{giờ} ^{đến} ³⁸⁸ ^{giờ} ^{đến} ³⁸⁹ ^{giờ} ^{đến} ³⁹⁰ ^{giờ} ^{đến} ³⁹¹ ^{giờ} ^{đến} ³⁹² ^{giờ} ^{đến} ³⁹³ ^{giờ} ^{đến} ³⁹⁴ ^{giờ} ^{đến} ³⁹⁵ ^{giờ} ^{đến} ³⁹⁶ ^{giờ} ^{đến} ³⁹⁷ ^{giờ} ^{đến} ³⁹⁸ ^{giờ} ^{đến} ³⁹⁹ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁰⁰ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁰¹ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁰² ^{giờ} ^{đến} ⁴⁰³ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁰⁴ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁰⁵ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁰⁶ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁰⁷ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁰⁸ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁰⁹ ^{giờ} ^{đến} ⁴¹⁰ ^{giờ} ^{đến} ⁴¹¹ ^{giờ} ^{đến} ⁴¹² ^{giờ} ^{đến} ⁴¹³ ^{giờ} ^{đến} ⁴¹⁴ ^{giờ} ^{đến} ⁴¹⁵ ^{giờ} ^{đến} ⁴¹⁶ ^{giờ} ^{đến} ⁴¹⁷ ^{giờ} ^{đến} ⁴¹⁸ ^{giờ} ^{đến} ⁴¹⁹ ^{giờ} ^{đến} ⁴²⁰ ^{giờ} ^{đến} ⁴²¹ ^{giờ} ^{đến} ⁴²² ^{giờ} ^{đến} ⁴²³ ^{giờ} ^{đến} ⁴²⁴ ^{giờ} ^{đến} ⁴²⁵ ^{giờ} ^{đến} ⁴²⁶ ^{giờ} ^{đến} ⁴²⁷ ^{giờ} ^{đến} ⁴²⁸ ^{giờ} ^{đến} ⁴²⁹ ^{giờ} ^{đến} ⁴³⁰ ^{giờ} ^{đến} ⁴³¹ ^{giờ} ^{đến} ⁴³² ^{giờ} ^{đến} ⁴³³ ^{giờ} ^{đến} ⁴³⁴ ^{giờ} ^{đến} ⁴³⁵ ^{giờ} ^{đến} ⁴³⁶ ^{giờ} ^{đến} ⁴³⁷ ^{giờ} ^{đến} ⁴³⁸ ^{giờ} ^{đến} ⁴³⁹ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁴⁰ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁴¹ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁴² ^{giờ} ^{đến} ⁴⁴³ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁴⁴ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁴⁵ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁴⁶ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁴⁷ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁴⁸ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁴⁹ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁵⁰ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁵¹ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁵² ^{giờ} ^{đến} ⁴⁵³ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁵⁴ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁵⁵ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁵⁶ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁵⁷ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁵⁸ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁵⁹ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁶⁰ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁶¹ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁶² ^{giờ} ^{đến} ⁴⁶³ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁶⁴ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁶⁵ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁶⁶ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁶⁷ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁶⁸ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁶⁹ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁷⁰ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁷¹ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁷² ^{giờ} ^{đến} ⁴⁷³ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁷⁴ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁷⁵ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁷⁶ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁷⁷ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁷⁸ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁷⁹ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁸⁰ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁸¹ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁸² ^{giờ} ^{đến} ⁴⁸³ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁸⁴ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁸⁵ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁸⁶ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁸⁷ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁸⁸ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁸⁹ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁹⁰ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁹¹ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁹² ^{giờ} ^{đến} ⁴⁹³ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁹⁴ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁹⁵ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁹⁶ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁹⁷ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁹⁸ ^{giờ} ^{đến} ⁴⁹⁹ ^{giờ} ^{đến} ⁵⁰⁰ ^{giờ} ^{đến} ⁵⁰¹ ^{giờ} ^{đến} ⁵⁰² ^{giờ} ^{đến} ⁵⁰³ ^{giờ} ^{đến</}

Đại
Thần
Lý

phần
hay như
Thần Cao
Sư Khuyết
Cầm thảo (chức)

Quế Chi
Đại Vĩ

- 4 -

người đau, không ra mồ hôi, mà bứt rứt bực dọc, đáng lẽ nên dùng Đại thanh long thang để phát hãn mạch, nhưng lại thấy mạch tương vi nhược, biết rằng tạng tâm suy nhược, nên không thể dùng phương thang đó được. Điều thứ ba nói người bệnh hư mạch nhược mà lại thấy mạch phù, phát sốt, có thể vận dụng phương pháp phát hãn điều trị. Nhưng nếu mạch tương không phù, không thể dùng hãn pháp.

3. Tiên lượng diễn biến của bệnh :

Thương hàn luận nói :

Sự tiến triển - mà có thể là do
Cổ Huyết của Cầm thảo lớn phụ

"Chúng ta thấy, mạch vi nhược sắc là là chảy muốn cầm, cho nên nếu có phát sốt cũng không nguy hiểm gì".

Điều kinh văn này ghi trong Thiên quyết âm sách thương hàn luận. Chúng ta thấy thời kỳ cuối mà mạch vi nhược sắc là bệnh thể đã suy, cơ năng chống bệnh dần hồi phục, là thấy sắp dùng. Tuy thấy phát sốt cũng không lo ngại.

Thương hàn luận nói :

Thần Cao Sư

"Bệnh thương hàn là chảy, ngày trên 10 lần, mà mạch lại thấy có tượng thực là tử vong". Người bệnh tâm lực suy nhược, bị chứng là chảy không cầm mà mạch lại thấy có tượng thực đại là biểu hiện của tạng tâm gắng sức trong giai đoạn cuối cùng, giống như gợn đèn bùng lên trước khi tắt hẳn. Đó là tiên lượng xấu.

âm chấp mệnh thực tại vong vi - mà thực hiện là
đơn 18 - nếu mệnh chuyển từ tại - là tốt

Trên lâm sàng, nhiều trường hợp phải phối hợp mạch tương với triệu chứng để chẩn đoán toàn diện.

Như thương hàn luận nói :

"Sau khi uống Quế chi thang, ra mồ hôi nhiều, mạch hồng đại, vẫn dùng Quế chi thang như trị pháp trước". "Uống Quế chi thang sau khi ra mồ hôi nhiều, bứt rứt, bực dọc nặng không giảm, thấy mạch tương hồng đại, chủ yếu dùng Bạch hủ gian nhân sâm thang điều trị".

Đại Vĩ
Sốt cao
Suy nhược
Khởi
Hồi

Quế
hệ
Vĩ
Thần
Thảo

Đại
Lý
Thần Cao
Sư Khuyết
Cầm thảo 1 Sam

Nếu như mùa hạ
hay ở 1 Sam

Nhiệt huyết khởi

Qua hai điều kinh văn trên, cùng là mạch tương hồng đại,
một trường hợp thấy bắt rút, bực dọc nhiều không giải là đã
chuyển sang phân dương phát sinh táo hỏa, cho nên dùng Nhân
sâm Bạch hổ thang; một trường hợp không có các triệu chứng
bắt rút, khát nước là biểu hiện quồn đuổi tà khí ra ngoài,
cho nên vẫn dùng Quế chi thang.

Trong Thương hàn luận, có trường hợp "xả chứng tòng mạch"
có trường hợp "xả mạch tòng chứng" lại có trường hợp "mạch
chứng hợp tham". Yêu cầu chủ yếu của phương pháp biện chứng
luận trị là thông qua triệu chứng và mạch tượng, tìm hiểu
chính xác được cơ chế bệnh để có trị pháp, phương thang điều
trị đúng.

6.000

Bài IV

Ý NGHĨA VÀ TÍNH CHẤT CỦA LỤC KINH

1. Nguồn gốc của lục kinh.

Lục kinh là cương lĩnh biện chứng luận trị của Thương hàn luận. Lục kinh bao gồm tam dương (Thái dương, Dương minh, Thiếu dương) tam âm (Thái âm, Thiếu âm, quyết âm). Đó là phương pháp phân tích, quy nạp mạch tượng và triệu chứng lâm sàng được hình thành và phát triển trên cơ sở của phương pháp phân loại mạch và chứng theo lục kinh được ghi chép trong Thiên nhiệt luận sách Nội kinh Tố vấn.

2. Ý nghĩa của phương pháp phân loại mạch và chứng theo lục kinh.

Trước hết, cần định nghĩa một số khái niệm cơ bản thường dùng trong thương hàn luận :

Chứng.

Chứng là một nhóm các triệu chứng (thường gọi là hội chứng) của diễn biến bệnh lý bên trong thân thể biểu hiện ra bên ngoài. Người thầy thuốc dựa vào chứng để tìm hiểu tính chất, cơ chế bệnh và đề ra phương pháp điều trị, chọn bài thuốc. Thương hàn luận thường lấy bài thuốc tiêu biểu điều trị một chứng để đặt tên chứng đó. Thí dụ : ma hoàng thang chứng ; tiểu sai hồ thang chứng...

Giá trị khoa học của Thương hàn luận, và nói chung của y học cổ truyền là phương pháp biện chứng luận trị. Cương lĩnh chủ yếu để biện chứng là các phạm trù âm, dương, hư thực, biểu lý, nội ngoại, tam dương, tam âm. Trong chẩn đoán, người thầy thuốc phải dựa vào các cương lĩnh nói trên mới có thể có kết luận chẩn đoán chính xác và đề ra phương pháp điều trị, chọn dùng bài thuốc thích đáng.

Âm dương

Âm tiêu biểu cho các hiện tượng tĩnh lặng, ngưng cầm, lạnh lẽo, tối tăm, nói khái quát là mang ý nghĩa tiêu cực. Nói về phương diện hoạt động của cơ thể, đó là chỉ vào trạng thái nói chung của phản ứng cơ năng suy yếu khác thường.

Dương tiêu biểu cho các hiện tượng hoạt động, phát triển, ấm nóng, sáng sủa, nói khái quát là mang ý nghĩa tích cực. Nói về phương diện hoạt động của cơ thể, đó là chỉ vào trạng thái nói chung của phản ứng cơ năng tăng cường khác thường.

Hư thực.

Hư có ý nghĩa là nội dung rỗng không. Nói về phương diện hoạt động của cơ thể, đó là chỉ vào trạng thái tinh lực suy ~~Đại~~ khác thường. Cho nên khi điều trị ~~trước~~ hết phải vận hồi tinh lực để chống bệnh tật, bài trừ tà độc.

Thực có ý nghĩa là nội dung ~~Sung~~ thực (đầy chất). Nói về phương diện hoạt động của cơ thể, đó là chỉ vào trạng thái tà độc, sung mãn trong cơ thể. Cho nên khi điều trị, phải dùng các phương pháp phát hàn, thôi thổ hoặc công hạ để mau chóng bài trừ tà độc. *Qua đề Tán*

Biểu lý.

Biểu có ý nghĩa là phần bề mặt bên ngoài, đối lập với lý (phần bên trong cơ thể). Nói theo trình độ nông sâu, biểu có nghĩa là bộ phận nông, bệnh tà ở bộ phận nông thuộc vùng da thịt. Cho nên khái niệm biểu có khi còn có ý nghĩa là cơ nhục. Trong phương pháp điều trị của Thương hàn luận có phương pháp phát biểu, giải ~~thải~~

Thời gian phát bệnh còn ngắn, bệnh chưa tiến triển, bộ vị bệnh còn nông, gọi là "biểu chứng".

Lý có ý nghĩa là phần bên trong, đối lập với biểu. Nói về trình độ nông sâu, có nghĩa là bộ phận sâu của cơ thể, bộ vị bệnh tà ở bên trong cơ thể, tức là chỉ vào khí quan tiêu hóa, nói rộng ra là khí quan nội tạng. Cho nên khái niệm "lý" trong nhiều trường hợp mang ý nghĩa là trường vị.

Thương hàn luận nói "Dương minh bệnh vị gia thực" là chỉ vào lý chứng, trường hợp này là chứng lý thực của trường vị.

Thời gian phát bệnh đã lâu, bệnh tiến triển đã nặng, bộ vị bệnh đã sâu, cho nên gọi là "lý chứng".

Nếu vị trí của bệnh đã truyền quá phần biểu nhưng chưa đạt đến phần lý, gọi là "bán biểu bán lý", bệnh ở khoảng giữa biểu lý, cũng có khi gọi là "hung hiệp" (ngực sườn). Thương hàn luận ghi: Bệnh thiếu dương, trong ngực đầy tức, dưới sườn đầy cứng.

*thực lý - Fát xét thiên về thiên - nội
Fát xét - thiên - lý*

Nội ngoại.

Nội (trong) là khái niệm đối lập với ngoại (ngoài), có ý nghĩa gần như lý, nhưng hàm nghĩa của nội rộng hơn lý.

Do đó, bệnh ở phần biểu, đối với bệnh vị ở nội bộ, cơ thể hoặc bệnh vị ở khoảng giữa biểu lý mà nói là ở ngoài. Bệnh ở phần lý, đối với bệnh vị ở ngoài hoặc bệnh vị ở khoảng giữa biểu lý mà nói là ở trong.

Lục kinh.

Triệu chứng của nhiệt bệnh ngoại cảm rất phức tạp. Nếu chỉ xem xét triệu chứng cá biệt, không thể tìm hiểu được bản chất của bệnh. Do đó phải

dùng phương pháp biện chứng.

Trên lâm sàng, cần tiến hành phân tích quy nạp các triệu chứng và mạch tượng để rút ra một kết luận chẩn đoán chung mới có thể biết chính xác cơ chế bệnh, thể bệnh mà đề ra trị pháp thích đáng.

Thiên nhiệt luận sách Nội kinh Tổ văn phân tích nguyên nhân và diễn biến của nhiệt bệnh và tiến hành quy nạp một cách tổng hợp các loại triệu chứng mạch tượng đúc kết thành phương pháp phân loại mạch chứng theo lục kinh. Trương Trọng Cảnh thừa kế học thuyết của Nội kinh, lấy lục kinh làm cương lĩnh, quy nạp thành sáu ứng lớn, toàn diện và hoàn bị hơn, chỉ đạo người thầy thuốc, trên lâm sàng, biện chứng, dùng được (cả châm cứu và các phương pháp không dùng thuốc khác) thu được kết quả tốt. *lấy 3 bài này làm*

Tam dương-Tam âm.

Hệ thống lý luận y học cổ truyền lấy âm dương làm căn bản. Các chứng loại bệnh tuy thiên biến vạn hóa, đấu tranh giữa thể lực và bệnh tà tuy rắc rối phiền toái, xét đến cùng không ra ngoài hai thể cơ bản là âm chứng và dương chứng, cũng tức là hàn chứng và nhiệt chứng.

Bệnh phát ở phần dương cơ thể, lúc sơ phát, thấy có các triệu chứng phát sốt, sợ lạnh, gọi là "biểu nhiệt chi hậu". *→ nhiệt 3 phần biểu*

Bệnh phát ở phần âm cơ thể, lúc sơ phát, chỉ thấy triệu chứng sợ lạnh mà không phát sốt, gọi là "biểu hàn chi hậu". *→ phần biểu 2 cơ sở*

Cơ thể người ta vô luận là khỏe hay yếu, ngẫu nhiên do hư phát sinh sơ hư, bệnh tật tất thừa cơ mà khởi lên. Sơ hư ấy sách xưa gọi là "hư kích". Hư kích tức là chỉ vào trường hợp sau khi lao động ra mồ hôi gặp lạnh, hoặc sau khi tắm cảm nhiễm phong hàn, hoặc mặc áo mỏng bị hàn tà xâm phạm hoặc kích thích tinh thần làm yếu sức chống bệnh của cơ thể, v.v.... Nội kinh nói: Tà khí xâm phạm được là vì chính khí tất đã hư.

Bệnh tật thừa lúc cơ thể có hư kích mà phát ra, hoặc là dương bệnh, hoặc là âm bệnh.

Tính chất của tà độc phối hợp với loại hình, khí chất của cơ thể mà phát bệnh có chia ra âm dương hàn nhiệt khác nhau.

Người vốn dương khí thịnh bị tà độc xâm phạm, dễ phát sinh dương bệnh; người dương khí vốn suy bị tà độc xâm phạm, dễ phát sinh âm bệnh.

Dương bệnh có thể chia làm 3 cấp, tùy theo tà nhiệt nông sâu, gọi là "tam dương". Tam dương đều chủ về nhiệt.

Thái dương chủ về bệnh phần biểu. Dương minh chủ về lý. Thiếu dương chủ về bán biểu bán lý.

*- 1. Thấy trước khi xem mạch phân biệt được phần biểu được âm hay
"phân biệt" gọi trên mặt âm hay*

*được biểu = được biểu
phân biệt = phân biệt
sợ lạnh có phát sốt = sợ lạnh có phát sốt
sợ lạnh 2 phần 2 cơ sở
đương*

Đuyệt âm : đối 2 âm thanh âm = hàn

- 4 -

Âm bệnh cũng chia ra ba cấp, tùy theo hàn tà ở trạng thái hoãn hay cấp, gọi là "tam âm". Tam âm chủ về hàn.

Tam âm đều chủ về lý bệnh, khác với tam dương có biểu có lý và bán biểu bán lý.

Bệnh thái âm thuộc lý hư hàn, nhưng chưa hoàn toàn hư. lý tỳ : âm thanh khi gõ

Bệnh thiếu âm thuộc ~~phân lý~~ lý hàn. ~~hàn~~ ~~thiếu~~ ~~âm~~ ~~hàn~~ (chẩn v. x)

Bệnh quyết âm, thuộc lý hàn cực độ nên có các triệu chứng âm dương thác tạp (lẫn lộn).

Ba âm bệnh không phải hoàn toàn không có nhiệt, nhưng nhiệt của chúng là hư nhiệt, khác với nhiệt của tam dương về tính chất.

tam âm

thái âm

lưu hàn cực độ

chẩn đ. tỳ

đàn lực trạch hoãn

chẩn đ. đại âm

(lý tỳ)

thiếu âm

lưu hàn hoãn

thần chủ yếu

đ. thần

phần đ. tỳ

chẩn đ. đại âm

chẩn v.

Tam Bại Khuyết Ph.

Quyết âm

lưu hàn cực độ

âm đ. tỳ thay đổi

lưu hàn thái v.

hàn quyết : góc hàn tỳ

ph. quyết : góc đ. tỳ

lưu đ. tỳ : đ. tỳ

Bại bại :

đ. đại âm

BÀI V

THƯƠNG HÀN KHAI YẾU

Tính chất của hội chứng lục kinh :

Trước khi bàn về mạch chứng và phương pháp điều trị bệnh lục kinh, cần tìm hiểu tính chất của hội chứng lục kinh.

Nguyên tắc cơ bản nhất trong phương pháp biện chứng luận trị là "Xem sắc bắt mạch, trước hết phân biệt âm dương". Trên lâm sàng, mạch tượng và triệu chứng rất phức tạp, nhưng có thể quy nạp vào hai cương lĩnh lớn là dương chứng và âm chứng (tam dương chứng, tam âm chứng). Như chính khí bệnh nhân sung thực, tình hình bệnh thịnh vượng, nhiệt tính gọi là dương chứng. Trái lại, chính khí suy nhược, tình hình bệnh trầm lắng, hàn tính, gọi là âm chứng.

Tam dương chứng phần lớn thuộc thực chứng, nhiệt chứng. Tam âm chứng phần lớn thuộc hư chứng, hàn chứng. Đó là tính chất cơ bản khác nhau giữa tam dương và tam âm.

Tóm tắt chứng và mạch lục kinh :

- Thái dương thuộc biểu chứng, có các triệu chứng : phát sốt sợ lạnh, có mồ hôi hoặc không có mồ hôi, đau đầu, đau người, gáy lưng cứng, mạch tượng phù.

- Dương minh thuộc chứng lý thực nhiệt có các triệu chứng : Phát sốt, ra mồ hôi, không sợ lạnh, mà lại sợ nóng, khát nước hoặc táo bón, bụng đầy và đau. Mạch tượng : hồng đại trầm thực.

*Phát sốt sợ lạnh : Sốt cơn về chiều - Nổi sảy - Đau bụng
mạch trầm thực*

- Thiếu dương, thuộc chứng bán biểu bán lý, có các triệu chứng : miệng đắng, họng khô, chóng mặt, nóng rét qua lại, ngực sườn đầy tức, tâm bất rút, hay nôn, mạch tượng huyền.

Loãng lẻo không muốn ăn, ngực nổi

- Thái âm, thuộc chứng lý hư hàn, có các triệu chứng: bụng đầy, đau, nôn mửa, ỉa chảy, ăn không xuống. Mạch tượng: Nhược.

- Thiếu âm, thuộc chứng hư hàn toàn thân, có các triệu chứng: Hay buồn ngủ, sợ lạnh, nằm co, tứ chi quyết nghịch. Mạch tượng vi tế.

- Quyết âm, thuộc chứng hàn nhiệt lẫn lộn, có các triệu chứng: Tiêu khát, khí dồn lên phạm tâm, trong tâm đau và nóng, có cảm giác đói mà không muốn ăn, nôn ra giun (hoặc quyết nhiệt qua lại). Mạch tượng hiện ra tùy trường hợp cụ thể.

Quan hệ giữa lục kinh và tạng phủ kinh lạc :

Triệu chứng, mạch tượng phát sinh tất nhiên có cơ sở sinh lý, bệnh lý nhất định, do đó sự phân loại mạch và chứng theo lục kinh đều có quan hệ nhất định với tạng phủ kinh lạc. Tìm hiểu mạch chứng lục kinh một cách toàn diện, kết hợp với tạng phủ kinh lạc mới có thể nhận thức chính xác tính chất bệnh chứng lục kinh.

Thương hàn luận dựa vào tình hình phát triển của mạch chứng, tùy theo các biểu hiện khác nhau mà tìm ra quy luật của biện chứng luận trị. Hội chứng lục kinh có các đặc điểm tính chất riêng biệt. Đó là sáu thể bệnh cơ bản, đồng thời cũng là sáu giai đoạn phát triển của bệnh.

- Thái dương chủ về phần biểu, đại biểu cho sơ kỳ của mọi bệnh nhiệt tính, tức là giai đoạn tiền khởi của bệnh. → ở trước

- Thiếu dương chủ về phần bán biểu bán lý, đại biểu cho sự đấu tranh giữa thể lục và bệnh tà, phát sinh triệu chứng: nóng rét qua lại, tức là giai đoạn tiến triển của bệnh.

Dấu hiệu tiến hóa

Mạch lục
(+)

Mạch vô lực
(-)

theo Thủy hàn

- Dấu hiệu tiến hóa

Thủy chứng = Thủy mễ
Gâm chứng = Thiếu âm

- Dương minh chủ về phần lý, đại biểu cho thực nhiệt thịnh, trường vị táo kết, phát sinh các triệu chứng : Sốt cao, tự ra mồ hôi hoặc nổi sảng, táo bón. Đó là giai đoạn bệnh thực nhiệt tiến triển nặng thêm một bước.

- Thái âm đại biểu cho cơ năng tiêu hóa suy nhược, giai đoạn đầu của hư chứng, hàn chứng.

- Thiếu âm đại biểu cho cơ năng tạng tâm và toàn thân suy nhược, giai đoạn thứ hai của hư hàn chứng. *Thiếu âm - tạng tâm, kỳ đởm, lục phủ, đại trường, tiểu trường, bàng quang, thận, tử cung, mạch lạc.*

- Quyết âm thuộc giai đoạn thứ ba của hư chứng, đại biểu cho sự đấu tranh cuối cùng giữa cơ thể và bệnh tật. Phát sinh các triệu chứng âm dương lẫn lộn, quyết nhiệt thắng phục.

Lục kinh trong thương hàn luận, tóm lại là cương lĩnh quy nạp các triệu chứng, mạch tượng có tính chất giống nhau thành sáu loại hình lâm sàng.

Nắm vững lục kinh là có thể nhận thức được tính chất cáo diễn biến của bệnh và tuyển chọn phương pháp điều trị như : Thấy có thái dương biểu chứng, dùng Ma Hoàng, Quế chi để giải biểu; Có dương minh lý chứng, dùng Bạch hủ, Thừa khí để thanh lý. Chứng này có kiêm triệu chứng của một chứng khác, dùng phương pháp kiêm trị như : tạng tâm suy nhược (thiếu âm) kiêm có cảm mạo phát sốt (thái dương) dùng phương pháp cường tâm kiêm phát tán (Ma Hoàng, Phụ tử tế tân thang).

Mạch chứng lục kinh trong thương hàn luận không hoàn toàn dựa vào phương pháp phân loại triệu chứng của hệ thống kinh lạc nhưng có quan hệ nhất định với hệ thống này.

Đường kinh thái dương đi ở phía sau thân thể người ta, kinh dương minh đi phía trước, kinh thiếu dương đi phía cạnh thân thể người. Bệnh thái dương thấy gáy và lưng đau; Bệnh dương minh thấy mặt đỏ và ngực bụng đầy, đau; Bệnh thiếu dương thấy ngực sườn đầy tức.

*hay quên mất qu' +
tâm + thận*

*đâm chích tủy b' +
thần tủy b' + tủy*

Bệnh thái âm thấy bụng đầy, bệnh thiếu âm họng đau, bệnh quyết âm đau đầu, trong tâm nóng và đau ... đều có quan hệ với đường tuần hành của ba kinh âm. Trong thương hàn luận có các phương pháp châm phong trì, phong phủ, kỳ môn, cứu thiếu âm ... là dựa vào hệ thống kinh lạc.

Bảng quang là phủ của kinh thái dương; bệnh tả vào phủ, tiểu tiện không thông lợi. Vì là phủ của kinh dương minh; trong vị tảo nhiệt cho nên thấy tảo bón, đau bụng sợ ấn. Đâm là phủ của kinh thiếu dương, đâm nhiệt thấy miệng đắng hay nôn.

Bệnh thái âm thấy tỷ dương yếu, bệnh thiếu âm thấy tâm thận suy nhược; bệnh quyết âm thấy can khí nghịch lên. Đó là biểu hiện quan hệ mật thiết giữa bệnh lục kinh và tạng phủ.

Lục kinh nhiệt bệnh trong Nội kinh đều chỉ vào bệnh ở kinh mạch mà bàn. Đó là chỗ khác nhau giữa lục kinh trong Nội kinh và lục kinh trong Thương hàn luận.

Trong Thương hàn luận, trừ thái dương ngũ lĩnh chứng, trừ dương minh vị thực chứng ra, thiếu dương và tam âm đều không có chứng của phủ bệnh. Bàn về bệnh ở phủ thực ra là bệnh và vào lý. Thương hàn luận bàn về bệnh ở "Kinh" hay ở "Phủ", thực chất là mạch chứng của các loại hình lâm sàng biểu hiện ở các trình độ nông sâu khác nhau.

Wang

BÀI VI

THƯƠNG HÀN KHÁI YẾU

Lục kinh truyền biến và hợp bệnh tính bệnh :

Tình hình bệnh phát triển theo quy luật nhất định gọi là "truyền". "Truyền" có nghĩa là truyền kinh, như thái dương truyền dương minh, hoặc truyền thiếu dương.

Tình hình bệnh diễn biến vượt ra ngoài quy luật, gọi là "biến". "Biến" có nghĩa là biến hóa, như dương chứng truyền biến âm chứng, hoặc âm chứng truyền biến dương chứng, tình hình chung là tình hình phát triển bình thường và không bình thường trong quá trình bệnh. Do đó, hai chữ "truyền biến" thường phối hợp và trở thành thuật ngữ để thuyết minh tình hình phát triển biến hóa của nhiệt bệnh thương hàn.

Quy luật chung của truyền kinh là dương kinh thường từ thiếu vào lý, âm kinh đều từ thực chuyển sang hư. Như biểu chứng thái dương truyền vào thiếu dương hoặc truyền vào dương minh. Bệnh ~~Tan~~ âm kinh bắt đầu ở thái âm tận cùng ở quyết âm nhưng không phải là tuyệt đối như thế cho nên lại có hình thức "tuần kinh truyền", "Việt kinh truyền" v.v...

Ngoài ra lại còn có trường hợp ngoại tà không qua tam dương mà trực tiếp xâm phạm vào sâu trên lâm sàng hiện ra triệu chứng tam âm; tình hình đó gọi là "trực trúng". Như bệnh mới khởi phát lập tức thấy có các triệu chứng nôn mửa, ỉa chảy, bụng đầy hoặc đau, tứ chi không ấm, sợ lạnh không phát sốt, không khát nước; đó là trực trúng thái âm. Bệnh nặng, thấy mạch vi muốn tuyệt (khó thấy), tứ chi quyết lạnh là xâm phạm thiếu âm, quyết âm.

Bệnh lý biến hóa không thể cố định. Bệnh tà nhẹ hay nặng, thể chất mạnh hay yếu, điều trị đúng hay sai đều là nhân tố dẫn tới bệnh tật biến hóa. Nếu người bệnh thể chất suy nhược, hoặc điều trị không đúng, tuy là dương chứng cũng có thể

truyền vào tam âm. Nếu người bệnh thể chất khỏe mạnh hoặc điều trị đúng, tuy là âm chứng cũng có thể trở ra tam dương. Sự truyền biến nói trên chỉ là thuyết minh quy luật chung của nhiệt bệnh biến hóa, quyết không thể coi là giáo điều cố định.

Hợp bệnh, tính bệnh là hiện tượng phức tạp trong quá trình phát sinh và truyền biến nhiệt bệnh. Hợp bệnh là hai kinh hoặc ba kinh đồng thời cảm thu bệnh tà. Như biểu chứng thái dương và lý chứng dương minh đồng thời xuất hiện, không phải do truyền biến tạo thành, gọi là thái dương dương minh hợp bệnh (nhất dương hợp bệnh,) nếu lại kiêm thấy chứng bán biểu bán lý thiếu dương, gọi là tam dương hợp bệnh

Tính bệnh thường thấy trong quá trình bệnh truyền biến, là bệnh tà ở một kinh chưa giải, lại truyền vào một kinh khác. Như biểu chứng thái dương còn tồn tại lại xuất hiện lý chứng dương minh, gọi là thái dương dương minh tính bệnh.



Bát cương là phép tác phân tích mạch chứng trong thương hàn.

Phân tích mạch và chứng phức tạp trên lâm sàng, trong thương hàn luận không những có lục kinh mà còn có bát cương. Bát cương bao gồm âm dương, biểu lý, hư thực, hàn nhiệt. Dựa vào các cặp danh từ mang ý nghĩa đối lập ấy có thể quan sát hai phương diện của mỗi triệu chứng. Tóm tắt một số điểm chính như sau :

1. Âm dương :

Thường dùng để nói về hai tính chất đối lập khái quát của bệnh (âm chứng, dương chứng).

Thương hàn luận nói : "Sợ lạnh có phát sốt là dương chứng, sợ lạnh không phát sốt là âm chứng". Phát sốt sợ lạnh, bệnh

nông thuộc thái dương, không phát sốt sợ lạnh, bệnh sâu thuộc thiếu âm. Âm dương nói ở đây là chỉ vào bệnh tà nông hay sâu. Các hàm nghĩa khác quan hệ tới âm dương, có thể xem thêm trong các tiết nói về hàn nhiệt, biểu lý, hư thực.

2. Hàn nhiệt :

Hai cương này nói về công năng cơ thể suy giảm hay thịnh vượng. Thương hàn luận nói : "Ía chảy, không khát nước là thuộc thái âm, đó là do tạng có hàn gây ra, điều trị nên dùng phương pháp ôn, nên cho uống phương thang trong nhóm tứ nghịch" "Ía chảy, muốn uống nước là do có nhiệt gây ra, điều trị chủ yếu dùng bài Bạch đầu ông thang". Hai chứng ~~trên~~ thuộc hệ tiêu hóa, trọng điểm biện chứng là khát nước hay không khát nước.

Fy tư
can kỳ
chấp Tháo

Các chứng hàn nhiệt điển hình nói trên đều rõ ràng dễ thấy. Phép tắc điều trị cũng không ra ngoài khu hàn hay thanh nhiệt, cũng tức là điều tiết công năng cơ thể suy giảm hay thịnh vượng.

Trường hợp bệnh chứng hàn nhiệt phức tạp lẫn lộn, không rõ ràng, khó thấy. Thương hàn luận nói : "Bệnh nhân thân thể đại nhiệt mà lại muốn mặc áo quần, đó là nhiệt ở ngoài da, hàn ở cốt tủy; thân thể đại hàn mà lại không muốn mặc quần áo là hàn ở ngoài da, nhiệt ở cốt tủy", "Bệnh thiếu âm, ía chảy, sống phân, đó là phản lý hàn, bên ngoài nhiệt tay chân quyết nghịch mạch vị muốn tuyết (khó thấy), mà lại không sợ lạnh; người bệnh sắc mặt đỏ, điều trị chủ yếu dùng thông mạch tứ nghịch thang". Đó là hai chứng "biểu nhiệt lý hàn" và biểu hàn lý nhiệt". Biểu hàn lý nhiệt là Chân nhiệt giả hàn, do đó điều trị nên thanh nhiệt. Biểu nhiệt lý hàn là chân hàn giả nhiệt, là âm thịnh cách dương, do đó điều trị nên ôn lý. Trường hợp này không thể đơn thuần dựa vào triệu chứng hàn hay nhiệt ở bên ngoài mà kết luận.

Bạch đầu ông thang

Bạch đầu ông	loại
Đương qui	loại
Huỳnh bá	loại
Huỳnh liên	loại
Tiền bì	loại

Thầy thuốc tư y học

Chức thư	5g
Fu tư (sống)	5g
can kỳ	6g

Đỗ Fy tư,
Cam thảo
Đỗ kỳ
Phong phong

Thương hàn luận nói : "Bệnh thương hàn 1,2 ngày đến 4, 5 ngày mà có hiện tượng quyết nghịch tất sẽ phát sốt, trước sốt sau tất sẽ quyết nghịch, quyết sâu nhiệt cũng sâu, quyết nhẹ nhiệt cũng nhẹ, điều trị quyết nghịch nên công hạ". "Các chứng chỉ quyết nghịch, không thể công hạ".

đam thực khí
đam thực khí

Hai chứng nói trên, chứng trước là "nhiệt quyết", chứng sau là "hàn quyết". Nhiệt quyết, bên ngoài tuy quyết lạnh, bên trong thực ra có nhiệt, cho nên có thể công tiết nhiệt. Hàn quyết, chỉ thấy quyết lạnh không có nhiệt, cho nên không thể công hạ mà nên ôn lý.

Thương hàn luận nói : "Bệnh thương hàn, trên ngực có nhiệt, trong vị có tà khí, trong bụng đau, buồn nôn, điều trị chủ yếu dùng Hoàng Liên thang". Đó là chứng thượng nhiệt hạ hàn. Hàn nhiệt cách cự nhau ở khoảng thượng vị màng ngực, bên trên buồn nôn, bên dưới đau bụng, cho nên hàn ôn cũng dùng. Trường hợp tiểu tiện không thông lợi do có thủy khí, người bệnh khát nước, điều trị chủ yếu dùng Qua lâu cù mạch thang". Đó là bệnh tam âm do thượng nhiệt hạ lạnh gây ra, cho nên điều trị phải dùng các vị thuốc tư nhuận lợi thủy và các vị tân táo cùng phối hợp. Trường hợp trên đơn thuần thanh nhiệt trừ hàn là sai.

đam
đam
đam
đam

3. Biểu lý :

Hai cương biểu lý bàn về các phương diện nông sâu, nặng nhẹ, trong ngoài của bệnh. Thương hàn luận nói : "Bệnh thái dương, mạch phù khẩn, phát sốt, không ra mồ hôi, thân thể đau, 3-9 ngày không giải là biểu chứng vẫn còn". "Mạch phù là bệnh biểu", "Bệnh thái dương sau khi làm công hạ thấy phát suyễn nhẹ là do biểu chưa giải gây ra". "tiểu tiện ít tất là lý chứng cấp". "Mạch phù mà khẩn, làm công hạ, biểu tà xâm phạm vào phần lý phát ra chứng bí", "Bệnh thương hàn ứ nhiệt ở phần lý, thân thể tất phát ra sắc vàng". Các điều kinh văn nói trên

Hàng liên thang
Liên tâm
Liên tâm
Liên tâm
Liên tâm
Liên tâm

Qua lâu cù mạch thang
Qua lâu cù mạch
cù mạch
Fu tử thái
Bạch lỵ
liệt sơn

cho thấy biểu chứng là chỉ vào sơ kỳ của bệnh cảm nhiễm, triệu chứng thấy phát sốt, sợ lạnh không ra mồ hôi, thân thể đả u hoặc phát suyễn, mạch phù là bệnh còn nông và nhẹ. Lý chứng là chỉ vào bệnh phát sinh bên trong cơ thể hoặc ở khí quan nội tạng, như chứng hoàng đản, bụng đầy trướng, tiểu tiện không thông lợi mà sắc đỏ, tự ra mồ hôi là phần biểu hóa phân lý thực; điều trị nên công hạ, dùng đại hoàng tiêu thực thang. Qua biện chứng biết rằng tiểu tiện không thông lợi mà đỏ, mạch trầm là thuộc lý chứng, điều trị nên trừ thấp hoặc tả nhiệt để thanh lý.

Trong thương hàn luận, đối với biểu chứng và lý chứng, ngoài hai phương pháp điều trị lớn là phát hãn và thanh lý, đối với biểu chứng, lý chứng trước sau hoãn cấp cũng đề ra những nguyên tắc điều trị nhất định. Thương hàn luận nói : "Bệnh thương hàn, ngoại chứng chưa giải, không thể công hạ, nếu làm công hạ tất phát ra triệu chứng nghịch ..." Đó là nguyên tắc "biểu chứng chưa giải không thể công phân lý".

Chú thích : tiểu tiện bất lợi

Thương hàn luận nói : "Bệnh thái dương, phát sốt 6 đến 7 ngày. Bệnh không giải mà bực dọc là có biểu lý chứng, thấy khát nước muốn uống, uống vào lập tức thổ, chủ yếu dùng ngũ linh tán điều trị". Biểu chứng chưa giải mà bên trong có tích thủy, cho nên dùng ngũ linh tán để lợi thủy giải biểu. Đó là nguyên tắc điều trị "Biểu lý đều bệnh, biểu lý lưỡng giải", nhưng biểu lý lưỡng giải pháp chỉ dùng khi biểu lý chứng không chia ra hoãn cấp. VD: Vừa có phát sốt vừa ra chấy cấp - > giải biểu trước (trị tại cấp hậu trị hàn)

Thương hàn luận nói : "Bệnh thái dương, ngoại chứng chưa trừ mà mấy lần công hạ, phát sinh chứng hiệp nhiệt ỉa chảy, ỉa chảy không cầm, dưới tâm bí cứng, biểu lý không giải, điều trị chủ yếu dùng Quế chi nhân sâm thang". Biểu chứng chưa giải làm công hạ, bên trong phát sinh chứng tâm bí ỉa chảy, chứng không chia ra hoãn cấp, cho nên có thể dùng lý trung gia quế để song giải biểu lý, điều trị không cần phải trước sau khác nhau.

Đại hoàng tiêu thực

Đại hoàng 5, ấu tể 3g

lương 12g

tiêu thực 12g -> thay thay cao

Quế chi nhân sâm

Sâm

Sân Khôi

Phụ tử

Quế

Thương hàn luận nói : "Bệnh thương hàn dùng phương pháp công hạ, kể tục phát sinh là chảy sống phân không cầm, thân thể đau, nên cấp cứu phân lý. Sau đó, thân thể đau mà đi lại tiện tự điều hòa, nên cấp cứu phân biểu. Cứu phân lý nên dùng Tứ nghịch thang, cứu phân biểu nên dùng Quế chi thang."

"Bệnh thương hàn, sau khi công hạ mạnh, lại phát hàn, dưới tâm bị cứng, sợ lạnh là biểu chưa giải, không thể công bị, trước hết nên giải biểu, biểu đã giải có thể công bị; Giải biểu nên dùng Quế chi thang, công bị nên dùng Đại hoàng hoàng liên tả tâm thang". Trong hai chứng trên chứng đầu do làm công hạ dẫn tới cơ năng toàn thân suy nhược, là chảy sống phân không cầm, tuy có biểu chứng thân thể đau nên cấp cứu lý. Chứng sau do làm công hạ, dẫn tới tà khí hãm vào trong, nhưng biểu chứng chưa giải, nếu công bị, biểu tà càng hãm vào trong, cho nên cấp cứu giải biểu. Đó là nguyên tắc điều trị "Chính khí hư, nên cấp cứu lý; Chính khí thực, nên giải biểu trước".

4. Hư thực :

Hư là chỉ vào công năng cơ thể giảm tháy, sức chống bệnh yếu. Thực là chỉ vào tác nhân gây bệnh kích thích cơ thể, bệnh tiến triển. Thương hàn luận nói : "Sau khi phát hãn bệnh không giải mà lại sợ lạnh là do hư gây ra, điều trị chủ yếu dùng Thược dược cam thảo phụ tử thang", "chứng t h á i dương, thương hàn, hoặc thái dương trúng phong, thầy thuốc làm công hạ, người bệnh là chảy ngày vài chục lần, sống phân, bụng sôi. Đó không phải là nhiệt kết mà là do trong vị hư gây ra. Điều trị chủ yếu dùng Cam thảo tả tâm thang", "Sau khi là chảy lại dùng phương pháp phát hãn, tất rét run, mạch vị tế. Có mạch và chứng ấy là do trong ngoài đều hư gây ra". "Bệnh dương minh, nói sáng, không đại tiện, mà mạch lại vị sấp là lý hư, nên trị không thể cho uống thừa khí thang".

Đại Hoàng liên tả tâm

Đại hoàng 5g
liên 1g

Thược dược cam thảo phụ tử

Thược dược 1g
chính thảo 4g
phụ tử chế 6g

Cam thảo tả tâm

chính thảo 3g
liên 1g
can khương
bột gạo

"Bệnh thiếu âm, ăn uống vào miệng lập tức thổ, hoặc là buồn nôn mà không nôn được; đó là trong ngực có thực tà, không thể công hạ, nên dùng phương pháp thôi thổ điều trị". Qua đề Kín
- môn học nước ta
- môn thực

Qua các điều kinh văn nói trên, các triệu chứng và mạch tượng như sợ lạnh, mạch vi tế hoặc sáp, ỉa chảy sống phân là thuộc hư. Các triệu chứng và mạch tượng như đại tiện khô, ngực sườn đầy trướng, trào nhiệt, mạch thực có lực là thuộc thực. Thực chứng có thể phát hãn, hoặc thôi thổ, hoặc công hạ. Hư chứng không thể phát hãn, không thể thôi thổ, không thể công hạ. Trường hợp hư chứng, thực chứng hiện ra rõ ràng, phân biệt không khó. Trái lại, trường hợp triệu chứng chủ yếu hoàn toàn, giống nhau mà có hư thực khác nhau, cần phải biện chứng tinh tế. Như người bệnh bụng đầy, ấn vào không đau là hư, ấn vào đau là thực. Nếu thuộc hư hàn, phải dùng ôn được bồi bổ, nếu là thực nhiệt phải thanh lý.

Có trường hợp hư thực xen nhau, như chứng hư lao gầy yếu, bụng đầy trướng không ăn uống được, bên trong có can huyết, da dễ sộp vảy, hai mắt quầng thâm, điều trị chủ yếu dùng Đại hoàng giá trùng hoàn. Bên trong có can huyết làm trở ngại việc dinh dưỡng dẫn tới hư yếu, cho nên điều trị phải công trừ can huyết, công năng dinh dưỡng sẽ hồi phục. Đó là nguyên tắc điều trị "Khu tà dẫn chính". Lại có trường hợp như chứng hung tý, trong tâm bí tức, khí kết ở ngực, ngực đầy trướng, khí từ ở dưới sườn nghịch lên xâm phạm tâm, điều trị chủ yếu dùng phân sấm thang. Trường hợp này do chính khí hư gây ra hung tý cho nên dùng nguyên tắc điều trị: "Bổ chính để khu tà".

Kết hợp phương pháp biện chứng luận trị theo lục kinh với bất cương là phép tắc cơ bản trong chẩn đoán và điều trị của thương hàn luận, đồng thời cũng là tinh hoa của y học cổ truyền.

lý giải lý luận

lý giải lý luận
cẩn trọng (Sơn lâm) 4/ → Ngạc trạch
giả trạch → thực thể học lý
môn thực → thực thể học lý
thực thể học → thực thể học lý

Pha thực
phụ trợ
đạo chí
thực thể học
đạo học

=====

BÀI VII

THAI DUONG THIEN

=====

K/V
55

1. Tính chất và nguyên nhân bệnh thái dương :

Thái dương làm chủ phần biểu toàn thân, là ~~phần~~ đầu của lục kinh. Bệnh tà từ ~~phần~~ biểu xâm phạm vào cơ thể đều triệu ra ~~hiện~~ chứng thái dương, cho nên tên gọi bệnh thái dương có ý nghĩa là bệnh tà ở phần biểu.

Nguyên nhân hình thành bệnh thái dương phần lớn do ngoại cảm lục âm gây ra, cho nên thường hiện ra bệnh ở giai đoạn sơ kỳ. Nội kinh nói: "~~âm~~ thắng thể hàn" đó là nói về tà khí phong hàn bước đầu xâm phạm cơ thể đều có triệu chứng sợ lạnh. Nội kinh ~~bay~~ nói: "Người ta bị hàn tà làm thương tổn thì phát ra bệnh nhiệt" đó là nói về tà khí phong hàn sau khi xâm phạm cơ thể, hàn tà chuyển hoá thành nhiệt, tất nhiên hình thành triệu chứng phát sốt sợ lạnh cho nên bệnh thái dương lấy hội chứng "phát sốt sợ lạnh" làm thời kỳ phát bệnh, cũng ~~trong~~ là giai đoạn sơ kỳ của mọi nhiệt bệnh ngoại cảm.

— Ôn bệnh ngoại cảm lúc sơ khởi cũng hơi sợ lạnh, nhưng chỉ tạm thời rồi lập tức phát sốt nặng hơn sợ lạnh. Người xưa nói: thấy có một phần sợ lạnh là có một phần thái dương, cho nên hội chứng "phát sốt sợ lạnh" là thể nhiệt đặc biệt của bệnh thái dương.

Thể bệnh tuy có phần giới hạn, nhưng cơ ~~chế~~ bệnh tất ~~nên~~ theo nguyên tắc của bát cương, dùng quy luật "âm dương thắng phục" để phân tích biện chứng, cho nên sau khi sợ lạnh tất thấy phát sốt, sốt nặng hàn rút tức là chuyển vào dương minh. Suy rộng ra, sự truyền bệnh của biểu lý ~~lực~~ thực hàn nhiệt trong lục kinh đều không tích rồi nguyên lý thịnh suy hơn thua của các quy luật âm thắng thì hàn, Dương thắng thì nhiệt, dương ~~lực~~ thì hàn, âm ~~lực~~ thì nhiệt.

Bệnh	{	Bộ vị - làm chủ phần trung ^{biểu} toàn thân
Thái		Nguyên nhân bệnh - Ngoại cảm lục âm
duy		Quá trình bệnh - giai đoạn sơ kỳ
ương		Thể nhiệt - phát sốt sợ lạnh

Cơ chế { Âm thắng thì hàn
 { Hàn làm thương tổn thì phát bệnh nhiệt.

*
* *
*

2. Mạch chứng chủ yếu của bệnh Thái dương.

Về mạch chứng chủ yếu của bệnh thái dương thương hàn luận nói: "Bệnh thái dương mạch phù, đầu gây đau cứng mà sợ lạnh", trong thương hàn luận điều văn về bệnh thái dương rất nhiều chỉ cần mở đầu bằng Ba chữ bệnh thái dương đều có ý bao hàm mạch chứng nói trên ở trong, cho nên thương hàn luận lấy điều kinh văn đó làm đề cương.

3. Phân biệt thái dương, trúng phong, thương hàn, ôn bệnh.

Bệnh thái dương tất nhiên có các biến hiện phát sốt, sợ lạnh mạch phù, đầu gây đau cứng... Tức là ~~triệu~~ ^{biểu} chứng ~~quản~~ ^{quản} do cảm nhiễm bệnh tà khác nhau, thể chất người bệnh khác nhau, cho nên cũng là bệnh thái dương lại có thể chia ra thành nhiều thể bệnh.

Thương hàn luận trong thiên thái dương, dựa vào triệu chứng và mạch tượng, chia các chứng trúng phong, thương hàn ôn bệnh v.v... ngoài các chủ chứng chủ mạch của bệnh thái dương đã nói ở trên mà thấy tự ra mồ hôi, mạch ~~hoãn~~ ^{hoãn}, sợ gió gọi là trúng phong, thấy không ra mồ hôi mạch ~~khẩn~~ ^{khẩn}, sợ lạnh gọi là thương hàn. Vì tính của phong sơ tiết, người bệnh trúng phong tẩu lý sơ hở, cho nên tự ra mồ hôi, mạch ~~hoãn~~ ^{hoãn}, tính Quả hàn thu liễm, người bệnh bị hàn làm thương tổn tẩu lý bế tắc, cho nên không ra mồ hôi mà mạch ~~khẩn~~ ^{khẩn}. Còn triệu chứng sợ gió, sợ lạnh chỉ là trình độ nặng nhẹ khác nhau, không có phân biệt về tính chất (trọng điểm phân biệt hoàn toàn là ở mạch phù ~~hoãn~~ hoặc phù ~~khẩn~~ và triệu chứng có mồ hôi hay không có mồ hôi. phương pháp biện chứng của thái dương trúng phong và thương hàn là chỉ dựa để chọn dùng Quế chi thang hay mã hoàng thang).

Ôn bệnh vừa mới phát lập tức dễ hoá nhiệt, cho nên ôn bệnh sợ khởi là lập tức thấy có nhiệt tượng phát sốt, khát nước không sợ lạnh; giả sử có sợ lạnh cũng rất nhẹ và mau qua. Ba

thể bệnh chủ yếu của bệnh thái dương, trên lâm sàng, tất phải phân biệt rõ ràng. Tóm tắt một số điều chỉnh như sau :

Bệnh thái dương, mạch chứng chủ yếu: mạch phù đầu và gây đau cứng, sợ lạnh.

- Trúng phong: mạch phù hoãn, sốt, sợ gió, ra mồ hôi hoặc mũi khô khe, nôn khan. Trọng điểm biện chứng: mạch phù hoãn tự ra mồ hôi.
Quế chi thang

- Thương hàn: mạch phù khẩn, sốt hoặc chưa phát sốt sợ lạnh, không ra mồ hôi mà phát suyễn, thân thể đau hoặc nôn. Trọng điểm biện chứng: mạch phù khẩn, không ra mồ hôi. *ma hoặc Thg hoặc Cđ Sđ lạt sệt*

- Ôn bệnh: phát sốt, miệng khát, không sợ lạnh. Trọng điểm biện chứng: khát nước, không sợ lạnh. Nếu sơ khởi có hơi sợ lạnh cũng mau qua.

4. Loại hình chứng *huyền* và trị pháp bệnh thái dương:

Bệnh thái dương tuy thuộc biểu chứng nhưng có chia ra kinh chứng và phủ chứng. Kinh chứng thường chỉ vào bệnh tà ở biểu, có tính chất toàn thân. Phủ chứng là bệnh tà đã theo kinh vào phủ (vào phủ thái dương bàng quang) có tính bộ phận. Do đó hình thành hai chứng súc thủy và súc huyết. Do bệnh vị của kinh và phủ khác nhau. Cho nên trị pháp cũng khác nhau: một bên chủ về phát hãn giải cơ, một bên chủ về lợi thủy trục huyết. Tóm tắt phương pháp điều trị kinh chứng, phủ chứng như sau:

1. Kinh chứng thái dương :

a) Phương pháp sử dụng Quế chi thang.

1. Chính cục của Quế chi thang chứng. = *biện biện chứng*
đầu chứng nguyên văn:

Điều 12 :

Bệnh thái dương trúng phong, dương phù mà âm nhược. Dương phù thì nhiệt tự phát (sốt) âm nhược tự ra mồ hôi gai gai sợ lạnh, khấp khấp sợ gió, hãm hấp phát sốt, mũi khô khe, nôn khan, điều trị chủ yếu dùng Quế chi thang.

Điều 25: Bệnh thái dương, phát sốt ra mồ hôi, đó là vinh nhược về cường cho nên làm cho mồ hôi ra. Muốn cứu trị tà phong nên dùng Quế chi thang.

Quế chi thang : *đặt lệ tay thấy mạch hễ lý cương kẻo thì ở 10*
Vào huyết = gột
về = bắt về bên ngoài

Điều 42 :

Bệnh thái dương, ngoại chứng chưa giải, mạch ^{không yếu} phù nhược., điều trị nên phát hãn giải biểu, dùng quế chi thang.

Điều 53 :

Bệnh ^{thở} thương ra mồ hôi, đó là vinh khí hoà, vinh khí hoà nhưng vệ khí ở bên ngoài không hài hợp mà thiên cường thịnh cho nên mồ hôi tự ra. Lại dùng phương pháp phát hãn, vinh vệ hoà ~~trái~~, bệnh sẽ khỏi. Điều trị nên dùng Quế chi thang.

Điều 54 :

Bệnh nhân trong nội tạng không có bệnh gì khác, thường có phát sốt, tự ra mồ hôi, bệnh kéo dài không khỏi, đó là vệ khí bất hoà. Trước khi sốt, cho uống quế chi thông để phát hãn thì bệnh khỏi.

Tóm tắt tác dụng điều trị của quế chi thang theo mạch chứng như sau :

Chủ trị: chứng thái dương biểu hư

Mạch tượng : phù ~~hoãn~~, phù nhược.

Chứng thích ứng :

Được cho : ^{chưa được tự} chủ trị
bạch thuốc
cam thảo
Đại táo

1. Đau đầu, phát sốt, ra mồ hôi, sợ gió, hoặc mũi khò khè nôn khan.

2. Bệnh thương ra mồ hôi (vinh khí, hoà vệ khí thiên cường)

3. Nội tạng không có bệnh khác, thường phát sốt, tự ra mồ hôi.

Tác dụng điều trị :

1. Giải cơ phát hãn

2. Điều ~~hoãn~~ vinh vệ.

D) Quế chi thang phương :

Quế chi, bạch thuốc, cam thảo, sinh khương, đại táo. Phương thang lấy quế chi làm quân dược, vị tân tích ôn, công năng giải cơ phát hãn, ôn thông vệ dương, bạch thuốc là thân dược vị toan tính hoãn, công năng hoà vinh liên âm. Phối hợp hai vị trên có ý nghĩa trong phát hãn, có liễm hãn, trong hoà vinh có điều vệ.

Sinh khương vị tân, giúp quế chi giải cơ triệt tà. Đại táo vị cam giúp bạch thuốc hoà vinh, ích âm. Cam thảo tính vị cam

bình, điều hoà các vị thuốc, có công năng yếu trong giữ ngoài

Các biến chứng phát sinh do ngộ trị, thất trị, tự ra mồ hôi, sợ lạnh thuộc chứng dương hư có thể dùng phương này gia giảm điều trị.

3. Biến cục chứng quế chi thang. = *Chứng có biến hoặc hay đổi?*

Dẫn chứng nguyên văn :

Điều 15 :

Bệnh thái dương, sau khi làm công hạ, khí đồn lên có thể cho uống quế chi thang...

Đều được vị thuốc làm đầy hay đầy đầy

Điều 45 :

Bệnh thái dương, trước hết phát hàn, bệnh không giải sau lại công hạ, vẫn thấy mạch tương phù là bệnh chưa khỏi, mạch phù là có ngoại chứng... điều trị nên dùng phương pháp giải ngoại thì bệnh khỏi. Nên cho uống Quế chi thang.

Điều 56 :

theo nguyên tắc biến chứng giải hết
quả của công hạ

Bệnh thương hàn, không đại tiện 6-7 ngày, đầu đầu có sốt tiểu tiện trong, biết rằng bệnh không ở phân lý mà vẫn ở phần biểu, điều trị nên phát hàn, dùng Quế chi thang.

Điều 57 :

Bệnh thương hàn, phát hàn đã giải, sau chừng nửa ngày lại thấy bực dọc, mạch phù sắc, lại có thể phát hàn, Dùng Quế chi thang.

đều như điều trị

Sau khi thất trị, ngộ trị, mà triệu chứng mạch tượng vẫn vẫn giống như chính cục, mà cục diện trước mắt do các tình hình khác nhau chuyển thành thì gọi là biến cục. Cục diện trước mắt tuy khác nhưng triệu chứng chưa biến đổi, nên sử dụng phương thang cũng không biến đổi. Tóm lại, Quế chi thang thích hợp sử dụng điều trị bệnh thái dương đã phát hàn hoặc công hạ mà triệu chứng vẫn còn thì trị pháp không biến đổi. Nếu nắm vững nguyên tắc biến chứng luận trị, chớ để các cục diện bệnh khác nhau hoặc số ngày truyền kinh truyền hoặc.

Tóm tắt phân tích biến cục chứng quế chi thang:

- Sau khi công hạ, mạch chứng chưa biến mà khí đồn lên có thể dùng quế chi thang như trị pháp trước.

- Trước hết phát hàn bệnh không giải, sau lại công hạ mạch tương vẫn phù là có ngoại chứng. Nên giải ngoại.

- Không đại tiện 6-7 ngày, đầu đầu phát sốt mà tiểu tiện trong là bệnh không ở lý, Lại nên phát hàn.

- Phát hàn, bệnh đã giải, sau chừng nửa ngày lại thấy bực dọc, mạch phù Sắc, lại có thể phát hàn.

4. Biện pháp chẩn quế chi thang :

Dẫn chứng nguyên văn :

Điều 14 :

Bệnh thái dương, gây và lưng cứng nhặng nhặc, mà mô ~~trôi~~ ra, sợ gió, điều trị chủ yếu dùng Quế chi gia cát căn thang.

Điều 18 :

Vốn có bệnh suyễn, lại cảm nhiễm phong hàn, nên phát con dùng quế chi gia ~~hậu~~ ^{hậu} phác, hạnh, tử kết quả tốt. *giải bệnh chử*

Điều 43 :

Bệnh thái dương, sau khi công hạ phát suyễn nhẹ là ^{biểu} ~~chủ~~ ^{chủ} giải dùng Quế chi gia hậu phác hạnh tử thang.

Điều 24 :

ngược cảm lạnh lúc chử ở 2 ngày?

Bệnh thái dương, uống quế chi thang lại thấy bực dọc không giải, trước hết châm hai huyệt phong trì, phong phủ, rồi cho uống quế chi thang thì khỏi.

Điều 23 :

bí muốn phát hàn ư

Bệnh thái dương đã 8-9 ngày, trạng thái như sốt rét (ngược) phát sốt sợ lạnh, sốt nhiều sợ lạnh ít. Ngồi bệnh không nôn, đại tiện, tiểu tiện bình thường. Một ngày 2-3 lần phát con... mặt lại có sắc, nhiệt, là bệnh chưa muốn giải, vì chưa ra được chút mồ hôi thân thể tất nguy nên dùng Quế chi mã hoàng các bán thang.

*Quế chi 5y / 1/2 liều lấy cái 1y
mã hoàng 5y của bài Quế chi + mã hoàng*

Điều 25 :

Uống Quế chi thang... nếu tình trạng tựa như sốt rét

ch (ngược) một ngày hai lần phát con, mồ hôi ra tất bệnh giải, nên dùng quế chi nhĩ, mã hoàng, nhất thang.

*2 lần Quế
1 lần mã hoàng*

Quế chi
bạch thược

~~Viết tỳ thang~~

~~hạt đào~~

Bì quyết

cầm thảo

- 7 -

thay cao

Đào táo

Điều 27 :

Bệnh thái dương, phát sốt, sợ lạnh, sốt nhiều sợ lạnh ít nên dùng quế chi nhĩ, viết tỳ, nhất thang.

Trong phạm vi chủ chứng, xuất hiện bộ phận kiêm biến chứng mà biến chứng ấy không hề ảnh hưởng tới chủ chứng cho nên chỉ cần dùng chủ phương, có gia vị hoặc thay đổi chế tác của nó, gọi là biến pháp: tùy theo triệu chứng chuyển biến mà có gia vị khác nhau như Quế chi gia cát căn thang, Quế chi gia hậu phác hạnh tử thang. Trường hợp dương tà ở kinh quá thịnh, phải châm chích trước để sơ tiết. Quế nhĩ ma nhất thang phát hàn nhẹ hơn các bản thang. Quế chi nhĩ viết tỳ nhất thang trị lý nhiệt thịnh cho nên dùng thạch cao.

Tóm tắt phân tích biến pháp chứng Quế chi thang :
của chứng; thái dương biến ~~thứ~~ chứng (Quế chi thang chứng

Bộ phận kiêm biến chứng :

- Gáy lưng cứng nhằng nhặc. Phương : Quế chi gia cát căn thang.

- Vốn có suyễn, sau khi hạ, suyễn nhẹ. Phương : Quế chi thang gia hậu phác hạnh tử ~~trở~~ ^{trở} ^{tứ}

- Bệnh 8-9 ngày, như ngược, sốt, sợ lạnh, sốt nhiều sợ lạnh ít, một ngày 2-3 cơn, không nôn, đại tiểu tiện bình thường mặt có sắc nhiệt, thân ngứa. Phương : Quế chi ma hoàng các bản thang.

- Uống quế chi thang, hình thái tựa như ngược một ngày phát 2 cơn. Phương : Quế nhĩ ma nhất thang.

- Phát sốt sợ lạnh, sốt nhiều sợ lạnh ít. Phương Quế chi nhĩ viết tỳ nhất thang.

- Uống Quế chi thang mà bực dọc không giải, trước hết châm phong trì phong phủ, lại uống Quế chi thang.

5. Quế chi thang cầm ky :

Dẫn chứng nguyên văn :

Điều 16 :

Quế chi thang vốn có tác dụng giải cơ, nếu người bệnh

mạch phù ~~khả~~ sốt, mồ hôi không ra, không thể dùng phương này. Cần nắm vững, chớ dùng lầm.

Điều 17 :

Người bệnh vốn nghiện rượu, không thể dùng quế chi thang, lầm dùng thì nôn, vì người nghiện rượu không thích vị cam. Chứng thái dương thường hàn mạch phù ~~khả~~ không ra mồ hôi nên dùng ma hoàng thang, cấm dùng quế chi thang. Người nghiện rượu, thấp nhiệt ~~thành~~. Quế chi thang cam ôn trợ thấp nhiệt, cấm dùng. Nếu ~~hư~~ nghiện rượu bị chứng thái dương trúng phong cần dùng Quế chi pháp giải cơ trong phương nên thêm Hoàng liên, hoàng cầm, bán hạ.

Các lời theo luận :

1. Chú thích các chữ thay chữ cần chú ý ở điều văn 8
2. Biến
3. Thêm chữ để chỉ thay chữ ^ở cần chú ý ở điều văn 8
4. Để chỉ thay cần ký ở điều văn 8

BÀI VIII

THIÊN THÁI DƯƠNG (TIẾP)

I. Phương pháp dùng Ma Hoàng Thang :

1. Chính cục ma Hoàng thang chứng :

Dẫn chứng nguyên văn.

Điều 35 :

Bệnh thái dương, đau đầu, phát sốt, thân đau, đau khớp, sợ gió, không ra mồ hôi mà phát suyễn. Điều trị chủ yếu dùng Ma Hoàng thang.

khó thở - 2 phát âm thanh

Điều 51 :

Mạch phù là bệnh ở biểu, có thể phát hãn, điều trị nên dùng Ma Hoàng thang.

Tóm tắt tác dụng điều trị của Ma Hoàng thang theo mạch và chứng :

- Chủ trị : Chứng thái dương biểu thực.
- Mạch tượng : Phù khản.
- Chứng thích ứng : Phát sốt (hoặc chưa phát sốt), đau đầu, sợ lạnh (hoặc sợ gió), không ra mồ hôi mà phát suyễn, thân đau, thắt lưng đau, khớp đau.

Tác dụng điều trị : Phát hãn.

*Ma hoàng giải biểu
Đề chi giải cơ*

2. Ma Hoàng thang phương :

Ma hoàng, Quế chi, Cam thảo, Hạnh nhân.

Ma hoàng mở tấu lý, phát hãn. Hạnh nhân thông lợi phế khí trị suyễn. Quế chi điều hòa vinh vệ, giúp Ma hoàng tăng thêm hiệu lực phát hãn. Cam thảo điều hòa trung tiêu và các vị thuốc.

*+ phôi thực bì (+) / độ khí
- Hãn - Vĩ (-) / tẩy cấu*

3. Biến cục Ma hoàng thang chứng :

*thiên thảo diệu
phong có liên quan đến Quế chi thang -> thiên về sự giải nhiệt
hãn Ma hoàng thang -> lạnh*

Dẫn chứng nguyên văn :

Điều 37 :

Bệnh Thái dương, quá 10 ngày ... mạch vẫn phù, dùng Ma Hoàng thang.

khẩn?
đến mô-tiêu

Điều 46 :

Bệnh Thái dương mạch phù khẩn, phát sốt, không ra mồ hôi, 8-9 ngày bệnh không giải, biểu chứng vẫn còn. Nếu phát hãn, uống thuốc xong hơi giảm, người bệnh bực dọc, mắt mờ. Bệnh nặng tất phát nục huyết, nục huyết bệnh giải. Đó là vì dương khí quá thịnh. Điều trị trước khi nục huyết, dùng Ma Hoàng thang.

lấy họ
mô-tiêu
đó

Điều 47 :

Bệnh Thái dương, mạch phù khẩn, phát sốt, không ra mồ hôi; tự nục, bệnh khỏi.

ra mồ hôi
thay cho ra
mô-tiêu

Điều 55 :

Bệnh Thương hàn mạch phù khẩn, không phát hãn, do đó dẫn tới nục huyết, khi chưa nục huyết điều trị chủ yếu dùng Ma Hoàng thang.

Thái dương thương hàn, dương tà quá thịnh, phát hãn không kịp thời, tà bế nhiệt uất gây ra nục huyết. Hoặc là do thuốc phát hãn chưa tiết hết dương tà cho nên sau khi phát hãn còn nục huyết. Hoặc là thấp hãn dẫn tới nục huyết, hàn làm bế tắc phân vệ, tuy nục huyết mà nhiệt chưa theo huyết tiết ra. Biểu chứng vẫn còn nên vẫn dùng Ma hoàng thang giải biểu. Chú ý : Thấp hãn mà nục huyết, nên nhớ lời dạy của Thương hàn luận : Đoạt huyết vô hãn, đoạt hãn vô huyết. Thuốc tân ôn giải biểu để làm thương tổn tân dịch, đời sau hay dùng tân lương pháp.

Bệnh Thương hàn tuy đã quá 10 ngày mà mạch tượng vẫn phù, mồ hôi không ra, sốt không lui, biểu chứng vẫn còn, vẫn dùng Ma hoàng thang phát hãn, không câu nệ số ngày.

Nhiệt bệnh ngoại cảm dẫn tới nục huyết có hai cơ chế :

(1). Tà ở phần biểu nên phát hãn mà không phát hãn, có khi nhiệt theo nục huyết mà giải trừ, gọi là hồng hãn.

(2). Ôn tà vào phần vinh, huyết nhiệt vọng hoành gây ra nục huyết, điều trị nên lương huyết thanh nhiệt. Hai loại giải biểu pháp là tân ôn và tân lương đều không thích hợp nữa.

Tóm tắt phân tích biến cục Ma hoàng thang chúng :

- Biến cục : Đã quá 10 ngày.

+ Mạch vẫn phù.

+ Bệnh 8-9 ngày không giải.

+ Mạch phù khản, không ra mồ hôi, sốt, đau người không phát hãn nên gây nục huyết.

+ Mạch phù khản.

Trị pháp không thay đổi, dùng Ma Hoàng thang.

4. Cấm phát hãn :

Dẫn chứng nguyên văn :

Điều 49 :

bếp Mạch phù sắc, theo pháp nên làm cho mồ hôi ra mà bệnh khỏi. Nếu làm công hạ, người có cảm giác nặng nề, đánh trống ngực, không thể phát hãn... vì mạch bộ xích vị, đó là lý hư.

Nếu lý hư vừa thì trên cơ sở bộ lý hư phát hãn như -

Điều 50 :

Nếu mạch bộ xích trị, không thể phát hãn, tại sao biết như vậy, là vì vinh khí bất túc, huyết thiếu gây ra. (Tân nhớt)

Điều 89 :

Người bệnh có hàn, lại phát hãn, trong vị lạnh, tất thở ra giun.

Lý hư, huyết thiếu (mạch xích trì, mạch xích vi) làm hãn làm lý hư thêm. Các trường hợp khác như hống khô, lâm gia, sang gia, nục gia, vong huyết gia, hãn gia vinh âm vốn hao nên cấm phát hãn. Dương hư lý hàn, làm phát hãn, vị dương càng suy dẫn tới nôn ra giun.

Làm phát hân có thể làm hao âm, lại có thể làm hao dương. Trường hợp này, có thể tìm trị pháp trong phát minh của các bậc hậu hiền.

Tóm tắt các triệu chứng, nguyên nhân cảm phát hãn : Mạch và chứng.

- Công hạ, thân nặng nề, đánh trống ngực, mạch bộ xích tri là lý hư. Làm phát hãn, lý càng hư. *(nặng nề do thấp - trái bêu "khí hư" mất)*

- Mạch bộ xích tri do vinh khí bất túc, huyết thiếu. Làm *tri chứng* phát hãn, vinh huyết càng hao.

- Kiêm thấy biểu chúng, biểu mạch mà trong vị lạnh, có hàn. Làm phát hãn tất nôn ra giun.

- Họng khô do âm bất túc, làm phát hãn âm càng ráo.

- Lâm gia, hạ tiêu có nhiệt, tân dịch hao. Lâm phát hãn tất đại ra máu.

- Sang gia, người đau do mụn nhọt vỡ, khí huyết bất túc. Làm phát hãn, sẽ phát bệnh kinh. (∞ cường)

- Nục gia, dương quá thịnh, âm huyết hao. Làm phát hãn sẽ phát sinh trên trán hãm, mạch khản cấp, mất dờ, mất ngủ.

- Vọng huyết gia, khí huyết đều suy, làm phát hãn sinh rét run.

- Hãn gia, tâm dịch suy. Làm phát hãn, tâm loạn hoảng
hốt, tiểu tiện xong đa niệu đạo.

5. Biện pháp Ma hoàng thang chứng :

a) Đại thanh long Thăng chứng :

Dẫn chứng nguyên văn :

Điều 38 :

Chứng Thái dương trúng phong, mạch phù khẩn, phát sốt, sợ lạnh, người đau, không ra mồ hôi mà bực dọc; điều trị chủ yếu dùng Đại thanh long thang. Nếu mạch vi nhược, ra mồ hôi, sợ gió, không thể dùng thang này, làm uống sẽ phát ra quyết nghịch, gân thịt máy động.

Điều 39 :

Bệnh Thương hàn, mạch phù hoãn, người không đau mà có cảm giác nặng nề, chợt có lúc nhẹ nhàng, không có chứng thiếu âm, dùng Đại thanh long thang phát tán.

Tóm tắt tác dụng điều trị chủ yếu của Đại thanh long thang :

- Dại {
Thanh {
long {
thang {
- Chủ trị : Chứng thái dương biểu hàn lý nhiệt.
 - Mạch tượng : Phù khẩn (hoặc có khi phù hoãn).
 - Triệu chứng : Phát sốt, sợ lạnh, đau đầu, đau người, không ra mồ hôi, bực dọc hoặc người nặng nề, chợt có lúc nhẹ
 - Công dụng : Giải biểu, thanh nhiệt.

Dại thanh long thang phương :

Ma hoàng, Quế chi, hạnh nhân, Thạch cao, Cam thảo, sinh khương, đại táo.

Ngoại tà xâm phạm nặng lại kiêm không ra mồ hôi, phần biểu hàn bỏ, phần lý nhiệt uất. Ma Quế phát hãn, mở đường ra của biểu tà. Thạch cao cam đàm hàn hàn thanh lý nhiệt.

Cầm dùng Đại thanh long thang :

Phát sốt sợ lạnh, không ra mồ hôi mà bực dọc bực dọc là chủ trị của Đại thanh long thang.
Điều 39 : Mạch ở Phù Khẩn Mạch ở Phù Hoãn, Thân ở Đau mà nặng nề - là chứng thiếu âm Thủy đôn gây ra - mà có thể chữa

Đại thanh long thang trị thực chứng biểu hàn lý nhiệt.
Nếu mạch vi nhược, ra mồ hôi sợ gió hoặc hư chứng thiếu âm
cầm dùng.

II. Tiểu thanh long thang chứng :

Dẫn chứng nguyên văn :

Điều 40 :

Bệnh Thương hàn, biểu không giải, dưới tâm có thủy khí, nôn khan, phát sốt mà ho ... hoặc phát suyễn; điều trị chủ yếu dùng tiểu Thanh long thang.

Điều 41 :

Bệnh Thương hàn, dưới tâm có thủy khí, ho mà phát suyễn nhẹ, sốt không khát ... điều trị chủ yếu dùng tiểu thanh long thang.

Tóm tắt tác dụng điều trị của Tiểu thanh long thang :

- Chủ trị : Thái dương biểu hàn, phần lý có hàn âm (=đâm lũng)
- Mạch tượng : Phù mà huyền khẩn.
- Triệu chứng: Phát sốt, sợ lạnh, nôn khan, ho suyễn
- Công dụng : Tân ôn phát tán, khu trục hàn âm, trấn khái giáng nghịch.

Tiểu Thanh long thang phương :

Ma hoàng, Quế chi, Bạch thược, Tế tân, ngũ vị tử, c a n khương, bán hạ, Cam thảo.

Thương hàn biểu chưa giải thấy phát sốt, sợ lạnh, không mồ hôi, đau đầu, đau người. Âm t² thủy thấp, đình tụ ở trong là dưới tâm có thủy khí thấy nôn khan, ho suyễn, do âm t² y khí nghịch.

Tế tân, Can khương, tiêu trừ hàn ẩm tích ở trong. Bán hạ giáng khí nghịch. Ngũ vị tử trị ho suyễn. Ma Hoàng, Quế chi giải biểu phát hãn. Ngũ vị, Bạch Thược đi xuống. Toàn t h ể bài thuốc có công dụng tán hàn, ôn lý, trục ẩm kết hợp giải biểu phát hãn.

III. Cát căn thang chứng :

Dẫn chứng nguyên văn :

Điều 31 :

Bệnh Thái dương, lưng và gáy cứng nhặng nhắc, không ra mồ hôi, sợ gió; điều trị chủ yếu dùng Cát căn thang.

Phong hàn theo kinh mạch xâm phạm tương đối sâu, t â n dịch hư hao, gân mạch mất nhu dưỡng cho nên dùng Cát c ă n phát hãn giải cơ, tư dưỡng gân mạch.

Cát căn thang phương :

Cát căn, Ma Hoàng, Quế chi, Sinh khương, Cam thảo, Bạch thược, Đại táo.

Không có triệu chứng suyễn nên không dùng hạnh nhân. Thược, Cam, Táo toan cam hóa âm sinh tân dịch, giúp Cát căn nhu nhuận gân mạch, hợp Ma Hoàng phát hãn giải cơ. Chú ý : Quế Chi gia Cát căn thang chứng có ra mồ hôi, Cát căn thang chứng không ra mồ hôi, cho nên một phương có Ma hoàng, một phương không.

Tóm tắt phân biệt ứng dụng Cát căn thang và Quế c h i gia Cát căn thang :

- Cát căn thang chủ trị : Bệnh thái dương, gáy và lưng cứng nhặng nhắc, không ra mồ hôi, sợ gió.
- Quế chi gia Cát căn thang chủ trị : Bệnh Thái dương, gáy và lưng cứng nhặng nhắc mà ra mồ hôi, sợ gió .

Trọng điểm phân biệt: Có mồ hôi hay không có mồ hôi.

b) Phủ chứng thái dương :

1. Chứng súc thủy :

Dẫn chứng nguyên văn.

Điều 71.

Bệnh thái dương, sau khi phát hàn, ra mồ hôi nhiều, trong vị khô, bực dọc không ngủ được, muốn uống nước, cho uống từng ít một, làm cho vị khí bình hoà thì bệnh khỏi. Nếu mạch phù tiểu tiện không thông lợi, sốt nhẹ, tiêu khát, điều trị chủ yếu dùng ngũ linh tán.

Điều 72.

Đã phát hàn, mạch/sắc, bực dọc khát nước, điều trị chủ yếu dùng ngũ linh tán.

Điều 74.

Chứng thái dương trúng phong 6-7 ngày không giải mà bực dọc, có biểu lý chứng khát muốn uống nước, uống vào thì thổ gọi là chứng thủy nghịch.

Chứng súc thủy phát sinh do thủy âm lưu ở bàng quang, tà khí xâm phạm cả kinh và phủ, thủy tà đình ~~đau~~ ở trong công năng khí hoá chương ngại cho nên dùng ngũ linh tán tân ôn giải biểu kiêm hoá khí lợi tiểu.

Ngũ linh tán phương

Bạch linh, trử linh, trạch tả, bạch truật quế chi. Bạch linh, trử linh, trạch tả, lợi thủy, thông tiểu tiện, bạch truật trợ tỳ táo, thấp. Quế chi giải biểu. Quế truật cũng dùng, tác dụng kiện tỳ hành thủy càng tăng.

Tóm tắt phương pháp điều trị chứng súc thủy theo mạch chứng và nguyên nhân.

Chứng súc thủy: Nguyên nhân-Dương tà vào phủ-thủy kết với nhiệt. Triệu chứng - phát sốt sợ lạnh, ra mồ hôi, bực dọc khát nước, hoặc khát muốn uống, uống vào lập tức thổ tiểu tiện không lợi hoặc bụng dưới đầy chướng.

Mạch tượng - phù sắc

Chủ phương - Ngũ linh tán.

Thủy khắc hỏa, do hàn phân hạ âm chấp - được chấp, do bị nhiệt, chấp hạ, do bị nhiệt, chấp hạ, do bị nhiệt, chấp hạ.

Trọng điểm biện chứng :

Chứng sức thủy ra mồ hôi mà khát nước. chứng tựa như sức thủy thì không khát.

2. Chứng sức huyết :

Dẫn chứng nguyên văn:

Điều 166.

Bệnh thái dương không giải, ^{hiệu chứng} nhiệt kết bàng quang, ^{nhiệt kết với huyết} người bệnh như cuồng... bụng dưới cấp kết...

Điều 124 :

... Mạch vi mà trầm, lại không kết hung, người bệnh phát cuồng là nhiệt ở hạ tiêu, ^{ngực ở kết} bụng dưới đầy cứng, tiểu tiện thông lợi, dùng trị pháp hạ huyết thì bệnh khỏi. Đó là vì tà nhiệt kinh thái dương vào có kết với phần huyết hạ tiêu. Điều trị dùng để đương thang.

Điều 125 :

... Thân thể sắc vàng, mạch trầm kết, bụng dưới cứng rắn tiểu tiện không lợi là không có sức huyết. Nếu tiểu tiện lợi và như cuồng là xác định có sức huyết. Điều trị dùng để đương thang.

Điều 126 :

Bệnh thái dương thương hàn có phát sốt, bụng dưới đầy cứng dáng lẽ tiểu tiện không lợi mà nay lại thông lợi là có sức huyết.

Bệnh thái dương, không giải biểu, tà khí tất truyền vào phủ, kết với huyết ở hạ tiêu tạo thành chứng sức huyết.

Trị pháp hành ứ ^{đại} trục huyết, dùng đào hạch thừa khí ^{đại} thang.

Đào thạch thừa khí thang phương.

Đào nhân, quế chi, đại hoàng mang tiêu, cam thảo. Phương trên là Điều vị thừa khí thang giả đào nhân, quế chi. Thừa khí thang công trục, lý nhiệt thực tà. Đào nhân thông ứ huyết. Quế chi phối hợp đào nhân làm tăng tác dụng trục huyết tán tà.

Tóm tắt trị pháp chứng sức huyết theo mạch chứng và nguyên nhân :

Chứng sức huyết :

Nguyên nhân-dương tà vào phủ, nhiệt kết với huyết.

Đại học Y học 20/1

30 con
30 con
bỏ cái và thêm sao cát

Triệu chứng - Nói chung không có biến chứng, như cuồng hoặc phát cuồng, tiểu tiện lợi, bụng dưới cấp kết hoặc đầy cứng.

Mạch tượng - ~~Thâm~~ sắc hoặc trầm kết.

Chủ phương-Đào hạch thừa khí thang.

Trọng điểm biểu chứng sức huyết :

Chứng súc huyết, tiểu tiện thông lợi. Còn tiểu tiện không thông là chứng súc thủy cả hai chứng đều thấy bụng dưới đầy cứng.

Tri làm biểu chứng :

Trong thiên thai dương, ngoài các phương pháp chính trị và kinh trị kinh chúng, phủ chúng, còn phần lớn là phương pháp cứu trị biến chúng do trị làm.

1. Biến chứng do làm phát hãn :

Điều 68:

Điều 68: Sau khi phát hàn, bệnh không giải mà lại sợ lạnh là do hư gây ra. Chủ yếu dùng thuốc được cam thảo phụ tử thang.

Điều 70:

Sau khi phát hãn, sợ lạnh là do hư gây ra; không sợ lạnh, chỉ phát sốt là thuộc thực; nên điều hoà vị khí, dùng điều vị thừa khí thang.

Điều 20 :

Bệnh thái dương phát hãn, ra mồ hôi không cầm. Người
sợ gió, tiểu tiện khó, tứ chi co rút nhẹ, khó co duỗi
yếu dùng quế chi gia phụ tử thang. *→ do hàn dịch tích*

Điều 62 :

96/ Sau khi phát hãn, thân đau, mạch trầm trì, chủ yếu dùng
quế chi giã thực được sinh khương các nhất lượng nhân sâm
tam lang tân gia thang. Được ghi

2/- Biến chứng do làm phát hãn công hạ :

Điều 34 :

Bệnh thái dương, quế chi chứng, lâm công hạ, ^{hạ} ^{hạ} chảy không cầm, mạch súc là biểu chứng giải. Phát suyễn mà mồ hôi ra, chủ yếu dùng cát căn hoàng cầm hoàng liên thang.

Ngũ tự chữ Cao vô thanh 3 lát

Be'am dy' Bul the balchil = 10y
 45 dy' - phy the # cam = 12y
 cam the dy' the HL = 12y

Điều 21 :

Bệnh thái dương, sau khi công hạ, mạch súc, ngực đầy *chẩn một cái 94*
túc, chủ yếu dùng quế chi khứ thực được thang. *về loại âm dương là*

Điều 121 :

là âm dương
Bệnh thái dương, làm công hạ, nhiệt tà hãm vào trong *ở âm dương*
tạo thành chứng kết hung. *thực tà* Nếu bên trong không có thực tà
sẽ tạo thành bi chứng. Tạo thành kết hung là do công hạ
quá sớm. Chứng kết hung thấy gáy cứng dò như chứng nhu
kính. *là cơ thể*

Chứng kết hung chia ra: đại kết hung, chứng tiểu kết
hung chứng, hàn thực kết hung chứng.

Cần phân biệt chứng kết hung với chứng tạng kết. Chứng
kết hung thuộc dương, thuộc thực, chứng tạng kết thuộc âm
thuộc hư: ăn uống như thường, thường ỉa chảy, mạch bộ
quan tiểu tế trầm khâu, rêu lưỡi trắng trơn. Nan trị.

Bi chứng thấy trong ngực bí tắc thường do làm hạ, làm
thổ hoặc vị khí vốn hư, tà nhiệt hãm vào trong gây ra,
ấn vào mềm khác với chứng kết hung ấn vào rắn đau. Điều
trị, vận dụng năm loại Tả tâm thang./.

21. biến chứng gọi là do biến chứng âm dương là

131 :

BÀI X

THIÊN THIÊU DƯƠNG (Tiếp)

3) Điều trị các chứng sau khi ~~lâm~~, ~~thở~~, hạ dư ~~tả~~ chưa hết

a) Chi tử xi thang chứng

Triệu chứng:

Hư phiền mất ngủ, bệnh nặng thì bứt rứt không yên trong tâm bực dọc, hoặc nóng bứt rứt, tức ngực hoặc phát sốt không lui trong tâm đau kết

Triệu chứng ~~lâm~~ ^{hư} phiền có ý nghĩa phân biệt với triệu chứng, đầy cứng của kết lương và vị thực không phải là chứng hư nhược.

Chi tử xi thang, chi tử đầu xi.

chi tử trừ phiền nhiệt, đầu xi thanh nhiệt.

Nếu thiếu khí gia cầm thảo, đệ an trung - nôn. gia sinh khương đề giáng nghịch.

b) chi tử hậu phác thang chứng.

Tâm bứt rứt, bụng đầy trướng, nằm ngồi không yên, sốt cách nhật, khí của tỳ vị không tuyên sướng.

Chi tử hậu phác thang.

Chi tử hậu, phác chích, chi thực chích.

Chi tử tiết phiên nhiệt, hậu phác, tri bụng đầy trướng chi thực giải nhiệt kết truyền vị.

c) Chi tử can, khương thang chứng.

Có chi tử xi thang chứng, lâm công hạ mạnh, làm tổn thương dương, khí trung tiêu, vùng cổ hoàn cũng có lưu nhiệt cho nên sốt không lui, bứt rứt nhẹ, trung dương bất túc.

Chi tử can khương thang.

Chi tử, can khương.

Chi tử trừ phiên nhiệt, can khương lâm âm tỳ các chứng công hạ, dư nhiệt chưa hết phát sinh biến chứng.

Nếu người bệnh vốn đại tiện phân nát, cầm dùng các phương trên.

5) Biến chứng do hàn dùng hóa pháp.

Dùng hóa pháp bức bách phát hàn tạo thành biến chứng gọi là hỏa nghịch chứng.

Hỏa bức bách mồ hôi ra làm thương tổn dương khí, nhẹ thì bứt rứt bức dọc, nặng thì kinh cuồng, hỏa tà công vào trong, gây chứng thở ra máu, đại tiểu tiện ra máu.

Hỏa tà làm thương tổn huyết phát sinh chảy máu cam, chứng vàng da, tiểu tiện khó, hoặc âm dương đều hư, thân thể khô ráo, nổi mẩn, nấc. Người bệnh vốn âm hư huyết thì thiếu làm đúng hóa pháp làm tăng thêm các triệu chứng bứt rứt, trướng tức, khí nghịch, thậm chí thương tổn gân xương, smot đời không hồi phục.

a) Điều trị chứng hỏa nghịch. (*quế chi cam thảo long cốt mễ*)

- Nhân thiếu châm hoặc cứu mả bứt rứt bức dọc dùng quế chi, cam thảo chích, mễ lệ nung, long cốt) để hồi dương, an thần.

- Hỏa bức vọng dương phát kinh cuồng, nằm ngời không yên dùng quế chi khử thực dược gia, thực, tất, long, cốt, mễ lệ cứu nghịch thang, phương trên thêm khương táo, thực, tất. Phương này kiêm thêm tác dụng thống tiết dương tà, hỗ trợ trung tiêu.

- Thiếu châm phát hàn, nơi châm bị hàn tà xâm phạm nổi hạch đỏ phát bồn đôn, dùng quế chi gia quế thang (quế chi thang, tăng bôi lượng quế chi) để bình xung nghịch tiết thận tà.

6) Chứng phong thấp

Nguyên văn:

Điều trị: 174

"Bệnh thương hàn 8 - 9 ngày, phong và thấp gây bệnh thân thể đau, không cử động được, không nôn không khát, mạch ~~tỷ~~ ^{phủ} hư mà sắc, Điều trị chủ yếu dùng quế chi ^{phủ} tử thang (quế chi ^{phủ} tử, sinh khương, đại táo, cam thảo)

Quế thảo tán cam tán phong ở biểu, phủ tử tân nhiệt trừ thấp ở kinh, khương táo tán cam điều hòa vinh vệ. phương này thích hợp với phong thấp hơn thấp.

Nếu người bệnh đại tiện cứng (khô) tiêu tiên thông lợi, dùng khứ quế chi gia bạch truật thang (bài trên bỏ quế, gia bạch truật).

Phủ tử tân nhiệt ôn kinh, bạch truật kiện tỳ táo thấp, phương này thích hợp với thấp thấp hơn phong.

Điều 175.

"Phong và thấp gây bệnh, khớp đau bứt rứt, đau ~~rất~~ ^{rút} không ^{có} ^đuôi được, chạm vào đau kịch liệt, mồ hôi ra, khí đoạn, tiêu tiên không lợi sợ gió không muốn bỏ áo hoặc thân phủ thùng nhẹ, dùng cam thảo phủ tử thang (cam thảo, phủ tử bạch truật, quế chi).

Phủ truật ôn kinh thấp thấp, quế thảo tán tà thấp phong cam thảo là chủ được vì bệnh tà vào sâu khớp xương, nếu khu trừ mau quá, phong rút mà thấp đơn độc ^{lưu} lại sẽ có ^{hậu} ^{hoàn}, phát ^{hãn} điều trị, phong thấp chỉ cần ra mồ hôi ^{râm} ^{rấp} để phong và thấp ^đ ^đ rút, không nên ra mồ hôi ^đ ^đ mà phong rút thấp còn.

a) Nguyên nhân gây chứng phong thấp.

bệnh thương hàn 8 - 9 ngày, tà không giải theo biểu cũng không hóa táo truyền lý. Biểu tà dây dưa, hoặc do đã phát

~~vào huyệt~~ nhưng không triệt để, hoặc người bệnh vốn dương ~~lúc~~ ^{hư} thấp, thắng, không làm cho tà ngoại đạt được, tạo thành phong thấp.

b) Biện chứng chứng phong thấp.

Trong điều 174 nói "không nôn, không khát" là bệnh không truyền vào thiếu dương (âm), không vào dương minh (khát) mạch ~~lưu~~ phù mà sắc là phong thấp còn ~~biểu~~ ^{Thấp} cơ biểu mà phong thắng hơn t hấp.

Chứng trên kiêm đại tiện cứng, tiểu tiện ~~không~~ lợi, tiểu tiện lợi là phân lý không có nhiệt. Đại tiện cứng là do phong thấp uất kết gây ra. Chứng này ~~chảy~~ ^{Thấp} thấp hơn phong.

Điều 175 phong thấp xâm phạm vào trong, thấp lưu ở khớp, bệnh đã ~~hai~~ ^{ba} sâu thêm một tầng, phongthắng thì biểu khí không vững, cho nên mồ hôi ra sợ gió mà không muốn bỏ áo, thấp thắng thì thủy khí không vận hành, cho nên tiểu tiện không lợi hoặc thân phù thũng nhẹ, các chứng nói trên nặng nhẹ, sâu nông khác nhau, nên trị cũng khác nhau.

+ + +

TIEU KET:

Thái dương làm chủ phần biểu toàn thân bệnh tà theo biểu xâm phạm cơ thể trước hết ~~tương~~ ^{thể} là chứng thái dương, thể bệnh khác nhau chia ra thương hàn, trũng phong, ôn bệnh, đó là nhiệt bệnh ngoại cảm nghĩa rộng, trị pháp trong thiên này, trừ chính pháp, biến pháp của kinh chứng, phủ chứng còn lại là ~~phong~~ pháp cứu trợ biến chứng đồ ngộ trị. trong chẩn đoán và điều trị cần phân biệt rõ ~~chủ~~ ^{chủ} và ~~thứ~~ ^{thứ} để tránh lầm lẫn.

A (Cũng)

Bài XI
THƯƠNG HÀN KHAI YẾU
THIÊN DƯƠNG MINH .

K/V
50

1. Tính chất bệnh dương minh.

Bệnh dương minh là giai đoạn nghiêm trọng nhất đồng thời là đỉnh cao trong quá trình phát sốt của bệnh thương hàn. Khi đó dương khí mạnh nhất; dương thắng thì nhiệt cho nên nhiệt thể thịnh nhất. Thái dương chủ về biểu thiếu dương chủ về bán biểu bán lý, dương minh chủ về lý, cho nên nhiệt của dương minh thuộc về lý nhiệt.

Dương minh thuộc vị là bể của thủy cốc, thường có cận bã lưu lại. Tà nhiệt truyền vào trong, thường kết hợp với cận bã trong đường ruột hoá táo, tạo thành chứng thực nhiệt. nguyên văn trong thương hàn luận thường nói: trong vị có phân táo. Khái niệm "vị" ở đây là bao gồm trường vị. Cho nên phân táo là ở trong đường ruột.

2. Con đường dẫn tới bệnh dương minh.

Bệnh dương minh là do biểu tà truyền vào lý hoá nhiệt hoá táo tạo thành, cũng có trường hợp vốn có lý nhiệt, hoặc vốn có trệ cũ, thực và nhiệt kết hợp với nhau tạo thành bệnh. cụ thể không ngoài 4 điểm sau đây :

1. Do tà khí thái dương truyền vào lý tạo thành.

a) Bệnh thái dương mồ hôi ra không triệt để như; "Bệnh vốn ở kinh thái dương, khi mới bị bệnh, dùng phương pháp phát hàn, mồ hôi ra không triệt để, do đó chuyển vào dương minh".

b) Bệnh thái dương điều trị không thích đáng, vong tân dịch hoá/tạo thành như: "Bệnh thái dương hoặc phát hàn, hoặc công hạ hoặc lợi tiểu tiện, vong tân dịch, trong vị khô, do đó chuyển vào dương minh".

Hai trường hợp trên là thái dương, dương minh.

2. Do thiếu dương lâm phát hàn tạo thành.

Như: "Bệnh thiếu dương không thể phát hàn, lâm phát hàn thì nói sang. Đó là thuộc vị". Trường hợp này là thiếu dương dương minh.

3. Vốn có lý nhiệt hoặc thực tích, nhiệt thịnh hoá tảo, tạo thành thực chứng lý nhiệt. Trường hợp này là chính dương dương minh.

4. Do tam âm chuyển thực tạo thành.

Như: " Thương hàn, mạch phù mà hoãn, tay chân tự ôn là bệnh ở thái âm... đến 7-8 ngày, đại tiện rất là bệnh dương minh." Đó là bệnh thái âm, dương khí trường vị hồi phục, hàn thấp hoá thành tảo nhiệt mà chuyển thành bệnh dương minh.

Các bệnh thiếu âm, quyết âm, khi dương khí hồi phục cũng có khả năng chuyển thành bệnh dương minh. Khi thiếu âm bệnh có thừa khí thang, bệnh quyết âm cũng có trường hợp nên công hạ, đều là tà truyền dương minh thành cơ chế chuyển bệnh ra ngoài.

III 3. Mạch chứng của bệnh dương minh.

Dẫn chứng nguyên văn :

Điều 182 :

" Hỏi : Bệnh dương minh, ngoại chứng như thế nào ? Đáp : phát sốt, mồ hôi tự ra, không sợ lạnh mà sợ nóng."

Điều 186 :

" Thương hàn 3 ngày, dương minh mạch đại."

Hai điều văn trên nói lên chủ chứng, chủ mạch của bệnh dương minh. Do tình hình bệnh khác nhau, cho nên có chia ra kinh chứng, phủ chứng.

a) Kinh chứng dương minh.

Bệnh tà truyền lý hoá nhiệt, không có phân tảo thấy: sốt cao, ra mồ hôi nhiều, khát nước, tâm bất rút, mạch phù hoạt hoặc hồng đại; rêu lưỡi thường khô.

b) Phủ chứng dương minh.

Phủ chứng sâu hơn kinh chứng nên trong ruột có phân tảo Triệu chứng thấy trào nhiệt về chiều, tay chân ra mồ hôi, bụng đầy và đau, táo bón, nói sảng, bệnh nặng thì như thấy ma quỷ, lẫn ảo sờ giường, nhìn không rõ, suyễn nhẹ, mất dờ. Mạch thường trầm trì mà thực, rêu lưỡi thường vàng khô cấu nhớt, bệnh nặng thì sém đen, nổi gai.

Kinh chứng ở Táo
Phủ chứng ở Cáo

4. Biện chứng bệnh dương minh.

Trước hết phải nhận rõ bệnh tà đã hoàn toàn truyền vào dương minh chưa hay còn kiêm có biểu tà. Thứ hai cần xem đã có phân táo chưa. Cần nắm mấy yếu điểm dưới đây :

a) Phát sốt :

Bệnh thái dương là phát sốt sợ lạnh. Phát sốt và sợ lạnh đồng thời xuất hiện.

Bệnh thiếu dương là nóng rét qua lại.

Bệnh dương minh là phát sốt, không sợ lạnh mà sợ nóng nếu kiêm có sợ lạnh là biểu tà chưa giải. Kinh chứng dương minh thường phát sốt hãm hập, phủ chứng dương minh thường là sốt con về chiều.

b) Ra mồ hôi :

Phát sốt dương minh tất ~~nhận~~ có mồ hôi mà mồ hôi ra nhiều khác với chứng thái dương trúng phong tự ra mồ hôi.

Dương minh ra mồ hôi không sợ lạnh. Thái dương trúng phong ra mồ hôi sợ gió.

c) Phân táo :

1. Triệu chứng vùng bụng: bụng đầy trướng, đau. Phân táo có nặng nhẹ khác nhau. Nguyên văn nói : "Nếu bụng đầy trướng tương đối rõ mà đại tiện không thông có thể dùng tiểu thừa khí thang điều hoà nhẹ vị khí". "Bệnh nhân không đại tiện 5-6 ngày đau quanh rốn, bực dọc vật vã phát có thời gian nhất định, là có phân táo". "Bụng đầy trướng không giảm, giảm không đáng kể nên công hạ". "Bụng đầy trướng đau có phải thuộc chứng dương minh phủ thực không còn phải phối hợp xem xét tình hình táo bón trào nhiệt, nói sáng.

2) Ra mồ hôi nhiều và hay đi tiểu :

Tình hình mồ hôi và tiểu tiện cũng cần chú ý. Nếu ra mồ hôi nhiều mà hay đi tiểu thường có phân táo. Nguyên văn nói : "Tay chân ra mồ hôi nhiều là phân đã rắn". "Nếu không đại tiện 6-7 ngày, tiểu tiện ít, tuy không ăn được, nhưng lúc đầu phân rắn, sau bắt lỏng là chưa có phân táo, làm công hạ tất phân lỏng. Cần có triệu chứng tiểu tiện thông lợi mới quyết định có phân táo và có thể dùng phương pháp công hạ". Mồ hôi nhiều hoặc

tiểu tiện thông lợi mới là nhân tố tạo thành táo bón

d) Đánh Trung tiện :

Nguyên văn nói : "Nếu không đại tiện 6-7 ngày, sợ có phân táo, muốn dùng phương pháp dò xem, có thể cho uống tiểu thừa khí thang; sau khi uống thấy đánh trung tiện là có phân táo, có thể công hạ. Nếu không đánh trung tiện là chỉ có lúc đầu phân rắn, sau tất phân lỏng, không thể công hạ". "Bệnh dương minh nói sảng, trào nhiệt, mạch hoạt mà tất chủ yếu dùng tiểu thừa khí thang. Cho uống thừa khí thang một thang, thấy đánh trung tiện, lại uống thêm một thang, Nếu không đánh trung tiện, chờ cho uống tiếp." Đánh trung tiện là dấu hiệu đã có phân táo.

e) Nói sảng.

Nói sảng là triệu chứng chủ yếu quyết định chẩn đoán táo bón. Nguyên văn nói : "Bệnh dương minh, nói sảng có trào nhiệt mà không ăn được thì trong vị tất có phân táo...".

Trào nhiệt cũng là do dương minh phủ thực gây ra, cho nên trào nhiệt là điều kiện để quyết định phân táo.

- Nội say : (thiền sư) thuộc thuyết đi với số còn về chiến, thuyết đi
chức lên chùa suy gẫm → có hạ

- Nội lạc (trước thạc) thuộc lạc; nói đi gẫm về lạc lạc = lạc

- Diễn cử : diễn (-) ⁰⁰⁰ người yên - nói e tiểu → (lạc)
cử (+) chạy nhảy, leo trèo → lạc

Tứ chu hoàn
Diễn cử | tư thất } eiy chùa một ngày
chư sa

Bổ hỏa hoàn

chức một ngày mỗi là tẩn
vườn chư sa làm áo
Kế nghiệm : lưu học
chức giả → Bồ tát diệu
Nắm giữ giữ được → lạc suy do tẩn

HIEN DUONG MINH (tiếp)

5.- Điều trị bệnh dương minh.

Bệnh dương minh là chứng lý nhiệt, táo thực. Do đó trị pháp bệnh dương minh có thanh pháp và hạ pháp, thanh pháp là thanh lý nhiệt, hạ pháp là tả ~~hạ~~ táo thực (phân táo), vận dụng thanh pháp và hạ pháp, phải biện chứng chính xác, cẩn thận luận trị mới thu được kết quả tốt.

1) Phương pháp:

Thanh pháp là thanh trừ lý nhiệt, vận dụng thanh pháp trước hết phải phân biệt còn biểu tà hay không trình độ tả nhiệt thể nào và hư thực ra sao. Phương tễ chủ yếu của thanh pháp là bạch hủ thang thứ đến chí tử ~~hệ~~ thang.

Bạch hủ thang.

Thạch cao, tri mẫu, Ngạnh mễ, cam thảo.

Vận dụng bạch hủ thang.

Bạch hủ thang là chủ phương điều trị kinh chứng dương minh, điều trị chủ yếu nhiệt kết ở phần lý, biểu và lý ~~đương~~ nhiệt, khát nước muốn uống lưỡi khô miệng ráo, tự ra mồ hôi mạch hồng đại hoặc phù hoạt. Trong phương thang thạch cao

thạch đại nhiệt, tri mẫu thanh nhiệt sinh tân, ngạnh mễ, cam thảo dưỡng vị sinh tân. *khát nước ở mạch cổ - là do thực*

Khi sử dụng bạch hủ thang, phải hoàn toàn không có biểu chứng.

Nếu mồ hôi ra quá nhiều, âm tân hao tổn nặng tổn thương tới phân khí, trong nguyên phương gia nhân sâm để bổ khí sinh tân, chủ yếu điều trị khát nước, trên lưỡi khô ráo, bứt rứt, muốn uống lượng nước lớn.

*Thạch - làm cho mát : ý ghĩa Cooling (Hạ nhiệt) VD : Bạch hủ Thang
Tri mẫu - làm mát : ý ghĩa Cooling (Hạ nhiệt) - (hạ nhiệt)
Đến đây là hết bài*

Bạch hồ thang chiếm ~~đầu~~ vị trọng yếu trong thương hàn luận, trong điều trị ôn bệnh lại càng trọng yếu.

Nguyên tắc điều trị giữa hai loại bệnh là đồng nhất chi tử xi thang phương

Chi tử đầu xi.

Vận dụng chi tử đầu xi thang: sau khi hàn, thô, ~~hạt~~, tà nhiệt lưu ở vùng tâm và cơ hoành, chưa đến trình độ nhiệt thịnh tảo thực (phân tảo). Triệu chứng chủ yếu của chi tử xi thang chứng là, trong tâm bức dọc, hư phiền, trong ngực trướng tức trong tâm kết thống, trên lưỡi có rêu, tuy trong tâm kết thống nhưng ấn vào thấy mềm.

Chi tử xi thang chứng là dấu hiệu báo trước của bạch hồ thang chứng và thừa khí thang chứng nhiệt tà chưa hoàn toàn rời phần biểu, lưu lại ở khoảng tâm và cơ hoành, chưa đến trình độ tảo nhiệt thịnh vượng, truyền vào phủ và kết hợp với thực tích hư phiền, ở đây khác với tâm bức rút thuộc thực nhiệt của bạch hồ thang chứng và thừa khí thang chứng.

trừ linh thang:

Trừ linh, bạch linh, Trạch tả, hoạt thạch, A giao, vận dụng trừ linh thang, chứng thích ứng của trừ linh thang có chỗ tương ^{chị tử} trư xi thang, chứng và bạch hồ thang chứng, như mạch phù, phát sốt, khát muốn uống, giống bạch hồ thang chứng, như tâm bức rút mất ngủ giống chi tử xi thang, nhưng trừ linh thang chứng đồng có đặc trưng của nó. chứng này do nhiệt kết ở hạ tiêu, thủy khí không vận hành gây ra, chọn ~~chỗ~~ khác với chi tử xi thang chứng và bạch hồ thang chứng là tiêu tiên không thông lợi.

Trong phương thang bạch linh, trừ linh, trạch tả, đạm ~~thâm~~ lợi ^{thấp}, hoạt thạch thanh nhiệt trừ thấp, A giao dưỡng âm, nếu bệnh dương minh ra mồ hôi nhiều mà khát nước, nhiệt thịnh tân dịch hao không thể dùng trừ linh thang thông lợi tiêu tiên vì sẽ làm hao tổn thêm tân dịch.

phân tảo, tiêu khô,

hạt: ốc, hạt + hạt
đắp lên

- Rễ cây Bô + hạt Bô
- Hạt Pác H + Khên xạ từ

2) Hạ pháp:

Hạ pháp có tác dụng trừ bỏ phân tảo trong ~~lọt~~, phân tảo hết, các ngoại chứng như trào nhiệt, bụng đầy trướng nổi s ảng đều có thể rút, đó là phương pháp điều trị chứng dương minh phủ thực.

Trong thương hàn luận, chủ phương của hạ pháp cổ đại thì thừa khí thang, tiểu thừa khí thang, điều trị thừa khí thang.

Vận dụng hạ pháp, trước hết phải phân biệt có phân tảo hay không, rồi đưa vào trình độ phân tảo nặng nhẹ mà chọn dùng một trong tam pháp thừa khí, vận dụng điều trị tam thừa khí thang tóm tắt như sau:

1) Đại thừa khí thang.

Đại hoàng, phác tiêu, chí thực, hậu phác, đại hoàng, công tích tả nhiệt, trừ phân tảo, chí thực, hậu phác phá đầy trướng, tiết bí cứng, phác ~~trên~~ nhuận, tảo nhuận kiện.

Phương này mạnh nhất trong tam thừa khí thang.

2) Tiểu thừa khí thang:

Đại hoàng, chí thực, hậu phác,

Đại hoàng công hạ tích nhiệt, chí phác dùng lượng nhẹ, không dùng phác tiêu, cho nên tác dụng tả hạ hòa hoãn.

3) Điều vị thừa khí thang:

Đại hoàng, phác tiêu, cam thảo.

Tiểu, hoàng nhuận tảo, nhuận kiên, không có chí phác phá khí tiết mãn, lại có cam thảo làm tả được cho nên chỉ có tác dụng hòa vị tả nhiệt.

So sánh tác dụng ~~tả~~ hạ, đại thừa khí thang mạnh nhất thứ đến tiểu thừa khí thang, cuối cùng là điều vị thừa khí thang.

lưu ý: đây là thuốc có sức mạnh lớn như gần nước nóng

A Cui

BÀI XIII

THIỆT DƯƠNG MINH (TIẾP)

6. Dương minh phát vàng da :

a) Nguyên nhân bệnh dương minh phát vàng da :

Bệnh dương minh nếu không ra mồ hôi mà tiểu tiện không thông lợi, tà nhiệt không thoát ra ngoài được, ứ trệ bên trong thành thấp. Thấp ứ nhiệt uất tạo thành ứ nhiệt mà phát ra hoàng đản. Vì mồ hôi và nước tiểu đều là thủy dịch, lại là con đường để thấp nhiệt thoát ra ngoài, cho nên có quan hệ chặt chẽ với sự phát sinh hoàng đản.

b) Biện chứng :

Chẩn đoán hoàng đản, trước hết nên phân rõ âm dương hư thực. Nhiệt chứng, thực chứng gọi là dương hoàng. Hàn chứng hư chứng gọi là âm hoàng.

Dương minh phát vàng da là chứng thủy nhiệt, thuộc phạm vi dương hoàng. Trái lại, thái âm phát vàng da thuộc âm hoàng. Phân biệt tóm tắt như sau :

Dương hoàng

x. Triệu chứng :

Sắc vàng tươi
Táo bón hoặc đại tiện khó
Phát sốt
Tiểu tiện vàng đỏ không thông.

Bứt rứt bụng đầy trướng. (Cổ
khát nước) (kêu đói)

x. Mạch tượng :

Mạch sắc hoạt

Âm hoàng

Sắc vàng tối
Đại tiện lỏng, nát
Không sốt
Tiểu tiện trong hoặc thông

Bụng đầy trướng nhẹ (thủy tích ở hồi
lực, có lúc giảm)
Không khát.

Mạch hoãn nhược.

Thủy tích ở hồi lực - liên quan tới "khởi phát nước" -> phát chi
Fū về mặt tiểu tiện: "Khởi phát nước" -> phát chi
Thấp thấp ở hồi lực = cho ra mồ hôi
Thấp ở hồi lực = lợi tiểu

c) Điều trị chứng dương minh phát vàng da :

Nguyên văn : "Bệnh thương hàn 7-8 ngày, thân thể da vàng như sắc quả quýt, tiểu tiện không thông lợi, bụng đầy trướng nhẹ; chủ yếu dùng nhân trần hao thang điều trị".

Chứng này phát sinh do thấp nhiệt uất ở trong lý có lý thực cho nên bụng hơi đầy, điều trị nên thanh nhiệt lợi thấp, tiết thực nhiệt trong ruột, cho nên dùng nhân trần hao thang.

Nhân trần hao thang : Nhân trần, chi tử, đại hoàng.

Nhân trần là chủ được trừ thấp nhiệt, lợi tiểu tiện dễ sắc vàng theo tiểu tiện rút. Chi tử thanh nhiệt lợi thấp. Đại hoàng tiết thực nhiệt trong ruột. Phương này điều trị hoàng đản thực nhiệt có ứ nhiệt ở phần lý.

Nguyên văn : "Bệnh Thương hàn, thân sắc vàng, phát sốt, chủ yếu dùng chi tử bá bì thang điều trị".

Chi tử, bá bì thang : Chi tử, ^{Hồy bá} bá bì, cam thảo.

Chi tử, hoàng bá thanh lợi thấp nhiệt. Cam thảo hòa trung.

Phương này điều trị chứng hoàng đản chỉ có thấp nhiệt không có lý thực.

Nguyên văn : "Bệnh thương hàn ứ nhiệt ở phần lý, thân tất có sắc vàng, điều trị chủ yếu dùng Ma hoàng liên kiều xích tiểu đậu thang".

Ma hoàng liên kiều xích tiểu đậu thang : Ma hoàng, Hạnh nhân, Cam thảo, Liên kiều, tử bạch bì, xích tiểu đậu, Sinh khương, Đại táo.

Biểu tà chưa hết, nên dùng Ma hoàng phát biểu. Liên kiều tử bạch bì thanh nhiệt. Xích tiểu đậu lợi thấp. Khương táo điều hòa vinh vệ.

Ma hoàng Thệ
Ma hoàng
Đế chi x
Hạt ulan
cam thảo
Sử Khử
Đại Táo

gạo : liên kê
tử bạch bì
xích tiểu

Toàn phương có tác dụng làm cho sắc vàng theo mồ hôi ra. Tóm lại, chứng dương minh phát vàng da do ứ nhiệt gây ra. Chủ yếu dùng trị pháp thanh nhiệt lợi tiểu tiện. Cụ thể chia ra :

- Thấp nhiệt có lý thực (phân táo) dùng nhân trần hao thang.
- Thấp nhiệt không có lý thực dùng Chi tử bá bì thang.
- Thấp nhiệt có biểu tà dùng Ma hoàng liên kiều xích tiểu đậu thang.

Cả ba phương trên tuy có điều trị thực nhiệt, biểu, 1 ý khác nhau, nhưng đều có tác dụng thanh nhiệt lợi niệu.

7. Chứng súc huyết :

Chứng súc huyết trong thiên thái dương đã bàn tới nhiều và trọng điểm, biện chứng cần chú ý là phân biệt với chứng súc thủy. Trong thiên dương minh chỉ bàn đại lược, mục đích là phân biệt với chứng táo bón.

Nguyên văn : "Chứng dương minh, người bệnh hay quên, tất có súc huyết ... phân tuy cứng, đại tiện lại dễ, sắc phân tất đen".

Trong điều trên cần phân biệt hay quên với nói sảng, không nhận ra người quen hay lạ. Cần phân biệt triệu chứng phân cứng, đại tiện dễ với phân táo, đại tiện khó. Đó là chỗ khác nhau giữa chứng súc huyết và phủ chứng dương minh.

8. Tiên lượng bệnh dương minh :

Trong quá trình phát nhiệt của bệnh thương hàn, chứng dương minh là giai đoạn nghiêm trọng nhất phát triển đến đỉnh cao nhất. Do đó, chứng dương minh là điểm nút dễ chuyển thành tốt hoặc xấu, quan hệ tới sự sống chết. Cho nên cần nắm chắc tiên lượng của bệnh dương minh.

thảo luận có súc huyết

thảo luận có súc huyết
- có thảo luận

Bản thân bệnh dương minh cố nhiên là giai đoạn nghiêm trọng của nhiệt bệnh, nhưng cần chú ý triệu chứng tinh thần có xuất hiện hay không để tiên lượng tốt hay xấu. Nếu thấy nói sảng, trào nhiệt, dùng thừa khí cứu trị, nếu vẫn tiếp tục phát triển là nguy hiểm, có thể tử vong. Như kinh văn nói: "Mất đồ, nói sảng, phát suyễn, đầy trướng là tử vong, là chảy cũng tử vong. Khi bệnh phát triển nghiêm trọng như vậy nếu khí huyết chưa suy có thể không tử vong. Kinh văn nói: "Bệnh dương minh ... nói một mình như ma ám; nếu bệnh nặng, khi phát ra thì không nhận biết người quen người lạ, lảo đảo sờ giường, sợ sệt không yên, phát suyễn nhẹ, mất đồ. Nếu mạch huyền thì sống, mạch sắc thì chết". Điều văn này nhấn mạnh cần chú ý mạch tượng để biết khí huyết suy hay không mà biện chứng sống hay chết.

Mạch còn có lực = chết khi đó : mạch vô lực

Tiên lượng bệnh tốt hay xấu có quan hệ chặt chẽ với chính khí. Chính khí đã bắt tụt lại thêm điều trị sai dễ tử vong. Kinh văn nói: "Bệnh dương minh, dưới tâm đầy cứng, không thể công hạ. Lầm công hạ sẽ là chảy không cầm, tử vong. Là chảy cầm thì khỏi". Hoặc là "Phát hãn ra mồ hôi nhiều, lại phát hãn nữa làm vong dương, nói nhảm, mạch đoản là tử vong. Mạch tự điều hòa, không tử vong".

Bệnh dương minh, nếu tà khí thịnh, chính khí sung, tiên lượng xấu. Kinh văn: "Uống thừa khí thang một thang ... Hôm sau không đại tiện, mạch lại vi sắc là lý hư, nan trị". Xem tình hình chính khí là điều quan trọng khi chẩn đoán và tiên lượng chứng Dương minh.

Có thần thì sống - có thể chữa được

*"Hắc thần giả xuy
bạch thần giả vãng"*

- *trị bệnh tiên tư thần : làm cho bệnh nhân ra vẻ "phân khai" thì tốt*
- *Mạch hơi phục từ từ là tốt ↔ đơn nhiên là xấu*
- *hết lần này phát mạch yếu → lần khác là sắp chết*
- *————— suy yếu dần ———— sắp chết*

A Cellog

BÀI XIV.

THIÊN THIẾU DƯƠNG .

1) TÍNH CHẤT BỆNH THIẾU DƯƠNG

Thái dương là biểu chứng dương minh là lý chứng thiếu dương ở giữa biểu và lý, cho nên gọi bệnh thiếu dương là chứng bán biểu bán lý, là giai đoạn tà khí và chứng khí giống nhau ở giữa khoảng giữa biểu và lý.

+
++

2) CHU CHUNG CHU MẠCH BỆNH THIẾU DƯƠNG.

Nguyên văn :

Điều 263: "Bệnh thiếu dương, miêng đắng, họng khô, mắt hoa"

Điều 96: Bệnh thái dương thường hàn hoặc trướng phong 6 - 7 ngày nóng rét qua lại, ngực và sườn đầy tức, lạng lẽ không muốn ăn, tâm bất rứt, hay hôn... điều trị chủ yếu dùng tiêu sài hồ thang".

Điều 265 "Bệnh thương hàn, mạch huyền tế, nhức đầu, phát sốt là thuộc thiếu dương".

+
++

3) ĐIỀU TRỊ BỆNH THIẾU DƯƠNG.

Bệnh thiếu dương là chứng, bán biểu bán lý, cho nên đều không thể dùng trị pháp phát biểu hoặc công hạ mà chỉ có thể dùng trị pháp hòa giải biểu lý.

Phương thức chủ yếu điều trị bệnh "thiếu dương" là tiêu sài hồ.

a) Chứng thích với tiêu sài hồ thang:

Nguyên văn:

Điều 96: "Bệnh thái dương thương hàn hoặc trướng phong 5 - 6 ngày, nóng rét qua lại, ngực và sườn đầy tức, lạng lẽ không muốn ăn, tâm bất rứt hay nôn, hoặc trong ngực bất rứt mà không ón, hoặc khát nước, hoặc trong bụng đau, hoặc dưới sườn bị cứng, hoặc dưới tâm mai động, tiểu tiện không thông

lợi hoặc không khát thân có sốt nhẹ, hoặc ho, điều trị chủ yếu dùng tiêu sài hồ thang"

Điều 266: "Vốn là bệnh thái dương không giải trừ chuyển vào thiếu dương, dưới sườn đầy cứng, nôn khan không ăn được, nóng rét qua lại, chưa dùng thô pháp, hay pháp điều trị mà mạch tràn khẩn, dùng tiêu sài hồ thang"

Điều 101: "Có bệnh chứng tiêu sài hồ thang mà làm công ha. Nếu chứng sài hồ không lui, lại cho uống sài hồ thang tất run rẩy, hãm hấp sốt, ra mồ hôi, bệnh giải tiêu sài hồ thang.

- Sài hồ, hoàng cầm, nhân sâm, bán hạ, cam thảo, sinh khương, đại táo.

- Sài hồ sơ can mộc làm chong tã ở bán biểu giải ra ngoài. Hoàng cầm, thanh hoa làm cho tã ở bán lý triệt, ở bên trong, bán hạ trừ đàm ẩm, giảm khí nghịch ở phần lý. Nhân sâm bổ hư lếu ngày, trợ khí sinh phát. Cam thảo giúp sài hồ điều hòa trong ngoài, khương táo giúp sâm, hạ thông đạt vinh vệ.

Toàn phương có tác dụng hòa giải khiếu lý.

b) Phạm vi vận dụng tiêu sài hồ thang.

1) Bệnh thái dương thương hàn hoặc trúng phong mà chỉ thấy một chứng của sài hồ chứng là có thể dùng tiêu sài hồ thang.

2) Bệnh tình tiến thoái, trong giai đoạn từ biểu vào lý hoặc từ lý ra biểu mà nên phù chính đặc tả cạo theo biểu giải ra ngoài, không để hãm vào trong là có thể châm chước dùng thang này.

3) Các bệnh có cơ chế giống mạch chứng thiếu dương mà cần hòa giải, vô luận là thương hàn hay tạp bệnh, như sốt rét nhiệt khắp huyết thấp đại bệnh mới khỏi mà phát sốt đều có thể dùng.

c) Biến chứng tiêu sài hồ thang.

Nguyễn văn:

Điều 98:

Điều 98: "Bị bệnh 6 - 7 ngày, mạch tri, phù, nhược sợ phong hàn, tay chân ấm, thấy thuốc đắng công hạ 2 - 3 lần, không ăn được mà dưới sườn đau, đầy tức, mặt, mắt và toàn thân sắc vàng, cổ gáy cứng, tiểu tiện khó, dùng tiểu sài hồ thang, sau tất đại tiện một lần, Nếu trước vốn khát nước nhưng uống vào lại nôn, hoặc ăn vào là nấc thì không dùng sài hồ thang nữa"

Điều 149: "Bệnh thương hàn 5 - 6 ngày, nôn mà phát sốt đầy đủ chứng sài hồ thang mà dùng thuốc công hạ. tuy làm hạ mà bệnh tình chưa cải biến, tất sẽ run rẩy, hăm hấp phát sốt, ra mồ hôi, bệnh giải. Nếu dưới tâm đầy trướng mà đau cứng, là kết dung, điều trị chủ yếu dùng đại hoàng dung thang. Nếu chỉ đầy trướng mà không đau là chứng bí, không dùng sài hồ thang, nên dùng bán hạ tả tâm thang"

Hai điều văn trên đều nói về chứng nghi tư của bệnh thiếu dương, nhưng điều trước thiên về hư hàn trời hăm điều sau thiên về hư nhiệt thương kết, đều không phải là thích cực bệnh thiếu dương, không được dùng tiểu sài hồ thang, vì

điều trước là, làm hạ tả hăm, tuy thấy dưới sườn đầy trướng đau, khát uống vào mà nôn thuộc bệnh thiếu dương, nhưng các mạch chứng khác đều thuộc chứng thái âm hư hàn, không phải là triệu chứng bệnh thiếu dương, cho nên không thể dùng tiểu sài hồ thang. Điều sau, vốn là chứng sài hồ làm hạ, bệnh chuyển thành dưới tâm đầy trướng mà không đau, đó là bí, khác với chứng tiểu sài hồ thang ngực sườn đầy tức.



4. Cấm kỵ trong điều trị bệnh thiếu dương.

Nguyên văn:

"Thiếu dương trúng phong, hai tai không nghe được, mắt đỏ, trong ngực đầy mà bút rút, không thể thôi thỏ, công hạ, lâm thỏ, lâm hạ thì đánh trống ngực, kinh hải"

"Thương hàn mạch huyền, đau đầu, phát sốt thuộc thiếu dương, chứng thiếu dương, không thể phát hàn, lâm phát hàn thì nói sáng, đó là thuộc vị, vị điều hòa thì bệnh khỏi, vị không điều hòa thì bút rút, đánh trống ngực.

Tóm lại bệnh thiếu dương có 3 điều cấm.

1) Cấm hàn

2) Cấm thổ

3) Cấm hạ.

+++

5. Quan hệ giữa nhiệt nhập huyết thất và tiêu sài hồ thang.

Nguyên văn:

"Phụ nữ bị chứng thái dương trúng phong 7 - 8 ngày, tiếp đó phát nóng rét quá lại, phát cơn có thời gian nhất định, đúng lúc sạch kinh, đó là nhiệt nhập huyết thất, Huyết bị cơ kết, cho nên triệu chứng tựa như sốt rét, phát cơn có thời gian nhất định, chủ yếu dùng tiêu sài hồ thang điều trị"

Phụ nữ trước và sau khi hành kinh, huyết thấp rộng không bị tà nhiệt thừa hư hãm vào, kết với huyết thành bệnh gọi là nhiệt nhập huyết thất. huyết thất là can, là xung mạch, hay là cung vấn đề này còn đang nghiên cứu.

Về mặt điều trị, thường dùng tiêu sài hồ thang hòa giải tiêu thiếu dương vì cơ chế bệnh của nhiệt nhập huyết thất giống chứng thiếu dương. Trên lâm sàng, có tiêu sài hồ gia đào nhân đan bì pháp, tiêu sài hồ hợp tề giác địa hoàng thang pháp thích kỳ môn pháp, Gynéc quế chi hồng hoa thang pháp, môn tùy chứng vận dụng linh hoạt./.

2) Sài hồ gia hương liệu thang chứng.

Nguyên văn:

"Thương hàn 13 ngày không giải, ngực và sườn đầy trướng, nôn, buổi chiều phát trào nhiệt, sau thấy là chảy máu, đó là sài hồ chứng, đáng lý dùng sài hồ thang cố định dụng của đại sài hồ thang là đại tiêu sài hồ thang."

BAI XV

THUONG HAN KHAI YEU

THIEN THIEU DUONG (Tiếp)

PHUONG PHAP BIEU TRI CUA BENH THIEU DUONG

1) Đại sài hồ thang chứng.

Nguyên văn: *Điều 103*

"Bệnh thái dương, quá kinh trên 10 ngày, ~~đã~~ 2 - 3 lần công hạ, sau 4 - 5 ngày, sài hồ chứng vẫn còn, ~~ta~~ nước hết cho uống, tiểu sài hồ thang nôn không cầm dưới tam cấp bách, bứt rứt khó chịu là bệnh chưa giải. Dùng đại sài hồ thang công hạ thì khỏi.

"Thương hàn phát sốt, ra mồ hôi không giải vùng dưới bì cứng, nôn mửa và ỉa chảy, chủ yếu dùng đại sài hồ thang"

TS# : sài hồ - hoàng cầm - bán hạ - bạch thược - chỉ thực - sinh khương - đại táo - đại hoàng

Đại sài hồ thang.

Sài hồ, hoàng cầm, bán hạ, bạch thược, chỉ thực, sinh khương, đại táo, đại hoàng.

Đại sài hồ thang là bệnh thiếu dương kiêm chứng phủ thực dương minh. Trong nguyên văn nói "Nhiệt kết ở phần thượng, lại có nóng rét qua lại, dùng đại sài hồ thang" do đó trừ các triệu chứng của tiểu sài hồ chứng, trong ruột còn có phân táo kết trê, chẳng những ngực và sườn đầy tức mà lại đến cả vị quản mà thấy dưới tam cấp cứng, bứt rứt khó chịu, đại tiên bị kết ít chảy.

Trong bài thuốc, sài cầm thủ hoãn vùng ngực sườn, bạch thược, đại táo điều hòa vùng dưới tam, bán hạ sinh khương điều trị *điều trị đường 2* ở vị khâu trong ngực đại hoàng, chỉ thực, công tả thực nhiệt trong đường ruột, đường này có tác dụng hòa giải kiêm tiết nhiệt, tri lý thực.

2) Sài hồ gia mang tiêu thang chứng.

Nguyên văn: *Điều 104*

"Thương hàn 13 ngày không giải, ngực và sườn đầy trướng mà nôn, buổi chiều phát trào nhiệt. sau thấy ỉa chảy nhẹ. Do vốn là sài hồ chứng, đáng lý dùng sài hồ thang công hạ. Tiêu chuẩn ứng dụng của đại sài hồ thang là đại tiên táo bón. Nay lại thấy

thấy lạ chảy là kết quả lâm đứng hoàn được công ha của thang thuốc, trào nhiệt là biểu hiện của nội thực, trước hết nên dùng tiêu sài hồ thang giai ngoại tà, sau dùng hải hồ gia mang tiêu thang điều trị.

Sài hồ giã a mang tiêu thang.

Sài hồ, hoàng cầm, cam thảo, nhân sâm, sinh khương, bán hạ, đại táo, mang tiêu.

Đa y là chứng thiếu dương kiêm dương minh, ngực sườn đầy tức mà nôn là bệnh thiếu dương, buổi chiều trào nhiệt, táo bón hoặc lạ lợi là phủ chứng dương minh, nhưng chứng này là do chứng đại sài hồ bệnh tình hơi khác, đại sài hồ thang, trong tiêu sài hồ thang bổ nhân sâm, cam thảo, gia chỉ thực, bạch thực, đại hoàng, biện pháp hòa giải thành pháp biểu lý song giải.

Chứng này thấy nghe tức nhẹ hơn đại sài hồ chứng, mà táo kết nặng hơn, cho nên không dùng đại hoàng phá thực mà dùng mang tiêu nhuận kiên.

3. Sài hồ quế chi thang chứng.

Nguyên văn: Điều 146

"Thương hàn 6 - 7 ngày, phát sốt, hơi sờ lạnh, các khớp bứt rút, lớn nhẹ, dưới tâm kết trệ, ngoại, chứng chưa rút, chủ yếu dùng sài hồ quế chi thang.

Sài hồ quế chi thang.

Sài hồ, hoàng cầm, nhân sâm, quế chi, bạch thực, sinh khương, bán hạ, cam thảo, đại táo.

Trên lâm sàng thấy hiện ra bệnh thiếu dương kiêm biến chứng chưa giải, phương này là sài hồ quế chi hợp dung, có ý nghĩa hòa giải kiêm phát tán, điều trị cảm mạo đau đầu, nóng rét từng cơn, mồ hôi ra bệnh không giải, tay chân đau, tinh thần mệt mỏi, ngực bì trệ, chán ăn có hiệu quả tốt.

4) Sài hồ quế chi can khương thang chứng.

nguyên văn: Điều 147

"Thương hàn 5 - 6 ngày, đã phát hãm mà tai công ha ngực sườn đầy trướng, kết trệ nhẹ, tiêu tiên không thông

lợi, khát mà không uống, nhưng chỉ có đầu ra mồ hôi, nóng rết qua lại, tâm bất rứt, đó là bệnh chưa giải, chủ yếu dùng sài hồ quế chi can khương thang!

Sài hồ quế chi can khương thang:

Sài hồ, quế chi, can khương, qua lâu cần, Hoàng cầm, mẫu lệ, cam tảo.

Bệnh thiên hạ biểu lý chưa giải dùng sài hồ quế chi phối hợp điều trị tức là biện pháp của tiểu sài hồ. Bỏ nhân sâm vì chính khí thông lực giảm bán hạ vì không nôn. Thêm qua lâu cần giảm khát sinh tân, Bức sài hồ gia quế chi để điều trị chủ yếu phần biểu của thiếu dương, gia mẫu lệ để làm mềm kết trệ của thiếu dương, can khương giúp quế chi tả, triêu chửn chứng hàn vắng lai, hoàng cầm giúp sài hồ trừ triệu chứng nhiệt vắng lai, hạn chế nhiệt của can khương, giảm tâm bất rứt.

Phương này điều trị sau khi hãn hạ, dương tà, hãm vào trong, thủy kết nhiệt uất, ngoại chứng chưa giải, thủy khí không hóa, nghịch lui vùng ngực sườn.

5) Sài hồ gia long cốt mẫu lệ thang chứng.

Nguyên văn: *Đầu 107*

"Thương hàn 8 - 9 ngày, công hạ ngược đầy tức, bất rứt kinh hải, tiểu tiện không thông lợi, nói sáng toàn thân nặng nề khó cử động, chủ yếu dùng sài hồ gia long cốt mẫu lệ thang".

Sài hồ gia long cốt mẫu lệ thang.

Sài hồ, long cốt, hoàng cầm, sinh khương, duyên đan, nhân sâm, quế chi, bạch linh, bán hạ, đại hoàng, mẫu lệ, đại tảo.

Thiếu dương biến chứng có chính khí hư, tâm thần rối loạn, thiên trọc tà lưu vùng hoành cách, biểu lý không hòa, chứng biểu lý, lưu trệ cùng hiện ra.

Sài quế ngoại giải chứng trừ thân nặng nề, long mẫu, duyên đan trấn bên trong, trừ bất rứt kinh hải. Đại hoàng hòa vị, giảm nói sáng, bạch lợi tiêu, sâm, khương, tảo bổ khí huyết.

7 . Tiểu kết.

Bệnh thiếu dương là ~~nhiệt~~ chứng bán biểu bán lý.
Nguyên tắc điều trị bệnh thiếu dương là hòa giải biểu lý, chủ
phương là sài hồ thang.

Bệnh thiếu dương có nhiều ~~kiêm~~ chứng, biểu chứng đều dùng
tiêu sài hồ gia giảm điều trị. Đại sài hồ thang dùng đại
hoàng, chỉ thực là nhân thể lợi đạo, phân tiêu bệnh cơ,
khu và để phù chính làm cho tà khí theo thiếu dương giải ra
ngoài.

BỆNH THÁI ÂM

Để chứng trạng bệnh Thái âm : Bụng đầy mà nôn mửa ,
ăn không xuống , là chầy nặng , có lúc đau bụng ...

Tất bệnh ở Vị trường bao gồm cả Thái âm và Dương minh . Nhưng
tính chất hoàn toàn khác nhau .

Dương minh là Lý thực Nhiệt chứng , Thái âm là Lý hư Hàn
chứng . Vì thế có câu nói : ' Thực thì Dương minh , Hư thì
Thái âm ' Cũng chính vì lý do này mà có rài quan hệ chuyển
hóa giữa Thái âm và Dương minh . Bệnh của Dương minh có thể
chuyển vào Thái âm (Bệnh tiên - Dương vào Âm) Bệnh của Thái
âm có thể chuyển ra Dương minh (Bệnh lui - Âm ra Dương) .
Có hai nguyên nhân hình thành bệnh Thái âm :

a/ Do Dương minh chuyển bệnh vào Thái âm , hoặc bệnh ở Tam
đương bỏ lỡ cơ hội điều trị , hoặc điều trị sai lầm khiến
che lý khí hư yếu , tà khí truyền vào Thái âm . Tình huống
này gọi là Truyền kinh .

b/ Vị trường vận hư , mới mắc bệnh đã xuất hiện chứng trạng
Thái âm , tình huống này gọi là Trực chứng trúng .

Thái âm thuộc Thổ chủ Thấp , ở Tạng là Tỳ . Tỳ dương không
mạnh thì hóa theo Hàn thấp , vô luận truyền kinh hay trực
trúng , đã là bệnh Thái âm đều thuộc chứng Lý hư hàn .

Vì bộ vị Tỳ ở bụng trên , Tỳ hư thì mất chức năng vận hóa ,
hàn thấp đã không hóa được , cho nên bụng đầy . Nội kinh có
câu : ' Các loại thấp khí thũng đầy đều thuộc Tỳ ' tức là
bệnh lý chủ yếu của Thái âm bệnh . Cần phân biệt chứng bụng
đầy của Tỳ và của Vị .

Bụng đầy của Dương minh là Dương minh phủ Thực chứng , vừa
đầy vừa rắn , ấn vào cứng chắc mà đau .

Bụng đầy của Thái âm là Hư chứng , sờ thấy bụng mềm mà không
đau .

Tỳ với Vị cùng biểu lý . Bệnh Thái âm Tỳ tất ảnh hưởng đến
Vị . Khí hư hàn nghịch lên cho nên nôn mửa mà ăn không xuống .
Thái âm đã mắc bệnh , Tỳ dương hạ hãm không thắng do đó mới
có chứng là chầy càng tăng là điều tất yếu .

Trong kinh văn có 2 cụm từ ' ăn không xuống ' và ' là chầy
càng tăng ' là điều cần chú ý .

' ăn không xuống ' đáng lý không có là chầy .

Giờ đã ' ăn không xuống ' lại ' là chầy càng tăng ' ... đó
là nêu đặc trưng của bệnh Thái âm , đó cũng là điểm chủ yếu
trong chẩn đoán bệnh Thái âm .

Một đặc trưng nữa của Thái âm bệnh : đó là do Tỳ thổ hư hàn Dương khí lúc tắc lúc thông nên " có lúc đau bụng " lúc không. Nói " có lúc đau " để phân biệt kiểu đau do tắc phân của Dương minh bệnh .

Các triệu chứng trên , đều thuộc chứng Lý hư hàn . Phép trị chủ yếu phải ôn vận trung dương bồi thổ thăng thấp .

- Nếu sai lầm dùng thuốc Hạ , phía dưới Hung tất sẽ kết rấn ...

Sai lầm ở đây là nhìn thấy triệu chứng bụng đầy , vội nhận định là Thực chứng của Dương minh , nên sử dụng phép Hạ . Thực tế , bụng đầy của Dương minh phải vừa đầy vừa rấn đau còn bụng đầy của Thái âm thì bụng đầy mà mềm , không đau . Bệnh Hư chứng mà sai lầm dùng thuốc Hạ , trung khí càng hư Khí hư không vận hóa được nên dưới Hung kết rấn . Dưới Hung kết rấn ở đây là triệu chứng Hư , khác hẳn với chứng Kết Hung rấn đầy và đau thuộc Thực chứng . Cần chú ý phân biệt .

- Thái âm trúng phong , tứ chi đau mỏi , mạch Dương Vi âm Sáp mà Trường là muốn khởi ...

Đây là nói Mạch và Chứng Thái âm ^{âm} trúng phong muốn khởi . Thái âm thuộc Tỳ , chủ tứ chi , Thái âm kinh cảm nhiễm phong tà cho nên tứ chi đau mỏi .

Hai từ " Âm Dương " trong mạch " Dương Vi Âm Sáp " nên hiểu theo nghĩa phủ , trâm , ý nói ấn nhẹ tay thì thấy mạch Vi , ấn nặng tay thì thấy mạch Sáp .

P phủ là mạch chính của Trúng phong , ấn nhẹ tay mà thấy Vi là dấu hiệu phong tà suy thoái muốn giải . Ấn nặng tay mà thấy Sáp là Lý khí Thái âm bất túc , vì tà vào Thái âm , Tỳ khí không tán tinh được , Phê khí không trôi chảy trong Kinh , Doanh âm lưu hành bất lợi cho nên Phê mạch hiện Sáp , đây là bệnh mạch Thái âm trúng phong tứ chi đau mỏi .

Dương Vi tuy là dấu hiệu phong tà muốn giải , nhưng Âm Sáp là lý bất túc , không có sức đẩy tà ra ngoài thì muốn giải mà không được .

Mâu chốt vấn đề muốn khởi là ở chỗ mạch Vi Sáp mà chuyển ra mạch Trường . Sáp mạch chuyển ra Trường là dấu hiệu chính khí phục hồi . Chính khí phục hồi sẽ có sức đẩy tà ra ngoài , cho nên biết là muốn khởi .

Nếu như chỉ thấy Vi Sáp mà không Trường , sẽ không phải là hiện tượng muốn khởi .

Nếu tà ít thì mạch thấy Vi , phần Lý có xu hướng điều hòa thì mạch thấy Sáp mà Trường . Trường thuộc Dương . Bệnh Âm mà thấy mạch Dương thì tốt , vì Âm được Dương thì giải cho nên nói " muốn khởi " .

Kha vận Bá giải thích : Phong là dương tà , tứ chi là gốc của các kinh Dương . Tỷ chủ tứ chi , Dương khí suy thiếu thì hai dương chọi nhau cho nên đau mỗi . Mạch Sáp với Trường không phải cùng xuất hiện . Sáp vận là bệnh mạch . Sáp mà chuyển Trường cho nên bệnh mới khỏi . Phong mạch vận Phù , giờ thầy Vi là phong tà rút đi . Sáp thì ít khí , ít huyết , giờ thầy Trường là dấu hiệu khỏi . Tứ chi đau mỗi , là chứng thấy trước khi Trúng phong chưa khỏi . Vi Sáp mà Trường là mạch của chứng Trúng phong sắp khỏi .

Họ Kha phân tích tuy rõ , nhưng phải chỉ ra chỗ dứt khoát của chẩn đoán , về phương diện mạch phải từ Âm chuyển Dương đó là mặt chủ yếu thứ nhất , mặt khác phải kết hợp với từng chứng trạng riêng mà phân tích toàn diện , nếu như mọi chứng trạng đều có hướng giảm nhẹ mới có thể là dấu hiệu khỏi chắc chắn .

Bệnh Thái âm khi muốn giải . từ giờ Hợi đến giờ Sửu .

Bệnh Thái âm khi chuyển biến tốt từ thời gian 21 giờ đến 3 giờ Đó là thời gian âm ở trong âm .

Tỷ là chí âm ở trong âm , vượng vào 3 giờ Hợi , Tý , Sửu , cho nên bệnh Thái âm sắp khỏi cũng bắt đầu từ thời gian vượng của bản kinh , lúc này chính khí vượng có thể đẩy lùi được tà khí .

Bệnh Thái âm , mạch Phù , có thể phát hãn , nên dùng Quê chi thang

Kinh văn nêu lên bệnh Thái âm nêu thấy biểu chứng mà mạch Phù , có thể dùng Quê chi thang để giải cơ phát hãn .

Ở đây không nêu chứng trạng mà chỉ nói mạch Phù là cơ sở cho biện chứng thi trị .

Bệnh Thái âm văn thuộc chứng Lý hư hàn , đáng lý ra phải có mạch Trầm , giờ không thấy Trầm mà thấy Phù , rõ ràng đó là biểu tà , tà ở biểu thì nên theo biểu mà chữa , cho nên dùng Quê chi thang .

Kinh văn điều 187 có nói " Thương hàn mạch Phù mà Hoãn , chân tay tự âm , đó là bệnh ở Thái âm " có thể tham khảo với những điều nói ở đây . Nhưng chứng này đã điều trị bằng Quê chi thang , căn cứ vào thuộc mà suy ra chứng , tự thấy có các chứng đau đầu , phát sốt , ra mồ hôi , sợ gió của chứng Quê chi thang , trong lời văn tuy không nêu rõ , cũng không thể xen nhẹ bỏ qua , giả sử không hỏi chứng trạng như thế nào chỉ dựa vào mạch Phù mà vội dùng Quê chi thang là điều không thỏa đáng .

là chảy không khát, thuộc Thái âm, vì tạng có Hàn nên có chứng ấy nên làm cho ấm như dùng loại bài Tứ nghịch ...

Đây là nói tính chất bệnh Thái âm và phương pháp điều trị là chảy mà không khát là bệnh thuộc Thái âm, đó là do Vị trường hư hàn, nên điều trị bằng phương pháp ôn bổ, loại bài thuốc như Tứ nghịch thang có thể dùng được.

Bệnh Thái âm là chảy không khát, đó là tình huống chung, vì Thái âm là âm thổ, mắc bệnh thì hỏa theo hàn thấp, vì thấp khí tràn lan nên không khát, nhưng cũng không phải tuyệt đối; nếu là chảy kéo dài hoặc nghiêm trọng, tân dịch tiết ra ngoài thái quá cũng sinh khát nước, chẳng qua khát không nhiều hoặc thích uống ấm, bởi vì là chảy không khát là chỉ về bệnh là chảy thời kỳ đầu của Thái âm ở mức không nghiêm trọng.

Is chảy do Thái dương Dương minh hợp bệnh cũng không khát, cho nên nếu chỉ căn cứ vào là chảy không khát thì không thể nói được là bệnh Thái âm mà còn phải có những biện chứng khác nữa, do đó câu nói của Trọng cảnh "Tạng có hàn cho nên vậy" là rất có ý nghĩa. Bởi vì là chảy trong loãng, rêu lưỡi trắng nhớt, mạch Trĩ Nguyên v.v... đều có thể chữa trị theo nguyên nhân "Tạng có hàn", rất khác với chứng Cát căn thang là chảy không khát do biểu tà không giải, nhiệt bức bách ở phần lý (chỗ khác nhau là dạng bài tiết, rêu lưỡi và mạch).

Bệnh Thái âm là chứng Lý hư hàn cho nên trong trị liệu, chủ yếu lấy ôn bổ như các bài Tứ nghịch thang, Lý trung thang tùy chứng mà gia giảm.

- Thương hàn mạch Phù mà Hoãn, chân tay tự ấm là thuộc Thái âm.

Bệnh Thái âm nên có chứng phát hoảng, nếu tiểu tiện tự lợi, không khát hoảng nữa. Bệnh đến 7 - 8 ngày, tuy bạo phiền mà là chảy ngày tới nơi lần rồi sẽ ngừng, đó là bởi Tỳ gia thực, cần sẽ hồi thối dần đi cho nên như vậy.

Đoạn kinh văn này nói lên hai trường hợp chuyển qui bệnh Thái âm.

Một là thật uất phát hoảng.

Hai là Tỳ dương hồi phục tự động dẫn độc tà ra ngoài.

Cụm từ "Thương hàn mạch Phù mà Hoãn" đến "Thuộc Thái âm" nhằm phân biệt sự khác nhau giữa Thái dương trúng phong và chứng Thái âm.

Thái dương trúng phong mạch Phù Hoãn, tất phải có biểu chứng phát sốt sợ lạnh đau đầu. Giờ mạch Phù Hoãn mà chân tay tự ấm thì biết là thân thể không có chứng phát sốt, đương nhiên cũng không có biểu chứng nào khác, cho nên mạch Phù Hoãn là bệnh không ở Thái dương mà ở Thái âm.

Cụm từ "Thái âm nên có chứng phát hoảng"

Cụm từ " Thái âm nên có chứng phát hoàng " đến " không thể phát hoàng " là suy tính chứng trạng có khả năng phát sinh ở Thái âm là tạng thấp thổ . Hàn thấp vật trệ cũng có thể phát hoàng , cho nên kinh văn nói : " Bệnh Thái âm nên phát hoàng " Nhưng loại phát hoàng này vàng tối ~~hết~~ là Âm hoàng khác hẳn với chứng Dương hoàng do nhiệt nung rầu , sắc vàng tươi như quả quýt rất dễ phân biệt . Nếu như tiểu tiện tự lợi là thấp tà theo tiểu tiện thoát ra , thấp tà có lối thoát nên mới biết là sẽ không phát hoàng nữa .

Cụm từ " Bảy - Tám ngày " đến " Cận bã hơi thôi dần bỏ đi cho nên như vậy " là nói cơ chuyển muốn khỏi của bệnh Thái âm .

" Bệnh đến 7-8 ngày tuy bọe phiền mà là chầy ngày tới mười lần " đó là biểu hiện Tỳ dương hồi phục đuổi tà ra ngoài , tả khí bắt thì là chầy ngừng . Nếu không phiền mà ngày là chầy mười lần , tức là âm hàn thịnh ở trong , không có hiện tượng muốn khỏi . Nhưng loại là chầy do Tỳ dương hồi phục với loại là chầy do Âm hàn thịnh ở trong không thể chỉ căn cứ vào " có phiền " hay " không phiền " để phân biệt mà phải biện chứng theo các phương diện khác . Như Tỳ dương tự hồi phục , chân tay nên ấm , tinh thần sáng khoái , nhót lưỡi hóa dần , đó là hàn thấp bắt dần cho nên là chầy tất tự ngừng . Nếu do âm hàn thịnh ở trong thì chân tay không ấm , tinh thần khờ đờ , rêu lưỡi nhót không hóa ... đó là hàn thấp chưa trừ được cho nên là chầy mới không ngừng , điểm này cần phải phân biệt .

Vấn là bệnh Thái dương , thấy thuộc lại dùng thuốc Hạ , do đó có lúc bụng đầy và đau , thuộc Thái âm ; Quê chi gia Thược được thang chủ chữa bệnh này . Nếu đau thuộc chứng thực , Quê chi gia Đại hoàng thang chủ chữa bệnh này .

Trên đây là giới thiệu chứng trạng và phép chữa do bệnh Thái dương sai lầm dùng thuốc Hạ , tả hãm vào Thái âm .

Do nhân tố nội tại của bệnh nhân khác nhau , nên bệnh lý chuyển quy cũng khác nhau . Vấn là bệnh Thái dương lại sai lầm dùng thuốc Hạ đến nỗi tả hãm vào Thái âm , có hai loại triệu chứng : Một là Chứng của Quê chi gia Thược được thang Mai là chứng của Quê chi gia Đại hoàng thang .

" Bụng đầy có lúc đau " là do Hạ nhầm làm tổn thương Tỳ khí . đây không phải là gốc bệnh Thái âm Lý hư hàn , nên không có chứng nôn và là chầy , nhưng vì biểu chứng Thái dương chưa hết cho nên trong Quê chi gia Thược được để vừa giải biểu vừa hòa Tỳ , Tỳ khí hòa thì hết đầy đau bụng .

" Đau thuộc chứng Thục (đại thục thân) " là bên trong có thục tả gây đau , có nghĩa là có chứng rắn đầy và cự án , cho nên lại gia Đại hoàng để thông thục kết , thục tả phải trừ được , mới hết chứng đau .

Quê chi gia Thục được thang và Tiểu kiến trung thang đều chữa đau bụng , liều lượng vị thuốc của 2 bài gần giống nhau. Chỗ khác nhau là Tiểu kiến trung dùng vị Giao di (đường phèn) và bài thuốc lấy Giao di làm Quân mục đích là bổ ích Lý hu chú không nhằm tác dụng giải biểu ... cho nên mới chữa được các chứng trong Tâm hồi hộp mà phiền do Âm Dương đều hư và hư lao lý cấp vừa hồi hộp vừa đổ máu mũi .

Trong Quê chi gia Thục được thang không dùng Giao di . đó là vẫn lấy giải biểu làm chủ yếu , lại thêm hòa Tỳ giảm đau chứ không có tác dụng ôn bổ , đây là điểm chủ trị khác nhau của 2 bài thuốc .

QUÊ CHI GIA THỤC ĐƯỢC THANG

Quê chi (bỏ vỏ)	3 lạng	12✓
Thục được	6 lạng	24✓
Cam thảo (nướng)	2 lạng	8✓
Đại táo (bỏ hạt)	12 quả	
Sinh khương	3 lạng	12✓

Bài này vận dụng theo phép Âm hòa Dương . Cái hay ở chỗ dùng hai thuốc chữa bệnh Thái dương để chữa bệnh Thái âm . Bụng đầy có lúc đau là đường âm phạm hư , lấy vị Thục được liều cao 3 lạng và Cam thảo làm Tá , vị chua vị ngọt hỗ trợ nhau thích hợp là thuốc chủ yếu của Thái âm ; hơn nữa dùng Thục được đi kèm Quê chi , dẫn sâu vào âm phận , thăng củ dương phận , giải được tà của Thái dương hãm vào Thái âm , lại có Khương Táo để điều hòa thì Dương tà của Thái dương không lưu đọng ở Thái âm nữa .

Vị Bạch thục chủ trị Tả khí đau bụng , chữa chứng huyết tỳ , phá tích rắn , hàn nhiệt , sản hà , giảm đau , lợi tiểu , ích khí .

Bệnh Thái dương dùng thuốc Hạ nhâm , tà hãm Thái âm , biểu tà Thái dương chưa giải cho nên vẫn dùng Quê chi thang để giải biểu , vì bụng đầy có lúc đau , nên mới dùng Thục để hòa Tỳ giảm đau .

QUÊ CHI GIA ĐẠI HOÀNG THANG

Quê chi (bỏ vỏ)	3 lạng	12✓	Đại hoàng	2 lạng	8✓
Cam thảo (nướng)	2 lạng	8✓	Thục được	6 lạng	24✓
Đại táo (bỏ hạt)	12 quả	100✓	Sinh khương	3 lạng	12✓

Trong Quê chi thang dùng Đại hoàng là muốn phá bỏ Tỷ thực mà không làm tổn thương âm .

Đại hoàng không phải là thuốc của Thái âm . Chúng Tỷ thực đau bụng là do trong ruột có phân tảo không trừ được , rõ ràng là bệnh Thái âm chuyển ra Dương minh , vừa có công điều lý âm phân lại có ý nghĩa như " Điều vị thừa khí " Phân tảo trừ , thông được con đường của Dương minh thì đường kinh khí vận hành của Thái âm trôi chảy mà giảm đau bụng ...đó là phương pháp song giải biểu lý .

Quê chi gia Thược được không khác gì Tiểu kiến trung liều lượng nhỏ .

Quê chi gia Đại hoàng , có ngụ ý bài Điều vị ở trong .

Phạm vi ứng dụng bài thuốc này :

a/ Bệnh Lý mới phát có biểu chứng bụng đau Lý cấp hậu trọng

b/ Quan mạch thực , bụng đầy đau , táo bón , ấn vào đau .. đó là đau thuộc thực .

c/ Chữa đại thông (đau nhiều) do hàn nhiệt ở trong bụng không điều hòa .

Bệnh Thái âm mạch Nhược , người bệnh tiếp tục đại tiện lỏng , có thể dùng Đại hoàng . Thược được nhưng giảm liều lượng vì Vị khí người bệnh yếu dễ tổn thương (động)

Bệnh Ở đây nêu cần thận trọng khi dùng thuốc công phát đối với những người/thể chất yếu , nêu cần có thể dùng liều lượng nhẹ .

Đối với bệnh Thái âm , cần chú ý cô chính khí người bệnh . Bệnh Thái âm mạch Nhược là hiện tượng trung khí hư yếu , tạm thời chưa đau bụng ỉa chảy nhưng về sau tất sẽ đau bụng ỉa chảy ; cho nên những thuốc công phát hàn tính , phải thận trọng . Cho dù bụng đầy có lúc đau hoặc đau quá lâu (đại thực thông) nêu cần thiết phải dùng Thược được Đại hoàng cũng nên dùng liều lượng nhẹ , bởi vì trạng khí hư yếu thì dễ ỉa chảy , nêu không dùng liều lượng nhẹ thì bệnh đã hư càng thêm hư sẽ ỉa chảy không ngừng .

Có người hỏi : Đại hoàng có thể làm thương Vị khí cho nên giảm liều lượng là phải , còn Thược được có thể điều hòa Tỷ âm sao cũng phải giảm liều lượng ? Trả lời : Mạch Nhược thì khí không dồi dào , Trọng Cảnh dùng vị sam ôn để sinh khí , Thược được vị Toan hàn tuy không mạnh bằng Đại hoàng nhưng người khí yếu không nên dùng nhiều cho nên giảm liều lượng ./.

1) (1) ACH - CHỨNG - PHÉP TRỊ

BỆNH THIÊU ÂM

Bệnh Thiêu âm, mạch Vi Tế, chỉ muốn ngủ (điều 281).

Trong Thương hàn luận, các điều từ 281 đến 325 giới thiệu toàn bộ diễn biến bệnh Thiêu âm, trong đó điều 281 là để cương mạch và chứng chủ yếu.

Mạch Vi là hiện tượng mạch đập nhẹ mà vô lực, thuộc Dương khí suy yếu. Mạch Tế là hình tượng mạch nhỏ thuộc Doanh huyết bất túc.

'Chỉ muốn ngủ' ở đây là trạng thái lơ mơ mệt mỏi, thức không ra thức, ngủ không ra ngủ. Chỉ muốn ngủ là hình bệnh của mạch Vi Tế, nói lên bệnh Thiêu âm ở giai đoạn suy yếu rõ rệt.

Tác nhân gây bệnh Thiêu âm có thể chia ra hai loại Truyền kinh và Trục trướng. Nhân tà trực tiếp xâm phạm Thiêu âm, ngay từ đầu đã xuất hiện chứng trạng Thiêu âm, đó là Trục trướng. Phát bệnh ở kinh khác mà tà nhiệt truyền đến Thiêu âm, đó là Truyền kinh. Nhưng căn cứ và đặc điểm của Bản kinh mà nói, thường gặp nhiều hơn là tà từ Thái dương truyền đến bởi vì Thái dương cùng biểu lý với Thiếu âm, mối quan hệ hai kinh này rất chặt chẽ. Khi Thái dương bị bệnh, chính khí còn đủ, tà sẽ giải ngay từ Thái dương, nếu chính khí bất túc, tà nhân cơ hội mà hãm vào Thiêu âm, do đó mới có câu nói 'Thục thì Thái dương, hư thì Thiếu âm'. / Thiêu Âm cũng có trường hợp tà từ Thái âm truyền vào, hoặc do chữa sai lầm mà chính khí bị tổn thương cũng dẫn đến biến chứng tà hãm vào Thiêu âm.

Về tính chất và chứng trạng bệnh Thiêu âm thuộc loại hư hàn toàn thân, vì bệnh đã vào tới Thiêu âm chính khí đã ở giai đoạn suy kém cực độ cho nên so với Thái âm thì bệnh tiến sâu thêm một bước. Bệnh Thái âm chẳng qua là Tỳ Vị dương hư, cơ năng toàn thân chưa hư lắm cho nên dễ chữa hơn. Còn bệnh Thiêu âm là Tân Thận dương hư, loại âm tà tràn lan khắp bên trong bên ngoài cho nên có các hiện tượng nghiêm trọng như chân tay厥逆 nghịch, sợ lạnh nằm co, ỉa chảy ra nguyên đồ ăn, tinh thần khờ đờ, thuộc loại âm thịnh dương vi cho nên mới nói bệnh Thiêu âm là chứng hư hàn toàn thân. Nhưng mặt khác cũng cần nói, Thiêu âm cũng có chứng Nhiệt, bởi vì Thiêu âm gốc (bản) thuộc âm mà ngọn (tiêu) thuộc Dương, vừa có thể từ âm hóa hàn, cũng có thể từ dương hóa

Nhiệt , cho nên Thiếu âm có chỗ hàn hóa , nhiệt hóa khác nhau .

Theo như đề cương bệnh Thiếu âm , ngoài mấy triệu chứng chủ yếu , cần biết đó mới chỉ là nói chính cục của bệnh Thiếu âm . Nếu như biểu hiện mạch Khẩn , Trầm , Tề , Sác và các chứng Tâm phiền không ngủ được thì lại là biên cục của bệnh Thiếu âm , tuy nào đầu kinh văn có nói ba từ ' Bệnh Thiếu âm ' nhưng không thể xem là chứng hư hàn toàn thân .

Chính cục là căn cứ vào bản chất bệnh Thiếu âm mà nói . Biên cục là căn cứ vào tình hình biến hóa của triệu chứng mà trình bày . Một ' thường ' một ' biên ' (phải nhận thức rõ ràng . Hơn nữa , triệu chứng ' chỉ muốn ngủ ' của bệnh Thiếu âm gần giống với chứng ' thích ngủ ' của thiên Thái dương cũng nên phân biệt .

Triệu chứng ' thích ngủ ' ở bệnh Thái dương là hiện tượng giấc ngủ sâu ngon lành do ngoại tà đã giải , chính thắng tà lui .

Còn ' chỉ muốn ngủ ' ở bệnh Thiếu âm không phải là đích thực ngủ ngon mà do âm thịnh dương hư , tinh thần không mạnh , ngủ không ra ngủ , thức không ra thức .

Hơn nữa ở Thái dương thì mạch Phù Tề , ở Thiếu âm thì mạch Vi Tề ; ở Thái dương nhiệt lưu thân thể điều hòa , không sợ lạnh , ở Thiếu âm không phát nhiệt mà toàn thân tất sợ lạnh . Do đó , một thể là xu hướng bệnh giải , một thể là tà thịnh chính hư .

Cũng lưu ý thêm chứng Dương minh trướng phong ở điều 231 cũng có chứng ' thích nằm ' lại là do nhiệt thịnh , tinh thần hôn mê gây nên , khác hẳn hai chứng nói trên .

Cần lưu ý thêm , kể cả bệnh Thiếu âm là phải lấy chứng ' chỉ muốn ngủ ' , mạch hoặc Vi hoặc Tề làm căn cứ , nhưng trong lâm sàng , ngoài những điều cơ bản đó , cũng nên chú ý cả các triệu chứng khác như đại , tiểu tiện , ăn uống , tay chân lạnh và biến đổi rêu lưỡi v.v... quan sát tổng hợp thì chẩn đoán bệnh Thiếu âm mới toàn diện .

Bệnh Thiếu âm , muốn thế không thể được , tâm phiền chỉ muốn ngủ , bệnh đến 5 - 6 ngày , ỉa chảy mà khát là thuộc Thiếu âm , vì hư cho nên khát để tự cứu . Nếu tiểu tiện trong là biểu hiện đầy đủ bệnh Thiếu âm , tiểu tiện trong vì hạ tiêu hư có hàn , không chế được thủy cho nên tiểu tiện mới trong .

Biện chứng về bệnh Thiếu âm hư hàn có thể chia làm hai đoạn
Cụm từ 'bệnh Thiếu âm' đến 'vì hư cho nên khát để tự cứu'
là một đoạn, nêu lên chứng trạng thể và lý do đây là Thiếu
âm dương hư.

- Cụm từ 'tiểu tiện trắng trong' đến 'cho nên tiểu tiện
nổi trong' là đoạn thứ hai nói lên tiểu tiện trắng trong
là chỗ dựa trọng yếu để chẩn đoán dương hư hàn nặng.

- Muốn thế mà không thể được là dương khí suy vì ở hạ tiêu,
hàn tà nghịch lên, vì lý do đây do hư hàn, trường vị rộng
không, cho nên muốn nên nửa mà không nên nửa được; vì âm
thịnh ở dưới nên hư dương dễ quấy rối ở trên nên xuất hiện
chứng tâm phiền. Loại tâm phiền này khác hẳn chứng tâm
phiến do Vị thực, cũng khác với chứng hạ phiến của chứng
Chi sị.

- Tâm phiến của chứng Dương minh Vị thực phải biểu hiện một
loạt thực chứng như táo bón, bụng đầy mà đau, rêu lưỡi
vàng bẩn, miệng khô ráo v.v...

- Tâm phiến của chứng Chi sị thang là do hư nhiệt lưu lại quấy
rối hung cách, trong tâm tất phải có tình huống ảo ảo,
sao rỗng.

- Căn tâm phiến của bệnh Thiếu âm này, tất phải kèm theo
triệu chứng lý do đây, mạch Vi Tế thuộc hạ tiêu hư hàn...
phân biệt rõ ràng như thế, không khó khăn gì.

'Chỉ muốn ngủ' là một chứng trạng chủ yếu của Thiếu âm hư
hàn, cũng xuất hiện với chứng tâm phiến, càng chứng minh
loại tâm phiến này thuộc Thiếu âm hư hàn, chứ không phải
là tà nhiệt quấy rối ở trong. Tâm tuy phiến mà vẫn chỉ muốn
ngủ, có thể biết lý do là dương khí suy yếu, tinh thần
mệt mỏi.

- Lý do đây mà khát cũng thuộc Thiếu âm dương hư, loại khát
này không phải là dương nhiệt hỏa dư hun đốt tân dịch mà là
chân dương bất túc không thể chưng hóa tân dịch đưa lên;
loại khát này tất phải ưa uống nóng và lượng uống cũng không
nhiều, vì thế mới nói 'do hư nên mới khát để tự cứu',
đó là nói rõ cụ thể.

'Tự lợi không khát thuộc Thái âm' ở điều 277 và 'tự lợi
mà khát thuộc Thiếu âm' ở đây, có thể thấy hai kinh Thái,
Thiếu âm này giống nhau ở chỗ lý do đây, chỗ yếu điểm biện
chứng là có khát hay không.

Thái âm thuộc hàn thấp ở Tỳ nên lý do đây mà không khát. Thiếu
âm thuộc hạ tiêu dương hư không chưng hóa tân dịch dâng lên
mới lý do đây mà khát; nhưng khác hẳn với loại khát nước lý
do đây của chứng thực nhiệt của Dương kinh.

Nói chung là lỏng thuộc Dương chứng , chất bài tiết phải hôi thối , nóng rất gian mê , rêu lưỡi phải vàng bẩn và kèm theo mạch chứng mình nóng mạch Sác . Còn là lỏng và khát thuộc Thiếu âm chất bài tiết ra phải trong loãng hoặc lẩn thức ăn không tiêu , rêu lưỡi phải trắng nhuận , có đầy đủ mạch chứng sợ lạnh , mạch Vi .

Nguyên nhân căn bản chứng là lỏng khát nước của Thiếu âm bệnh là hạ tiêu hư hàn không làm âm phần dương cho nên tiêu tiện trong . Nếu là lỏng thuộc Dương nhiệt thì tiêu tiện phải sền dề , đó là hai điểm phân biệt chủ yếu .

① Người bệnh mạch Âm Dương đều Khẩn , lại ra mồ hôi , đó là vong Dương . Loại này thuộc Thiếu âm , theo phép thì đau họng và nên mửa là lỏng . Đây là mạch và chứng vong dương thuộc Thiếu âm . Mạch Khẩn chủ về hàn , mạch Âm Dương đều Khẩn là hàn tả đã vào thẳng Thiếu âm .

- Thái dương Thương hàn mạch Âm Dương đều Khẩn là Phủ mà Khẩn Bệnh Thiếu âm , mạch Âm Dương đều Khẩn là Trầm mà Khẩn . Âm chứng vốn không nên có mồ hôi , bây giờ lại thấy ra mồ hôi , đó là âm hàn quá mức , Dương hư không giữ bên bên ngoài nên có hiện tượng thoát ra ngoài . Lý hàn thịnh nà , Dương thoát ra ngoài , vì vậy nên nảy sinh tình huống thối lợi và đau họng .

- Bệnh Thiếu âm vào thể vừa lợi , âm hàn đã thịnh , nếu lại thấy ra mồ hôi và đau họng thì biến chứng vong dương chỉ trong khoảnh khắc , lúc này nên cho uống Khuông Phụ liệu cao để hồi dương cũng dễ chứng thoát , nếu như lỡ dịp thì rất nguy hiểm .

- Chứng đau họng là do âm hàn cực thịnh , hư dương nổi lên gây nên , loại đau họng này phần nhiều không dễ không sưng khác với loại đau họng thuộc Thúc chứng , không được dùng các loại thuốc thông thường thanh nhiệt lợi họng và cũng không nên chạy chữa đơn thuần một chứng này . Sau khi đã dùng Khuông Phụ để hồi dương , hỏa trở về vị trí thì chứng đau họng cũng khỏi .

Tóm tắt từ điều 281 đến 283 Kinh văn :

Bệnh Thiếu âm

a/ Tính chất & phần Dương ở Tâm Thận đều hư , biểu hiện chứng toàn thân hư hàn .

b/ Mạch tượng : Vi Tê , Âm Dương đều Khẩn .

c/ Chứng trạng : Chỉ buồn ngủ , Tâm phiền , ỉa lỏng mà khát , tiểu tiện trong trắng , đầu họng nôn mửa , ỉa chảy Bệnh Thiệu âm ho mà ỉa chảy nói sáng là bị hỏa kiếp ; tiểu tiện ít khó khăn , là bởi bức bách mồ hôi của kinh Thiệu âm .

Ở đây là nói bệnh Thiệu âm do phát hãn sai lầm dẫn đến bệnh biến hao tổn tân dịch .

Bệnh ở kinh Thiệu âm , ho và ỉa chảy là chứng của Tứ nhị thang , bây giờ thêm chứng nói mớ là do hỏa kiếp cưỡng bức cho ra mồ hôi , cho nên đi tiểu khó khăn .

Bệnh Thiệu âm có hàn hỏa , nhiệt hỏa khác nhau , chứng trạng ho và ỉa lỏng cũng theo âm hóa hàn , dương hỏa nhiệt khác nhau .

Theo hàn hỏa , dùng Chân vũ thang ; theo nhiệt hỏa , dùng Chư linh thang , đó là nguyên tắc chung . Bây giờ có chứng nói sáng là do sai lầm dùng hỏa kiếp , tất nhiên làm hao tổn âm dịch , tâm âm tổn thương dẫn đến tâm thần trôi nổi (phù việt) , nói sáng bởi đó . Thân chủ đại tiểu tiện giờ cưỡng bức Thiệu âm ra mồ hôi , tân dịch tổn thương nên mới có chứng hậu khó đi tiểu tiện .

Cần chú ý phân biệt ở đây : ho và ỉa chảy là chứng trạng của Thiệu âm . Nói sáng tiểu tiện khó là biến chứng do dùng hỏa kiếp .

Bệnh Thiệu âm , mạch Trầm Sác là bệnh ở Lý , không được phát hãn . Đây là điều cấm dùng phép Hãn đối với bệnh Thiệu âm có mạch Trầm mà Sác vì vị trí bệnh ở Lý . Nếu lầm dùng phép Hãn sẽ dẫn đến vong dương do tân dịch bị tổn thương . Trường hợp kiêm có biểu chứng Thái dương phát đốt không mồ hôi mạch Trầm cũng có thể linh động phát hãn nhưng phải phối hợp các thuốc bảo vệ Dương phận khác như loại Ma hoàng Phụ tử Tán tân thang . Còn mạch Trầm Tề Sác của chứng này , Sác giống như chủ về nhiệt , nhưng Sác lại Trầm Tề thì không thể khẳng định là mạch có nhiệt , trái lại , phần lớn các loại mạch này thuộc về Lý hàn mạnh , vì vậy mới nói bệnh ở Lý không thể phát hãn . Đây là điều nên chú ý trong lâm sàng .

Tiết thận Yêm nhân mạch : Người ta chỉ biết Sác là nhiệt không biết trong Trầm Tề có Sác là hàn nặng thuộc chứng Hàn ở chân âm , mạch một 'tức' 7-8 chỉ mà nói tóm lại chỉ một từ 'Sác' nhưng ấn vào phải vô lực mà tản đi ...

Bệnh Thiệu âm mạch Vi , không được phát hãn , đó là sác động vong dương . Dương đã hư , Xích mạch Nhược Sác cũng không được dùng thuốc hạ .

phải là
từ từ
trải ra
à giờ

Ở đây nêu hai loại cân phát hãn , cân dùng phép Hạ đối với bệnh Thiêu âm .

- Bệnh Thiêu âm biểu hiện mạch Vi như có như không đó là Dương khí rất hư , không được chữa bằng thuốc phát hãn ; Dương khí hư , mạch ở Tích bộ Nhược Sắc là Âm cũng hư , càng không được chữa bằng thuốc Hạ .

- Trên kia đã nói bệnh Thiêu âm mạch Trầm Tế Sắc lả bệnh ở Lý , cân không được dùng thuốc phát hãn ; ở đây lại nêu điều cân dùng thuốc phát hãn cũng không được dùng thuốc Hạ .

Nói mạch Vi không được phát hãn là vì mạch Vi là Dương khí bất túc , nếu như lại phát hãn , rất dễ dẫn đến ra nhiều mồ hôi mà vong dương rất nguy hiểm , cho nên mới không được phát hãn .

- Bệnh Thiêu âm ở thời kỳ hốt nhiệt chuyển thành táo thực , cũng có thể tạm dùng công hạ , nhưng âm huyết hư quá cũng không được công hạ ; ở đây mạch Vi đã thuộc dương hư , nếu mạch ở bộ Tích lại Nhược Sắc là biểu thị âm huyết cũng suy dù không táo bón cũng cân không được công hạ , giả dụ hạ lâm ất vấp phải vào tai lại đã hư càng thêm hư (hư hư) tai họa theo gót chân .

Tóm lại , loại mạch tượng trên đây nói lên cơ chế cân hãn hạ đối với bệnh Thiêu âm .

Mạch Vi tựa như có như không là dương khí rất hư , cho dù lại có chứng trạng phát sốt cũng không được phát hãn nữa . Tích mạch Nhược Sắc , chân âm cũng đã bất túc , trong tình huống âm dương đều hư , khí huyết đều suy này , nếu có táo bón cũng không nên coi nhẹ mà công hạ .

Phác đồ từ điều 264 đến điều 266

Bệnh Thiêu âm .

a/ Trị cân :

- Cân hãn : Mạch Vi : Dương khí rất hư .

Mạch Trầm Tế Sắc x Lý hư hàn thịnh

- Cân hạ : Tích mạch Nhược Sắc là âm huyết suy hao .

b/ Bức hãn do hỏa kiếp biến chứng : nói về , tiêu tiện khó .

Bệnh Thiêu âm mạch Khẩn , đến 7-8 lần ngày , tự là chảy , mạch Vi đột ngột , chân tay lại ấm , lại không thấy mạch Khẩn , là bệnh muốn khỏi , tuy phiền hà là chảy , ất tự khỏi .

Đoạn kinh văn này nói về tình thế bệnh có xu hướng khỏi của bệnh Thiêu âm ; cũng ý nghĩa với điều 276 nói về bệnh Thái âm có chứng phiền đột ngột và là lả là Tỳ gia thực cần tả hồi thời trừ được thì bệnh khỏi .

Về phương diện cơ chế bệnh lý , mạch Khẩn vốn chủ về hàn .

Bệnh Thái dương mạch Khẩn là bệnh ở Biểu, ít phải có chứng phát nhiệt ở hàn. Bệnh Thiếu âm mạch Khẩn là bệnh ở Lý, chứng xuất hiện ít phải không phát nhiệt mà ở hàn. Bây giờ tà khí và chính khí cảm cụ đến 7-8 ngày mà thấy chứng tự là chảy, loại tự là chảy này có thể có hai hướng chuyển qui. Ví dụ như là chảy ~~tổ~~ độ, tự hãn nằm co, chân tay nghịch lạnh, tỉnh thần trần trọc không yên, thì là dấu hiệu nguy hiểm âm dương chia lìa. Còn ở đây giới thiệu sau khi là chảy mạch dẫn thấy Vi đột ngột, nhưng chân tay lại âm, đó là vì Dương khí hồi phục, vì chân tay là gốc của các kinh Dương, chân tay âm tuy có là chảy cũng không phải tình huống xấu, đó là biểu hiện tà rút chính khí trở lại, mạch Khẩn lui đi là hiện tượng hàn tà rút, Dương trở về Âm rút lui, tình trạng âm dương thăng bằng dần cho nên biết là bệnh muốn khỏi.

Nhìn thấy các triệu chứng ' đến 7-8 ngày, tự là chảy ' và ' mạch Vi đột ngột ' giống như chứng hậu tà thịnh chính hư, và chân đoan nhận định có hướng khỏi, mâu chất vấn đề là ở chỗ chân tay lại âm mà mạch Khẩn lại lui. Nhưng bệnh đã ở giai đoạn Thiếu âm, tình thế còn rất nghiêm trọng, tuy có xu hướng khỏi cũng phải tổng hợp chứng ~~hệ~~ ~~tả~~ ~~thực~~ ~~chính~~ ~~hư~~ trạng mọi phương diện mới là chu đáo.

Lại chứng hư hàn của bệnh Thiếu âm có xu hướng tốt, điều quyết định ở chỗ thịnh suy của Dương khí.

Mạch Khẩn là hàn, nếu tự là chảy mà mạch Khẩn không rút, tay chân không ấm, thì là âm hàn càng thịnh, dương khí càng suy, bệnh có xu hướng tăng thêm.

Nếu mạch Khẩn rút, tay chân ấm trở lại là dấu hiệu Dương khí phục hồi, cho nên dấu là chảy cũng ít tự khỏi.

Bệnh Thiếu âm, là chảy, nếu là chảy tự dừng, sợ lạnh mà nằm co, chân tay âm, có thể chữa được.

Điều này phán đoán bệnh có thể chữa được quyết định ở hiện tượng dương khí hồi phục. Bệnh Thiếu âm là chảy, ở hàn mà nằm co, đều là triệu chứng âm hàn rất thịnh.

Ví dụ là chảy có thể tự ngừng lại, chân tay chuyển thành ấm dần, đó là âm tà muốn rút, hiện tượng dương khí bước đầu phục hồi nên mới nói có thể chữa được, đương nhiên, có thể chữa được không phải không có thuốc mà khỏi, dùng các thang thuốc phù dương ư âm là rất cần thiết.

④ Bệnh Thiêu âm sợ lạnh mà nằm co , nhưng có lúc tâm phiền không yên muốn cởi bỏ áo , có thể chữa được .

Xét rõ bệnh biết là dương khí hồi phục , phán đoán có thể chữa được . Vì sợ lạnh nằm co vốn là bệnh của Thiêu âm , nếu lại có lúc tâm phiền , muốn cởi bỏ áo , đó là dương khí hồi phục , tranh dành với âm tà ; hiện tượng dương khí thắng cho nên đoán là chữa được .

⑤ Thiêu âm trúng phong mạch dương Vi âm Phù là muốn khởi .

Tinh thần chủ yếu ở đây nêu lên mạch tượng bệnh Thiêu âm ngoại tà ngoại tà giải dần , âm chứng chuyển dương muốn khởi . Âm Dương là chỉ bộ mạch Xích Thốn . Vì phong là dương tà , Thiêu âm trúng phong , Thốn mạch nên Phù , giờ không Phù mà Vi , có thể biết là phong tà giải dần .

Thiêu âm là lý , tà vào Thiêu âm , Xích mạch nên Trầm , giờ không Trầm mà lại Phù là dương khí phục hồi dần dần , chính khí trở lại . Phong tà rút , dương khí trở về nên mới nói là muốn khởi , trong lâm sàng , nên phối hợp quan sát cả mạch và chứng mới chẩn đoán chính xác .

⑥ Bệnh Thiêu âm khi muốn giải , từ giờ Tý đến giờ Dần .

Lục kinh đều có giờ bệnh giải , nói chung đều là giờ chủ khí của Kinh ấy vượng mà giải . Ở đây lại không nói bệnh giải vào lúc âm thịnh mà lại giải từ Tý đến Dần là lúc Dương khí sinh trưởng ; đó là vì Dương trưởng thì Âm tiêu , Dương tiến thì Âm lui , Âm hàn gặp khí Dương sinh thì hàn lui mà bệnh tự khỏi .

⑦ Bệnh Thiêu âm tuy nôn mửa và ỉa chảy , nhưng chân tay không quyết lạnh , trái lại phát sốt , như vậy thì không chết . Nếu có lúc mạch không đến , cứu ngay huyết của kinh^{lúc} Thiêu âm tức 7 mối .

Đoạn kinh văn này nêu trường hợp âm hàn nôn mửa và ỉa chảy mạch tuyệt , có thể dùng phép Cửu để thông dương .

Bệnh Thiêu âm nôn mửa , ỉa chảy là triệu chứng do âm thịnh dương vi . Nếu như có cả chứng chân tay nghịch lạnh , không sốt lắm hoặc vật vã không yên , đó là dấu hiệu âm dương chia lìa rất nguy hiểm .

— Ở đây may mắn là chân tay không nghịch lạnh , nói lên dương khí trung thể ^{còn} mạnh ; bệnh phát thuộc âm đáng lẽ không phát sốt , giờ lại phát sốt , đó là dương khí hồi phục nên mới phán đoán là không chết .

— Nếu như do nôn mửa , ỉa chảy mà khí của Âm Dương không tiêu nêi , hình thành hư đột ngột , cho nên có lúc mạch không đến (bất túc) có thể dùng phép Cửu để thông dương , Dương khí thông thì mạch tuyệt cũng trở lại .

Thiếu

- Còn nhu huyết vị tế cứu , có người chủ trương cứu huyết Thái khô là vì nguồn của thận bắt nguồn từ Thái khô ; có người bàn nên cứu cả huyết Phục lưu ; lại có người bàn nên cứu Thái khô và Dũng tuyến . Tuy có khác nhau nhưng đều là huyết của Thái/âm , không mâu thuẫn gì . Nhưng nếu muốn hồi dương trừ âm , có thể cứu hai huyết Quan nguyên , Khí hải , hiệu quả càng cao hơn .

X Cần chú ý điểm này : Bệnh Thiếu âm mà đột ngột nên mửa , ỉa chảy , mạch không đến mới dùng phép cứu để cấp cứu hồi dương rồi sau dùng thuốc âm chữa trị tiếp chứ không phải chứng này chỉ có dùng phép cứu chứ không được dùng thuốc ương . Trường hợp trúng Âm hàn đột ngột , hoặc đột nhiên thở , tả không có mạch , dùng nửa chén rượu trộn với nửa chén nước gừng cho ương cũng tốt .

Bệnh Thiếu âm đã 8-9 ngày , chân tay khắp mình đều nóng , đó là nhiệt ở Bàng quang , ắt sẽ đại tiện ra huyết hoặc tiểu tiện ra huyết .

- Tà khí từ Tạng chuyển ra Phủ , bệnh từ Thiếu âm chuyển sang Thái dương , nhiệt phạm vào huyết phận Bàng quang nên có xu hướng thê tiện huyết .

- Bệnh Thiếu âm sang ngày thứ 8 thứ 9 , các chứng sợ lạnh nằm co đã hết lại thấy chân tay toàn thân đều nóng , thể hiện trong quá trình tà chính tranh dành mà chính khí chiếm thắng tà khí , xu thế bệnh có hiện tượng nhẹ , tốt lên .

Vì Thiếu âm Thận với Thái dương Bàng quang cùng biểu lý, cho nên tà của Thiếu âm có thể chuyển ra Bàng quang . Thái dương chủ biểu nên có chứng nóng toàn thân . Nhiệt vào Bàng quang bức huyết đi càn , nên tiểu tiện ra huyết hoặc đại tiện ra huyết .

Bệnh Thiếu âm , chỉ quyết (giá lạnh) mà không có mế hôi , lại cứ phát hãn , sẽ động tới huyết . Chưa biết huyết sẽ ra đường nào , hoặc ra từ miệng mũi , hoặc ra từ mắt , gọi là ' Hạ quyết thượng kiệt ' là khó chữa .

- Quyết nghịch là do hạ tiêu Dương hư , nên nói là hạ quyết . Âm huyết ra từ phía trên mà hao kiệt , nên nói là thượng kiệt .

- Ở đây nói đến chỗ sai lầm do bệnh ở Thiếu âm mà phát hãn dẫn đến biến chứng động huyết .

- Bệnh đã vào Thiếu âm , âm dương khí huyết đã khuỷu tận , cho dù có chứng hãn có thể hãn , có thể hạ cũng nên thận trọng khi dùng thuốc .

- Bệnh Thiêu âm , dương khí hư yếu cho nên quyết lạnh mà không ra mồ hôi , nếu ra mồ hôi phần nhiều thuộc chứng hậu vong dương .
- Chính chứng của Thiêu âm vẫn không dùng được phép hàn , sử dụng các bài Ma phụ Tề tân , Ma Phụ Cam thảo ... đều là do có kiêm chứng Thái âm , vì vậy phát biểu và bảo hộ dương cùng sử dụng một lúc để lấy ra mồ hôi theo lẽ tổng quyền . Còn bây giờ bên ngoài không có kiêm chứng mà lại cố ép cho ra mồ hôi , kích động doanh huyết làm cho bốc vọt lên , nhưng bệnh bên trong đột ngột khó liệu trước xuất huyết theo đường nào , hoặc ra đường mũi miệng , hoặc ra đường mắt ... Trước hết là dương khí suy ở dưới mà thành quyết nghịch , lại phát hàn nhâm , doanh huyết tràn ra ngoài mà kiệt ở trên tạo thành biến chứng 'hạ quyết thượng kiệt' . Hạ quyết nên dùng thuốc ôn mà thượng kiệt lại không nên dùng thuốc ôn , được đằng này mất đằng kia , khó chữa là như vậy . Những điều nói ở đây so với điều nói trên kia cũng là chứng Thiêu âm xuất huyết . Nhưng chứng nói trên kia là huyết tràn ra từ phía dưới , là dấu hiệu âm chứng chuyển dương , từ hư chuyển thực . Còn chứng xuất huyết ở đây , huyết ra từ phía trên , là âm dương đều kiệt . Cơ chuyển hai loại xuất huyết này rõ ràng khác nhau ; cho nên trên kia không nói là khó chữa mà ở đây thì nói khó chữa .

⊕ Bệnh Thiêu âm , sợ lạnh nằm co mà ỉa chảy , chân tay nghịch lạnh , không chữa được .

Điều này nói chứng không chữa được của bệnh Thiêu âm thuần âm vô dương . Cũng là tiên lượng cát hung , quyết định sự tồn vong của dương khí . Dương khí còn thì có thể chữa được ; dương khí suy tuyệt thì không chữa được ; cho nên trên kia có triệu chứng sợ lạnh nằm co , có hiện tượng phiên nhiệt muôn nơi ác là có thể chữa được . Ỉa chảy , ỉa hàn , nằm co , chân tay âm cũng có thể chữa được , mà ở đây ỉa hàn , mình không nóng , nằm co chân tay không ấm là chứng có âm không dương thuộc loại nguy hiểm , lại kiển chứng ỉa chảy nên mới đoán là chứng không chữa được . Tuy nói là chứng không chữa được cũng chưa phải là nói chứng tất chết , nếu như kịp thời dùng các phương cấp cứu hồi dương như Tứ nghịch , Bạch thông ... may ra cứu vãn trong muôn một .

⊕ Bệnh Thiêu âm , mửa , ỉa chảy và tãe phiên , ruột hiện tứ nghịch thì chết .

Đây là chứng hậu chết do bệnh Thiêu âm dương khí suy kiệt .

Bệnh Thiêu âm Mửa và ỉa chảy lại xuất hiện táo phiền là biểu hiện dương khí suy vì đấu tranh với tà khí . Nếu như chính thắng tà thì nên có hiện tượng hồi dương ngừng ỉa chảy bệnh từ nặng chuyển nhẹ ; giở lại thêm chứng tứ nghịch nói lên âm tà hoành hành , dương khí tới mức cạn kiệt , có âm không dương nên phán đoán là chứng chết .

④ Bệnh Thiêu âm , ỉa chảy ngừng mà cheoáng váng có lúc tối tăm thì chết . Bệnh Thiêu âm xuất hiện chứng chết là âm kiệt dương thoát ; Trong điều 288 đã nêu bệnh Thiêu âm ỉa chảy , nêu như ỉa chảy ngừng , chân tay chuyển sang âm thì có thể chữa được , đó là vì dương khí hồi phục , tà khí suy thoái , bệnh tình từ Âm chuyển sang Dương cho nên phán đoán là chữa được . Ở đây nói ỉa chảy ngừng , chưa nói đến chân tay chuyển sang âm mà trái lại có chứng cheoáng váng và có lúc tối tăm , có thể biết là chỉ một chứng ỉa chảy ngừng , quyết không phải là dương khí hồi phục mà là dấu hiệu âm dịch đã kiệt , nguồn nước cạn , âm dịch đã kiệt ở dưới thì dương mất chỗ dựa mà bốc vọt lên , che nên có chứng cheoáng váng và có lúc tối tăm , lúc này âm kiệt , dương vọt lên , thoát ly tảo khác , do đó mới biết là triệu chứng chết .

⑤ Bệnh Thiêu âm , tứ nghịch ở hàn mà nằm co , mạch không đến , không phiền mà táo thì chết .

Đây cũng là chứng hậu chết bởi bệnh Thiêu âm thuận âm mà không có dương .

- Tứ nghịch ở hàn nằm co là hàn tà cực thịnh ; điều 295 ở trên từng nói 'ở hàn nằm co mà ỉa chảy , chân tay nghịch lạnh , không chữa được' Ở đây so sánh , chứng trên kia có ỉa chảy , còn chứng ở đây tuy không ỉa chảy lại có mạch tuyệt là táo , có thể thấy bệnh tình so với chứng ở trên nặng hơn , nên mới là chứng hậu chết .

- Nguyên nhân của phiền táo có nhiều , âm chứng dương chứng đều có chứng trạng phiền táo , nhưng tách bạch ra thì phiền thuộc Dương , táo thuộc Âm ; chỉ có phiền mà không táo là cơ may sống , chỉ có táo mà không phiền là chứng hậu chết . Điều 289 trên kia 'sợ lạnh nằm co , có lúc tự phiền muốn cởi bỏ áo là bệnh có thể chữa được' là căn cứ vào có chứng phiền có thể chữa được . Chứng ở đây không phiền mà táo thì chết là căn cứ vào táo là triệu chứng chết để chẩn đoán quyết định , huống chi mạch không đến thì sinh khí tuyệt , ắt chết là chứng hậu dương nhiên .

Nhưng điều 292 cũng là mạch không đến , còn có thể chẹn dùng phương pháp cứu , nguyên nhân này là vì đột ngột mửa

và ỉa chảy , dương khí nhất thời không nổi tiếp chứ không phải là dương khí bại tuyệt , tuy nhiên , mạch không đến nhưng nhất định còn có chứng trạng chân tay ấm cho nên mới có thể chữa chạy bằng phép Cứu .

Chứng ở đây mạch không đến là thuần âm vô dương , sinh khí đã tuyệt , cho dù dùng đến liều cao Khương Phụ để hồi dương và cứu Ngải để giúp Dương cũng không tài nào挽 hồi dương khí nên mới thuộc chứng hậu chết .

Tên lại , phiên với tác khác nhau . Phiên là Tâm phiên , là chứng người bệnh tự giác , biểu thị dương khí chưa tuyệt , luân quân tranh dành với tà khí , vì vậy mới có thể chữa . Tác là tứ chi vật vờ , động tác vô ý thức là dương khí suy kiệt , âm tà thịnh một mình cho nên là chứng hậu chết .

Bệnh Thiêu âm qua 6-7 ngày , thể lỏng thì chết .

Này cũng là chứng hậu chết vì Thân khí tuyệt ở dưới , Phê khí thoát ở trên .

Thể nóng là hình thái bệnh thể ra nhiều , hút vào ít không đạt tới vùng ngực bụng . Phê chủ thể ra , Thân chủ nạp khí bệnh Thiêu âm qua 6-7 ngày mà thấy thể nóng là hiện tượng trên dưới chia lìa nên là chứng hậu chết .

Bệnh Thiêu âm , mạch Vi Tế Trầm , chỉ muốn nằm , ra mồ hôi mà không phiên , tự muốn thở , qua 5-6 ngày lại tự ỉa chảy lại phiên tác không nằm ngủ được thì chết .

Cũng là chứng hậu chết của bệnh Thiêu âm do dằng dai mãi cơ hội chữa chạy đến nỗi âm dương chia lìa .

Mạch Vi Tế Trầm , chỉ muốn nằm , tự muốn thở là tình huống chung của chứng Thiêu âm hư hàn đến khi ra mồ hôi mà không phiên , rõ ràng là dương thoát ra ngoài không còn sức đấu tranh với âm , còn chút Dương nóng mạnh đã ở giai đoạn muốn tuyệt ; dương thời cơ này đã dùng ngay thuốc cay nóng để hồi dương còn sợ không kịp huống chi bệnh dằng dai 5-6 ngày , là gì bệnh không chuyển sang giai đoạn cực xấu (ác hóa) ; ỉa chảy phiên tác không nằm ngủ được chính là dấu hiệu âm dương chia lìa , bệnh ắt chết không nghi ngờ gì nữa .

Tóm tắt từ điều 287 đến điều 300 :

Bệnh Thiêu âm :

1/ Chứng muốn khởi :

- Chính thắng tà lui : tuy phiên , ỉa chảy , ắt tự khởi .

- Bệnh Âm thấy mạch Dương : mạch Dương Vi Âm Phù là muốn khởi

2/ Chứng Tà ở Tạng chuyển ra Phủ : Qua 8-9 ngày chân tay khắp mình nóng , là nóng ở Bàng quang , ắt tiện huyết .

3/ Chúng có thể chữa :

- Sợ lạnh nằm co , ỉa chảy tự ngừng , chân tay âm .
- Sợ lạnh mà nằm co , có lúc phiến muộn sôi bở áo .
- Nôn mửa , ỉa chảy , chân tay không nghịch lạnh lại phát nhiệt - Không chết . Nếu mạch không đến , có thể cứu huyết vị Thiêu âm .

4/ Chúng chết và khó chữa :

- Ép buộc ra mồ hôi động huyết , hạ quyết thượng kiết thì khó chữa .
- Thuần âm vô dương - ở hàn , nằm co , ỉa chảy , chân tay nghịch lạnh , không chữa được .
- Dương không thắng Âm - nôn mửa , ỉa chảy , tác phiến , tứ nghịch thì chết .
- Âm kết ở dưới , dương thoát ở trên - ỉa chảy tuy ngừng mà chéang văng có lúc tối xầm thì chết .
- Thân vong hình còn - tứ nghịch , ở hàn , nằm co , mạch không đến , không phiến mà tác thì chết .
- Thận khí tuyệt ở dưới - 6-7 ngày thế nông thì chết .
- Âm Dương đều kiệt - mạch Vi Trâm Tế , tự ỉa chảy lại tác phiến , không nằm ngủ được thì chết .

5/ Thời gian khỏi - Từ giờ Tý đến giờ Dần .

X
X X

Bệnh Thiêu âm khi mới bị , lại phát sốt , mạch Trâm , Ma hồng Tế tân Phụ tử thang chủ chữa bệnh này .

Đoạn kinh văn này giới thiệu mạch chúng và phép chữa chứng Thiêu âm lưỡng cảm .

Chúng hư hàn bệnh Thiêu âm vẫn không có chước phát sốt , giờ mới bị bệnh Thiêu âm mà phát sốt cho nên nói 'lại phát sốt' Nói chung phát sốt là biểu chứng Thái dương , nhưng bệnh Thái dương nên có mạch Phù , hiện giờ mạch lại Trâm . Mạch Trâm là lý chứng Thiêu âm , nhưng bệnh Thiêu âm nên không có chứng sốt và ở hàn , mà giờ lại phát sốt , tổng hợp lại thì biết bệnh Thái âm kiêm Thái dương biểu chứng , cũng như người xưa nói Thái dương và Thiêu âm ~~biểu/ly~~ lưỡng cảm .

Thiêu

Hai kinh cùng mắc bệnh ở đây , tuy có mạch của Thiêu âm lý hư nhưng chưa tới mức độ ỉa chảy ra nguyên đồ ăn , tứ chi giá lạnh , cho nên điều trị thì dùng ôn dương phát hàn , chữa cả biểu và lý ; nếu như ỉa chảy mà chân tay giá lạnh , thì lý chứng là cấp , phải ôn lý trước đã , bài thuốc này có thể dùng được . Ngoài ra , suy tính về phương diện dùng thuốc thì thấy chứng này nên có các chứng ở hàn không ra mồ hôi;

Thiếu âm với Thái dương đều có chứng ở hân , kinh văn không đề cập , có lẽ là rút gọn mà thôi .

Nói Thái dương , Thiếu âm cùng mắc bệnh , lúc đầu nên là chứng Thái dương , vì người bệnh dương khí vận hành nên mạch không Phù mà Trầm . Nhưng ở trong (lý) tuy dương hư mà còn khả năng chống trội với hàn từ bên ngoài , chưa hoàn toàn hãm vào Thiếu âm do đó mới lại thấy phát nhiệt . Lấy chứng Thái dương mà suy tính , thì thấy là chưa đủ ; lấy chứng Thiếu âm mà suy tính , lại thấy là có thừa , vì vậy phương pháp điều trị vừa không như Thái dương , cũng không như Thiếu âm nhưng lại không rời Thái dương và Thiếu âm ... đó là đặc điểm của điều này .

Điều 92 thiên Thái dương nói : 'bệnh phát nhiệt như dầu , mạch lại Trầm , nên không khởi , thân mình đau nhức , nên cứu phần Lý , nên dùng Tứ nghịch thang'. Ở điều này thì nói 'mới bị bệnh Thiếu âm lại phát sốt , mạch Trầm , Ma hoàng Tề tân Phụ tử thang chủ chữa bệnh ấy'. Cũng là phát sốt mạch Trầm , vậy sao cách chữa lại khác nhau ? Phải xét kỹ phần sau điều 92 nói về phát sốt , đau đầu , mạch lại Trầm , có thể còn có chứng ỉa chảy ra nguyên do ăn . Tuy có biểu chứng chưa giải , cũng lấy lý hư là 'cấp' cho nên mới dùng Tứ nghịch thang để cứu Lý . Còn như ở đây thuộc về lương cảm , lý hư không nặng lắm mà biểu thực không ra mồ hôi , cho nên dùng ôn dương phát hàn kiêm trị cả hai . Hai điều suy xét kỹ , sẽ nắm được yêu lĩnh .

- Thành vô Kỷ nói : Bệnh Thiếu âm nên không có chứng phát nhiệt ở hân . Giờ lại phát sốt là tà ở biểu ; tuy mạch Trầm là vì bệnh mới mắc nên tà chưa sâu , cũng nên dùng ôn tề phát hàn để làm tan tà khí .

- Yưu tại Kinh nói : Đây là hàn trúng Thiếu âm kinh mà lại liên can tới chứng của Thái dương , vì Thái dương với Thiếu âm cùng biểu lý , khí của nó thông với nhau . Bệnh Thiếu âm mới mắc vẫn không sốt , vì liên can tới Thái dương ở ngoài nên lại phát sốt .

Dương bệnh mạch nên Phù , mà vì liên can Thiếu âm thì không Phù mà Trầm , cho nên dùng Phụ tử Tề tân chuyên làm ấm kinh Thiếu âm ; Ma hoàng kiên phát ra phần biểu của Thái dương , nhằm ôn kinh tán hàn ở Thiếu âm kinh , phép kiêm trị cả hai .

- Từ linh Thai nói : Bàn về ba từ 'Thiếu âm bệnh' rất rộng , phải từ hiện chứng Thiếu âm mà xét kỹ ; nhưng về sau lại phát nhiệt , thì biết nhiệt đó là của Thiếu âm , nếu không thì làm sao biết đó không phải là nhiệt của Thái dương Dương minh

Lại phải nhìn tới mạch Trâm , vô sau càng biết là bệnh của Thiêu âm không ngờ gì nữa . Xem xét chứng bệnh nên kỹ càng như thế .

- Nhận xét : Mọi người đều coi phát sốt mạch Trâm là Thái dương Thiêu âm lưỡng cảm . Riêng họ Từ cho phát sốt mạch Trâm đều thuộc Thiêu âm .

Xét chứng Thiêu âm nhiệt hóa cũng có phát nhiệt , nhưng phải do âm hư dương càng gây nên ; bởi vậy mới dùng thang thuốc thanh nhiệt dực âm như chứng Hoàng liên a giao thang . Còn chứng ở đây dùng Phụ tử để ôn kinh rõ ràng không phải là nhiệt hóa , vả lại Ma hoàng là thuốc của Biểu phân , Thiêu âm lại là lý chứng ; nếu không có kèm Biểu chứng mà chỉ đơn thuần có chứng của Thiêu âm , làm sao dùng được Ma hoàng để phát biểu ; cho nên chứng ở đây phát nhiệt mạch Trâm nên giải thích là chứng lưỡng cảm mới thỏa đáng . Bởi vì bệnh thuộc lưỡng cảm cho nên mới dùng chữa cả biểu và lý và trước mắt nhắm vào mạch Trâm và lại phát nhiệt ; vì mạch Trâm mới biết là Thiêu âm lý hư , vì phát nhiệt mới biết là Thái dương ngoại cảm . Xem vậy thì thấy mạch và chứng không thể bỏ đi loại nào và cũng không cò chấp , nếu không thì nó tay vào đã sai lầm .

Ma hoàng Tê tân Phụ tử thang

Ma hoàng (bỏ đất) 2 lượng Tê tân 2 lượng

Phụ tử (bỏ vỏ) 1 củ

Ba vị trên để vào 1 đấu nước , nấu Ma hoàng trước cạn bớt 2 thăng , bỏ Phụ tử , Tê tân vào sắc chỉ lấy 3 thăng , bỏ bã uống nóng 1 thăng , ngày 3 lần .

Dùng Ma hoàng để phát hãn của Thái dương nhằm giải bề hãn tà ở Biểu . Dùng Phụ tử để làm ấm phân lý của Thiêu âm , để bổ chân dương ở Mệnh môn . Lại dùng vị cay tính âm của Tê tân chuyển đi vào Thiêu âm để tăng sức phát tán cay âm . Ba vị dùng chung , vừa ôn , vừa tán , tuy ra mồ hôi nhẹ mà không tổn thương dương khí . Cho nên là bài thuốc cực hay để ôn kinh tán hàn .

Nhận xét : Thái dương biểu thực , nên phát hãn , nhưng có kèm chứng Thiêu âm thì không nên phát hãn mạnh càng làm lý thêm hư . Bài này dùng Phụ tử vừa làm ấm cái hư của Thiêu âm vừa để phòng biến cò vong dương .

Phạm vi ứng dụng của bài thuốc :

1- Đau đầu liên với náo là thuộc Thiêu âm thương hàn nên dùng bài thuốc này (Y quán)

2- Ma hoàng Phụ tử Tê tân chữa ho thuộc tạng Thận , loại ho

này đau lan tỏa vùng lưng , thậm chí vừa ho vừa chảy nước mũi ; chữa được hàn tà phạm não và răng làm cho nướu và răng đau , dùng ngay phương này , nêu để chậm trễ cứu . (chứng trị chuẩn thẳng) .

3- Cảm đột ngột không nói được , đau họng lạ thường , bệnh phát đột ngột , hoặc muốn ho mà không ho được , hoặc không ra đờm , hoặc ứa ra đờm trong , mạch phần nhiều Huyền Khẩn hoặc Sác Tật vô luân , áp là đại hàn phạm vào Thận ; Dùng Ma hoàng Phụ tử Tề tân thang làm cho ấm , lại lấy Phụ tử luyện với mật cho ngấm , coi chừng không được coi thường dùng thuốc hàn lương (Trương thị Y thông)

- Chỉ mô Phụ tử Tề tân thang (tức bài này thêm Xuyên khung , Sinh khương) chữa đau đầu lan tỏa nướu hoặc chỉ đau ở góc trán lan tới lông mày như gió thổi , như tắm nước , gặp phong hàn thì đau tăng ... Để là phong hàn náu ở kinh Túc Dương minh , theo đường kinh vào não chọi nhau với chính khí, mạch Vi Huyền Khẩn gọi là Lãnh phong đầu thông (Thập tiện lương phương).

Bị bệnh Thiệu âm mới 2-3 ngày mà có kiên biểu chứng có thể dùng Ma hoàng Cam thảo Phụ tử thang để phát hàn nhẹ nhàng . Vì bệnh mới phát 2-3 ngày , không có lý chứng , cho nên dùng phép phát hàn nhẹ nhàng . Đây là phép chữa bệnh Thiệu âm lương cảm tình thể bệnh từ từ Có liên quan đến điều ở trên , nên tham khảo chung . Ở điều trên (301) dùng Phụ tử để ôn kinh , Ma hoàng để phát hàn . Ở điều 302 này cũng dùng Ma hoàng Phụ tử , cũng nên có chứng trạng 'lại phát sốt, không mồ hôi, mạch Trầm' . 'Không có lý chứng , cho nên phát hàn nhẹ nhàng' là điểm chủ yếu xem xét chứng và dùng thuốc ở điều trên . Cụm từ 'không có lý chứng' đối với việc phát hàn ở Thiệu âm , có ý nghĩa cực lớn .

Nói là không có lý chứng tức là nói không có cách chứng nên chữa là chảy ; và chỉ ở tình huống không có lý chứng mới có thể dùng thuốc vừa phát hàn vừa ôn kinh ; nếu có kiên lý chứng thì tuy có biểu tà cũng phải lấy ôn lý làm cấp trước đã chứ không thể chữa cùng một lúc cả biểu và lý .

Sơ sánh điều 301 và 302 ; điều 301 nói 'mới bị' là tình thể bệnh khá cấp , còn ở điều 302 nói 'bị bệnh 2-3 ngày' là tình thể bệnh từ từ , cho nên khi dùng thuốc , điều 301 dùng tính 'thẳng' của Tề tân để ôn kinh tán hàn ; mà điều 302 lấy tính từ từ của Cam thảo để làm ra mồ hôi nhẹ nhàng .

Ma hoàng Phụ tử Cam thảo thang

Ma hoàng (bỏ cốt)	2 lượng	Phụ tử (bỏ vỏ)	I sủ
Cam thảo (nung)	2 lượng		

Ba vị trên bỏ vào 1 thùng nước , sắc Ma hoàng trước một vài dạo , bỏ bớt rồi mới bỏ 2 vị thuốc vào cùng sắc , cạn lấy 3 thang , bỏ bã , uống nóng mỗi lần 1 thang , ngày 3 lần .
Hoàng khôn Tái nói : 'Ma hoàng phát phần biểu của Thái dương , Phụ tử Cam thảo làm âm Quý thủy (thận) mà giúp Kỷ tảo (Tỳ) ; Bệnh Thiêu âm cần phát hãn , ở đây chỉ phát hãn nhẹ nhàng là vì bệnh đã 2-3 ngày còn không có lý chứng của Thiêu âm cho nên mới cho ra mồ hôi nhẹ nhàng'.

Phạm vi ứng dụng của bài thuốc

Vệ sinh bảo giám ghi : Người bệnh hàn nhiệt mà Quyết , sắc mặt không tươi , u tối , hai tay đột nhiên không có mạch hoặc một tay không có mạch , đây là dấu hiệu sắp ra mồ hôi tốt , uống Ma hoàng Phụ tử Cam thảo thang giúp sắc cho ra mồ hôi . Ra được mồ hôi thì khỏi bệnh .

Tán tất từ điều 301 đến điều 302

- Pháp trị bệnh Thiêu âm kiên biểu :

a/ Mạch chứng : Mạch Trầm, lại phát nhiệt (ở hàn không ra mồ hôi) .

b/ Pháp chữa : -Pháp tắc : ôn dương phát hãn (hoặc ôn kinh giải biểu) .

- Phương tễ: (1) Ma hoàng Tễ tân Phụ tử thang : mới bị bệnh tình thể cấp .

- (2) Ma hoàng Tễ tân Cam thảo thang : bị bệnh 2-3 ngày , tình thể từ từ .

c/ Điểm xem xét chủ yếu : không có lý chứng là chảy ra nguyên để ăn .

Bệnh Thiêu âm bị trên hai, ba ngày , trong Tâm phiền , không nằm được Hoàng liên A giao thang chủ chữa bệnh ấy .

Đây là chứng trị âm hư dương cương tâm phiền không ngủ được . Chính cục của Thiêu âm bệnh là chứng hư hàn toàn thân , đây là do bệnh tà theo âm hóa hàn , trong đó cương có nếu 'mạch Vi Tễ chỉ muốn ngủ' tức là mạch chứng điển hành .

Ở điều này bị bệnh 2-3 ngày trở lên , trong tâm phiền không nằm được là biến chứng của Thiêu âm bệnh , ở đây bệnh tà theo Dương hóa Nhiệt , âm hư dương cương gây nên .

Nguyên nhân hình thành chứng Thiêu âm bệnh nhiệt hóa không ngoài hai phương diện : Một là từ Dương kinh truyền vào ; Hai là hàn tà ở Thiêu âm hóa nhiệt .

Chứng ở đây bị bệnh trên hai, ba ngày , tình huống này nên thuộc về loại sau . Bởi vì trên hai ba ngày xuất hiện chứng âm hư dương cương , phần lớn là âm khí Thiêu âm hư từ trước cho nên bệnh tà mới dễ hóa nhiệt .

Chúng ở đây tâm phiền không nằm được , có quan hệ chặt chẽ với Túc thiêu âm Thận và Thủ thiêu âm Tâm . Thận thuộc Thủy, Tâm thuộc Hỏa , thủy thắng hỏa giáng thì Tâm Thận giúp đỡ nhau (kỷ tề) mà ngủ yên .

Thận thủy bất túc , Tâm hỏa hữu dư Thủy không thắng , Hỏa không giáng , Tâm Thận bất giao che nên mới không ngủ yên . Tâm phiền và không ngủ được có ảnh hưởng lẫn nhau. Do tâm phiền ảnh hưởng đến giấc ngủ không yên . Do ngủ không yên mà làm cho tâm phiền càng nặng .

Muốn che ngủ yên , hẳn phải trừ bỏ tâm phiền , mà muốn trừ được tâm phiền lại càng phải tư dưỡng Thận âm để che Tâm hỏa. Hoàng liên A giao thang chính vì có đủ công năng để che nên sử dụng để chữa âm hư dương cương , Tâm Thận bất giao gây nên Tâm phiền không ngủ được có hiệu quả trác việt .

Tâm phiền không ngủ được ở đây khác hẳn với chứng hư phiền không ngủ được của chứng Chi tử vị thang . Chứng Chi tử vị thang là do có dư nhiệt quấy rối ở hung cách mà Thận thủy không hư , rêu lưỡi phần nhiều trắng xen vàng , phần nhiều kèm theo các chứng lảo đảo tái đi tái lại , trong tâm ảo não ngược bó chặt và đau ... Chứng của Hoàng liên A giao thang do âm hư dương cương , khô lưỡi phải đỏ tía , khô ráo ít tân dịch , hoàn toàn không có chứng nhiệt quấy rối Hung cách . Bởi vậy , một phương thích hợp phép chữa tuyên vật thanh nhiệt , một phương thích hợp phép tư âm giáng hỏa .

Hoàng liên A giao thang phương

Hoàng liên	4 lạng	Hoàng cầm	2 lạng
Thược dược	2 lạng	Kê tử hoàng	2 quả
A giao	3 lạng .		

Năm vị trên lấy 6 thăng nước , trước hết sắc 3 vị che cạn chỉ còn 2 thăng , bỏ bã , hòa A giao vào , đợi lúc gần nguội mới đập trứng gà vào , trộn đều uống lúc ấm mỗi lần 7 hợp ngày 3 lần .

Kha vận Bá nói : Đây là Tả tâm thang của Thiêu âm thông thường nên tả tâm phải nhờ tới Cầm Liên chỉ đạo cho phân biệt Âm Dương .

Bệnh ở Tam Dương trong Vị không hòa mà dưới Tâm bị rắn , hư thì gia Sâm Thảo để bổ , thực thì dùng Đại hoàng để hạ . Bệnh ở Thiêu âm mà trong Tâm phiền không nằm được , vừa không dùng được Sâm Thảo vì nó trợ Dương , cũng không dùng được Đại hoàng vì làm tổn thương Vị , che nên dùng Cầm Liên

đi thẳng vào đập Tâm hỏa , dùng A giao để tư Thân âm. Kế tử hoàng giúp Cẩm Liên để tả trong Tâm và bổ Tâm huyết ; Thuộc được giúp A giao trong bổ âm có liễm dương khí khiến cho Tâm Thân giao hợp , thủ thủ hỏa giáng , đó là bài thuốc giúp Âm tả Dương mà biến thành bài thuốc Tư âm và hòa Dương .

Phạm vi ứng dụng của bài thuốc

- Hoàng liên A giao thang chữa nhiệt làm tổn thương Âm huyết đại tiện ra máu (Trương thị Y tông)

- Hoàng liên A giao thang còn gọi là Hoàng liên Kế tử thang chữa ôn độc hạ lý ra mủ máu . Chứng Thiếu âm phiên tác không ngủ được (Y tôn tất độc) .

Bệnh Thiếu âm bị 1-2 ngày , trong miệng hòa , vùng lưng cảm giác ớn lạnh , có thể dùng phép Cửu ở ngoài , cho uống Phụ tử thang .

Ở đây giới thiệu chứng trạng và phép trị Thiếu âm bệnh Dương hư hàn thịnh .

Mắc bệnh Thiếu âm đã 1-2 ngày , trong miệng không ráo không khát , có thể biết là phần lý không có tà nhiệt . Lưng sợ lạnh là biến tượng Dương khí suy vi , khác hẳn với chứng ở hàn của Thái dương biểu chứng ; cũng khác nhau về cơ bản chứng lưng ở hàn trong chứng Bạch hồ gia Nhân sâm thang cử Dương ninh bệnh .

Ở hàn của Thái dương bệnh là do phong hàn xâm phạm cơ biểu , Vệ dương bị uất che nên đồng thời xuất hiện các chứng phát sốt , đau đầu , mạch Phù v.v... .

Lưng ở hàn của chứng Bạch hồ gia Nhân sâm thang trong Dương ninh bệnh là do tà nhiệt hun đốt ở trong , ra quá nhiều mồ hôi , cơ bắp lỏng nhẽo , chát tân dịch không đủ gây nên , cho nên tất phải có chứng ráo miệng khát nước .

Ba thể bệnh này tuy cũng thấy chứng ở hàn , nhưng tính chất khác nhau cho nên phép chữa cũng khác nhau , trên lâm sàng phải xem xét cân nhắc mới khỏi lầm lẫn .

Ở điều này nói chứng Phụ tử thang còn sơ sai , nên tham khảo liên hệ với chứng trạng ở điều tiếp theo .

Chứng ở đây thuộc Dương hư Âm thịnh cho nên trong điều trị phải hợp cả thuốc ôn và cứu Ngải . Phép Cửu dùng trong cấp cứu hồi dương có hiệu quả nhất định . Còn bộ vị để cứu của chứng ở đây có thể dùng Đại trùy , Cách đầu , Quan nguyên Còn phương thuốc dùng Phụ tử thang nhằm tác dụng ôn kinh tán hàn , bổ Dương ích Khí .

Phụ tử thang phương

Phụ tử	(bỏ vỏ)	2 củ	Phục linh	3 lượng
Nhân sâm		2 lượng	Bạch truật	2 lượng (4)
Thược dược	3	3 lượng		

Nằm vị trên sắc với 8 thăng nước cạn lấy 3 thăng, bỏ bã uống nóng mỗi lần 1 thăng, ngày 3 lần.

Kha vận Bá nói : Đây là phương Đại ôn Đại bổ, là thuốc chính trị của bệnh Thương hàn, cũng là bài thuốc làm bền gốc ngăn ngừa tà khí của Thiên âm, xem như giống bài Chân vũ thang mà thực ra rất khác nhau; bài này dùng Truật Phục liệu cao, bỏ Khương gia Sâm, nhằm ôn bổ để tráng nguyên dương. Còn Chân vũ thang chỉ ôn tán mà lợi thủy.

Uông linh Hữu nói : Các bài Tứ nghịch đều có Phụ tử, riêng ở đây gọi là Phụ tử thang là có ý nghĩa coi trọng Phụ tử. Các bài khác đều dùng 1 củ Phụ tử, ở bài này Phụ tử những hai củ, coi trọng là ở đây. Phụ tử mà không dùng liệu cao thì làm sao làm tan được cái hàn ở biểu và lý. Tà sẽ dễ quây rối là do chính khí bị hư; Sâm, Truật, Phục linh đều ngọt âm ích khí để bổ cái hư về ngoại; phối hợp cay nóng với ôn bổ thì khí sẽ thể ích mà tà sẽ thể tan. Vừa dùng cái cay mãnh liệt của Sinh Phụ tử lại dùng vị liễm âm khí của Bạch thược khiến cái tà ở trong Vệ không kịp tiến sâu vào Âm.

Nhận xét : Hai họ Kha Uông bàn về tác dụng của Phụ tử thang khá cụ thể. Mục đích dùng Phụ tử thang là ôn bổ nguyên dương, làm tan hàn tà. Sâm Truật Linh Thược không chỉ hội dương thăng hàn, lại còn trục thủy, dẹp cơn đau. Thế xem quy luật dùng thuốc trong lời bàn, Linh Truật cũng dùng, chữa thủy khí rất hay, như Linh Quế Truật Cam thang, Chân vũ thang đều dùng hai vị này để trục thủy khí; Truật Phục cũng dùng, chữa gân xương Tý thông rất hay, như Quế chi khê Quế gia Truật thang, Cam thảo Phụ tử thang đều dùng hai vị này để chữa chứng phong thấp chân tay đau nhức. Sâm Phụ cũng dùng, coi trọng hội dương phục mạch... ngoài ra, trong những thuốc cương táo mà phối hợp Thược dược không những thu được công hiệu cương nhu cùng giúp lẫn nhau mà còn dẫn được thuốc Dương vào Âm để tán hàn. Xem vậy thì biết sự phối ngũ của phương này chặt chẽ nhường nào! Dương nhiều đây chỉ là một thí dụ, không nên nhìn nhận một cách máy móc.

Phạm vi ứng dụng của Phụ tử thang

- Phụ tử thang chữa thập tý hoãn phong mình mẩy đau nhức như bị đòn, bắp thịt như bị chày nện đặc cốt, bài này gia Quế tân, Cam thảo (Thiên kim yên phương)

- Phụ tử thang chữa Dương hư Khí phẫn có hàn (tư sinh thiên)
- Phụ nữ có thai tháng thứ 6 - 7 , mạch Huyền phát sốt , cái thai càng to , đau bụng ở hàn , bụng dưới máy động . Đó là do dạ con nở . Cho uống Phụ tử thang để làm ấm Tạng .

Bệnh Thiếu âm , đau mình , chân tay lạnh , khớp xương đau , mạch Trầm ; Phụ tử thang chủ chữa bệnh ấy (điều 305) .

Giới thiệu chứng thái cực ứng chủ yếu của Phụ tử thang . Từ mạch chứng 'chân tay lạnh', mạch Trầm' ở trên có thể thấy chứng kết bệnh lý của chứng này chủ yếu là Dương khí hư yếu Vì phần dương ở lý bất túc , Khí sinh dương bị hãm không nâng lên được cho nên mạch Trầm ; Dương khí hư suy không đạt ra tới tứ chi cho nên chân tay lạnh . Chính vì dương khí suy yếu , Khí âm ngưng trệ không thông lưu động ở Kinh mạch gân xương nên mới đau mình , đau khớp . Nhưng chứng Thái dương Thương hàn cũng có chứng đau mình , rất dễ lẫn lộn cần phân biệt , vấn đề mấu chốt là : Đau mình thuộc Thái dương biểu thực phải kèm theo phát sốt mạch Phù và tay chân không lạnh . Còn đau mình thuộc Thiếu âm dương hư hàn thịnh vừa không sốt , ở hàn mạch Trầm , hơn nữa còn có chứng chân tay lạnh .

Bệnh Thiếu âm , ỉa lỏng ra mủ máu , Đào hoa thang chủ chữa bệnh ấy (điều 306) .

Bệnh Thiếu âm hư hàn ỉa lỏng ra mủ máu , do nguyên nhân Tỷ Thận dương khí bất túc , Trường vị hư hàn , hạ tiêu không có nhiệt gây nên . Loại ỉa chảy (hạ lợi) này tất phải hoạt thoát không tự chủ , kèm theo mạch Trầm hoặc đau bụng wa xoa bóp ; khác với chứng ỉa lỏng ra máu mủ thuộc nhiệt tính Đào hoa thang phương

Xích thạch chi I cân (nửa đô nguyên , nửa tán bột)

Can khương I lượng Ngạnh mô I thăng

Ba vị thuốc đem sắc với 7 thăng nước chừng nào gạo chín là được , bỏ bã , uống nóng 7 hợp , khi uống hòa vào I thìa bột Xích thạch chi . Ngày uống 3 lần . Nếu uống một lần mà khỏi thì thôi không uống tiếp nữa .

Nhận xét : Đây là bài thuốc tính âm mà rít (sáp) chứng mình ỉa chảy ra mủ máu ở đây thuộc loại hư hàn hoạt thoát không còn nghi ngờ gì nữa .

Phạm vi sử dụng của Đào hoa thang

- Bệnh dịch nêu ỉa ra mủ máu không ngừng , cho uống bài này (Trừ hậu phương)
- Đào hoa hoàn chữa đau bụng đi lý do lạnh , chất bài tiết trắng trong như óc cá , dùng Xích thạch chi , Can khương

(bào) liều lượng bằng nhau , nấu hồ làm hoàn , tùy bệnh cho uống nhiều hay ít , ngày 3 lần (Hòa tễ cục phương) .
- Bài môn phương : Chữa trẻ em cam tả , hòa bột Xích thạch chi 0,5 đồng cân vào nước cơm cho uống . Khởi ngày .

Bệnh Thiêu âm bị từ 2-3 ngày đến 4-5 ngày , đau bụng , tiểu tiện không lợi , hạ lợi không ngừng ra mủ máu , Đào hoa thang chủ chữa bệnh ấy (điều 307) .

Điều này nói rõ ràng chứng trị của Đào hoa thang , kết hợp với điều 306 vẫn là chứng hạ lợi do hư hàn .

Bị bệnh Thiêu âm 2-3 ngày đến 4-5 ngày , hàn tả vào lý càng sâu , đau bụng là do Vị Trường hư hàn gây nên khác với chứng đau bụng của Tả chứng Dương minh phủ .

Đau bụng do Dương minh Phủ thực , ru thể đau dữ dội và cự ấn . Còn chứng đau bụng ở đây âm ỉ , ưa xoa bóp . Vì hạ lợi không ngừng , không phân chia được thủy cốc , thủy phân đều bài tiết ra đường đại tiện cho nên lượng tiểu tiện mới giảm đi. Trong tình huống này là hiện tượng thường gặp trong lâm sàng . Cho nên chứng này với chứng Thái dương rủa thủy do Bàng quang khí hóa không tốt đến nỗi tiểu tiện không lợi không giống nhau .

Ỉa lỏng không ngừng , đại tiện ra mủ máu ở điều trên cũng giống chứng trạng chủ yếu ở điều này ; vì Trường vị hư hàn hạ tiêu không bền , hàn thấp ngưng đọng gây nên .

Điện chứng chủ yếu ở đây , phải phân biệt với loại hạ lợi thuộc nhiệt .

Hạ lợi ra Mủ máu thuộc nhiệt , sắc huyết tươi và rất hôi , có hiện tượng lý cấp hậu trọng và nóng rất giàng môn .

Hạ lợi ra mủ máu thuộc Hàn , sắc huyết tái hoặc nhợt , không hôi , có hiện tượng heat thoát không tự chủ , cũng không lý cấp hậu trọng , không nóng rất giàng môn . Đó là vì heat thoát do hư hàn nên mới dùng Đào hoa thang để ôn trung cô thoát .

Phương khẩu Chấp phân tích : Đau bụng là hàn lâm thương Vị Tiểu tiện không lợi , hạ lợi không ngừng , do Vị tổn thương nên Thổ không chế được Thủy , Đại tiện ra mủ máu là hạ tiêu heat thoát .

Bệnh Thiêu âm , đau bụng ỉa lỏng ra mủ máu có thể dùng phép Chân (điều 308) .

Đôi với chứng Thiêu âm hạ lợi ra mủ máu , ngoài vân đỏ chữa trị bằng thuốc còn có thể phối hợp với pháp Châm thích . Còn Châm thích vào Kinh nào , Huyệt nào chưa ai nói rõ . Mục đích Châm thích là tả kinh khí làm cho lưu thông . Hạ lợi ra mủ máu , đã có Đào hoa thang . Ở đây nói châm thích có lẽ hỗ trợ là thôi . Tuy vậy châm thích phù hợp bệnh Nhiệt gấp Cửu phù hợp bệnh Hàn , cần dựa vào thực tế lâm sàng mà quyết định .

Bệnh Thiêu âm , nên nửa ỉa chảy , chân tay nghịch lạnh , phiền táo không chịu nổi , Ngô thù du thang chủ chữa bệnh này (điều 309) .

Chứng trị do Vị hư Can nghịch nên nửa ỉa chảy và tứ nghịch . Căn cứ vào chứng trạng nên nửa ỉa chảy và tứ nghịch mà xét giống với loại âm thịnh dương hư , không dùng Tứ nghịch thang , lại dùng Ngô thù du để chữa là tại sao ?

Nêu tổng hợp cả 3 điều chứng trị của Ngô thù du thang thì nhận ra mâu chốt không khó khăn gì .

Trong thiên Dương minh , dùng Ngô thù du thang vào trường hợp nôn khan , ~~khả/ra/bọt/rãi/~~ .

Độc ở âm vào nôn nôn .

Trong thiên Quyết âm , dùng Ngô thù du thang vào trường hợp nôn khan nửa ra bọt rãi .

Còn ở thiên này (Thiêu âm) dùng Ngô thù du thang vào trường hợp vừa thổ vừa lợi .

Nhau vậy có thể thấy chứng chủ yếu của Ngô thù du thang là nôn nửa , còn ỉa lỏng và quyết lạnh không phải là chứng trạng bất huệ . Cơ chuyển bệnh lý của 3 chứng trên , đều do trung hư Can nghịch , đem trọc phạm lên trên , khác với hiện tượng âm thịnh dương hư ; cho nên chứng này tuy có ỉa chảy cũng không nghiê n trọng lắm , còn sẽ dĩ phiền táo nôn chốt là do nôn nửa quá mức gây nên .

Chứng này đã là Vị hư Can nghịch , trọc âm phạm lên trên nên mới dùng Ngô thù du thang để ôn trung bổ Vị , tiết trọc thông dương .

Điểm phân biệt của chứng này với chứng của Tứ nghịch thang ở chỗ Tứ nghịch thang thuộc chứng Tỳ Thận hư hàn , lấy hạ lợi quyết nghịch làm chủ yếu .

Chứng này với điều 296 nên nửa ỉa chảy phiền táo , tứ nghịch thì chốt ! đại thể giống nhau , nhưng tích chốt của chứng trạng lại không giống nhau tí nào .

Bệnh Thiêu âm , hạ lợi , sau họng , ngực đầy , Tâm phiền , Chư phủ thang chủ chữa bệnh này . (điều 310) .

Giới thiệu cách điều trị do hạ lợi thương Âm , hư hỏa xông

lên gây ra đau họng và Tâm phiền .

Thiếu âm tả theo nhiệt hóa , tả nhiệt rét xuống thì ỉa chảy , ỉa chảy thì âm khí càng tổn thương , nhân đó mà hư hỏa bốc lên sinh ra các chứng đau họng ngược đẩy Tâm phiền .

Kinh mạch Thiếu âm vào Phế , men theo họng , một nhánh tách ra từ Phế liên lạc với Tâm , rét vào trong Huyệt .

Bây giờ sau khi ỉa chảy , phần âm bị hư tổn . Thận hỏa không chứa , theo Kinh mạch mà xông lên phần Dương che nên xuất hiện các chứng trạng như đã nói ở trên .

Đau họng của chứng ở đây thuộc Hư chứng , vầng họng không sưng đỏ thối rữa , chỉ có cảm giác khô , đau , ru thể bệnh không dữ dội , khác hẳn loại sưng đỏ đau thuộc thực chứng phong nhiệt Hư hỏa bốc lên che nên vầng tâm họng có cảm giác phiền đầy khó chịu .

Chứng này vốn thuộc Âm hư hỏa viêm , không thuộc Thực nhiệt nên không thể dùng loại thuốc đắng lạnh để trực tiếp dập hỏa , do đó chọn dùng Chu phụ thang để nhuận táo bồi thể , trừ phiền lợi họng .

Ỉa chảy của chứng này cũng hoàn toàn khác với loại ỉa chảy của Thiếu âm hư hàn . Dự gia Ngôn từng nói : Dương vi dùng Phụ tử để ôn kinh ; Âm kiệt dùng Chu phụ để nhuận táo , hai cách chữa này không được lẫn lộn .

Chu phụ thang phương

Chu phụ I cân nấu với I đấu nước , cạn lấy 5 thăng bỏ bã , hòa vào I thăng Bạch mật , 5 hợp Bạch phân (bột gạo) trộn đều chia làm 6 lần uống nóng .

Phương hữu Chấp nói : Chu (lợn) thuộc Hợi nên vào Thiếu âm . Phụ (dạ) là lớp mỏng ở ngoài , nên giải được bệnh ở ngoài , được tính mát nên có thể thoát nhiệt , tả tán nhiệt lửa, phiền đầy có thể trừ . Bạch mật nhuận táo để hòa Yết (họng) , họng lợi mà không táo thì cũng hết đau . Bạch phân ích Thổ để thắng Thủy , thổ vượng thủy chế thì lợi (ỉa chảy) ngừng .

Bệnh Thiếu âm bị hai-ba ngày , đau họng có thể dùng Cam thảo thang , nên không đỡ , cho uống Cát cánh thang (điều 311)

Nếu lên phép chữa Thiếu âm bệnh có khách nhiệt gây nên chứng đau họng .

Chứng đau họng ở đây không phải là hư hỏa bốc lên mà là Thiếu âm có khách nhiệt , loại đau này vùng họng nên sưng đỏ nhẹ . Nhưng chỉ đơn thuần đau yết họng chứ không kèm chứng trạng nào khác , hơn nữa bệnh tình cũng nhẹ nên mới dùng một vị Cam thảo để thanh hỏa giải độc . Nếu về sau dù đã uống Cam thảo mà thể bệnh không giảm là do Phế khí không tuyên thông mà

khắc nhiệt không giải được , nên mới dùng Cát cánh để thông đạt Phê khí . Khí sẽ được tuyên tiết thì nhiệt tự nhiên tiêu đạt .

Cam thảo thang phương

Cam thảo 2 lạng nấu với 3 thang nước cạn lấy 1,5 thang , bỏ bã , chia 2 lần uống .

Trương An Nam nói : Vị Cam thảo sử dụng trong Thương hàn luận thường là nướng thì tiệt dần được Tỷ thổ . Riêng ở đây lại dùng sống thì hòa kinh mạch và lưu thông .

Phạm vi ứng dụng Cam thảo thang

- Một trẻ em bị bệnh teát khẩu không nói được , dùng Sinh Cam thảo 2,5 đồng cân sắc với 1 chén nước cạn lấy 6 phần chia uống nóng khiến lửa ra dần rãi , sau đó giã sữa cho trẻ uống (Ngọc hàm kinh) .

- Cam thảo thang chữa Phê suy nhược ra nhiều mồ hôi , trong tim rộn rạo khó chịu (Thiên kim yêu phương) .

Cát cánh thang phương

Cát cánh 1 lạng Cam thảo 2 lạng

Hai vị trên sắc với 3 thang nước , cạn lấy 1 thang bỏ bã , chia uống nóng làm 2 lần .

Nhận xét : Bài này dùng Cam thảo để thanh hỏa giải độc , Cát cánh để tuyên Phê khai kết , cùng với Cam thảo thang , đều là bài thuốc chủ yếu để chữa đau họng .

Phạm vi ứng dụng của Cát cánh thang

- Ho và ngực đầy , lạnh run rẩy , mạch Sác , họng khô không khát có lúc nhổ ra nước dãi hôi tanh hoặc ra mủ như nước cháo ... đó là Phê ung , cho uống Cát cánh thang (Kim quỹ)

- Cát cánh thang chữa ho phát từ tạng Tâm , khi ho đau cả vùng tim , trong họng có cảm giác như vướng mắc thậm chí hầu tử họng sưng (Ngọc cơ vi nhĩ) .

Bệnh Thiêm âm , họng bị tổn thương , mặc dù không nói được , không ra tiếng , Khô tửu thang chủ chữa bệnh ấy (điều 312)

Họng bị tổn thương có hai nghĩa , một là bên ngoài vùng họng bị vật nhọn đâm thương ; hai là vùng yết hầu phát sinh rách nát ; cho dù cách nào đi nữa đều không đơn thuần chỉ sưng đỏ đau .

Vì trong họng bị vật nhọn đâm thương , tiên tới loét nát , không những ảnh hưởng nói năng , phát âm không được , lúc này dùng Cam thảo thang , Cát cánh thang không trị nổi nên mới dùng Khô tửu thang nhằm tác dụng tiêu viêm nơi tổn thương lợi khiếu thông tiếng nói .

Khô tửu thang phương

Bán hạ 14 củ

Khô tử (trứng gà 1 quả , bỏ lòng đỏ ,

đổ Khổ tửu (dấm ău) vào trong vỏ quả trứng) .

Trộn Bán hạ và Khổ tửu , bỏ vào trong vỏ quả trứng gà , đặt lên miếng sắt mà đun cho sôi vài dạo , bỏ bã , ngâm nuốt từ từ , không để lại lần nào vậy 3 thang .

Vương phỉ tam nói : Khổ tửu thang chữa Thiệu âm Thủy khuy không đưa lên được để giúp quân hỏa làm cho huyệt mọc mụt không nổi được . Mụn là loại 'Can' tính cay trên của Bán hạ kèm theo ngọt nhuận của lòng trắng trứng gà , có công dụng lợi Khiêu thông tiếng nói , không đến nỗi làm khô tân dịch Nhưng công năng của Bán hạ , hoàn toàn dựa vào Khổ tửu dẫn vào âm phận làm khô rãi khỏi mụn , dù âm hỏa bốc lên , dùng Khổ tửu cũng phải giáng xuống .

Phạm vi ứng dụng của Khổ tửu thang

- Trong họng bị hóc vướng không ăn uống được , lấy một quả trứng gà khoét một đầu , moi bỏ lòng đỏ giữ lại lòng trắng nhét 1 củ Bán hạ sống vào đem nướng chín , cho ăn lòng trắng dần dần (Nghiệm phương tân biên)

Bệnh Thiệu âm , đau trong họng , Bán hạ tán và thang chữa bệnh này (điều 313) .

Đây là phương pháp chữa đau họng do âm thịnh dương uất thuộc Thiệu âm bệnh .

Đem so sánh chứng đau họng ở điều này với chứng đau họng ở hai điều trên (311-312) về luận do nguyên nhân bệnh hay bệnh lý cơ chuyển , đều không giống nhau .

Can thảo thang , Cát cánh thang chữa đau họng trường hợp tà khí còn nhẹ , đau không nặng và không có chứng của biểu bệnh lý , thuộc loại khách nhiệt gây nên .

Khổ tửu thang chữa đau họng do mọc mụt , thuộc loại Thiệu âm Thủy khuy , âm hỏa bốc lên .

Còn đau họng ở điều này là âm hàn bế ở ngoài , dương tà bị uất tụ không vượt lên , uất lại hỏa hỏa , cho nên chứng này ngoài hiện tượng đau họng nên kèm theo các chứng trạng sợ lạnh , khí nghịch , muốn nôn ... nên mới dùng Bán hạ tán hoặc thang để chữa .

Đời sau bàn đến hầu phong , Cấp hầu tử ... có thể cũng thuộc phạm trù chứng này .

Bán hạ tán và thang phương

Bán hạ (rửa) Quả chỉ (bỏ vỏ) Can thảo (rửa)

Ba vị liều lượng bằng nhau , tán bột riêng , liều lượng bằng nhau , trộn đều , mỗi lần uống 7 thìa , ngày 3 lần chiêu với nước sôi .

Nếu không uống bột , có thể lấy 1 thang nước đun sôi vài

hòa I thả bột vào , khuấy đều lại đun sôi vài dạo nữa , đợi lúc hơi nguội cho xông từ từ . Bán hạ có độc , không nên xông bột .

Vương tuân Tam nói : Tà Thiệu âm nghịch và Kinh mạch , không đến ra được , cũng Bán hạ vào Âm tán uất nhiệt , Quê chi , Cam thảo đặt ra cơ biểu thì Tà của Thiệu âm theo kinh Bạch mà ra cơ biểu thoát theo đường Thái dương . Bán hạ chữa đau họng , không có cái lo làm cạn mất tân dịch .

Phạm vi ứng dụng của Phương thuốc

- Hoặc loạn chứng bụng , Bán hạ Quê chi liều lượng bằng nhau tán bột , hòa nước xông I thả (Trừu hạp phương) .

- Bán hạ Quê chi Cam thảo thang chữa hàn trướng đột ngột âm đau họng (Loại phương chuẩn thang) .

- Hàn đột ngột trướng vào ngực , nằm ở kinh Thiệu âm hàng tuần mới phát bệnh đau họng , gọi là Thận thương hàn . Dùng Bán hạ Quê chi nước gừng đắp vào cổ và rốn , lại dùng phụ tử đắp vào lòng bàn chân (ngoại đại thập thể phương) .

Bệnh Thiệu âm , là chảy, Bạch thông thang chữa bệnh này (điều 314) Đây là chứng trị âm thịnh là chảy , cách dương ở trên . Thiệu âm bệnh là chảy , có sông chét khác nhau , có hàn nhiệt cũng khác nhau .

Chứng chét phần nhiều thuộc loại âm thịnh dương tuyệt; chứng có thể chữa được thuộc hàn tích có chứng Tứ nghịch thang , chứng Thông mạch Tứ nghịch thang , chứng Bạch thông gia Chu độn chấp thang , chứng Đào hoa thang v.v... Chứng thuộc Nhiệt có Chu linh thang , chứng Chu phu thang v.v... đều lấy mạch tượng làm đặc điểm căn cứ .

Ở điều này cũng thuộc Thiệu âm hư hàn hạ lợi nhưng nói triệu chứng sơ sai , suy xét theo bài thuốc vì trong đó có Cam Khương Phụ tử thì biết chứng này thuộc Tỳ Thận dương hư . Lý do Thận là gốc dương khí toàn thân , Tỳ Vị là gốc của trung dương . Phần dương của Tỳ Thận đều hư thì dương khí không đạt tới tứ chi , do đó chứng này nhất định phải có các chứng hạ mạch Vi Tê , sợ lạnh , tứ chi quyết lạnh v.v.. Bạch thông thang tức là Tứ nghịch thang bỏ Cam thảo gia Thông bạch là vì sợ Cam thảo kim hàn Khương Phụ nhất là ở lúc phải hồi dương cấp cứu nên mới bỏ Thảo gia Thông bạch để thông ngay dương khí ở trên và dưới , vì thế chứng này còn nên có kiện tượng mặt đỏ đại dương .

Nói tóm lại , chứng này so với chứng Tứ nghịch thang nặng hơn .

Bạch h thông thang phương

Thông bạch 4 củ Can khương 1 lượng
Phụ tử (để sòng bề vẽ) I củ

Ba vị trên sắc với 3 thăng nước cạn lấy I thăng , bẻ bã , chia uống nóng vài lần .

Chư vớ Tái nói : Thiếu âm là chấy là hiện tượng thuận âm ; Thuận âm thì phải dùng vị thuộc thuận dương để tán tà hội dương , nhưng có lúc dương không hội được chính là vì âm khí lẫn vít tắc chưa lẫn thông được . Cho nên âm dương hòa là tốt , âm dương cách cự là xấu . Chân dương đã hư , âm tà lại sâu , tính của Khương Phụ tuy có thể ích Dương mà không thể sai khiến dương khí phải vào trong âm thì dương hội phụ lẫn sao ? Âm đi đằng nào ? Cho nên chỉ có vị cay của Thông bạch mới có thể thông với âm , lẫn cho âm đạt ra dương mà có thể trừ được chấy là chấy .

Bệnh Thiếu âm , hạ lợi, mạch Vi , cho uống Bạch thông thang . Hạ lợi không ngừng , quyết nghịch không có mạch , nên khan mà phiến . Bạch thông gia Chư đởm chấp thang chủ chữa bệnh ấy . Sau khi uống thuốc mạch xuất hiện đột ngột thì chết ; mạch xuất hiện từ từ thì sống .
(tiết 315)

Mạch chứng và tiên lượng khi uống Bạch thông gia Chư đởm chấp thang .

Điều này có thể chi là 3 tiết thảo luận .

Từ "Bệnh Thiếu âm ... Bạch thông thang" là tiết thứ nhất , nói lên mạch chứng sử dụng Bạch thông thang .

Từ "Hạ lợi không ngừng ... Bạch thông gia Chư đởm chấp thang" chủ chữa bệnh ấy" là tiết thứ hai , nói lên triệu chứng nặng hơn so với Bạch thông thang .

Từ "sau khi uống thuốc ... mạch xuất hiện từ từ thì sống" là tiết thứ ba , nói lên chẩn đoán tiên lượng sau khi uống thuốc .

Tiết thứ nhất , mạch chứng Bạch thông thang đã nói ở điều 314 .

Tiết thứ hai , chứng Bạch thông gia Chư đởm chấp thang , là đã uống Bạch thông thang mà hạ lợi vẫn không ngừng , đủ thấy mức độ âm thịnh dương hư khá nghiêm trọng cho nên uống Bạch thông thang không những vô hiệu , trái lại nặng thêm , quyết nghịch không có mạch , nên khan mà phiến , chính là duyên cớ thang được bị âm tà ngăn cách chứ không phải thuốc không nhân đúng chứng , cho nên vẫn dùng Bạch thông thang lại thêm vào thuốc hàn hàn khổ giáng là Chư đởm chấp và nhân niêu để lấy tác dụng phản tá khiến cho nhiệt được không còn mới bị âm hàn ngăn cản nhân đạt mục đích hội dương cứu nghịch . Đây

là phép tắc điều trị như Hội Kinh nói "nhiệt nhân hàn dụng" và "thận giả tòng chi" .

Điểm thứ ba nói lên sau khi uống thuốc có thể có hai tình huống , một là chủ về sống , hai là chủ về chết , rất có giá trị trong lâm sàng .

1/ Sau khi uống thuốc , đột nhiên xuất hiện mạch đập là chứng hậu chết , bởi vì âm dịch cạn kiệt , cơ dương hết chỗ dựa nên bộc phát ra ngoài tức như người ta nói "hồi quang phản chiếu" nên mới biết là chứng không chữa được .

2/ Sau khi uống thuốc , mạch đập khôi phục dần dần , đó là dấu hiệu sống đích thực , nói lên tân dịch chưa kiệt , trong khí hồi phục dần dần , nên tiến lượng chuyển biến tốt . Yum tại Kinh nói : "Mạch xuất hiện đột ngột thì chết vì đó là ngũ cụt dương khí vô căn ; mạch tới từ từ thì sống vì đó là dương khí bị nén hồi phục dần" thực là lời nói yêu lĩnh .

Bạch thông gia Chư đóm chấp thang phương

Thông bạch	4 củ	Can khương	1 lượng
Thụ tử sống (bỏ vỏ)	1 củ	Nhân niệu	5 hợp
Chư đóm chấp	1 hợp		

Nấu vị trên sắc với 3 thăng nước cạn lấy 1 thăng , bỏ bã , hòa đóm chấp và nhân niệu vào , chia uống vài lần lúc nóng . Nếu không có đóm cũng được .

Bị bệnh Thiếu âm , 2-3 ngày không khỏi , đến 4-5 ngày , đau bụng , tiểu tiện không lợi , tứ chi đau và nặng nề , tự là chảy , đó là có thủy khí ; người bệnh hoặc ho , hoặc tiểu tiện lợi , hoặc là chảy , hoặc ọc , Chân vũ thang chủ chữa bệnh ấy (điều 316) .

Chứng trị bệnh Thiếu âm dương hư thủy hàn cùng họp nhau . Khí thủy hàn công ra ngoài biểu thì tứ chi nặng nề ; lần sâu vào lý thì gây ra đau bụng hạ lợi ; nếu trạch lên Phế sẽ gây chứng ho ; nếu đọng ở giữa , Vị khí nghịch lên thì gây nôn mửa ; nếu ứ trệ ở hạ tiêu , khí hóa bằng quang không thôn thông , thì tiểu tiện không lợi v.v... Tóm lại các chứng trạng đó , đều do Thận dương suy vi , thủy khí không hóa , cùng cấu kết với khí âm hàn mà gây bệnh , cho nên trong điều trị cần dùng Chân vũ thang ôn dương khu hàn để tán thủy khí . Những chứng trạng ở điều này so với điều 2 ở Thái dương thái thiên "Bệnh Thái dương , ra mồ hôi quá nhiều , đến nổi dưới Tâm rợn rạo , chóng mặt , cơ bắp máy động , run rẩy muốn lăn ra đất" tuy có đôi chỗ khác nhau , nhưng cơ chuyển bệnh lý thì cũng do Dương hư thủy khí gây bệnh cho nên chủ trị bằng Chân vũ thang .

Nhận xét : Thiệu âm dương hư kiên có hàn thủy gây bệnh mới là chứng của Chân vũ thang . Nếu chỉ là dương hư không có thủy khí thì không thuộc phạm vi bài thuốc này .

Chân vũ thang phương

Phục linh	3 lượng	Thược dược	3 lượng
Bạch trật	2 lượng	Sinh khương	3 lượng

Phụ tử (bào , bỏ vỏ) I củ

Đùng 8 thăng nước nấu 5 vị thuốc , cạn lấy 3 thăng , bỏ bã , uống nóng mỗi lần 7 hợp , ngày 3 lần .

Nếu họ gia Ngũ vị tử 0,5 thăng , Tề tân I lượng , Can khương I lượng .

Nếu tiểu tiện lợi bỏ Phục linh .

Nếu hạ lợi , bỏ Thược dược gia Can khương 2 lượng .

nếu nôn , bỏ Phụ tử gia Sinh khương ở bài thuốc thành 0,5 gấc cân .

Trình Tri nói : Các bài Bạch thông , Thông mạch , Chân vũ đều do Thiệu âm hạ lợi mà đặt ra . Nhưng Bạch thông và Tử nghịch đều dùng Phụ tử sống . Riêng chứng Chân vũ thang lại dùng Phụ tử chín . Bỏ vị Phụ tử dùng đông thì ôn kinh tán hàn . Phụ tử bào chín thì ôn kinh trừ âm . Các thang Bạch thông coi trọng thông dương ; Chân vũ thang lấy ích dương trước tiên , cho nên dùng thuốc có năng , nhẹ khác nhau . Can khương giúp cho Phụ tử sống để ôn kinh , Sinh khương giúp cho Phụ tử chín để tán chứng âm .

Phụ tử dùng chung với Thược dược , cương nhu hỗ trợ lẫn nhau vừa có thể ôn kinh , vừa chữa huyết tỳ giảm đau , cho nên có khả năng chữa tứ chi nặng nề và đau do Dương hư cùng chọi nhau với thủy hàn , và cũng trị đau bụng .

Phạm vi ứng dụng Chân vũ thang

- Thang thuốc này không chỉ âm chứng Thương hàn có thể uống được . Người hư lao có chứng rét nhiều , nóng nhiều , ho và ỉa chảy cũng uống được . Do đó , bài thuốc còn một tên khác nữa là Cô dương thang (Vương thị giản dị phương) .

- Chữa Thiệu âm thủy âm kết hợp với lý hàn gây ho và đau bụng ỉa chảy . Bài này gia Can khương , Tề tân , Ngũ vị . Thông dụng cho người cao tuổi khí yếu ho kéo dài (Trục chỉ phương)

Sơ sánh : Phụ tử thang

Chân vũ thang

- Bào Phụ tử :	2 củ	I củ
- Phục linh :	3 lượng	3 lượng
- Nhân sâm :	2 lượng	không có
- Bạch trật :	4 lượng	2 lượng
- Thược dược :	3 lượng	3 lượng
- Sinh khương :	không có	3 lượng

- Chứng trạng Phụ tử thang : Bệnh Thiếu âm , trong miệng hỏa lung ở hàn , chân tay lạnh , đau mình , đau xương , mạch Trầm (điều 305) .

- Chứng trạng Chân vũ thang : Bệnh Thiếu âm 2-3 ngày không khỏi đến 4-5 ngày , đau bụng , tiểu tiện không lợi , tự hạ lợi , chân tay nặng nề và đau (điều 316) . Dưới Tâm hồi hộp choáng váng , cơ bắp máy động , lão đảo muốn ngã (điều 82)

- Nguyên nhân chứng Phụ tử thang : Lý dương vận hư , biểu khí hư theo , gân xương thiếu dịch , hàn tả nhân cơ hội xâm lấn .

- Nguyên nhân chứng Chân vũ thang : Tỳ Thận dương hư , Thủy khí quấy rối ở trong .

- Công dụng : Ấm điểm giông nhau , chứng Phụ tử : Ôn dương tán thủy .

E/ ĐIỂM KHÁC/NHÂN/

Chứng Chân vũ : Trầm thông .

B/ Điểm khác nhau , chứng Phụ tử : nặng về ôn bổ để mạnh nguyên dương . Trọng tâm bệnh do hàn ở bên ngoài .

Chứng Chân vũ : nặng về ôn tán để trừ thủy khí - Trọng tâm bệnh ở lý thủy .

Bệnh Thiếu âm , hạ lợi ra nguyên đồ ăn , trong thì hàn , ngoài thì nhiệt , chân tay quyết nghịch , mạch Vi muốn tuyệt , mình lại không ở hàn ; người bệnh sắc mặt đỏ , hoặc đau bụng , hoặc cơ khan , hoặc đau họng , hoặc hạ lợi ngừng mà mạch không thấy . Thông mạch Tứ nghịch thang chủ chữa bệnh ấy . (điều 317)

Điều này giới thiệu mạch chứng và phép trị chủ yếu chứng Âm thịnh ở trong , cách dương ra ngoài thuộc chứng chân hàn giả nhiệt .

Hạ lợi ra nguyên đồ ăn , tứ chi quyết lạnh , giống với chứng Tứ nghịch thang , nhưng mình nóng không sợ lạnh , sắc mặt đỏ thì chỉ chứng ở điều này mới có . Và lại , mạch Tốn chứng của Tứ nghịch thang chẳng qua Trầm hoặc Vi Tề , còn mạch ở điều này lại Vi muốn tuyệt , có thể thấy tình thế bệnh ở điều này so với chứng Tứ nghịch thang nghiêm trọng hơn .

Vì âm thịnh ở trong (lý) dương khí suy vì cực độ , cho nên không những hạ lợi ra nguyên đồ ăn , chân tay quyết nghịch mà còn mạch Vi muốn tuyệt .

Lý hàn quá nặng , dương khí bị đẩy ra ngoài cho nên biểu hiện chứng trạng giả nhiệt mình lại không ở hàn , sắc mặt đỏ v.v... Chính bởi vì bệnh cơ chứng này là âm dương nghịch sách , nên mới có chứng mâu thuẫn như thế .

Tả thịnh ở lý, hàn khí nghịch lên cho nên đau bụng ọc khan
Đương hư nổi lên trên cho nên đau họng. Ở đây ngừng là
do âm dịch cạn kiệt chẳng còn gì để là nữa, vì vậy tuy là
chảy ngừng mà mạch vẫn không thấy, lúc này (vô luận chứng
trạng hoặc bệnh tình, đều nghiêm trọng hơn cảng Tứ nghịch
thang, cho nên trong Tứ nghịch thang mới dùng Gan không
liều cao, lại tăng thêm liều dùng Phụ tử để đón ngay nội
hàn nhằm phục hồi dương khí sắp thoát ra ngoài.

Sắc mặt đỏ ở chứng này thuộc chứng hư dương vượt lên, khác
với sắc mặt đỏ của chứng Dương minh thực nhiệt.

Sắc mặt đỏ thuộc hư dương vượt lên tản mạn không cố định
và lại còn kèm theo các chứng khác khác. Còn sắc mặt đỏ
thuộc Dương minh bệnh là đỏ khắp, đỏ sâu và phải có kèm
theo nhiệt chứng khác.

Mình nóng lại không sợ lạnh ở điều này cũng khác với mình
nóng sợ nhiệt của Dương minh. Mình nóng của Dương minh là
lý nhiệt mưng mủ, ấn tay vào thấy nóng lên tay. Còn mình
nóng ở điều này là Dương nổi ra ngoài, người bệnh tuy cảm
giác nóng nhưng cái nóng ấy không quá lâu, hơn nữa ấn lâu
thì tay thấy không nóng và còn thêm các chứng trạng thực
nhiệt như miệng lưỡi khô ráo và rất khát; còn chứng giả
nhiệt thì miệng hòa lưỡi nhuận, tuy khát cũng không thể
uống nhiều hoặc ưa uống nước nóng v.v... đều có thể phân
khác trong chẩn đoán.

Nhận xét: Chứng Thông mạch Tứ nghịch thang là chứng hậu
của loại chân hàn giả nhiệt, âm thịnh cách dương. Nếu
chết vẫn có thể chữa được hoàn toàn chỉ nhờ vào tý chút
Đương khí mong manh. Nếu không có hiện tượng giả nhiệt như
không có mặt đỏ, mình lại không ở hàn thì thuộc chứng chết
thuần âm vô dương.

Thông mạch Tứ nghịch thang phương

Gan thảo (mướng) 2 lượng Phụ tử lớn (để sống bỏ vỏ I củ
Gan không 3 lượng người khỏe có thể dùng 4 lượng
Đa vị trên sắc với 3 thăng nước, cạn lấy I thăng 2 hợp,
bỏ bã, chia uống nóng vài lần. Nếu mạch xuất hiện thì khỏi
Sắc mặt đỏ, thêm 9 nhất hạnh; trong bụng đau bỏ hạnh,
thêm Thược dược 2 lượng, nếu ọc thêm Sinh không 2 lượng.
Đau họng, bỏ Thược dược thêm Cát cánh I lượng. Ở đây
ngừng mà chưa thấy mạch xuất hiện, bỏ Cát cánh gia Nhân
sâm 2 lượng.

Trần tu Viên nói : " Dương khí không vận hành được , nên Tứ nghịch thang ; nguyên dương hư nặng , nên Phụ tử thang ; Âm thịnh ở dưới , cách dương lên trên , nên Bạch thông thang ; Âm thịnh ở trong , cách dương ra ngoài nên Thông mạch Tứ nghịch thang .

Bởi vì sinh khí đã lìa , vòng dương quanh quẩn , nếu lấy sự chậm chạp của Cam thảo làm quân thì làm sao gọi được cái Dương muốn tiêu tan kia trở về , cho nên dùng Cam không liều cao mà vẫn không giảm Cam thảo , vì sợ cái khí tán mạn không kham nổi cái nặng của Khương phụ , còn phải nhờ Cam thảo mới thu được công trận vận .

Nếu mặt đỏ là hư dương tràn lên , thêm Thông bạch để đưa Dương khí đi xuống ; trong bụng đau là Tỳ lỵ không hòa , bỏ Thông gia Nhục được để thông Tỳ lỵ , nên có là Vị khí nghịch , gia Sinh khương để tuyên khí nghịch . Đau họng vì kinh mạch Thiếu âm đi ngược lên , bỏ Thược được vì nó khô tiết , gia Cát cánh để mở đường . Là chảy ngừng mà mạch không xuất hiện , là trong ruột thiếu âm khí , mặt đỏ dựa phát sinh ra mạch , nên mới bỏ Cát cánh gia Nhân sâm để sinh mạch .

Phát biểu của họ Trần nêu ra Bạch thông thang chữa chứng âm thịnh ở dưới , cách dương lên trên . Thông mạch Tứ nghịch thang chữa âm thịnh ở trong , cách dương ra ngoài , hiện chứng và vận dụng 2 phương này vậy là thỏa đáng .

Bảo là cách dương lên trên tức là nói hiện tượng mặt đỏ do giả nhiệt . Bảo là cách dương ra ngoài tức là nói hiện tượng lại không ở hẳn do giả nhiệt . Nhưng có lúc mặt đỏ và không ở hẳn không chia ranh giới hẳn mà thường đồng thời xuất hiện như chứng hậu đã nói ở điều này , bởi vậy tiền lâm sàng , vừa phải phân biệt nhưng cũng nên linh hoạt .

Thiếu âm bệnh Tứ nghịch , người bệnh hoặc ho , hoặc hồi hộp , hoặc tiểu tiện không lợi , hoặc trong bụng đau , hoặc là chảy có cảm giác hậu trọng , Tứ nghịch tán chủ chữa bệnh ấy . (điều 318) .

Nếu lên chứng trị dương uất gây nên khí cơ không tuyên thông Tứ chi nghịch lạnh ở điều này , về tính chất cơ bản khác nhau với chứng tứ chi nghịch lạnh do âm thịnh dương hư ở đây điều nói trên .

Chứng Tứ nghịch ở điều này là do Can khí uất kết , dương uất ở trong không thông đạt ra tứ chi nên mới nghịch lạnh nhưng mức độ không nghiêm trọng , hơn nữa không có triệu chứng hư hàn nào khác , nên trong khi biện chứng không khó phân biệt .

Ba chữ "Bệnh Thiệu âm" ở điều này không nên câu nệ vào các chứng trạng có hay không nhiệt ở hàn, mạch Vi tế chỉ muốn ngủ, mà sẽ dễ xếp vào thiên Thiệu âm, chỉ vì chứng này cũng có quan hệ tới tứ chi nghịch lạnh.

Căn cứ vào bệnh lý cơ chuyển của chứng này, nên có các chứng trạng đau trong bụng, là chầy lý cấp hậu trọng v.v... Bởi vì Can mộc bị bệnh, rất dễ vũ Thổ; đau bụng là chầy hậu trọng chính là Mộc tả lân Thổ, biểu hiện Can khí không thu thái nên mới dùng Tứ nghịch tán để tuyên tán khí cơ, thân đạt phần Dương bị uất.

Còn như có thể sinh ra ho, là do Phế hàn khí nghịch, cho nên gia Ngũ vị tử, Can không để ôn Phế mà thu khí nghịch; hồi hộp là âm tả vũ Tâm nên mới gia Quế chi để thông dương và ích Tâm thần; tiểu tiện không lợi là thủy khí không hóa, dùng Phục linh để lợi thủy.

Hậu trọng của chứng này là do khí uất, nên dùng Giới bạch để lợi khí trở. Nếu tích xác có đau bụng do hư hàn, cũng có thể chườm chườm gia Phụ tử; nếu đơn thuần đau bụng do Mộc tả vũ Thổ thì không nên gia Phụ tử.

Tứ nghịch thang phương

San thảo (nung)

Sài hồ

Chỉ thực (nung)

Thuộc dược

Độn vị trên đều 10 phần, tán bột, hòa nước chín, mỗi lần uống 1 thìa, ngày 3 lần.

Nếu ho, thêm Ngũ vị, Can không đều 5 phần. Cũng chữa được hạ lợi.

Hồi hộp gia Quế chi 5 phần.

Tiểu tiện không lợi, gia Phục linh 5 phần

Trong bụng đau gia Phụ tử (bào) 1 củ.

là chầy hậu trọng, trước lấy 5 thăng nước, nấu với 3 thăng Giới bạch, cạn lấy 3 thăng, bỏ bã, bỏ 3 thìa thuốc bột vào nước thuốc nấu lại chỉ lấy 1,5 thăng, chia uống nóng vài lần. Phái tân Khanh nói: Tứ nghịch tán là phương chữa cả biểu và lý. Nhiệt kết ở trong dương khí không đạt ra ngoài cho nên lý nhiệt mà ngoài hàn lại không thể công hạ vì sợ quyết lạnh, cho nên chỉ dùng Chỉ thực để tán uất nhiệt, vẫn dùng Sài hồ để đạt Dương tả. Dương tả tiết ra ngoài thì chân tay tự nhiên ấm.

Nhận xét: Bài này có thể chữa tứ chi quyết lạnh nên mới đặt tên như vậy, tuy cùng tên với Tứ nghịch thang mà trong phương không có vị nào tán nhiệt hồi dương, có thể biết bài này chữa tứ nghịch không thuộc phạm vi âm thịnh dương hư của Thiệu âm bệnh.

Thiếu âm bệnh , là chảy 6-7 ngày , ho, nôn ói khát nước , trong Tâm phiền không ngủ được, Chu linh thang chủ chữa bệnh này (điều 319) Giới thiệu chứng trạng và phép trị chứng âm hư thủy và nhiệt cũng chọi nhau .

Triệu chứng khát nước ở điều này giống với chứng ở điều 282 Nhưng điều 282 thuộc loại Âm/âm/đương/đương/ dương hư âm thịnh , còn điều này là thủy với nhiệt chọi nhau . Vì vậy chứng ở điều 282 tuy có tâm phiền mà vẫn muốn ngủ , đồng thời tiểu tiện trong dài . Chứng ở điều này tâm phiền lại không ngủ được , tuy không nêu ra tình huống tiểu tiện cũng đoán tiểu tiện ở điều này hiển nhiên phải sền dề . Thủy khí chỉ thấm vào một phía Đại trường , thì là chảy , nghịch lên Phế Vị gây nên ho và ói ; thủy tích đọng không hóa được nên khát nước ; Âm hư mà thủy nhiệt chọi nhau , cho nên tâm phiền mà không ngủ được . Cơ chuyển tổng quát của chứng này là âm hư mà thủy nhiệt chọi nhau do đó mới dùng Chu linh thang có đủ tác dụng tư âm thanh nhiệt lợi thủy .

Tâm phiền không ngủ được ở chứng này giống với chứng Hoàng liên A giao thang ở điều 303 nhưng bệnh lý thì khác nhau . Chu linh thang có chứng ho mà ói và khát , tiểu tiện không lợi , đó là không những âm hư có nhiệt mà trọng yếu hơn ở chỗ kiêm có thủy khí không hóa . Chứng Hoàng liên A giao thang chỉ đơn thuần có âm hư dương cương , không có chứng về thủy khí . Đây là điểm phân biệt chủ yếu của hai chứng . Ho , ói và hạ lợi tương tự với chứng Chân vũ thang ở điều 316 , hơn nữa đều do thủy khí gây bệnh . Nhưng chứng Chân vũ thang là dương hư hàn thịnh kiêm có thủy khí , do đó còn có các chứng trạng đau bụng , tứ chi đau và nặng nề . Chứng ở đây là âm hư có nhiệt cũng chọi nhau với thủy khí , nên lại có chứng tâm phiền không ngủ được . Căn cứ vào quy luật trong chỗ giống nhau tìm ra điểm khác nhau , trong lâm sàng chẩn đoán nên tham khảo các phương diện mạch tượng và rêu lưỡi , thì hai chứng không khó phân biệt .

Lại như điều Chu linh thang ở thiên Dương minh , xét chứng ở điều này có chỗ không giống nhau , nhưng bệnh lý và tính chất đều giống nhau , cũng nên xem xét w.

Chu linh thang đã giới thiệu ở Dương minh thiên .

Bệnh Thiếu âm đã bị 2-3 ngày , miệng ráo họng khô , nên công hạ ngay Đại thừa khí thang chủ chữa bệnh này (điều 320) .

Điều này nêu biện chứng và trị liệu Thiếu âm nhiệt tả ợc mạnh làm tổn thương tân dịch tả kết lại , nên mới dùng Đại

thừa khí thang để hạ ngay , nếu không kịp thời hạ cái thực tả ở lý này thì chẳng khác nào đốt rừng cạn nước sông , phải hạ ngay cơ may cứu phân âm bị hao kiệt . Nhưng chúng nên ở điều này quá đơn giản , chỉ có một chứng niễng ráo họng đau , làm biến chứng trước mắt thì còn được , nếu làm cần cứ để hạ ngay thì không thỏa đáng , chắc chắn phải kết hợp toàn bộ mạch chứng , tiến hành phân tích mới khỏi sai lầm .

Đã dùng Đại thừa khí thang để hạ ngay , nhất định phải có các chứng khác như tả ở Phủ ngăn trở ở trong làm Âm phân bị hao thương . Tham khảo thêm ở điều 322.

Trương lộ Ngọc nói : Thiếu âm có 3 chứng hạ ngay . 1 thuộc nhiệt tả truyền kinh cực mạnh , 2 thuộc nhiệt tả truyền vào Vị Phủ , 3 thuộc Ôn nhiệt phát từ Thiếu âm ... đều là những chứng không trị hoãn được , phải hạ ngay để cứu Thân thủy sắp kiệt so với 3 phép hạ ngay ở Dương minh , cùng một nguồn mà khác phái . Đây là kiểu "Đại thực hữu nuy trạng" nên nghiên cứu kỹ trong biện chứng .

Bệnh Thiếu âm , là lỏng ra nước màu xanh đen thuần . Khi thấy chứng này , vùng dưới Tâm phải đau , niễng khe và khát , nên dùng phép hạ , dùng Đại thừa khí thang (điều 321)

Nên lên chứng trị Thiếu âm nhiệt hóa thành Thục , nhiệt kết bàng lư .

Ở điều này nói là bệnh Thiếu âm , bản chất cũng đã kén nhiệt vào Phủ can thiệp tới phạm vi Dương minh tác thực , sẽ dễ vẫn gọi là Thiếu âm là vì bệnh từ Thiếu âm mà tới . Nếu gi như điều trên sẽ nói : "Đại thực hữu nuy trạng" .

Tóm lại , ba từ "Bệnh Thiếu âm" , bản chất cũng đã kén nhiệt can thiệp vào Phủ can thiệp tới phạm vi Dương minh / tác / thực ở điều này không thể nhìn vào chứng hư hàn mạch Vi Tê chỉ nước rử .

Thiếu âm bệnh vận về chứng là chảy , nhưng là chảy do Thiếu âm hư hàn phải trong lòng như phân vệt có mùi tanh hoặc ra nguyên đồ ăn . là chảy ra nước trong ở điều này so với nước trong hoặc phân vệt khác nhau rất xa .

là chảy do Thiếu âm hư hàn tuy trong lòng nhưng còn lên nhón thức ăn . Còn chứng ở đây rất ít gặp bả , chỉ đơn thuần nước trong đó là vì tác phân ngăn trở , không tự đẩy xuống cho nên vật đi xuống chỉ là nước trong mà thôi , đời sau nói là nhiệt kết bàng lư đủ chứng minh bệnh lý này .

Vì Thiệu âm hóa nhiệt vào Phủ thì Vị Phủ đại thực đại nhiệt ; đồng thời Thiệu âm thủy khuỷu thì mệc hỏa phải hun đốt cực nóng , Gan Đổ sơ tiết thái quá , đêm chấp nhân đó mà tràn vào Trường Vị quá nhiều , do đó mà chất nước chảy ra có màu xanh đen thau lèn . Mệc hỏa can thiệp lên trên , vàng Tâm ắt phải đau miệng khô ráo đủ rạo mình là hỏa thịnh thủy kiệt , cho nên phải hạ ngay tợp tả nhân chế cái lửa đốt rừng đó cứu âm dịch cấp kiệt .

Phép chữa chứng này , đã qua là chảy lại dùng công hạ , giống như phép "thông nhân thông dụng" , cần biết số nước là chảy ra càng nhiều . thì phân tán kết ở trong càng nặng , do đó tợp chất vẫn là "thông nhân ~~thông dụng~~" nên mới dùng Đại thừa khí thang .

Bệnh Thiệu âm bị đã 4-7 ngày , chướng bụng , không đại tiện , phải hạ ngay , nên Đại thừa khí thang (điều 322) .

Điều này nói về Thiệu âm nhiệt hóa phủ khí ứng tác và phép chữa .

Bệnh Thiệu âm vốn là là chảy , bảy giờ 6-7 ngày không đại tiện làm cho vùng bụng chướng đầy , đây là do Thiệu âm hóa nhiệt vào Phủ phân tán kết ở trong , nên dùng Đại thừa khí thang để hạ phân tán , tiết nhiệt giữ phần âm .

Giới thiệu chứng trạng ở điều này khá đơn giản .

Nếu chỉ dựa vào đó mà dùng Đại thừa khí thang thì không toàn diện được , mà phải kết hợp cả rêu lưỡi và mạch tượng và các chứng khác như rêu lưỡi vàng khô , mạch Trầm có lực v.v... s sử dụng Đại thừa khí thang mới không sai lầm . Giả sử bụng chướng không đại tiện mà rêu lưỡi trắng nhạt , ớn lạnh mạch Nhược , đó là thuộc Tỷ hư , không những cần dùng Đại thừa khí thang cho đến các loại thuốc hạ khác cũng phải cần dùng . Tồn lại , chứng Thiệu âm lại truyền ra lòng mình , chướng bụng không đại tiện phải có kèm lưỡi khô ráo , sợ nóng , ớn lạnh v.v... mới là thực chứng .

Bệnh Thiệu âm , mạch Trầm , phải chữa ngay bằng phép ôn , nên dùng Tứ nghịch thang (điều 323)

Điều này qua mạch tượng mà quyết định phép chữa Hồi dương ngay . Bởi vì mạch Trầm ở đây , phải là Trầm mà Vị Tề chú không phải Trầm mà Thực Đại , điều này có thể khẳng định . Vấn đề là nghiến cứu ở câu "phải dùng phép ôn ngay" , bởi vì nếu chỉ nói mạch Trầm mà không nêu ra chứng vọng dương hư thoát thì làm sao phải nêu ra "phải dùng ngay phép ôn" ! Vậy mấy chữ "phải dùng ngay phép ôn" Trọng Cảnh đã lưu ý , đối với chứng hư hàn , nên chữa sớm , để phòng sai lầm về

bệnh cơ . Như các chứng là chảy ra nguyên do ăn , tứ chi
quyết lạnh phải đầy đủ , thì rõ ràng biết là thuộc Thiếu âm
hư hàn , người mới học chút ít về y học đều có thể yên tâm
dùng phép ôn . Điều nói ở đây tuy các chứng chưa nói đủ ,
phương đã thấy mạch Trầm Vi Tế , là bản chất Thiếu âm hư hàn
đã bộc lộ , nếu không dùng phép Ôn ngay , tránh sao khỏi có
chứng trạng vong dương thô lợi quyết nghịch bấn theo gót chân
Vi vậy nên ra "phải dùng ngay phép ôn" không những có thể
đắc hiệu quả điều trị mà còn có ý ngăn ngừa ru thể bệnh
tăng thêm một cách tích cực .

Tứ nghịch thang phương

Cam thảo (màng) 2 lượng Can khương 1,5 lượng

Phụ tử (dùng sừng bỏ vỏ) 1 củ

Đã vị trên sắc với 3 thăng nước , cạn lấy 1 thăng 2 hợp ,
bỏ bã , chia uống nóng vài lần . Người khỏe có thể dùng Phụ
tử củ to , Can khương 3 lượng .

Sách Kim giám viết : Dùng tính vị ngọt âm của Cam thảo làm
Quần để ôn dưỡng Dương khí , vị cay âm của Khương phụ làm
Thần để trợ dương thăng hàn .

Cam thảo được Khương phụ , có vũ Tận dương , âm cái hàn ở
bên trong , có công làm ấm thể ở trong thủy .

Khương phụ được Cam thảo , thông các khớp , đi ra tứ chi ,
có sức trục âm hồi dương .

Thận dương được có vũ , hàn âm tiêu trừ thì dương khí đạt
ra ngoài , mạch sẽ tự thăng mà chân tay tự ấm lại .

Bệnh Thiếu âm , ăn uống vào miệng thì thổ , trong lòng rộn rạo, muốn
thở lại không thể được ; khi mới bị bệnh , chân tay lạnh, mạch Huyền
và trĩ , đó là trong Huyệt có thực tà , không được dùng phép Hạ , nên
dùng phép Thổ . Nếu trên Cách có hàn âm mà có khan thì không được
dùng phép Thổ nên chữa bằng phép ôn , nên dùng Tứ nghịch thang (điều
324) .

Ở đây nêu biện chứng và điều trị chứng trong Huyệt có thực
tà và trên Cách có hàn âm .

Có thể chia làm 2 tiết giải thích . Tiết thứ nhất từ "Bệnh
Thiếu âm , ăn uống vào thì thổ ngay ... cần nên dùng phép thổ"
là do trong Huyệt có đàm thực , có thể dùng phép Thổ để chữa
Tiết thứ hai từ "trên Cách có hàn âm ... cần nên dùng Tứ
nghịch thang: là nói trên Cách có hàn âm , nên dùng phép
Ôn để chữa .

Có thể phân biệt tìm kiểu như sau :

Vì trong Huyệt có thực tà đến rồi nghẽn tắc cho nên ăn uống
vào thì thổ ra , có nghĩa là ngay từ khi chưa ăn uống cũng

cảm thấy trong Huyệt rộn rạo chỉ muốn thở mới dễ chịu ; nhưng phải do đêm rã keo dính nên mới muốn thở mà không thể được . Chân tay lạnh là do Huyệt dương có đêm trọc ngăn trở không đạt ra tứ chi . Mạch Huyền chủ về đêm âm . Huyền mà Kiên Trì là đêm trọc lẫn át , dương khí không phản hô được .

Và lại khi mới bị bệnh đã thấy ngay hiện tượng trên càng có cơ sở chính xác là tả thực ở trong Huyệt . Trong Huyệt Thực vì tả ở trên , không thể dùng thuốc công hạ khu trừ được nên mới nói là "không thể hạ" . Nội kinh nói : "tả ở nơi cao nhân để làm cho vật ra" nên mới nói là nên dùng phép Thở , các phương thuốc như Qua để tán đều có thể chọn dùng . Giả dụ như không phải trong Huyệt có thực tả mà là trên Cách có đêm âm , thì tại sao lại cần dùng phép Thở ? Đó là do hạ tiêu dương hư không vận hóa được đến nổi thủy âm ú tích , khí hư hàn từ dưới nghịch lên vì vậy ợ khan . Nên lấy phép chữa từ gầy , lấy Khương Phụ để làm ấm Tỳ Thận dương khiến cho dương khí vận hành thì hàn âm tự tan , cho nên mới nói nên chữa theo phép Ứn , nên dùng Tứ nghịch thang .

Hoàng Khôn Tái nói : Vào niệng mà thở ngay , là để ăn uống còn mới ăn . Trong Tâm rộn rạo muốn nên mà không nên được là vướng đờm rã lâu ngày . Vậy đó là có đờm rã vướng ở Huyệt từ trước cho nên ăn vào thở ngay , mà vì đờm rã lâu ngày keo dính nên không thể được .

Rộn rạo là đêm ngăn trở thanh đạo , quân hỏa uất át , trọc khí bốc lên . Chân tay lạnh là dương uất không đạt ra bốn phía . Dương suy thấp vượng nên có mạch Trì , thổ thấp nề uất nên có mạch Huyền . Đây là trong Huyệt có tả thực , không dùng được phép Hạ . Chặt hủ bại ứng tác , theo phép nên làm cho thổ ; nếu trên Cách có hàn âm ợ khan thì Thổ bại Vị nghịch , không thể thở được , nên dùng phép Âm ngay , dùng Tứ nghịch thang .

Bệnh Thiêu âm , là chảy , mạch Vi Sắc , ợ mà ra mồ hôi thì phải đại tiện nhiều lần , mà trái lại đại tiện ít lần , nên dùng phép Cứu để Âm phân trên (điều 325)

Âm hư huyết thiêu mà ra mồ hôi sẽ vong dương , dùng phép Cứu để cấp cứu hồi dương .

Thiêu âm bệnh mạch Vi Sắc ; Vi là đơn , chỉ hư , Sắc là âm huyết thiêu . Âm tả nghịch lên thì ợ ; Dương hư mà Vệ ngoại không bền thì ra mồ hôi . Dương chủ thăng , hư thì khí trụ xuống cho nên đại tiện nhiều lần . Âm hư thì ruột thiêu tân dịch như nhuận cho nên sẽ lần đại tiện ít đi .

Chúng này không chỉ dương khí âm huyết đều hư, còn hơn nữa dương khí hư mà hạ hãm, âm tả thịnh mà nghịch lên; dùng phương thuốc ôn hàn giáng nghịch thì ngại có chứng hạ lợi, dùng thanh nhiệt ôn hàn thăng dương thì ngại có chứng nôn. Bài thuốc đã khó chọn dùng, nên mới chữa bằng phép Cầm. Nhưng đó vẫn là phép chữa tổng quát nên mới nói "nên làm âm phân trên". Nếu bệnh tình hơi có chuyển biến tốt và thì phối hợp với thang thuốc nặng trong mới là tất yếu. Phương hĩu Chấp nói: Vì là dương hư, Sắc là huyết thiếu. Ra mồ hôi dương khí không bền bền ngoài, âm yếu không giữ được bên trong. Sê lân đại tiện ít đi là dương hư thì khí trụy xuống; huyết thiếu cho nên đủ một đi phần nhiều cũng chỉ là ngôi không. Nói "làm âm phân trên", "trên" ở đây là đỉnh đầu, tức là huyết Bách hội. Cầm là thăng cử phần dương để điều dưỡng giúp âm.

Nguyễn thiên Quyền biên soạn

o
e e
)
-

10000
Mạch - Chứng và điều trị
Bệnh Quyết âm
(từ điều 326 đến 381)

Bệnh Quyết âm, uống nước nhiều mà vẫn không khỏi khát, khí nghịch xông lên Tâm; trong Tâm nóng và đau; đói mà không muốn ăn, ăn vào thì mửa ra đùn dữa; cho uống thuốc hạ thì ỉa chảy không ngừng (điều 326). *Suy thủy âm* / *hạ đản*

Biến Dịch
Đây là đề cương chứng thượng nhiệt hạ hàn của bệnh Quyết âm. Đây cũng là giai đoạn truyền biến cuối cùng của Lục kinh và cũng là ngưỡng cửa sống chết của người bệnh. Người xưa coi Quyết âm là nơi cuối cùng của Tam âm. Bởi cái cuối cùng của Âm, sẽ là cái ban đầu của Dương, hơn nữa biểu lý với Thiếu dương, bâm thụ phong mộc nên trong giữ lưỡng hỏa, liền với hàn thủy ở dưới, là ất quý đồng nguyên, đó là Bản. Bên trên tiếp với quân hỏa, tương ứng mẫu tử, đó là Thiên.

Như vậy thì thấy bản thân Quyết âm là một kinh một tạng có đủ cả âm Dương hàn nhiệt, cho nên Quyết âm bệnh phần lớn là hàn nhiệt lẫn lộn, chứng hậu của nó vì thế cũng rất phức tạp, Nhưng qui nạp lại, chủ yếu không ngoài hai loại hình. Một là quyết và nhiệt đôi bên tranh dành thắng phục, chính khí nếu thắng tà khí thì quyết lạnh biến thành phát nhiệt; nếu chính khí suy thoái không chiến thắng bệnh tà thì lại chuyển thành quyết lạnh, đó là biểu hiện âm dương trên trường chính và tà tiến thoái lẫn nhau. Hai là loại hình trên nhiệt dưới hàn, đã có nhiệt chứng lại có cả hàn chứng, đó là bệnh tà vào sâu, âm dương rối loạn mất đi sự điều tiết bình thường, gây ra loại trên nóng dưới lạnh. Sào nguyên phương tóm tắt : Dương dồn lên thì thượng nhiệt, âm dồn xuống thì hạ lạnh. Điều kinh văn nói ở đây là thuộc loại hình sau. Các chứng tiêu khát, khí đưa lên Tâm, trong tâm nóng đau là biểu hiện thượng nhiệt. Đói mà không muốn ăn, ăn vào thì mửa đùn dữa, uống thuốc hạ thì ỉa chảy không ngừng là biểu hiện hạ hàn.

Tiểu khát là do thủy khuy không hàm mộc. Mộc hỏa nung nấu, tân dịch bị tiêu hao cho nên muốn đưa nước đến để tự cứu, nhưng vẫn không khỏi khát. Can làm chức quan tướng quân, ưa như ghét tảo. Mộc thiếu mưa nước tưới nhuận thì hoành nghịch không kiềm chế được men theo đường kinh đi lên do đó trong Tâm mới có cảm giác nóng đau. Mộc rẽ ngang vũ thổ, Tỳ vị bị bệnh cho nên trong Hung nhốn nháo như đói mà không muốn ăn, và lại cũng không ăn được. Trong vị rỗng không, dù người thấy mùi thức ăn thì quấy động mà ngoi lên miệng do đó ăn vào mới mưa ra dun. Lâm sàng nếu đem tiêu khát, khí nghịch, trong Tâm nóng đau v.v... coi là Thực chứng mà làm dùng thang thuốc công hạ thì chứng nhiệt ở trên không những không hạ xuống mà trái lại làm cho trung khí tổn thương, hạ tiêu càng hư hàn nghiêm trọng, sẽ phát sinh biến chứng là chảy không ngừng.

Điều này tuy xếp trên đầu thiên làm đề cương, nhưng xét theo chứng trạng, chỉ là chứng hậu trên nóng dưới lạnh, hàn nhiệt lẫn lộn chứ không phải bao gồm toàn bộ chứng trạng của thiên này là quyết nhiệt thăng phục và Hàn quyết, nhiệt quyết v.v...

Bệnh Quyết âm Trúng phong thấy mạch Vi Phù là muốn khỏi, không phù là chưa khỏi (điều 327).

Căn cứ vào mạch tượng để chẩn đoán tiên lượng bệnh Quyết âm. Trong phép biện mạch có ghi: "âm bệnh mà thấy dương mạch thì sống - Dương bệnh mà thấy âm mạch thì chết". Có nghĩa là âm bệnh thấy dương mạch là âm tiêu dương trưởng, chính khí hồi phục dần, bệnh tà có xu hướng đặt ra ngoài, nên biết là có thể sống. Dương bệnh thấy âm mạch là dương lui âm tiến, chính khí suy vi, bệnh tà có xu hướng lấn sâu vào trong, nên đoán là dấu hiệu chết.

Bệnh Quyết âm thấy mạch tượng vi phù chính là âm bệnh thấy Dương mạch, tượng trung dương hồi phục dần, âm lui dần nên biết là muốn khỏi; nếu không xuất hiện

tỷ phụ: là 1 triệu chứng của bệnh tỷ phụ

mạch tượng Vi Phủ là âm tà còn thịnh, Dương khí chưa hồi phục dương nhiên không phải là dấu hiệu khởi .

Mạch tượng của bệnh Tam âm, đa số Trầm Tri Tế Nhược. Nếu như chuyển thành mạch Phủ là dấu hiệu rất tốt vì chính khí thắng tà, dương khí trở lại. Vì là thông thả nhẹ nhàng, Phủ thì không cần ấn nặng mạch đã ứng lên tay. Trong giai đoạn bệnh tà đã suy, chính khí chưa hồi phục hoàn toàn, thấy hiện ra mạch này là chứng hậu muốn khởi, nhưng lâm sàng còn phải kết hợp với các chứng trạng khác để phân tích mới có thể đề ra chẩn đoán chính xác. *theo Chyếu mĩ - ra mĩ hồ.*

Ngoài ra cũng cần chú ý, mạch tượng không là Vi phủ mà lại là chỉ pháp, ăn vào vô căn hoặc mạch tượng xuất hiện đột ngột... phần nhiều là dấu hiệu tử vong hư dương vượt thoát ra ngoài. Đó là điều phải nhận thức sâu sắc mới tránh khỏi lẫn lộn, sai lầm bệnh cơ .

Bệnh Quyết âm khi muốn giải trừ, từ giờ Sửu đến giờ Mão (điều 328)

Điều này nêu lên thời gian bệnh Quyết âm muốn giải trừ. Bệnh thiếu nói : Thiếu dương vượng ở giờ Dần Mão; từ Sửu đến Mão là lúc âm tận mà dương sinh. Quyết âm giải vào giờ này trong đó có sự biến hóa của Thiếu dương.

Từ bất Thăng nói : Thời gian giải bệnh của Tam dương đúng vào giờ Vượng của Tam dương mà giải. Thời gian giải bệnh của Tam âm cũng theo Giờ Vượng của Tam Dương mà giải là bởi vì Thương hàn lấy sinh Dương làm chủ yếu .

Bệnh Quyết âm, khát muốn uống nước, cho uống từ từ ít một thì bệnh khởi (điều 329)

khí phủ là đại khí - đại thực
khát muốn uống nước : phủ ứng từ từ : bệnh âm phước
đáp
biết biết
lưu ý

Điều này nêu cách xử lý Dương hồi phục có hiện tượng khát nước .

Trùng Quyết âm bệnh có chứng thương nhất hạ hàn vốn có chứng hậu tiêu khát. Ở đây lại nói "khát muốn uống nước, cho uống từ từ thì khởi bệnh" nhìn lướt qua, tưởng

như mâu thuẫn, thực ra cơ chuyển bệnh lý của hai loại này khác hẳn nhau, ngay đến mức độ khát cũng phải phân biệt :

- a. Bệnh Quyết âm, dương khí trở lại là điều kiện đầu tiên có xu hướng khởi của bệnh Quyết âm, có thể là dương khí trở lại thái quá. nhiệt quá mức mạnh nên phát sinh rất khát, loại khát nước này cho uống từ từ là vấn đề quyết không thể giải quyết được .

- b. Chứng tiêu khát do Quyết âm thượng nhiệt, mức độ loại khát này tuy không đại khát đòi uống như chứng bạch hồ thang nhưng nhìn vào chỗ uống nhiều mà vẫn không hết khát có thể đoán chắc quyết không thể cho uống từ từ mà giải trừ được bệnh .

- c. Loại khát muốn uống nước của Quyết âm tà hư dương trở lại, do dương khí chợt trở lại, tân dịch nhất thời không dâng lên kịp nên mới khát nước, loại khát lúc này quyết không phải loại đại khát đòi uống hoặc tiêu khát. Trong Kinh văn có từ "muốn" có thể nói lên mức độ khát không quá lắm và cũng là chỗ dựa chủ yếu để phán đoán tiên lượng chứng này vì thế mới không dùng đến thuốc men, chỉ nên vấn đề cho uống nước từ từ để giúp tân dịch, âm tân được bổ xung, dương tự nhiên không gắng nữa, âm dương bình hành thì bệnh tự khỏi .

Nhận xét : Điều này nói lên dấu hiệu Quyết âm bệnh dương hồi phục muốn khởi, chỉ vì âm khí chưa đầy đủ nên xuất hiện chứng khát nước nhất thời chonên cho uống nước từ từ để giúp đỡ phần âm thì khỏi bệnh. Và Khát nước ở điều này vừa không phải là tiêu khát, cũng không phải đại khát của Dương Minh kinh nhiệt chứng .

- Người bệnh bị tứ chi nghịch quyết không thể dùng thuốc Uống hạ; người thể hư yếu mà chân tay quyết lạnh cũng không thể công hạ (điều 330) .

Nêu lên sự cấm kỵ đối với chứng hư hàn quyết nghịch Dương Minh mạch giải thiên trong Tố Vấn nói : "Tứ chi là

gốc của các kinh Dương". Âm dương ứng tượng đại luận cũng nói : "Thanh dương thực tứ chi". Đó là nói sự quan hệ dương khí với tứ chi .

Người bình thường, dương khí vượng thịnh có thể đầy chắc tứ chi, chân tay tất nhiên ôn hòa. Nếu là người bệnh vốn thường này dương khí bất túc lại bị hàn tà thái quá sẽ hình thành cục diện âm thịnh dương hư. Dương hư không làm ấm ra tứ chi, chân tay sẽ biến ôn hòa ra quyết lạnh. Nhưng nguyên nhân dẫn đến quyết nghịch có rất nhiều, ngoài quyết nghịch của điều này, nhiệt chứng và thực chứng cũng có thể phát sinh chứng trạng quyết nghịch, như điều 335 nói Quyết sâu thì nhiệt cũng sâu, Quyết nhẹ nhiệt cũng nhẹ là một ví dụ. Vì thế có thể đoán điều nói ở đây "người bị tứ chi nghịch quyết, không thể dùng thuốc hạ" là chỉ về chứng hư hàn, nên ở phần cuối mới nói tiếp "Những người thể lực yếu cũng không được dùng thuốc hạ". Ngay đến những từ "dùng thuốc hạ" cũng không phải có giới hạn nhất định, mà nêu ra tất cả các thuốc công phạt cũng cần không được sử dụng .

Trương linh Thiệu nói : Các loại bệnh "à tứ chi nghịch quyết đều thuộc chứng âm hàn cho nên không được dùng thuốc hạ. và không thể chỉ quyết nghịch mới không được hạ, tất cả các bệnh nhân hư yếu dù không quyết nghịch cũng không được dùng thuốc hạ.

Tóm tắt các điều từ 326 đến 329 .

- Chủ chứng - tiêu khát khí xông lên Tâm, trong Tâm nóng, đói mà không muốn ăn, ăn vào thì mửa ra đùn dữa.
- Bệnh lý - Thuyên; nhiệt hạ hàn.
- Trị cảm - Thuyên; nhiệt hạ hàn, không được dùng thuốc hạ, nếu hạ sẽ ỉn chảy không cầm được.
- Thời gian muốn giải - từ giờ Sửu đến giờ Mão
- Tiên lượng và hộ lý -
 - a- Bệnh tình - khát muốn uống nước, cho uống từ từ thì khỏi .
 - b- Mạch tượng - Vi phù : muốn khỏi .
Không phù: chưa khỏi .

X Bệnh Thương hàn trước có chứng tử chi quyết lãnh tiếp theo chuyển ra phát sốt, tuy có chứng ỉa chảy nhưng sẽ ngừng; nếu Quyết nghịch trở lại, sẽ lại ỉa chảy. (Điền (331))

Điều này nói lên quan hệ giữa quyết nhiệt với hạ lợi (ỉa chảy).

Đặc điểm của bệnh quyết âm là âm dương thăng phục, quyết nhiệt lan lên, dương khí thắng thì phát nhiệt, âm khí thắng thì quyết nghịch, mà âm thắng thì quyết nghịch thường kèm theo ỉa chảy là đa số. Quyết hồi phục thì ỉa chảy ngừng. Quyết phát thì lại tiếp tục ỉa chảy, điều này chính là nói mối quan hệ lẫn nhau giữa ba điều đó, có ý nghĩa rất trọng yếu trong biến chứng lâm sàng.

Thương hàn tà vào Quyết âm, hàn tà thịnh mà dương khí ít, dương bị âm lấn át không thể làm đầy chắc tử chi cho nên tử chi mới quyết lãnh. Dương khí đã hư, lại không thể thắng thanh bí trở cho nên mỗi khi chân tay quyết lãnh thì đi ỉa chảy, đến khi Dương khí trở lại, âm tà lui thì phát sốt quyết rút đi, ỉa chảy cũng theo đó mà ngừng, bởi vì phát sốt là biểu hiện dương khí vận hành, dương trở về thì khí âm, nên mới biết là sau khi phát sốt thì ỉa chảy tắt ngừng. Nếu như tử chi thấy quyết lãnh trở lại thì âm tà bốn phía ùa vào, hàn từ trong sinh ra, nên mới biết quyết thì lại ỉa chảy.

Vưu tại Kinh nói : Thương hàn trước tiên có chứng quyết là phần âm bị tà trước tiên. Về sau nhiệt là tà từ âm chuyển ra Dương. Âm bị tà thì ỉa chảy, khi tà trở ra dương, ỉa chảy sẽ ngừng; nếu lại quyết, nghĩa là tà lại vào âm, cho nên lại ỉa chảy. Bởi vì tà khí ở Dương thì sinh nhiệt, ở âm thì quyết và ỉa chảy ... đó là lẽ tự nhiên.

nhien vi tam shien vi tam shien met i'a chay

X Chứng Thương hàn phát nóng đến 6 ngày, phát quyết 9 ngày rồi ỉa chảy. Phàm chứng quyết mà ỉa chảy, đáng lẽ không ăn được, nay lại

chay's trong cái lúc quyết này có ỉa chảy

- cho có tư 1 chay, nhien kết luy lâu như vậy là

ch' có tam âm mới ỉa chảy

** thối âm ỉa luy*

- thối âm ỉa chảy Thối có

- Quyết âm ỉa chảy

*lưu ý là chảy vào 2 âm thanh - gọi là quyết
từ đây là vị khí bốc lên là hiện tượng là phần của khí thất
là hiện tượng phản quang nên khi sắp lại chế độ*

- 7 -

ăn được, sợ là chứng Trừ trung (Trung khí tiêu trừ hiện *đều*
tương phản thường) lấy bánh ngọt cho ăn, không thấy phát *thấy*
nóng, biết là vị khí còn, chứng ấy tắt khỏi, *phát sốt*
bạc nhiệt phát rồi. rồi lại thôi ngay, đến ba hôm sau *là chế*
xem mạch lại, nhiệt còn thấy tiếp tục luôn, mong rằng *thực*
đến sáng sớm hay nửa đêm thì khỏi. Sợ dĩ như thế là vì
6 ngày phát nóng rồi phát quyết 9 ngày, lại phát nóng 3
ngày, cộng với sáu ngày trước cũng là 9 ngày, thế là
nhiệt, quyết bằng nhau nên hẹn rằng sáng sớm hay nửa đêm
thì khỏi. Sau 3 ngày nữa lại xem mạch, mạch thấy sắc là *hạt*
chứng nhiệt chưa lui, đó là khí có thừa, tức phát lên *đầu*
chứng ung nhọt (điều 332). *gọi đây*

Điều này nêu rõ nên coi trọng vị khí đối với chứng
hàn nhiệt thăng phục và biện chứng trừ trung, toàn văn
điều này có thể giải thích làm 5 tiết :

- 1, Hai câu "chứng Thương hàn phát nóng 6, phát
quyết 9 ngày rồi là chảy" nói lên chứng quyết và là chảy
thuộc loại hình quyết nhiệt thăng phục, âm thịnh dương
suy. Đây là một tình huống trước nhiệt sau quyết mà nhiệt
thì ít, quyết thì nhiều, đều là âm hàn khí thịnh, dương
khí suy vi, dương hư khí hãm nên không chỉ có chứng chân
tay giá lạnh mà đồng thời còn phát sinh là chảy .

- 2. Từ câu "Phạm chứng quyết mà là chảy" đến câu
"sợ là chứng Trừ trung" nói lên quyết mà là chảy lại có
thể ăn được, nghi là chứng Trừ trung. Vì thông thường
quyết mà là chảy phần nhiều là chứng hậu âm hàn, vì âm
hàn khí thắng, tỷ vị dương khí bị tổn thương nên mới là
chảy, tay chân thiếu dương khí suy âm nên phát sinh
quyết lạnh; bây giờ lại ăn được nên mới có khả năng là
chứng Trừ trung ?

- 3, Từ câu "lấy bánh ngọt cho ăn"... đến "...sáng
sớm hay nửa đêm thì khỏi" nêu lên phương pháp chẩn đoán
chứng Trừ trung. Câu trên lại có thể ăn được có thuộc
chứng Trừ trung hay không, còn chưa quyết định cho nên

lấy bánh ngọt cho ăn là một phương pháp thăm dò, nếu sau khi ăn, bình thường không phát nhiệt hoặc chỉ hơi nhiệt thì là Vị khí còn đã có hiện tượng thèm ăn, nên đoán là sẽ khỏi. Nếu sau khi ăn đột ngột phát nhiệt, đích thực lộ ra hiện tượng chân dương hết như hồi quang phản chiếu, chẳng bao lâu dương khí thoát ra ngoài, nhiệt sẽ lại đi, đó là tử chứng của Trừ trung.

- 4, Từ câu "Sở dĩ như vậy" đến "... sáng sớm hay nửa đêm thì khỏi" nói bổ xung lý do sẽ khỏi và tính toán thời kỳ khỏi. Âm dương nên thăng bằng nên thiên thắng, giờ bệnh phát nhiệt 6 ngày, quyết lại 9 ngày, đó là dương vi âm thịnh, nhưng sau khi quyết lại nhiệt tằm 3 ngày nữa, cộng với 6 ngày nhiệt từ trước là 9 ngày, vậy là thời gian nhiệt và quyết bằng nhau, âm dương thăng bằng cho nên biết là có thể khỏi. Còn như vấn đề phải nêu lên số ngày, chỉ là nêu lên quyết và nhiệt có tương đương hay không để làm cái mốc nhận biết âm dương có thắng bằng hay không, chứ không phải là cùm từ cố định.

- 5, Từ câu "... Sau 3 ngày nữa lại xem mạch" đến câu "hãn phát sinh ung nhọt" nói lên biến chứng dương trở về thái quá. Thời gian nhiệt với quyết bằng nhau mà ngừng nhiệt ngay, đó mới là âm dương thăng bằng, là hiện tượng khỏi bệnh bình thường; nếu quả là vài ngày sau vẫn thấy mạch sắc mà phát nhiệt vẫn không lui là do dương khí hồi phục thái quá, dương nhiệt thiên thắng, ất thương doanh âm, doanh huyết bị nhiệt hun đốt, sẽ biến chứng ung nhọt, điều này so với chứng huyệt tê đại tiên ra máu mũi ở điều 334 và chứng miệng đỏ loét ở điều 335 tiếp theo về bệnh lý đại thể giống nhau.

Phác đồ biện chứng Trừ trung.

Điều 332.

a- Tình huống quyết nhiệt :

- Trước phát nhiệt 6 ngày! Thời gian phát !
- Tiếp theo quyết nghị, ! nhiệt và quyết !
- Ía chảy 9 ngày! nghịch bằng !
- Lại phát nhiệt 3 ngày ! nhau ----- !
- b- Suy tính bệnh lý : sáng
 - Quyết và lại nên không ăn được hoặc
 - Lại muốn ăn, sợ là Trừ trung nửa
- c- Chẩn đoán : đêm
 - (1) phương pháp : cho ăn bánh ngọt thì
 - (2) Kết quả : khỏi
 - , Đột ngột phát sốt, xuất hiện lại một là !
 - dấu hiệu chết. !
 - Không (nhẹ) phát sốt là Vị khế còn, sẽ khỏi !
 - Sau 1 ngày lại thấy mạch, lại tiếp tục phát !
 - nhiệt, là dấu hiệu âm dương tương bằng; ----- !
 - Sau 3 ngày thấy mạch, nhiệt không lui, !
 - mạch sắc, là nhiệt khí hữu dư, tốt
 - phát mụn nhọt .

Bệnh thương hàn mạch ~~trì~~ ^{trì} sâu - bảy ngày mà lại dùng Hoàng cầm thang để chữa nhiệt; mạch trì vốn thuộc hàn chứng, giờ lại dùng Hoàng cầm thang để trừ bỏ nhiệt, như thế trong bụng càng bị lạnh đáng nhẽ không ăn được, giờ lại ăn được, chứng hậu này gọi là trừ trung, bệnh ắt chết (điều 333).

Điều này nêu lên do chữa nhầm mà chuyển ra chứng nghịch trừ Trung .

Thương hàn mạch trì, mạch trì thuộc âm chủ về hàn, bệnh đã 6 - 7 ngày, nếu nói theo qui luật truyền kinh, nên là thời điểm quyết âm kinh bị tà. Bệnh tà đã vào âm kinh lại có mạch thuộc lý hàn làm căn cứ, điều trị nên dùng loại bài thuốc phù dương tức âm. Nhưng do bệnh tình biến hóa không phải là đơn thuần, đặc biệt là chứng hậu Quyết âm, lại càng phức tạp hơn. Tùy theo tình huống chính tà cầm cự nhau, cơ chuyển âm dương thống phục, do đó mà có các chứng quyết nhiệt ía chảy, thường thường

xuất hiện qua lại, trong tình huống này, dễ làm người ta khó phân biệt hàn-nhiệt; chẳng hạn như giai đoạn dương khí muốn hồi phục, ỉa chảy còn chưa ngừng, nhận lầm là Tam dương hợp bệnh mà dùng thuốc khổ hàn như Hoàng cầm thang để trừ nhiệt, tránh sao khỏi tình thế trên tuyết lại phủ sương, âm hàn càng nặng. Nội kinh nói : "Vị nhiệt thì dễ tiêu hay đối". Trong tình huống này là hàn tả hung tợn, dương khí muốn dứt, trái hẳn loại vị nhiệt, do đó nên không ăn được, mới là hợp lý; nhưng người bệnh lại ăn được hoặc gặm giảo thêm ăn như người bình thường như thế biết là hiện tượng bất bình thường, thực ra là vị khí đã hết nên mới đoán là chứng chết .

Nhận xét : Ở điều 332, chứng Trừ trung không do chữa nhầm mà tự chuyển thành chứng hầu xấu (nghịch) . Ở điều 333 này là âm chứng chữa nhầm bằng thuốc hàn lương đến nỗi tạo nên chứng chết do vị dương bai. Chỗ dịch chẩn đoán là tham khảo tình huống mạch chứng và những cách điều trị đã qua, nhưng đặc trưng tổng quát đều ở chỗ nên không ăn được mà lại có hiện tượng trái thường là ăn được .

X Bệnh thương hàn, mới bị bệnh tứ chi quyết lạnh, ỉa chảy sau đó chuyển thành phát sốt, ỉa chảy tự khỏi, phát sốt thái quá đến nỗi ra mồ hôi, trong họng tất sưng đỏ đau mà là Hầu tý. Quyết lạnh ỉa chảy lại thấy phát sốt không mồ hôi, ỉa chảy tự nhiên ngừng, nếu ỉa chảy vẫn không ngừng ắt đại tiện ra mủ máu; đại tiện đã ra mủ máu là cơ chuyển nhiệt tiết xuống dưới, nên hết hầu tý (điều 334).

Giới thiệu hai loại chuyên qui : Trước quyết sau nhiệt và Dương hồi phục thái quá.

Bệnh thương hàn ở thời kỳ quyết nghịch thường kèm theo ỉa chảy đó là hiện tượng dương khí bất túc, âm hàn thịnh ở trong. Nhưng dương lúc dương hồi phục, âm rút

Phát sốt → thuyên giảm → ra mồ hôi → hết tý

→ đi xuống → ỉa chảy → ỉa lỏng → đại tiện
ra mủ máu

Chú: BN hầu đay bị đi là chảy đều vậy có thể liên tiếp ly
thi - bên thân khở

- 11 -

lui, có thể quyết trở lại mà phát sốt, là chảy cũng có thể tự động ngưng, vì loại là chảy này là âm hàn thịnh ở trung, cho nên thường tùy theo lúc âm thắng quyết nghịch mà nổi bệnh và lui dương hồi phục mà phát nhiệt sẽ tự ngưng. Hiện tượng dương hồi phục phát sốt là chảy ngưng, theo lý luận âm dương thắng phục thì xác thực là xu thế chuyển quy tốt. Nhưng dương khí hồi phục cũng không nên thái quá, nếu như dương hồi phục thái quá, bệnh biến là điều tất nhiên, phần dưới điều này chính là nói biến chứng do Dương hồi phục thái quá :

- 1. Nhiệt là hướng lên trên, hướng ra ngoài; sau khi phát nhiệt, quyết trở lại, là chảy ngưng, vốn dĩ không nên ra mồ hôi. Nhưng vì dương trở lại thiên thắng, tân dịch bị thúc ép, qua bì mao tiết ra, cho nên trái lại ra mồ hôi; tân dịch tổn thương càng không dâng lên được, dương nhiệt mạnh một mình, hun đốt yếu hầu cho nên yết hầu sưng đỏ đau, bế tắc khó thông, vì thế mà thành chứng Hầu tý .

- 2. Dương hồi phục thái quá, nhiệt tà hướng xuống dưới, hướng vào trong cho nên tuy có phát nhiệt mà không ra mồ hôi, là chảy không ngừng không ngưng mà trái lại đại tiện ra mủ máu, đó là do nhiệt làm tổn thương hạ tiêu huyết phận. Chính bởi vì tà nhiệt đã có xu thế đi xuống, không đến nổi lại nghịch lên nên mới sinh ra đại tiện ra mủ máu và không đến nổi lại phát sinh hầu tý sưng đau nữa .

do tà
kết kết

Bệnh thương hàn bị từ 1 - 2 ngày đến 4 - 5 ngày, như tứ chi quyết lạnh; trước khi quyết lạnh từng phát nhiệt. Như trước khi phát nhiệt, về sau tất nhiên xuất hiện tứ chi quyết lạnh. Mức độ quyết lạnh nghiêm trọng thì sự uất nén nhiệt tà càng sâu nặng; mức độ quyết lạnh nhỏ nhẹ thì sự uất nén nhiệt tà cũng nhỏ nhẹ. Loại quyết nghịch này là do dương nhiệt uất sâu trong lý, cho nên điều trị bằng thang thuốc tả hạ. Nếu dùng thuốc phát hàn làm cho ra mồ hôi, thế tất dẫn đến biến chứng miệng lưỡi mọc mụn sưng đỏ loét nát (điều 335).

Điều này giới thiệu bệnh lý cơ chuyển của bệnh nhiệt quyết và dự tính xu thế nặng nhẹ của bệnh, phép chữa và kiêng kỵ, có thể chia làm mấy phương diện thảo luận như sau :

- 1. "Thương hàn bệnh từ 1-2 ngày đến 4 - 5 ngày" nói đại khái số ngày bị bệnh, không nên coi là những lời cố định .

- 2, "Quyết lạnh tất phát nhiệt, sau khi phát nhiệt trước, tất quyết lạnh" ý tứ hai câu này chỉ là một, đó là nói trước khi quyết hẳn phát nhiệt, trái lại nói trước khi phát nhiệt về sau hẳn tất nhiên xuất hiện chứng quyết lạnh. Đó là văn pháp lấy lại trong thương hàn luận .

- 3, "Quyết sâu nhiệt cũng sâu, quyết nhẹ nhiệt cũng nhẹ" là bàn đến cơ chuyển chứng nhiệt quyết và sự nặng nhẹ của nó. Hình thành cơ chuyển chứng nhiệt quyết chủ yếu là nhiệt tà ẩn sâu, dương khí uất ở trong không đạt được ra ngoài, do đó mà tứ chi quyết nghịch loại quyết nghịch này khác hẳn loại hàn quyết, vì hàn quyết cả bên trong, bên ngoài đều lạnh, còn ở đây thì bên trong đích thực là nhiệt mà bên ngoài lại hơi lạnh. Vì tình thế nhiệt ẩn nấu có nặng nhẹ nông sâu khác nhau; Nhiệt tà ẩn nấu càng nặng, tứ chi quyết lạnh cũng nặng hơn; nhiệt tà uất lại hơi nhẹ, tứ chi quyết lạnh cũng nhẹ, cho nên nói "nhiệt sâu quyết cũng sâu, nhiệt nhẹ quyết cũng nhẹ" là ý đó.

- 4, "Quyết nên dùng thuốc hạ mà lại dùng thuốc phát hàn, miệng tất nhiên phải tồn khong loét đỏ" nói lên phép chữa và điều cấm kỵ của chứng nhiệt quyết cho đến biến chứng sau khi chữa sai .

Nói quyết nên dùng thuốc hạ, hạ là chỉ tự hạ có ngụ ý dần quét bỏ nhiệt tà : nhưng từ "hạ" ở đây phải vận dụng linh hoạt, vì mỗi khi nói các loại thuốc thanh tuyền và thuốc tả, đều có bao quát ở trong.

Quyết sâu nhiệt sâu, vì Dương minh phủ Thục, nên dùng phép hạ; Phủ chưa thực, có thể dùng phép thanh, nếu quả là nhiệt nhẹ quyết cũng nhẹ cũng có thể dùng loại bài thuốc bình hòa như Tứ nghịch tán v.v...

Tóm lại, nhiệt quyết là dương tà uất ở trong, nhiệt đã ở trong, dương nhiên không được phát hàn, nếu sai lầm dùng thuốc phát hàn, cướp mất tân dịch, nhiệt tà càng hun đốt, tà nhiệt đưa lên, sẽ biến chứng miệt, lưỡi loét đỏ.

quyết sâu, nhiệt sâu

Bệnh thương hàn, quyết 5 ngày, nhiệt cũng 5 ngày, chiều lễ sang ngày thứ 6 lại nên tứ chi Quyết lạnh. Giả sử không phát sinh Quyết lạnh, đó là bệnh có xu hướng khỏi. Bởi vì Quyết lạnh là 5 ngày, phát nhiệt cũng là 5 ngày, số ngày Quyết, nhiệt bằng nhau, âm dương bình hành, nên tự khỏi (điều 336). Điều này nêu lên chứng hậu nhiệt quyết bằng nhau là bệnh tự khỏi.

Bệnh vào Quyết âm, nếu âm thắng tất Quyết lạnh, nhưng mà thịnh cực thì ngược lại, đó là quy luật phát triển của sự vật. Bởi vì âm cực thì dương sinh, dương khí trở lại, chính khí thắng tà thì bệnh có hướng ra ngoài, dương khí hướng ra ngoài cho nên tất phát nhiệt. Nếu như dương khí kém ở trong thì bệnh có chuyển vào lý, dương khí suy thoái, phát nhiệt lại chuyển thành quyết, đó là biểu hiện cụ thể âm dương thắng phục.

Điều này căn cứ vào thời gian Quyết nhiệt dài hay ngắn để dự tính tình thế tiến, lui của bệnh, âm thắng quyết lạnh 5 ngày, dương trở lại phát nhiệt cũng 5 ngày, Giả sử âm thắng hơn dương, sang ngày thứ 6 sẽ quyết trở lại, nếu không quyết là âm dương thăng bằng, biết là bệnh tự khỏi.

Phản là quyết nghịch, đều là do âm khí và dương khí không thuận tiếp lẫn nhau cho nên phát quyết. Nói quyết là chỉ chứng hậu tay chân phát lạnh (điều 337).

hàn cực, nhiệt cực *cực quyết, cực quyết* *→ chỉ chỉ hậu tay chân phát lạnh*

Điều này nói đến bệnh lý và chứng trạng của chứng Quyết, không những chỉ nói Hàn quyết thuộc âm chứng mà cũng là bao gồm cả nhiệt quyết thuộc Dương chứng.

Chứng Quyết bất luận thuộc hàn hay thuộc nhiệt, đều do âm dương mất đi sự hiệp điều bình thường, kết quả của sự không thuận tiếp lẫn nhau. Âm dương trong thân thể con người trong tình huống bình thường là sự hỗ trợ nâng đỡ giằng buộc lẫn nhau, một khi thiên thắng thiên suy thậm chí không thuận tiếp tất sẽ sinh bệnh biến. Nếu hàn thịnh cực độ thì âm khí thắng một mình, mà dương khí tương đối suy vì không thông đạt ra tứ chi cho nên chân tay phát sinh quyết lạnh, nhân đó thành hàn quyết. Trái lại nhiệt thịnh cực độ, thì dương khí bị lấn át cũng không thông đạt ra tứ chi, nhân đó thành nhiệt quyết. Xem vậy, Hàn quyết, Nhiệt quyết cũng là chân tay quyết lạnh, bệnh lý khác hẳn nhau, trên lâm sàng cần tổng hợp mọi tình huống của người bệnh để phân tích chính xác, điều trị mới không sai lầm.

còn là tỷ một mạch của này (ch)
Thương hàn mạch vi mà quyết, đến ngày thứ 7 thứ 8, bị phủ toàn thân đều lạnh, người bệnh vật vã không yên, đó là chứng Tạng quyết, không phải là chứng Vưu quyết. Người bị Vưu quyết, nên mửa ra đùn. Hiện giờ người bệnh có thể yên tĩnh, nhưng có lúc lại tâm phiền, đó là do Vị khí hư hàn, đùn bỏ lên cách nên trong Tâm mới phiền, loại tâm phiền này chỉ chốc lát là hết. Cho ăn vào thì nôn ọe và lại phát tâm phiền, đó là vì đùn người thấy đồ ăn mà quấy rối, cho nên người bệnh có lúc mửa ra đùn. Vì đùn mà đến nỗi chân tay quyết lạnh, ô Mai ~~hàn~~ chủ chữa bệnh ấy, cũng chữa được chứng lý kéo dài (điều 338).

Điều này biên chứng Vưu quyết và Tạng quyết, phương pháp chữa chứng Vưu quyết.

Dương khí suy thì mạch thấy Vi; Âm hàn thịnh thì tay chân lạnh. Mạch vi tay chân lạnh là dấu hiệu âm thịnh dương hư.

Sau khi bị bệnh đã 7 - 8 ngày, chân tay khắp mình đều lạnh, lại thêm bệnh nhân vật vã không được yên lúc

*Vưu quyết = đùn đùn
ăn vào mà ra đùn*

Phiền tas tỳ lục = viên quyết = ô mai hoàn
Phiền tas liên tục = tay liên

- 15 -

đủ biết bệnh tình ở mức nguy hiểm mười phần .

Táo, là sự vật vã, là Âm, có khi không phiền mà táo, là rừng rục gây nên trần trọc, đó là âm thịnh cách dương, tuy táo cùng cực muốn nằm trong bùn nhưng uống nước lại không vào miệng, đây là táo .

Thuần âm vô dương là chứng đờ

Gặp chứng chỉ táo mà không phiền đa số là chứng chết vì thuần âm vô dương, khác hẳn với chứng Vưu quyết. Cho nên mới nói chắc chắn đây là Tạng quyết không phải Vưu quyết .

Từ câu "Không phải Vưu quyết" có thể thấy chứng vưu quyết hẳn cũng có chứng trạng giống với loại Tạng quyết. Đây là vấn đề thứ nhất. Chính vì như thế cho nên ở phần dưới mới coi trọng vấn đề đặc trưng và phép chữa chứng Vưu quyết, như vậy mới không lẫn lộn 2 loại .

Vưu quyết là do dun gây nên Tứ chi quyết lạnh, vì dun quấy động nên mới dẫn đến hiện tượng Tâm phiền. Nhưng nếu dun yên thì phiền cũng hết, khác hẳn với chứng Tạng quyết vật vã liên tục không yên, như thế rất dễ phân biệt. Nhưng làm sao biết được dun quấy rồi lúc động lúc yên ? Bởi vì tính dun ưa ấm áp, hiện giờ trong Vị lạnh thì dun quấy động không yên, có lúc xiên lên cả hung cách, bởi thế có lúc phiền lúc không phiền .

Dun vốn đã ngủ thức không yên, khi đưa đồ ăn, nó ngủi thấy mùi hẳn phải ngồi lên, vì thế lại gây Tâm phiền, không những thế, còn gây nôn mửa, không những nôn mửa mà còn mửa ra dun .

Ô mai hoàn là phương, phương đắng, chua, cay, lạnh và nóng, công năng ấm Tạng yên dung dùng để chữa chứng Vưu quyết, rất hiệu quả, những bài thuốc dun đời sau, phần nhiều chế biến từ bài này. Trong bài lấy vị toàn thân của ô mai làm quân, do đó còn chữa được Kiệt lý lâu ngày.

Phác đồ biện chứng Tạng quyết, Vưu quyết .

- Mạch vi mà quyết :

a- Tạng quyết : - da lạnh, người bệnh vật vã không lúc nào yên, thuận âm vô dương, phần nhiều là chết .

b- Vưu quyết (1) người bệnh _____

thường mùa ra đùn _____ ! Có thể dùng bài

(2) Người bệnh tỉnh mà cổ _____ ! thuốc yên đùn

lúc phiền _____ ! hòa vị để điều trị

(3) Được ăn thì ọe mà phiền _____ !

ô mai hoàn phương

ô mai	300 quả	Tế Tân	6 lượng
Can khương	10 lượng	Hoàng liên	16 lượng
Đương quy	4 lượng	Phụ tử (bào, bỏ vỏ)	6 lượng
Thục tiêu	4 lượng	Quế chế (bỏ vỏ)	6 lượng
Nhân sâm	6 lượng	Hoàng bá	6 lượng

Các vị thuốc tán bột riêng rồi hợp làm một tròn đều, lấy khổ tửu ngâm ô mai 1 đêm, bỏ hột, nấu với 5 đấu gạo, khi gạo chín, đã nhừ chộn thuốc vào luyện làm hoàn to bằng hột ngô đồng, trước bữa ăn, uống 10 viên, ngày 3 lần mau tăng dần lên 20 viên, kiêng ăn thức tanh, đồ sống lạnh.

Vưu tại Kinh nói : "Đun gặp vị ngọt thì quấy rối, gặp vị đắng thì yên; lại nói : gặp mùi chua thì yên, gặp vị cay nóng thì ngừng, cho nên lấy vị chua của ô mai, đắng của Liên, Bá, vị cay của Khương, Tân, Quy, Phụ, Tiêu, Quế để yên dung, ấm Tạng và ngũ quyết nghịch, thêm Nhân sâm vì dung động bên trong lại hư, cho nên lấy an trung mà chỉ thổ và cũng là kiểu bớt cái mạnh của các vị lạnh vị hống trong bài thuốc .

Phạm vi ứng dụng của bài thuốc .

1. Tạng hàn : thì đùn quấy, ngoi lên Cách, phiền muộn nôn mùa lúc phát lúc ngừng, ăn vào thì ọe, thường mùa ra đùn, gọi là chứng Vưu quyết (Cục phương)

2. Chữa ho do Vị phủ gây nên, ho quá phát ọc, ọc nhiều thì đun bỏ ra (Y phương tập giải)

3. Đau bụng do uống lạnh. Các hoàn sung đau, đau đỉnh đầu (Thương hàn loại phương vụng tham).

âm dịch ở thượng tiêu (còn có) biến liệ của mặt là

Thương hàn dương lúc nhiệt không cao lắm, tứ chi quyết lạnh cũng nhẹ, chỉ có lạnh ở đầu ngón tay, lìm lìm không muốn ăn, phiền táo, bệnh đã vài ngày, về sau nếu tiểu tiện trong lợi, đó là lý thuận nhiệt đã giải trừ, có cảm giác đói muốn ăn là hiện tượng bệnh khỏi. Nếu vẫn quyết và nôn, đồng thời ngực sườn phiền muộn chướng đầy, về sau tất phát sinh tiện huyết (điều 339).

do là rốn lõm xuy dịch - biến dịch

Điều này giới thiệu biến chứng và chuyển quy của chứng nhiệt quyết nhẹ, Có ba điểm thảo luận :

1. Lúc bắt đầu nhiệt không cao, quyết cũng không nặng, dương lúc chứng nhiệt quyết nhẹ, nhiệt nhẹ, quyết cũng nhẹ, chỉ có lạnh ở đầu ngón tay, nhưng tất cả mức độ quyết lạnh đều nhẹ, chỉ khu trú phạm vi dương nhiệt bị uất nén, cho nên tinh thần người bệnh lìm lìm không muốn ăn; dương uất cần vươn lên do đó người bệnh mới phiền táo không yên.

2. Chứng hậu chuyển khỏi, sau vài ngày tiểu tiện thông lợi và trong nói lên âm dịch đã phục hồi, nhiệt tà trừ hết, muốn ăn, nói lên không chỉ nhiệt trừ âm hồi phục mà vị khí cũng hòa, đó là căn cứ chắc chắn để quyết đoán bệnh khỏi.

3. Chứng hậu chuyển bệnh (nặng) nguyên do nhiệt quyết tuy rất nhẹ, nhưng cái nhiệt đã chưa thể giải ra ngoài được ngay sẽ càng bị uất càng lấn sâu, quyết lạnh ở chân tay cũng nặng dần dần. Kinh mạch Quyết âm, đi kèm Vị, lên cách, phân bố ở sườn; tà nhiệt không thấu đạt được, ảnh hưởng đến kinh mạch của Quyết âm gây nên ngực sườn phiền đầy, mọc tà can thiệp tới Vị mà gây nôn ọc. Lúc này nếu chần chừ không chữa hoặc chữa không đúng phép, tránh sao

thiệt quyết còn có cả cái thoát => là bỏ huyết (tuyệt huyết)

khỏi nhiệt lâu thì âm lạc tổn thương, cuối cùng phát sinh biến chứng đại tiện ra huyết .

Tóm tắt hai loại chuyển quy Nhiệt quyết nhẹ :

- Chứng Nhiệt quyết nhẹ (nhiệt ít, quyết nhẹ, chỉ lạnh đầu ngón tay) .

a- Chuyển khỏi - sau vài ngày, tiểu tiện, trong, muốn ăn.

b- Chuyển bệnh - Quyết mề ọc, ngực sườn phiền muộn về sau tất tiên huyết .

Người bệnh chân tay quyết lạnh, tự mình nói không thấy kết hung, chỉ là bụng dưới đầy, ấn vào đau, đây là hàn khí kết ở Bàng quang quan nguyên (điều 340).

lưu ý

Giới thiệu tình huống hàn khí kết ở quan nguyên mà gây nên chứng chân tay quyết lạnh.

Chân tay người bệnh quyết lạnh, có âm dương hư thực khác nhau, như dương vi âm thịnh, dương cang âm hư đều dẫn đến âm dương không thuận tiếp mà sinh ra chứng hậu tứ chi quyết nghịch .

Ở điều nay, người bệnh tự nói không thấy kết hung, nói lên vùng hung cách không có bệnh biến, bệnh tà không ở bộ vị dương kinh, có chỗ khác nhau với điều 355 nói tà kết ở trong hung gây nên chân tay quyết lạnh, bộ vị mắc bệnh trên, dưới không giống nhau, và đối chiếu với chứng đau ngực của chứng kết hung trong thiên Thái dương cũng khác nhau. Đặc biệt chứng Đại kết hung là do vùng ngực ảnh hưởng đến bộ phận bụng dưới rắn đầy mà đau, không sờ tay vào được, có nghĩa là không ấn tay vào cũng đau. Còn chứng này ấn tay vào đau là vì hàn tà kết ở bộ vị Bàng quang quan nguyên. Thiên kinh mạch sách linh khu nói : Mạch Túc quyết âm bắt đầu từ chỗ tụ mao nơi ngón chân cái, qua mu chân, chéo qua phía sau thái âm, qua phía

gọi là của quyết ở đây : kết hàn tà ở quan nguyên → dẫn đến chân tay quyết lạnh → nên xúc chân ở quan nguyên và tiếp quay về đây ấn đả
Nếu như ấn lên đau ở vị quyết → gọi là kết hung → kết lục thư chi có ở tam dương (ấn đả ở vị hung)

trong đùi vào âm mao, qua bộ phận sinh dục ở phía dưới
bung dưới" do đó thấy rằng chân tay quyết lạnh của chứng
này, nên là dương khí suy vì, âm tà thịnh một mình gây
nên. Nhưng ấn vào bộ phận bụng dưới đau, có thể không
chỉ một bệnh này, mà lời văn giản lược cho nên trong biên
chứng phải phân biệt rõ ràng, như chứng bụng dưới đầy, ấn
vào đau, tiểu tiện lợi là chứng Bàng quang xúc huyết, bệnh
ở phần huyết, phải có hiện tượng như cuồng. Chứng bụng
dưới không đau, tiểu tiện không lợi là chứng Bàng quang
xúc thủy, bệnh ở khí phần do tân dịch không phân bố, phải
có chứng khát nước: chân tay nóng, tiểu tiện sền dờ là
chứng Bàng quang nhiệt kết; chỉ thấy chườm tay chân lạnh,
tiểu tiện trong mới là chứng hậu lạnh kết ở Bàng quang
quan nguyên. Tóm lại trong lâm sàng phải tham khảo các
tình huống mạch vũ rêu lưỡi mới chẩn đoán chính xác, dứt
khoát không nên nhìn nhân cô lập một chứng trạng nào.

Bệnh Thương hàn trước đã phát nhiệt bốn ngày, sau đó tứ chi quyết
lạnh chỉ có 3 ngày, tiếp theo lại phát nhiệt 4 ngày; Quyết ít
nhiệt nhiều, bệnh nên khỏi. Nếu phát nhiệt đã qua 4 đến 7 ngày
mà nhiệt không lui, tất đại tiên ra mủ máu (điều 341).

Điều này nêu lên nhiệt nhiều hơn quyết là dương
hồi phục thắng âm; bệnh lui có hướng khỏi. Nhưng dương
hồi phục thái quá lại là bệnh tăng.

Đại tiên ra mủ máu
- mủ máu ra ở đây
- mủ máu ra ở đây
Nói 4 đến 7 ngày, nhiệt không trừ tất đại tiên ra
mủ máu. tức là dương hồi phục thái quá sinh biến chứng
âm lạc bị tổn thương. → *Khíet thái quá*

tỏa quá chi chi ở vào giai đoạn âm lạc
nhiệt quá làm tổn các tạng máu
Đại tiên ra mủ máu ở đây, chỉ bệnh lý. *Khíet quá gây*
tổ máu tích → *cẩn huyết* nên bắt lý

Thương hàn trước có chứng quyết lạnh 4 ngày, tiếp theo phát nhiệt
chỉ có 3 ngày, sau đó lại quyết lạnh 5 ngày, đó là bệnh tiến, hàn
nhiều, nhiệt ít; Dương khí suy thoái, cho nên bệnh tiến (điều 342).

Điều này ngược với điều 341 ở trên, nói lên quyết
nhiều nhiệt ít là dương khí không đủ, bệnh tình có hướng
nặng hơn.

viết huyết là chảy máu ở đây từ phần dưới

Điều 341 nói rõ dương hồi phục thắng âm là dấu hiệu khỏi mà dương hồi phục thái quá lại là bệnh tiến. Điều này nói rõ dương hồi phục bất cấp, Khí âm hàn thắng cho nên bệnh tiến.

Trước quyết mà sau phát nhiệt, vốn là hiện tượng dương khí hồi phục, âm tà rút lui: nhưng phát nhiệt lại chỉ có 3 ngày, sau đó lại quyết nghịch, như vậy thời gian quyết nhiều hơn thời gian nhiệt thì biết dương khí tuy hồi phục nhưng không duy trì được, âm tà trở lại thắng dương, dương khí trái lại càng suy vi, thế tất không thắng được âm tà cuối cùng dẫn đến cục diện vong dương nguy hiểm, do đó chẩn đoán là Dương khí lui cho nên bệnh tiến.

Tóm tắt từ điều 330 đến điều 342.

1. Quyết :

- Bệnh - âm dương khí không cùng thuận tiếp.
- Đắc trung - chân tay nghịch lạnh.

2. Quan hệ giữa ỉa chảy và quyết nghịch :

- Trước quyết sau phát nhiệt - ỉa chảy phải tự ngừng
- Thấy quyết - lại ỉa chảy.

3. Điều cấm trị đối với Quyết nghịch :

- Hư hàn quyết - cấm hạ
- Nhiệt quyết - a/ cấm hãm, phát hãn nhằm thì miệng đỏ lở nát.

b/ nên hạ (hoặc thanh).

4. Hàn nhiệt thắng phục :

- a- Thời gian quyết nhiệt bằng nhau - tự khỏi
- b- Quyết nhiều hơn nhiệt - bệnh tiến
- c- Nhiệt nhiều hơn quyết - bệnh lui
- d- Nhiệt thái quá - cũng là bệnh tiến

(1) Tất phát run nhột.

(2) Ra mồ hôi đầu hơng, là Hầu lý

(3) Phát nhiệt không mồ hôi, đại tiện ra máu mủ.

5- Biên chứng :

- (1) Quyết lạnh ha lợi lại ăn được - phần nhiều là chứng hậu chết : Trừ trung.
- (2) Nhiệt ít quyết nhe -chứng nhiệt quyết nhe.
 - a- Tiểu tiện trong, muốn ăn - bệnh khỏi.
 - b- Quyết mè oe, ngực sườn phiền đầy - tắt đại tiện ra máu.
- (3) Tay chân lạnh, không kết hung, bụng dưới đầy, ấn đau- lạnh kết quan nguyên .
- (4) Mạch Vi dạ lạnh, vật vã không lúc nào yên - Tang quyết .
- (5) Mửa ra dun, lúc yên lúc phiền, lúc ăn oe và phiền - Vưu quyết .

Bệnh Thương hàn đã 6 - 7 ngày, mạch Vi, tay chân quyết lạnh, phiền táo, nên Cứu vào kinh Quyết âm, nếu sau khi Cứu tứ chi vẫn quyết lạnh thì chết (điều 343). *→ Văn Song Song dự thuật*

Giới thiệu chứng âm thịnh dương suy, hư dương quấy rối ở trên, dùng phép cứu mà không khỏi thì chết.

Bệnh Thương hàn thời gian đã qua 6 - 7 ngày, mạch vi, tay chân lạnh: loại mạch chứng này là chỗ đưa chủ yếu loại bệnh âm tà lỏng hành, dương khí suy vi. Hư dương quấy rối ở trên thì phiền, âm tà quá thịnh thì táo, vì vậy, không những có mạch Vi, tay chân lạnh mà còn kiêm cả phiền táo; Tổng hợp các tình huống này giống như chứng tang quyết nguy hiểm ; Tuy nhiên, trong kinh vẫn không nói đến chứng thổ lợi và ra mồ hôi; nhưng so với chứng đã nói ở điều trên, thì tất phải có chứng hậu là chảy. Lại nhìn vào Cục diện dương tiêu âm trưởng và dương không thắng âm, có thể thấy bệnh chứng đã tiến sâu vào ngưỡng cửa nguy hiểm. Nếu dùng thang được để phù dương ức âm thì e chậm chạp không cấp cứu kịp, nên mới dùng phép cứu để cấp cứu hồi dương, để làm tan âm tà mà phục hồi dương khí. Dương khí nếu được hồi phục thì chân tay cũng chuyển sang ấm .

hết dương ← tay lạnh lui = thấy hơi đã khô phiền táo
còn âm ← tay ấm hồi = phiền táo của phần khí huyết.
- 22 -

Nếu chân tay vẫn không ấm áp, là dương khí đã dứt không còn hi vọng sống nữa, do đó mới đoán là chúng chết.

Cần chú ý : mạch Vi quyết lạnh phiền táo, là chúng tạng quyết đã nói ở điều 342. Trước sau - bây giờ không có những triệu chứng này.

Phiền táo là dương hư đang tranh dành, là chân dương trong tạng muốn thoát nên phần khí trôi nổi, mới sinh phiền táo. Tà truyền kinh tới Quyết âm, âm khí không dứt thì không chết. Tà trực trúng vào Quyết âm, dương khí không hồi phục thì hết sống !

Bệnh Thương hàn phát nhiệt, ỉa chảy, tay chân quyết lạnh, giả sử lại thấy phiền táo không nằm được thì chết (điều 344)

Đi đến cực cực - phiền táo là tên độc khổ kiến

Đây là dấu hiệu chết của chúng âm cực dương thoát. Bệnh Quyết âm phát nhiệt, nếu là thuộc dương hồi phục ỉa chảy nên tự ngừng như điều 331 nói Thương hàn trước quyết sau phát nhiệt mà ỉa chảy tắt tự ngừng. Ở điều này tuy có phát nhiệt nhưng ỉa chảy vẫn không ngừng, chân tay vẫn quyết lạnh, có thể biết hiện tượng đó chỉ là một thứ phát nhiệt chứ không phải hồi dương,, mà là giả tượng âm thịnh ở trong, cách dương ra ngoài, giống với bệnh lý có chuyển của chúng Tứ nghịch thăng lý hàn ngoại nhiệt. Chỉ có chúng này lại thêm táo không nằm được thì tình thế bệnh nghiêm trọng hơn chúng thông mạch tứ nghịch thang, Bởi vì âm cực mà hư dương bị bức bách, dương khí sắp tuyệt cho nên vật vã không được yên... đó là dương khí hoàn toàn bộc lộ ra ngoài, sắp thoát, nên nói là chúng hầu chết.

Dù gia Hôn nói : Chúng quyết chỉ phát nhiệt thì không chết, vì phát nhiệt thì tà dồn ra biểu mà lý chúng tự trừ ỉa chảy tự ngưng. Nếu phát nhiệt, ỉa chảy, quyết nghịch, phiền táo tăng thêm, loại phát nhiệt này dấu hiệu dương khí tiêu tan ở ngoài, âm dương đều hết nên mới chết.

Bệnh Thương hàn tuy có phát nhiệt nhưng ỉa chảy rất nghiêm trọng, tứ chi quyết nghịch không âm lại tý nào là chứng hậu chết (điều 345) .

THƯƠNG HÀN VÔ DƯƠNG

Điều này nói chung hậu chết do âm Dương can kiệt .

Giống với bệnh lý ở điều 344 nói trên chỉ thiếu hiên tương tảo không nằm được, nhưng chứng hạ lợi quyết nghịch so với điều trên nghiêm trọng hơn. Nhìn từ khía cạnh ỉa chảy nghiêm trọng, tứ chi quyết nghịch không âm lại tý nào có thể biết phát nhiệt ở đây cũng không phải là dương khí hồi phục, mà là hiên tượng giả nhiệt âm thịnh cách dương. Nếu quả phát nhiệt là âm chứng chuyển dương thì chứng quyết lợi nên tự ngừng. Giờ tuy phát nhiệt mà quyết lợi không ngừng không ngừng, trái lại càng nghiêm trọng hơn nói lên xu thế bệnh còn tiến triển, đã có tình thế hư dương vượt ra hết nên mới nói là chứng hậu chết.

Bệnh Thương hàn 6 - 7 ngày, vẫn không ỉa chảy, sau đó đột nhiên phát nhiệt ỉa chảy, người bệnh ra mồ hôi không ngừng... là dấu hiệu sắp chết, đó là lý do có âm không có dương (âm thịnh vong dương - điều 346) .

Giới thiệu chứng hậu chết vì phát nhiệt ỉa chảy ra mồ hôi, dương khí thoát ra ngoài.

Đã 6-7 ngày không ỉa chảy; ngũ chi tay tuy quyết lạnh mà không ỉa chảy, từ chỗ "đột nhiên phát nhiệt" mà xét, có thể biết thời gian 6 - 7 ngày qua cũng không phát nhiệt, sau 6 - 7 ngày đột nhiên phát nhiệt, lại thêm ỉa chảy, ra mồ hôi không ngừng. Căn cứ vào phát nhiệt, giống như dấu hiệu dương hồi phục, nhưng nếu là dương hồi phục thì không nên có chứng hạ lợi ra mồ hôi không ngừng, đủ chứng minh tình thế bệnh không giảm nhẹ mà nghiêm trọng hơn; tương phản với điều 331 trước quyết sau nhiệt ỉa chảy tự ngừng; cũng khác với điều 334 "phát nhiệt không mồ hôi, ỉa chảy tắt tự ngừng".

Hai điều 331, 334 đều do phát nhiệt mà ỉa chảy tự

ngừng, còn điều này tuy phát nhiệt mà lại ỉa chảy, từ đó có thể thấy tính chất phát nhiệt có chỗ khác nhau.

Phần trước có quyết nghịch ỉa chảy, sau lại thấy phát nhiệt mà ỉa chảy từ ngừng, đó là dương khí hồi phục, hàn tà tan dần và muốn khởi. Hiện giờ phát nhiệt ỉa chảy cùng xuất hiện một lúc đủ chứng minh loại phát nhiệt ỉa chảy cùng xuất hiện một lúc đủ chứng minh loại phát nhiệt này không phải là dương khí hồi phục mà là âm tà quá thịnh, hiện tượng chân dương vượt hết ra ngoài, nên mới nói là có âm vô dương. Vì dương hư không giữ bên ngoài được, cơ bắp không bền chắc nên mới ra mồ hôi không ngừng, vì thế dương khí thoát ra hết mà chết.

Phương Hữu Chấp nói : Phát nhiệt mà lợi là lý hư tà vào sâu, nên nói là "có âm". Phần dương ngoài hầu hết, nên nói là "vô dương".

ở cổ họng

Bệnh Thương hàn 5-6 ngày, không có chứng kết hung, bụng mềm, mạch hư mà lại tứ chi quyết lạnh, không được dùng thuốc hạ vì đó là vong huyết; nếu lầm dùng thuốc cũng hạ thì chết (điều 347).

Điều này nêu lên mạch chứng do huyết phân bất túc (vong huyết - huyết hư) gây nên Quyết và những điều trị. Bị thương hàn 5-6 ngày, nếu tà nhiệt truyền vào lý cùng với đàm thủy kết ở Hung cách, thành chứng kết hung, dưới tâm người bệnh phải đầy chắc rắn lan tỏa tới bụng dưới không mó tay vào được, mạch nên Trầm Khẩn. Nếu nhiệt rã kết tụ ở trường vị thành chứng phủ thực, vùng bụng và rốn phải đầy chứng và đau cự ấn.

Bây giờ vùng ngực không thấy chứng kết hung, vùng bụng sờ vào vẫn thấy mềm lại thấy mạch hư nhược, có thể biết trong lý không có thực tà kết tụ, còn mạch Hư tay chân quyết lạnh là do âm huyết hư thiếu không làm tuần nhuận ra tứ chi. Loại quyết lạnh này, với dương khí bị uất, nhiệt sâu quyết cũng sâu do phủ thực ra mà quyết, phán đoán như tự nhiên, bởi vì Phủ thực mà quyết nghịch, nên dùng công hạ, thì mạch phải Trầm Thực có lực, đồng

thời phải có các chứng bụng đầy đau và triệu nhiệt; còn huyết hư mà quyết nghịch, tuy đại tiện bí kết nhưng không phải là táo phân ứng trệ, mà là trong ruột khô ráo, mất sự nhu nhuận gây nên, vì vậy mới không có hiện tượng triệu nhiệt, bụng đầy rắn đau, mà mạch hư vô lực, vùng bụng mềm nhẵn không thể chữa bằng phép công hạ .

Chúng này khác với chứng quyết nghịch do Dương vi âm thịnh, Quyết nghịch do dương vi âm thịnh thường kiêm ỉa chảy và điều trị chú trọng vào hồi dương cứu nghịch. Kết quả bệnh lý của chứng này ở chỗ thuyết dịch suy hư, cho nên điều trị nên dưỡng huyết giúp chính khí như loại bài thuốc Quy kỳ kiến trung thang mới là hợp cách ; Nói "các loại quyết nghịch không được hạ, người hư yếu cũng không được hạ " là chỉ loại bệnh này, nếu dùng bài thuốc hạ thế tất phạm vào sai lầm "hư hư" cho nên trong lời văn có các từ "hạ thì chết" là cảnh giác cho người đời sau.

(Phát nhiệt mà quyết, đến ngày thứ bảy thì ỉa chảy là khó chữa (điều 348) .

Trường hợp khó chữa này do nguyên nhân dương khí nổi ra ngoài, âm hàn thịnh ở trong.

Điều này với hai điều 344, 345 cùng là phát nhiệt ỉa chảy, quyết lạnh do âm hàn thịnh ở trong, dương khí nổi ra ngoài, nhưng điều 344 còn có vật vã không nằm được là thần khí vượt ra ngoài cho nên chết, ở điều 345, ỉa chảy nặng đến nỗi quyết không ngừng là âm hàn thịnh một mình, cũng là chứng chết. Còn điều này, tuy cũng là chứng chân hàn giả nhiệt nhưng không có các chứng nghiêm trọng như mấy điều nói trên cho nên mới không nói là chứng chết mà chỉ nói khó chữa. Khó chữa không phải là nói không chữa được và cũng không đại biểu cho chứng hậu chết; các bài như Bạch thônghoắc Tứ nghịch thang còn có thể chọn dùng .

Trương Ân Am nói : Tiết này tiếp nối ý của hai chứng chết nói trên, Nói phát nhiệt mà tứ chi quyết lạnh

đến ngày thứ bảy lại sinh ỉa chảy, bệnh tuy không chết cũng là khó chữa. Hai điều trên đã thấy chúng chết ở trước mắt, còn điều này đoán trước chỗ chưa chết của bệnh.

Bệnh Thương hàn thấy chúng trạng ~~chân~~ tay quyết lạnh, mạch Xúc, có thể chữa bằng phép cứu (điều 349).

Giới thiệu chúng dương hư quyết nghịch mạch Xúc có thể dùng phép cứu để điều trị.

Sách Biện mạch pháp ghi : mạch đến thông thả, có lúc lại ngừng gọi là Kết; mạch đến nhanh, có lúc lại ngừng gọi là Xúc. Dương thịnh thì Xúc, âm thịnh thì Kết... đó là bệnh mạch". Xúc là hỏa găng, là Dương thịnh một phía cho nên Âm không hòa được. Sác mạch là Dương chủ về nhiệt; cho nên Dương thịnh thì Xúc; vì dương khí thịnh một phía không tiếp nối với âm nên mạch Sác có lúc ngừng.

Mạch Xúc của chúng này cùng xuất hiện với triệu chứng chân tay quyết lạnh, thoạt nhìn vào mạch chúng tựa như không phù hợp, như nói mọi Xúc thuộc loại dương thịnh hỏa găng, thì tay chân quyết lạnh nên là chứng hậu nhiệt quyết. Đã là nhiệt quyết thì không thể chữa bằng phép cứu ! Điều 115 trong thiên Thái dương có ghi : "Mạch phù nhiệt quá mạnh mà lại dùng phép cứu đó là chứng Thực. Thực thì lấy hư mà chữa, do hỏa mà động", đã cảnh cáo về chứng Dương nhiệt rất kỵ hỏa kiếp (dùng lửa để cứu).

Cần biết mạch Xúc không chỉ dương thịnh mới có, ngay chứng dương hư cực độ cũng thấy mạch này. Mạch Xúc thuộc Dương thịnh, phần nhiều gấp gấp (Xúc) mà có hư; Nếu Xúc vô lực lại là hiện tượng hư, cũng như lời nói của họ Tiền "Cát Xúc không phải do kết xúc sẽ là cái Xúc loại đoản Xúc. Âm tà quá thịnh, cô dương không giữ được cho nên mạch thấy hư Sác mà Đoản Xúc". Dương nhiên lâm sàng biện chứng phải nắm vững toàn diện mới chẩn đoán chính xác.

Trần Tu Viên nói : Dương Thịnh thì Xúc, tuy chân tay quyết nghịch, cũng là Nhiệt quyết, kỵ dùng hỏa công, nhưng có trường hợp âm thịnh cực độ lại giả tạo thấy

đến ngày thứ bảy lại sinh ỉa chảy, bệnh tuy không chết cũng là khó chữa. Hai điều trên đã thấy chúng chết ở trước mắt, còn điều này đoán trước chỗ chưa chết của bệnh.

Bệnh Thương hàn thấy chúng trạng ~~chân~~ tay quyết lạnh, mạch Xúc, có thể chữa bằng phép cứu (điều 349).

Giới thiệu chúng dương hư quyết nghịch mạch Xúc có thể dùng phép cứu để điều trị.

Sách Biện mạch pháp ghi : mạch đến thông thả, có lúc lại ngừng gọi là Kết; mạch đến nhanh, có lúc lại ngừng gọi là Xúc. Dương thịnh thì Xúc, âm thịnh thì Kết... đó là bệnh mạch". Xúc là hỏa gắng, là Dương thịnh một phía cho nên Âm không hòa được. Sác mạch là Dương chủ về nhiệt; cho nên Dương thịnh thì Xúc; vì dương khí thịnh một phía không tiếp nối với âm nên mạch Sác có lúc ngừng.

Mạch Xúc của chúng này cùng xuất hiện với triệu chứng chân tay quyết lạnh, thoạt nhìn vào mạch chúng tựa như không phù hợp, như nói mọi Xúc thuộc loại dương thịnh hỏa gắng, thì tay chân quyết lạnh nên là chứng hậu nhiệt quyết. Đã là nhiệt quyết thì không thể chữa bằng phép cứu ! Điều 115 trong thiên Thái dương có ghi : "Mạch phù nhiệt quá mạnh mà lại dùng phép cứu đó là chứng Thực. Thực thì lấy hư mà chữa, do hỏa mà động", đã cảnh cáo về chứng Dương nhiệt rất kỳ hỏa kiếp (dùng lửa để cứu).

Cần biết mạch Xúc không chỉ dương thịnh mới có, ngay chứng dương hư cực độ cũng thấy mạch này. Mạch Xúc thuộc Dương thịnh, phần nhiều gấp gấp (Xúc) mà có hư; Nếu Xúc vô lực lại là hiện tượng hư, cũng như lời nói của họ Tiền "Cát Xúc không phải do kết xúc sẽ là cái Xúc loại đoản Xúc. Âm tà quá thịnh, cô dương không giữ được cho nên mạch thấy hư Sác mà Đoản Xúc". Dương nhiên lâm sàng biện chứng phải nắm vững toàn diện mới chẩn đoán chính xác.

Trần Tu Viên nói : Dương Thịnh thì Xúc, tuy chân tay quyết nghịch, cũng là Nhiệt quyết, kỳ dùng hỏa công, nhưng có trường hợp âm thịnh cực độ lại giả tạo thấy

trong mạch Sác có lúc ngừng là Xúc, nhưng Dương thịnh, trọng ấn dưới tay có lực i âm thịnh, trọng ấn dưới tay vô lực .

Trương hu Cốc nói : Mạch Sác có lúc ngừng gọi là Súc, đó là dương khí bị tà đè nén không đi theo thứ tự tuần hoàn mà tay chân giá lạnh; cứu dễ thông kinh lạc, khí trôi chảy thì khỏi quyết. Khép cứu cũng có bỏ tả, để cho lửa tự cháy hết mỗi là Bồ, mỗi chưa cháy hết mà thôi cho hết nhanh là Tả. Muốn thông khí, nên dùng phép tả.

Tóm tắt từ điều 343 đến điều 349 .

Bệnh quyết âm :

1. Chứng hậu chết

a- Mạch Vi, tứ chi quyết, phiền táo, cứu Quyết âm, quyết không phục hồi thì chết.

b- Phát sốt .

(1) Hạ lợi quyết nghịch, táo không nằm được thì chết.

(2) Hạ lợi nặng, quyết không ngừng, chết

(3) Hạ lợi ra mồ hôi không ngừng , chết.

c- Huyết hư quyết nghịch, nhằm dùng thuốc hạ, chết.

2. Chứng hậu khó chữa - Phát nhiệt quyết nghịch, sau 7 ngày lại ỉa chảy .

3. Chứng hậu có thể chữa - Thương hàn mạch Xúc, chân tay quyết nghịch, có thể dùng phép cứu.

4. Huyết hư quyết nghịch :

a- Yếu điểm biện chứng - không kết hung, bụng mềm, mạch hư .

b- Cấm kỵ trong điều trị - không được dùng phép hạ.

Bệnh Thương hàn, mạch hoạt mà chân tay quyết lạnh là do lý nhiệt Bạch hủ thang chủ chữa bệnh ấy (điều 350).

Giới thiệu mạch tượng và phép chữa nhiệt quyết.

Chứng Quyết có phân biệt hàn và nhiệt; chứng trạng cũng

có trước quyết sau nhiệt, trước nhiệt sau quyết khác nhau. Điều 331 "Thương hàn trước quyết sau phát nhiệt mà ỉa chảy tất ỉa chảy ngừng, quyết trở lại thì lại ỉa chảy" đó là Hàn quyết; chứng trạng cụ thể ngoài điều văn đã nói hẳn phải có hiện tượng mạch Vi Tế, tiểu tiện trong, rêu lưỡi trắng và miệng hòa, vì thế mới điều trị bằng thuốc ôn.

Chứng Quyết lạnh mà thấy mạch Hoạt, đó không phải hư hàn mà là lý nhiệt; vì nhiệt tà ẩn sâu ở lý, dương khí không đạt ra tứ chi nên chân tay Quyết lạnh, giống với cơ chuyển ở điều 355 "trước nhiệt sau tất quyết, Quyết sâu nhiệt cũng sâu, Quyết ít (vi) nhiệt cũng ít .

Điều này chỉ nêu mạch tượng chủ yếu là nói lên biện chứng trước mắt của nhiệt quyết, ngoại trừ mạch Hoạt nên có các chứng khác như tứ chi tuy lạnh, nhưng ngực bụng phải nóng rất, miệng lưỡi phải khô ráo, cho đến khát nước, tiểu tiện cũng vàng đỏ v.v. cho nên mới dùng Bạch hổ thang để thanh giải lý nhiệt.

Chứng này với điều 335 (Quyết nên dùng pháp hạ" tuy cùng là nhiệt sâu quyết cũng sâu nhưng tính chất khác nhau. Chứng này chỉ là tà nhiệt ẩn nấu vô hình, nên chỉ "thanh" mà cấm "hạ" đó là điều phải hết sức chú ý trong chẩn đoán lâm sàng.

Tóm tắt hiện chứng nhiệt Quyết hàn quyết .

A. Hàn quyết :

đến đến từ Vọng

1. Nguyên nhân - âm hàn thắng một mình, dương khí suy vì không thông đạt ra tứ chi.
2. Kinh qua truyền biến - Khi mới bị bệnh, tứ chi Quyết lạnh, cũng có khi do nhiệt bệnh chuyển hư thành âm chứng mà quyết, hoặc do đại hàn đại hạ chữa nhầm gây nân .
3. Chứng trạng - Tứ chi quyết lạnh, mình không nóng, ở hàn, tinh thần đa số yên tĩnh (chỉ có chứng phiền táo do Dương khí phù Việt) cởi áo tự hồi phục, tiểu tiện trắng trong, ỉa chảy, miệng không khát.

- Nếu lạnh to' lại vào' rẩy là thần quyết
 - ban tay to' lên là thần quyết
 - Nếu lạnh ở' các đầu ngón tay.
 - 29 -

4. Rêu lưỡi - lưỡi non nhuận, rêu trắng trơn,
5. Mạch tượng - Vi Tế muốn tuyết hoặc trầm Trĩ.
6. Trị liệu và cầm ky - nên ôn , nên bổ, cầm hàn, cầm hạ.

B. Nhiệt quyết :

1. Nguyên nhân - Dương khí găng một mình, tà nhiệt vào sâu đến nổi dương khí uất kết, không thông đạt ra tứ chi.
2. Kinh qua truyền biến - Ban đầu phải có các chứng hậu dương nhiệt như mình nóng đau đầu v.v. Vì thế nhiệt mạnh ngược lại gây nên nội công lại phát quyết lạnh, tuy nhiệt giảm nhẹ, tức là quyết trở về chuyển nhiệt.
3. Chứng trạng - Tứ chi tuy quyết, ngực bụng vẫn nóng rất, ở nhiệt khát nước, phiền táo không ngủ được thậm chí tinh thần lơ mơ nói sảng, muốn cởi bỏ áo quần, tiểu tiện sền đỏ hoặc táo bón, bụng đầy rắn đau .
4. Rêu lưỡi - lưỡi khô, rêu vàng khô hoặc đen có gai.
5. Mạch tượng - Trầm , ấn vào thấy Hoạt, nếu có thực tà, phần nhiều mạch thực Đại hoặc Trầm trĩ có lực.
6. Trị liệu và cầm ky - Nên thanh, nên hạ, cầm phát hãm.

Tay chân quyết lạnh, mạch Tế muốn tuyết, Dương qui tứ nghịch thang chủ chữa bệnh ấy (điều 351).

Giới thiệu chứng trị Quyết nghịch do huyết hư doanh hàn. Chân tay quyết lạnh ở điều này, vừa khác với chứng dương vi âm thịnh của Tứ nghịch thang; cũng không giống với chứng nhiệt thâm quyết thâm của Bạch hủ thang, mà là huyết hư có hàn nên mới dùng các thuốc bổ huyết, tán hàn, ôn thông kinh mạch.

Biến chứng chủ yếu của chứng này ở chỗ mạch Tế muốn tuyết. Tế là huyết thiếu, vì huyết hư hàn uất không làm đầy đủ trong mạch, tứ chi mất ôn dưỡng nên có chứng chân tay quyết hàn.

Giả sử không có mạch tế muốn tuyết mà là mạch Vi muốn tuyết, thì lại không phải chủ trị của bài thuốc này, phải dùng tới Thông mạch Tứ nghịch thang chú trọng hồi dương cứu nghịch .

Chúng này ở người bệnh vốn huyết hư, ngoại cảm hàn tà, khí huyết bị hàn lấn át không lưu hành thông suốt gây nên, bởi vậy dùng Dương quy tứ Nghịch thang để ích doanh mà ôn thông huyết mạch.

Dương quy tứ nghịch thang phương.

Dương qui	3 lạng	Quế chi (bỏ vỏ)	3 lạng
Thược dược	3 lạng	Tế tân	3 lạng
Cam thảo (nướng)	2 lạng	Thông thảo	2 lạng
Đại táo	25 quả .		

Bảy vị trên, sắc với 8 thăng nước cạn lấy 3 thăng, bỏ bã, chia uống lúc nóng mỗi lần 1 thăng, ngày 3 lần.

Vương Tấn Tam nói : Dương quy Tứ nghịch thang không dùng Khương phụ, âm huyết hư suy, dùng Khương phụ sợ làm kiệt thêm phần âm. Hơn nữa tứ nghịch tuy lạnh nhưng đến nỗi quá lạnh, chỉ nên điều hòa quyết âm, ôn kinh phục doanh mà thôi, cho nên dùng chua, ngọt để hòa hoãn trung tiêu, doanh khí vào đến Thái âm thì mạnh sinh; cay, ngọt để ấm biểu, Vệ khí lưu hành thì chân tay ấm; không mất đi cái ý phát tán của vị cay ngọt, mà vẫn giữ được 4 phép chữa can, như cay của Quế chi để ấm Can dương, cay của Tế tân để thông can âm, cay của Dương quy để bổ Can, ngọt của Thảo, Táo để hoãn can, chua của Bạch thược để tả can, lại dùng cả Thông thảo để lợi khí âm dương, mở đường lạc của Quyết âm .

Đường Dung Xuyên nói : Mạch Tế, hết là hàn ở huyết phận, không ở khí phận, cho nên không dùng Khương phụ, chỉ dùng Quế và Tế tân để ôn huyết .

Phạm vi ứng dụng của bài thuốc .

1. Chân tay lạnh, mạch Tế muốn tuyết.
2. Chữa hàn vào doanh lạc, lưng về đùi chân rất đau (Vương Bật Cao).
3. Chữa đau bụng khi hành kinh do hàn ngưng khí trệ và chân tay có mụn nhọt .

*kinh nghiệm : face đầu mà có nên Khan = trợ trợ thuốc
nên bỏ gia vào ngò thù du
đầu đầu nên muối ch' có d' kái can*

- 31 -

Nếu người bệnh huyết hư doanh hàn lâu ngày nên dùng Dương quy Tứ nghịch gia Ngò thù du, sinh khương thang (điều 352)

Điều này nêu phép chữa loại huyết hư doanh hàn có kèm hàn âm; như ở điều 351, mạch Tế muốn tuyệt, điều trị bằng Dương quy tứ nghịch thang. Ở điều này có thêm chứng hàn âm nấu sẩn từ lâu, cho nên lại dùng vị thuốc có tác dụng tán hàn quét âm và giáng nghịch ôn trung như Ngò thù, Sinh Khương để chữa chứng hàn lâu ngày.

Trương Tích Thuần nói : Bên trong có hàn ứ đọng, cho ngò thù, Sinh khương để ôn thông kinh khí. Đồng thời còn hỗ trợ bằng rượu để tăng sức thuốc, tán bỏ cái hàn ngưng đọng sẩn có từ lâu. Căn cứ kinh nghiệm lâm sàng, bệnh này còn kèm chứng đau đỉnh đầu, ợ khan mửa ra bọt rãi hoặc các chứng Hà (giả) chứng hàn sẩn v.v...

Dương quy Tứ nghịch gia Ngò Thù Sinh khương thang phương :

Dương quy	3 lượng	Thuộc dược	3 lượng
Cam thảo (nướng)	2 lượng	Thông thảo	2 lượng
Quế chi (bỏ vỏ)	3 lượng	Tế tân	3 lượng
Sinh khương	1/2 cân	Ngò thù du	2 lượng
Đại táo	25 quả .		

Chín vị trên sắc với 6 thăng nước, hòa vào 6 thăng rượu, cạn lấy 5 thăng, bỏ bã, chia uống nóng làm 5 lần.

Vương Tấn Tam nói : Chứng quyết âm Tứ nghịch chữa bệnh do đường kinh lạc hư không ra xuất tay chân mà thành quyết, nên dùng Quy, Thuộc để hòa doanh huyết, nếu bên trong có hàn lâu ngày, không Dương để hóa âm, không dùng khương, Phụ, sợ nó táo cướp mất âm khí biến ra chứng tân dịch cạn kiệt, chỉ gia Ngò thù để từ trên đạt xuống dưới, sinh khương để từ trong phát ra biểu, lại lấy rượu hòa vào, lo gì âm dương chẳng hòa, tay chân không ấm lại ?

Kha Vận Bá nói : Quế chi trong bài này được Quy, Thuộc thì sinh huyết trong Doanh; Tế tân dùng với Thông thảo

thì hành khí ra vậ; Canthảo được Táo thì hòa khí huyết; còn có thêm tác dụng điều can và hòa hoãn trung tiện thì doanh khí đến được Thái Âm mà mạch không đến nổi tuyệt; Âm biểu dễ trừ tà, thì Vệ khí đi tới đầu tứ chi mà tứ chi tự ấm. Không dùng cái bỏ của Sâm, Truật, không dùng cái thuốc của Khuông, Quế, đó là cách chữa khác nhau giữa Quyết Âm Tử nghịch và Thái, thiếu âm, mà vẫn không mất đi cái lý cay ngọt "phát tán vi dương". Nếu người bệnh bên trong bị lạnh kéo dài, là do tướng hỏa cũng không đủ, thêm loại cay, nóng của Ngô thù đi thẳng đến tạng Quyết Âm; Vị cay tân của Sinh khương, đâm khí vào gân, dùng rượu để ấm kinh lạc, gân mạch không lỏng lẻo, khí huyết ổn định, tay chân sẽ ấm, nhịp mạch sẽ đến; Đó lại là bài thuốc chữa hàn lâm thương cả bên trong và bên ngoài của Quyết Âm. Chứng lạnh kết ở Đàng quang bụng dưới đầy và đau, chân tay quyết lạnh, nên dùng bài thuốc này.

Mồ hôi ra nhiều, nhiệt vẫn không lui, lại thêm chứng trong bụng co rút, tứ chi đau, lại ỉa chảy và quyết nghịch, ở hàn; Tử nghịch thang chủ chữa bệnh ấy (điều 353).

Điều này giới thiệu dương vong ở biểu, hàn thịnh ở lý. Ở ngoài có biểu tà mà phát nhiệt, sau khi ra mồ hôi, nhiệt đáng lẽ hạ. Bây giờ ra mồ hôi nhiều mà nhiệt không lui, biết là biểu chứng phát nhiệt. Nhưng ra nhiều mồ hôi, mà nhiệt không lui, lại giống với chứng Dương minh lý nhiệt, nên có chứng phiền khát mà đại tiện thì không đi lỏng; Bây giờ bụng đau co rút, ỉa chảy quyết nghịch, thì biết đó không phải là Dương Minh lý nhiệt. Suy xét kỹ chứng trạng hiện tại, thực là chứng chân hàn giả nhiệt, ra mồ hôi nhiều là dương mất ở ngoài, nhiệt không lui là dương bị âm ngăn cách, bên trong co rút, là âm dịch suy yếu, gân mạch trong bụng không được nuôi dưỡng nên co rút không dễ chịu.

Tứ chi là gốc của các kinh Dương, giờ ở vong dương ở ngoài, tân dịch thiếu ở trong, gân xương cũng mất nuôi dưỡng cho nên tứ chi đau, ỉa chảy, chân tay quyết lạnh

và ở hàn... đều là hiện tượng âm thịnh dương vong, nên mới dùng Tứ nghịch thang để cấp cứu hồi dương.

Ra mồ hôi nhiều, nếu là chảy nghiêm trọng mà chân tay quyết lạnh, Tứ nghịch thang chủ chữa bệnh ấy (điều 354).

Nếu lên phép chữa do chữa dương hư sai lầm dẫn đến quyết nghịch.

Ra mồ hôi nhiều, hoặc hạ quá nhiều, đều có thể làm cho âm dịch hao hụt, dương khí tổn thương, nghiêm trọng hơn, có thể dẫn đến vong dương. Như điều 20 ở thiên Thái dương "Thái dương bệnh, phát hãn, liền ra mãi không dứt, người bệnh sợ gió, tiểu tiện khó, tứ chi hơi co rút khó co duỗi, Quế chi gia Thụ tử thang chủ chữa bệnh ấy" tức là do quá phát hãn dẫn đến dương hư thoát dịch. Lại như điều 91 "Bệnh thương hàn thấy thuốc dùng thuốc hạ, tiếp tục là chảy ra nguyên do âm không ngừng... để cứu lý, nên dùng Tứ nghịch thang" là do dùng thuốc hạ sai lầm dẫn đến dương hư hạ hãm. Ở điều này, do hãn hạ thái quá, dương khí mất ở bên ngoài đến nỗi chân tay quyết lạnh, nên mới dùng Tứ nghịch thang để cấp cứu hồi dương.

Bệnh nhân tay chân quyết lạnh, mạch đột ngột mất hiện Khẩn, là do đàm thực tích đọng ở trong ngực, dưới Tâm chương đầy mà phình, đối mà không ăn được là bệnh kết ở trong Hung, nên dùng phép Thổ, uống Qua đồ tán (điều 355).

Điều này giới thiệu chứng trị đàm âm thực tích, ứng tảo trong Hung dẫn đến quyết nghịch.

Chân tay quyết lạnh, biến chứng theo mạch như mạch hoạt là lý có nhiệt, dùng Bạch hử thang (điều 350). Mạch tế muốn tuyệt, là huyết hư có hàn, dùng Dương qui tử nghịch thang (điều 351); Mạch vi muốn tuyệt là âm thịnh cách dương, dương vi muốn tuyệt, dùng thông mạch Tứ nghịch thang (điều 317); Quyết nghịch không có mạch, ọc khan và phình, là âm dương cách ọc, dùng Bạch thông gia Chư đởm chấp tống (điều 315)...

- mạch hoạt : Bạch hử
- mạch tế : Bạch hử
- mạch vi muốn tuyệt : Bạch hử
- Khiếp có mạch : Khen môn khan diện : Bạch thược gia tởm

Còn điều này, mạch đột ngột Khẩn là trong Hung có tà thực, cho nên dùng Qua để tán làm cho Tho .

Trương lộ Ngọc nói " Khẩn là hiện tượng các loại hàn làm co rút... Nếu khí khẩn thịnh và chắc, lại là sâu hiện nội thương do ăn uống".

Khúc mẫn hàn sát Túc thực thiên trong Kim quỹ cũng nói : "Mạch khẩn như lãn, thỉnh không qui luật, là có tác thực" lại nói "mạch khẩn, như đầu phong hàn, là trong bụng có tác thực không hóa đi được" cho đến "Túc thực ở thượng quan, nên làm cho mưa, uống Qua để tán" v.v... tham khảo với điều này, không khó gì nhận ra mạch đột ngột Khẩn là do đàm thực ngăn trở trong. So với quyết lạnh ở các điều trên kia, hoàn toàn khác nhau, cần phân biệt kỹ .

Bên về chứng dùng Qua để tán để chữa có ba điều : Điều 166 ở Thái dương thiên nói : Trong ngực bị rún, khí xông lên yết hầu không thở được đó là trong Hung có hàn, nên làm cho mưa, dùng Qua để tán.

Điều 324 ở Thái âm thiên nói : ăn uống vào miệng thì thổ, trung Tâm rộn rạo muốn thở lại không thở được, bệnh mới bị, chân tay lạnh, mạch Huyền trĩ, đó là trong Hung thực, không được hạ, nên làm cho Tho. Cùng tham khảo với điều này, sẽ có thể nhìn rõ bộ mặt của chứng này; từ đó mà thấy cả ba đều là chứng thực tà ở trong Hung. Bệnh có giống nhau nên mới dùng Qua để tán nhân cơ hội làm cho thổ để khơi thông. Là khí thực ở trong Hung, dương khí bị tà khí lấn át, không thoát ra tứ chi, cho nên dưới Tâm phiền đầy mà tay chân quyết lạnh. Bệnh ở thượng tiêu mà trung tiêu vô bệnh cho nên biết đối mà không ăn được. Dùng Qua để tán làm mưa vọt cái tà ở trong hung, tức như Nội kinh nói "Tà ở nơi cao nhân đổ làm cho vọt ra" làm phép tác điều trị.

Kha vận Bá nói : chân tay là gốc của các kinh Dương, quyết lạnh thì vị dương không đạt ra tứ chi. Khẩn là hàn, đột ngột thấy Khẩn, khi không quyết thì không khẩn là nói Khẩn với Quyết tương ứng, đó là mạch chứng hàn kết ở trong Hung. Tâm hạ là vị Khẩn, chứng đầy là vị khí nghịch, chứng phiền là vị hỏa thịnh; hỏa có thể tiêu vật cho nên đối, hàn

- tho' mà có thể tở khi lại là đi tở của Qua đở
- đơn kê ở luy dũ
- đơn theo kê ở luy → Qua đở tở

- 35 -

hàn kết ở trong Hung cho nên không ăn được. Đây là âm dồn lên trên, Dương dồn xuống dưới cho nên hàn thương hình, nhiệt thương khí. Các phép Hàn Hạ Ôn bổ không chữa được, chỉ có Qua đở tở làm cho mửa theo phương pháp Tắc nhân thông dụng, Hàn nhân hàn dụng

Bệnh Thương hàn tử chi quyết lạnh, mà dưới Tâm lại hồi hộp rung động, là bên trong có thủy âm, nên trị thủy âm trước, uống phục linh cam thảo thang, tiếp theo trị đến Quyết; không làm như vậy, thủy âm sẽ lấn sang Vị, hàn gây nên ỉa chảy (điều 356).

Giới thiệu nguyên tác chữa thủy âm dưới Tâm dẫn đến quyết nghịch. (cam thảo dưới tâm duy tở)

Nguyên nhân dẫn đến quyết nghịch có rất nhiều. Do nhiệt, do hàn cho đến do huyết hư, dương vi khác nhau. Vì thế, khi điều trị cần tìm ra nhân tố gây bệnh mà chữa mới có hiệu quả, tức như nói không chữa quyết mà quyết tự lành. Nguyên nhân gây nên Quyết ở điều này là do thủy âm ứ động ở trong cho nên ngoài chứng quyết nghịch còn có chứng chủ yếu là dưới Tâm rung động. Nhìn từ câu nói ở thiên Đùm âm Khái thiếu sách kim quỹ "Hước ý động dưới Tâm, quả lăm thì Tâm rung động" có thể biết dưới Tâm rung động là do Thủy âm tích tụ gây nên.

Vì thủy âm động ở trong thì dương khí bị lấn át, nên tử chi mới quyết lạnh, dùng Phục linh Cam thảo thang để ôn dương hóa thủy, thủy âm hóa đi được, thì dương khí ở trong Hung được giải ra, tử chi tự nhiên ấm áp; thực là ngụ ý nghĩa điều trị từ căn bản rất tích cực. Nếu không chữa thủy âm trước, thì thủy âm ứ động kéo dài thế tất thâm vào Trường vị, dẫn đến chứng ợe nghịch ỉa chảy.

Điều này với điều trên, đều do Hung dương không thu thái dẫn đến tử chi quyết lạnh, nhưng bệnh nhân bệnh lý lại không giống nhau. Chứng qua đở tở là tà đàm thực ứng tắc trong Hung cho nên dưới Tâm dậy mà phiền, thuộc thực tà và lại có xu hướng dồn ngược lên mới dùng phương pháp thổ vọt thực tà. Phục linh Cam thảo thang là chứng Thủy

- *tho' mà có thể tập khí lại là hơi tấy của Qua*
- *hàn kết ở hạ vị*
- *hàn kết ở hạ vị* → *Qua*

- 35 -

hàn kết ở trong Hung cho nên không ăn được. Đây là âm dồn lên trên, Dương dồn xuống dưới cho nên hàn thương hình, nhiệt thương khí. Các phép Hàn Hạ On bỏ không chữa được, chỉ có Qua để tấn lâm cho nữa theo phương pháp Tắc nhân thông dụng, Hàn nhân hàn dụng.

Bệnh Thương hàn tử chi quyết lạnh, mà dưới Tâm lại hồi hộp rung động, là bên trong có thủy âm, nên trị thủy âm trước, uống phục linh cam thảo thang, tiếp theo trị đến Quyết; không làm như vậy, thủy âm sẽ lấn sang Vị, hàn gây nên ỉa chảy (điều 356).

Giới thiệu nguyên tắc chữa thủy âm dưới Tâm dẫn đến quyết nghịch. *(cần phải chú tâm đây)*

Nguyên nhân dẫn đến quyết nghịch có rất nhiều. Do nhiệt, do hàn cho đến do huyết hư, dương vi khác nhau. Vì thế, khi điều trị cần tìm ra nhân tố gây bệnh mà chữa mới có hiệu quả, tức như nói không chữa quyết mà quyết tự lành. Nguyên nhân gây nên Quyết ở điều này là do thủy âm ứ động ở trong cho nên ngoài chứng quyết nghịch còn có chứng chủ yếu là dưới Tâm rung động. Nhìn từ câu nói ở thiên Đùm Âm Khố thiếu sách kim quỹ "Thước ý động dưới Tâm, quả lâm thì Tâm rung động" có thể biết dưới Tâm rung động là do Thủy âm tích tụ gây nên.

Vì thủy âm động ở trong thì dương khí bị lấn át, nên tử chi mới quyết lạnh, dùng Phục linh Cam thảo thang để ôn dương hóa thủy, thủy âm hóa đi được, thì dương khí ở trong Hung được giải ra, tử chi tự nhiên ấm áp; thực là ngụ ý nghĩa điều trị từ căn bản rất tích cực. Nếu không chữa thủy âm trước, thì thủy âm ứ động kéo dài thế tất thâm vào Trường vị, dẫn đến chứng ợ nghịch ỉa chảy.

Điều này với điều trên, đều do Hung dương không thư thái dẫn đến tử chi quyết lạnh, nhưng bệnh nhân bệnh lý lại không giống nhau. Chứng qua để tấn là tà đàm thực ứng tắc trong Hung cho nên dưới Tâm đầy mà phiền, thuộc thực tà và lại có xu hướng dồn ngược lên mới dùng phương pháp thổ vọt thực tà. Phục linh Cam thảo thang là chứng Thủy

khí lạng tâm nên dưới tâm mức rung động, thuộc Dương hư, hơn nữa lại có xu thế dồn xuống nên mới dùng phương pháp ôn dương hóa thủy.

Uông Linh Hưu nói : Quyết mà dưới tâm rung động, rõ là tiêu huyết uống nhiều nước, hàn âm động ở dưới tâm, làm Dương ở trong Huyệt không phân bố được cho nên Quyết, như vậy không thể so sánh với cái Hàn từ bên ngoài. Cho nên phép trị bệnh của Trọng Cảnh nên trị Thủy trước, nên cho uống Phục linh Cam thảo thang, mà phép chữa chứng quyết cũng ngụ ở trong. Bởi vì, nước rút thì quyết tự trừ. "Không làm ngụ vậy" có nghĩa là không chữa Thủy trước, nước sẽ thấm vào vì, tất nhiên là chảy thấp nhiệt.

Ngô Nhân Cầu nói : Khí mạch lưu hành không đi theo đường thuận thì là nghịch, gọi là Quyết. Nhưng quyết có Đàm, thực, Hàn, Nhiệt, Khí, Thủy khác nhau. Ở đây liên can tới thủy. Thủy khí không theo con đường của nó thì thủy khí sẽ dâng lên Tâm gây nên rung động, cho nên chữa Thủy cũng là trừ bỏ rung động mà quyết cũng trở về. Nếu không như vậy thì thủy càng nặng làm vữa nát thổ, do đó mà là chảy.

Thương Hàn bệnh đã 6 - 7 ngày, sau khi dùng thuốc hạ mạch, thốn mạch Trâm mã Tri, chân tay quyết nghịch, mạch ở bộ xích không đến huyệt khó nuốt, nhổ ra mủ máu, là chảy không ngừng là bệnh khó chữa, Mau hoàng Thăng mau thang chủ chữa bệnh ấy (điều 357).

tu âm âm duy tâm

Giới thiệu phép chữa bệnh Quyết sau sau khi dùng thuốc Hạ nhằm, biến chứng ra âm dương thực tạp (lâm lộn). Bệnh đến 6 - 7 ngày, tà khí đã chuyển vào lý, nếu biểu tà đây chưa giải hết, vẫn nên giải biểu tà, nếu giải biểu mà thấy có lý chứng, nên công lý, đó là nguyên tắc điều trị trước biểu sau lý. Nếu lại không giải biểu trước mà lại công thẳng vào lý ngay, thì bệnh chẳng những không trừ, trái lại chính khí càng hư, tà khí nội hãm, do đó, bệnh vào Quyết âm, dùng phép hạ càng phải cẩn thận.

Điều này tức là sau khi hạ sai lầm, hình thành chứng hậu trên nóng dưới lạnh hư thực cùng xuất hiện phức tạp,

mạch tượng ở bộ Phấn trâm mà trị, xích bộ mạch không đến, li dương óch ở lý, bị uất lại không vươn ra được, chứ không phải do dương hư gây nên. Sau khi hạ, âm dương đều tồn thương, vượng khí dồn lên trên, âm dịch dồn xuống dưới, cho nên trên thì có chứng thực nhiệt yết hậu không lợi, mửa ra máu mũi, dưới thì có chứng hư hàn là chảy không ngừng; Khí âm dương đã không thuận tiếp cho nên tay chân quyết lạnh, Chứng hậu xuất hiện hàn nhiệt lẫn lộn, hư thực đều xuất hiện nên mới nói khó chữa; Trị hàn thì bỏ sốt nhiệt, chữa nhiệt còn ngại vương hàn, bỏ hư thì tăng thực lên, tả thực thì ngại hư thêm; ở tình huống chính hư tả thực, trên nhiệt dưới hàn, thật khó xoay sở, nên phải dùng phối phương để chữa mới dương đầu nổi. Ma Hoàng Thăng ma thang, tư dưỡng doanh huyết, thanh bên trên, ấm phía dưới, điều hòa doanh vệ, cởi mở cái dương bị uất, mặt nào cũng chiều cố giải quyết, không đến nỗi lâm vào tình thế được bên này mất bên kia.

Ma hoàng thăng ma thang phương.

Ma Hoàng (bỏ đốt) 2 lượng rượu		Thăng ma 1 lượng 1 phân
Tri mẫu	10 thủ	Hoàng cầm 18 thủ
Uy di	18 thủ	Thược dược 6 thủ
Thiên môn đông	6 thủ	Thục linh 6 thủ
Quế chi (bỏ vỏ)	6 "	Bạch truật 6 thủ
Cam thảo (nướng)	6 "	Cần khương 6 "
Thạch cao	2 "	Đương qui 1 lượng 1 phân

Các vị thuốc trên, lấy 1 đấu nước, sắc ma hoàng trước sôi vài dọ, gạt bỏ bọt, bấy giờ mới bỏ các vị thuốc khác vào sắc chung, cạn lấy 3 thăng, bỏ bã, chia uống làm 3 lần thời gian cách nhau bằng khoảng nấu chín 1 nồi cơm, sau khi uống hết, ra mồ hôi thì khỏi.

Hương hữu chấp nói : Tả vào sâu mà dương bị hãm ở trung, Phấn mạch Trâm mà Trị cho nên dùng ma hoàng thăng ma vừa nâng lên vừa phát ra; chân tay quyết nghịch mà mạch ở xích bộ không đến, nên dùng Đương qui, Khương, Quế có tính ôn nhuận để đạt ra ngoài. Nhưng thực được liền tân dịch, Cam thảo hoà hoãn, yết hầu có thể thông lợi; Uy di, mạch môn nhuận phế, Hoàng cầm, Tri mẫu trừ nhiệt, có thể trừ được mũi máu. Truật có thể táo thổ, Linh có thể

thêm thấp, chứng tiết lợi có thể khỏi. Thạch cao có công trừ nhiệt đến cùng, cho nên đây là phương vận dụng khéo léo về tá sử đồ thu công hoàn toàn. Vì số vị thuốc khá nhiều, tổ chức bài thuốc phức tạp, có thể tìm hiểu phức đồ, qua phân tích bài Ma hoàng thang mà thang : Ma hoàng, thạch cao, Cam thảo : chủ được của phương Việt tỳ,

Có công năng tháo gỡ dương khí uất ở trong Cam thảo, Quế chi, Thược dược : chủ được của phương Quế chi, có công năng điều hòa doanh vệ.

Hoàng cầm, Tri mẫu, Thiên đông, Thăng ma : Thăng dương giải biểu, thanh nhiệt ở phần trên.

Bạch truật, Can khương, Phục linh, : Bô tỳ lợi thủy, làm ấm hàn khí ở phần dưới.

Dương quy, Uy di : Trĩ dưỡng doanh huyết, đề phòng tác hại vụt ra ngoài ...

Từ điều 350 đến điều 357 nội dung thảo luận về chương trị Quyết nghịch. Có thể tóm tắt chứng trị như sau :

1. Nguyên nhân : Hàn thịnh huyết hư gây nên Quyết.
Biện chứng : Chân tay quyết hàn, mạch tế muốn tuyệt.
Bài thuốc : Dương quy tứ nghịch thang, ích huyết thông mạch.
Ghi chú : Bên trong có hàn từ lâu, trong bài thuốc có Ngô thù du, Sinh khương.
2. Nguyên nhân : Chứng hàn thịnh dương hư gây nên Quyết.
Biện chứng : bên ngoài có giả nhiệt, mạch vi, lả chảy.
Bài thuốc : Như bệnh thiếu âm.
3. Nguyên nhân : Dương nhiệt uất ở trung gây nên Quyết.
Biện chứng : Mạch hoạt.
Bài thuốc : Bạch hử thang, thanh nhiệt.
Ghi chú : Nhiệt vô hình uất ở trong.
4. Nguyên nhân : Trong Hạng có đàm thực gây nên Quyết.
Biện chứng : dưới tâm đầy mà phiền, đói mà không ăn được, mạch chột thấy khản.
Bài thuốc : Qua đở tấn lư cho thổ vọt.
5. Nguyên nhân : Dương hư thủy ứ đọng gây nên Quyết.
Biện chứng : Dưới Tâm rung động, không khát.

Bài thuốc : Phục linh Cam thảo thang để ôn dương hóa thủy.

6. Nguyên nhân : Biểu tà sai lầm dùng thuốc hạ, hàn nhiệt lẫn lộn, chính hư tà uất gây nên Quyết.

Biện chứng : Yết hầu không lợi, nhổ ra mủ máu, là chảy không ngừng, thốn mạch trầm trỉ, xích bộ không đến.

Bài thuốc : Ma hoàng thang ma thang, bỏ chính tuyền uất, thanh trên, ấm dưới.

7. Nguyên nhân : Dun quấy rối gây nên Quyết.

Biện chứng : (1) mửa ra Dun (2) có lúc yên có lúc phiền. (3) được ăn vào thì ọe và lại phiền.

Bài thuốc : Ô mai hoàn, an trung tức chế Dun.

8. Nguyên nhân : Tang quyết.

Biện chứng : Mạch Vi tay chân lạnh vật vã không có lúc yên.

Bài thuốc : Thuần âm vô dương, đa cố là chứng chết.

Ghi chú : Cố cho uống liều cao Tứ nghịch, cơ may chút ít.

9. Nguyên nhân : Lãnh kết bằng quang quan ngưng tụ gây nên Quyết.

Biện chứng : Bụng dưới đầy, sờ vào đau.

Bệnh Thương hàn sang ngày thứ 4 - 5, trong bụng đau, giả sử có khí (hoi) đồn xuống bụng dưới đó là dấu hiệu sắp là chảy (điều 358).

Điều này nêu lên chứng trạng báo trước sắp gây là chảy. Trước khi có chứng là chảy, hoi ở trong bụng có hướng đồn xuống và có tiếng sôi rạo, đau bụng cũng theo hoi đồn xuống; không khu trú cố định đó là dấu hiệu báo trước muốn là chảy.

Sở dĩ nói 4 - 5 ngày là thời kỳ giả định nói lên bệnh lúc này lý dương bất túc, âm hàn của mệnh, khí có thủy cốc không vận hành bình thường, có xu hướng đồn xuống gây là chảy, cần với điều 350 "nếu không như thế (lợi thủy) nước sẽ thêm vào Vị, hàn gây nên là chảy" cũng có ý xu hướng muốn dưới tạo nên là chảy, hai điều nên cùng tham khảo.

Tân hoàng Sĩ nói : Dương tà chuyển lý, cố phân tảo chuyển thành trung tiện đẩy xuống giang môn ; âm hàn trong lý, muốn ỉa chảy, đẩy hơi xuống bụng dưới. Bởi vì nhiệt khí muốn thoát ra, thẳng qua đường giang môn; âm hàn muốn thoát ra, thẳng xuống bụng dưới mới ngừng.

Trương Lộ Ngọc nói : đau bụng cũng có khi thuộc hỏa, cơn đau tắt phải từ dưới xông ngược lên. Nếu đau từ trên dồn xuống, chắc chắn là đau do Hàn.

Nhận xét : đau bụng chuyển hơi xuống dưới muốn gây ỉa chảy, đó là hiện tượng thường gặp trên lâm sàng. Họ Trương lấy sự chuyển hơi xuống lên hoặc dồn xuống để chia ra hàn nhiệt; Họ Tân lấy sự chuyển hơi xuống bụng dưới hoặc giang môn để chia ra âm dương...kể đều là lý luận thiếu toàn diện. Nói chung ỉa chảy do nhiệt thường kèm theo các chứng phát sốt, khát nước, bần trung phiền, mạch sắc ; ỉa chảy do hàn thường kèm theo các chứng quyết lạnh, mạch Vi, không khát, tiểu tiện trong v.v... chẩn đoán lâm sàng phải tham khảo kỹ, điều trị mới không sai lầm .

Bệnh Thương hàn vốn do hư hàn mà ỉa chảy, thầy thuốc lại dùng phương pháp thổ, hạ, đến nỗi trung tiêu hư hàn càng nặng, trái lại cách nhiệt lên trên, do đó mửa và ỉa chảy càng tệ hại. Giả sử ăn uống qua miệng mửa ngay, Can khương Hoàng cầm hoàng liên, nhân sâm thang chủ chữa bệnh ấy (điều 359).

Giới thiệu phép chữa do sai lầm hình thành biến chứng Hàn cách. Chứng này xảy ra ở người bệnh thể chất trung dương kém, cho nên sau khi cảm nhiễm ngoại tà, Tỷ khí xuất hiện ngay dấu hiệu hạ hãm. Thầy thuốc điều trị, không xét kỹ ỉa chảy thuộc hư hay thuộc thực lại dùng ngay thuốc thổ, thuốc hạ, đến nỗi lý khí càng hư, dương khí càng hãm, hàn thịnh ở dưới, dương bị ngăn cách không vào được cho nên không những ỉa chảy nặng thêm, lại còn tăng thêm chứng vừa thổ vừa nghịch. Trong điều trị, đáng ra nên dùng các loại bài như Tứ nghịch thang để phủ dương ứ âm, nhưng cố sao lại dùng Can khương Hoàng cầm Hoàng liên nhân sâm thang ? Mấu chốt bệnh chứng ở chỗ "ăn vào mửa ra ngay". Vương Thái Bộc nói "ăn vào mửa ra ngay là có hỏa

- *Ấm vào mui ngay là thuộc hàn*
- *Ấm vào cầu mui mui là thuộc liên*

- 41 -

nổi lên chứng này không những hạ tiêu cổ hàn, mà lại còn
thượng tiêu cổ nhiệt, cho nên trong bài thuốc khi hàn
cổ thêm cả vị thanh nhiệt.

Cán Khương, Hoàng cầm, Hoàng liên, Nhân sâm thang
phương:

Cán Khương	3 lạng	Hoàng Cầm	3 lạng
Nhân sâm	3 lạng	Hoàng Liên	3 lạng

Bốn vị trên sắc với 6 thăng, nước cạn lấy 2 thăng, bỏ
bã, chia vài lần uống nóng.

Phạm vi ứng dụng của bài thuốc.

1. Phiên Vi mới phát có thể dùng bài này vì nó có tác
dụng khởi nôn và hòa trung (Hoàng Trọng Lý).
2. Người bệnh nôn ọe, dùng các vị Hương, Sa, Quất, Bán
không bằng dùng bài này hay hơn.
3. Chưa nhiệt ở khoảng cách, chứng cảm khẩu lý do Trung
tiêu hư hàn.

Ỉa chảy lại có sốt nhẹ, khát nước, mạch nhược, khởi ngay (điều 360)

Điều này nói mạch chứng sắp khởi của chứng ỉa chảy
thuộc âm thịnh.

Ỉa chảy mạch tuyệt là dương khí suy kiệt. Ỉa chảy
mạch thực là chính hư tà thực... đều là chứng hậu chết.
Bây giờ mạch nhược là tà khí đã suy, vị khí hãy còn, lại
hoi sốt mà khát, càng là cơ sở để tin là dương khí hồi
phục. Cho nên mới dự đoán là sẽ khởi. Điều 344 " Bệnh
Thương hàn phát sốt, ỉa chảy quyết nghịch, vật vã không
nằm được thì chết" và điều 345. " Bệnh Thương hàn phát
sốt, ỉa chảy rất nặng, quyết không ngừng thì chết". Xem phối
hợp thêm khảo hai điều này, thấy lý lẽ rất rõ ràng.

Ỉa chảy mạch sắc, ra mồ hôi và phát sốt nhẹ là bệnh sắp khởi. Nếu
thấy mạch Khẩn là bệnh chưa khởi (điều 361).

Đối diện mạch tượng của chứng âm thịnh ỉa chảy sắp
khởi và chưa khởi.

Điều 360, là chảy, mạch nhược hơi phát sốt là dương khí hồi phục, âm tà rút lui, nên đoán là sẽ khỏi. Điều này là chảy, mạch sắc hơi phát sốt, mạch sắc là dương khí hồi phục quá mức, làm sao cũng đoán là sắp khỏi ?

Như đã biết là chảy là âm chứng, mạch sắc là dương mạch, âm chứng thấy dương mạch thì bệnh có xu hướng khỏi, hơn nữa tình thế phát sốt nhẹ khác với sốt cao, lại có ra mồ hôi thì tà nhiệt có lối thoát.

Nếu phân tích mạch và chứng, có thể thấy chứng này thuộc loại dương khí hồi phục chứ không thuộc loại thái quá, cho dù có tà nhiệt, cũng có thể theo mồ hôi mà tiết ra, cho nên cũng đoán nó có thể sẽ khỏi bệnh, đó cũng là chuyển quy tốt của bệnh Quyết âm dương thắng âm lữ, nhất trí với ý nghĩa nói ở điều 331 "Thương hàn trước quyết về sau phát nhiệt, là chảy phải ngừng".

Nếu mạch thấy Khẩn nói lên lý hàn chưa lui, tà còn đang dai ở âm kinh, chính khí chưa khả năng dồn tà ra ngoài, tuy có chứng trạng dương khí hồi phục, phát sốt nhẹ và ra mồ hôi, cho nên tình thế bệnh không thể tự khỏi được. Nhìn qua các đoạn y văn, có thể thấy chẩn đoán lâm sàng coi trạng mạch và chứng, không thì thiếu chỗ dựa để chẩn đoán.

Trình giáo Thanh nói : là chảy mạch sắc, là hàn tà đã hóa nhiệt. Sốt nhẹ và ra mồ hôi là tà theo nhiệt hóa mà ra biểu, cho nên sẽ khỏi. Nếu mạch lại Khẩn là tà chưa hết lại vào lý, cho nên chưa khỏi. Bởi vì âm bệnh cố Dương thì khỏi, cho nên Sắc với Khẩn, có thể đoán định khỏi hay không khỏi.

Nhận xét : Phải thừa nhận bệnh âm hàn thấy dương mạch là chuyển quy tốt của bệnh, cho dù không uống thuốc cũng tự khỏi. Còn mạch sắc sở dĩ không thuộc loại Quyết âm dương hồi phục thái quá là bởi cơ biểu có mồ hôi, tà khí có lối thoát. Xem vậy thì thấy chẩn đoán tật bệnh phải phân tích toàn diện mới có kết luận chính xác.

Is chảy chân tay quyết lạnh, mạch không đến, điều trị bằng phép cứu. Sau khi cứu, chân tay vẫn không ấm, mạch vẫn không hồi phục lại thêm suyễn nhẹ thì chết. Mạch thiếu âm nhỏ hơn Chu dương cũng là chứng bất thuận lợi có thể chữa được (điều 362).

Giới thiệu bệnh Quyết âm hiện chứng nguy nan là cần cứu vào sự cất hung của mạch tượng.

Là chảy, chân tay quyết lạnh không có mạch, giống với điều 315 "là chảy không ngừng, quyết nghịch không có mạch".

Bệnh tình đã đến nước này, bản thân dương khí đã suy vì muốn tuyết; tà khí âm hàn hoành hành cả bên trong bên ngoài, bệnh tình nguy hiểm không sao tả nổi. Dương thời cơ này, dùng thuốc để cứu vẫn dương khí, còn e quá chậm, nên mới dùng phép cứu để cấp cứu. Thường khí chỉ nói nên Cứu hai huyết Quan nguyên, Khí hải, cũng nên tham khảo. Sau khi cứu, chân tay ấm, mạch xuất hiện là dương khí chưa đến giai đoạn kiệt tuyết, còn có thể chữa được. Nếu như sau khi Cứu, tay chân vẫn không ấm, mạch cũng không xuất hiện nữa lại thêm chứng suyễn, là dương khí kiệt tuyết ở dưới, chân khí vọt thẳng lên trên, nên đoán là chết.

Mạch chứng điều này, cơ bản giống với điều 315, cho nên ngoài cách dùng phép cứu, cũng có thể dùng Bạch thông gia Chư đởm chấp thung để hồi dương cấp cứu.

Vì bệnh này mạch ở cổ tay không thấy, nên cần thăm khám mạch ở chân để tiên lượng cất hung. Mạch thiếu âm (Thái khê) nhỏ hơn Phụ dương là thuận, Thiếu âm là Thận kinh, thuộc thủy, mạch ở huyết Thái Khê, Phụ dương là Kinh vị, thuộc thổ, mạch ở huyết Xung dương. Thiếu âm nhỏ hơn Phụ dương thì cốc khí của Tý Vị còn thịnh, bệnh tuy nguy nan nhưng chính khí còn sức chống tà khí, nên nói là thuận. Trái lại, nếu Phụ dương nhỏ hơn Thiếu âm là cốc khí ở Tý Vị đã tuyết, không cách nào cứu được nữa. Tóm lại, dương khí bộ phận trên không thấy mạch nên xem mạch ở vùng chân đặc biệt là mạch ở Phụ dương để quyết đoán tử sinh, có giá trị rất trọng yếu.

Là chảy lại thấy mạch ở thốn bộ Phủ sắc, mạch ở Xích bộ sắc, đại tiện tất ra máu mủ (điều 363).

Đây là vì dương hồi phục thái quá, tạo nên mạch chứng đại tiện ra máu mủ.

Quyết âm là chầy, vốn thuộc hư hàn, nhưng là chầy có tính hư hàn phần nhiều là toàn nước (thanh cốc) mạch tất phải Trầm trì. Giờ mạch lại thấy phù sắc, phù là ở Biểu, sắc là có nhiệt, đó là mạch tượng âm bệnh chuyển dương, cùng một loại dương khí hồi phục, cơ chuyển tất bệnh có hướng khởi .

Nhưng ở điều này tại sao không những không khởi mà trái lại đại diện tất ra mủ máu ? Đó là quan hệ dương hồi phục thái quá. Vì nếu là dương hồi phục bất oập, cơ nhiên là có bệnh, mà dương hồi phục thái quá, cũng lại là có bệnh. Ở điều 341 đã so sánh khá đầy đủ, nên tham khảo.

Dương hồi phục thái quá ở điều này vì tà khí không có đường ra, nhiệt không tiết ra ngoài đến nỗi tổn thương âm lạc ở trong, huyết bị nhiệt hun đốt, thời nát hóa thành mủ do đó mà đại tiện ra mủ máu. Xích bộ mạch sắc không trôi chảy chính là duyên cơ huyết tổn thương ở hạ tiêu .

^{ở trên (l)}
Iả chầy ra nguyên đồ ăn, dù có biểu tà cũng không được dùng thuốc phát biểu, nếu sai lầm phát hãm, tất phát sinh chứng bụng (điều 364).

Điều này nêu biến chứng do Trường vị hư hàn lại sai lầm phát biểu .

Iả chầy ra nguyên đồ ăn không tiêu hóa chủ yếu do Tỳ vị dương hư không làm giàu như đồ ăn. Linh Khi đã ghi "sôi bụng chướng bụng, có nhiều hàn khí thì sôi bụng là chầy ra đồ ăn không tiêu". Vì âm thịnh dương vi nên cấm dùng thuốc phát biểu, nhưng trong y văn lại không nói tới biểu chứng đó là do đơn giản hóa. Xem xét bốn từ "không được công biểu" thì biết điều này nhất định có biểu chứng. Trong thiên Thái dương cũng đã chỉ ra quy luật điều trị chứng hư kiêm biểu kết hợp tham khảo điều 91 "tiếp tục là chầy ra nguyên đồ ăn không ngừng, đau thân thể, cấp phải cứu lý, hạ đồ đau thân thể, tiêu tiện trọng, cấp phải cứu biểu" thì sẽ rõ ràng. Nhưng ở điều kia không vạch ra hậu quả do phát hãm sai lầm còn điều này thì nói "ra mủ hồi tất đại tiện ra máu mủ", cũng rõ thêm biến chứng do phát hãm sai

lâm, sở dĩ biết phát sinh biến chứng như thế, trước hết nên biết tác dụng của thuốc giải biểu và biến hóa sinh lý sau khi phát hàn, bởi vì ra được mồ hôi, dương khí tiết ra ngoài; dương đã đạt ra ngoài thì cái dương ở lý tương đối giảm ít, người là chảy ra ngoài đồ ăn, dương khí của Tỳ vị đã rất hư. Giả sử giải biểu ra mồ hôi, Dương khí của Tỳ vị lại càng hư. Tỳ giảm lý vùng bụng trên, chủ về Kiện vận, Tỳ dương quá hư thì mất chức năng Kiện vận, do đó hàn tà dương hư khí trở nặng, mà vùng bụng chướng đầy.

Tóm lại, lý có nhiệt, không đại tiện mà lại có biểu chứng, nên giải biểu trước, không được công lý, vì lý khí hư thì biểu tà càng bị hãm không thoát ra được; Lý có hàn, là chảy nguyên đồ ăn mà lại có biểu tà, nên ôn lý trước, không được công biểu, vì lý khí được ấm thì biểu tà tự tan, nếu công biểu trước ra mồ hôi mà dương vong, dương hư âm lấn ở trong vị cho nên phải chứng đầy.

Is chảy mạch thấy trầm huyền, đa số có cảm giác hậu trọng; nếu mạch đại, là is chảy chưa ngừng, nếu mạch vi nhược mà số, là is chảy muốn khỏi, tuy phát nhiệt cũng không chết (điều 365).

Điều này phân biệt mạch tượng của chứng is chảy và dự kiến về sau.

Hai từ "is chảy" nhìn trọn vẹn y văn, nên là kết lý. "is chảy" mà lý cấp hậu trọng, đó là đặc trưng của bệnh lý. Nếu quả là is chảy nói chung, thì phần nhiều is chảy như giết, sôi bụng đau bụng, is chảy xang dễ chịu, quyết không có cảm giác hậu trọng. Và lại trong sách của Trọng Cảnh, đã mấy lần đề cập hạ lợi đại tiện ra mủ máu và nhiệt lợi hạ trọng v.v... Do đó nhận thấy tinh thần chủ yếu của điều y văn này là từ mạch tượng để bàn đến chứng trạng và tiên lượng của bệnh lý. Is chảy thuộc lý chứng, mạch Trầm chủ về lý, vì mạch và chứng phù hợp nhau, mạch Huyền chủ về đau. Lý Sĩ Thái nói: "Trầm Huyền là đau ở bên trong"; Is chảy mạch Trầm Huyền là tà kết ở trong; Vì Đại trường ứng trở, khí cơ không lợi, nên mới có hiện tượng hậu trọng. Mạch Đại là dấu hiệu tà khí vượng thịnh. Mạch yếu tinh vi luận sách Tố vấn nói: "Mạch Đại thì Bệnh tiến"

mạch Đại là xu thể bệnh đang mạnh nên mới nói "Thấy mạch Đại là bệnh chưa khỏi". Đối với mạch Vi, Nhuyo, Sáo là muốn khỏi, dù có phát nhiệt cũng không chết, đó là mạch và chứng chính khổ hồi phục, tà khí đã lui. Loại mạch Vi Nhuyo này không phải là dương khí duy vi mà là tà khí suy thoái; Mạch Sáo này còn ngụ ý hiện tượng tron nhanh lưu lợi, chính như Ngọc cơ chân tạng luận sách Tố Vấn nói : "Mạch Nhuyo mà trôi chảy là cổ vị khí", là hiện tượng chính khí thắng dương khí hồi phục, nên mới nói là "Bệnh muốn khỏi, tuy phát nhiệt cũng không chết".

Nhận xét qua mạch tượng, phát nhiệt của chứng này đa số là hơi (nhẹ) nhiệt, bệnh lý cơ chế của nó giống với điều 360 "lả chảy cổ sốt nhẹ mà khát, mạch nhuyo là tự khỏi" nên tham khảo .

Lả chảy mạch Trầm mà Trĩ, vùng mặt đỏ bừng nhẹ, mình có sốt nhẹ, lả chảy ra nguyên đồ ăn, tắt hoa mắt choáng váng, ra mồ hôi mà khỏi, đồng thời tứ chi cảm thấy quyết lạnh nhẹ, sờ dĩ như vậy là do hạ tiêu hư hàn, mặt có hiện tượng Đối dương (điều 366).

Nếu nguyên nhân hạ tiêu hư hàn : quyết nhẹ. Lả chảy mạch Trầm Trĩ, chết phân ra nguyên đồ ăn, nổi lên phần Dương ở trong cơ thể đã suy vi, không còn khả năng làm ngấu như đồ ăn, rõ ràng là một chứng hư hàn. Còn như mặt cổ sắc đỏ, mình hơi nóng là khí âm hàn thịnh ở trong, các dương khí mỏng manh ngăn cách ở bên ngoài của hiện tượng giả nhiệt, điều này so với điều 317 về bệnh lý cơ chế giống nhau về đại thể, Điều 317 nói "Bệnh thiếu âm lả chảy ra nguyên đồ ăn, trong hàn ngoài nhiệt, chân tay quyết nghịch, mạch Vi muốn tuyệt, mình lại không ở hàn, người bệnh sắc mặt đỏ ... Thông mạch Tử nghịch thang chủ chữa bệnh ấy". Nhưng thể bệnh nặng nhẹ lại khác nhau rất xa; một số chứng hậu đã nêu ra ở thiên Thiếu âm như lả chảy tay chân quyết lạnh, mạch Vi muốn tuyệt, mình nóng mặt đỏ, là âm thịnh dương hư cực độ, hư dương hoàn toàn bộc lộ ra ngoài, trôi nổi lên trên, bệnh tình đã nghiêm trọng vạn lần, mà điều nói ở đây lại chỉ nói "hơi quyết, hơi nhiệt" mặt hơi đỏ,

mạch trầm Trĩ, nói lên dương khí tuy hư, mà chân dương chưa lộ rõ hết, còn có thể tiềm tàng ở trong, cho nên còn có thể nổi lên tranh giành với âm tà. Chính và tà tranh giành nhau thì choáng váng hoa mắt, chính khí thắng tà thì ra mồ hôi mà khỏi. Chứng hậu giới thiệu ở Thiếu âm thiên, hư dương đã bộc lộ hoàn toàn, không có thuốc giúp đỡ quyết không có khả năng hoa mắt chóng mặt ra mồ hôi mà tự khỏi; hơn nữa, bệnh tình đã phát triển đến mức nghiêm trọng như vậy, nếu quả là thấy hoa mắt chóng mặt thì đó là chứng Âm Dương ly quyết, lại thấy ra mồ hôi, thì hư dương đã theo đó thoát ra ngoài, làm sao ra mồ hôi mà giải được bệnh? Vì vậy hai điều Y văn này tuy đều có chứng hậu lý hàn ngoại nhiệt như nhau, nhưng dương khí tiềm tàng nhiều ít không giống nhau, tiên lượng và diễn biến tất bệnh cũng không giống nhau.

Biện chứng hoa mắt chóng mặt (Uất mao)
(bệnh lý và điều kiện).

- a. Thực chứng - Không gây ra uất mao, tự có thể ra mồ hôi mà khỏi.
- b- Đại hư chứng - không thể uất mao, mao là chứng hậu chết.
- c- Hư chưa nặng lắm - còn có thể nổi lên tranh giành với tà khí, chính khí với tà khí tranh giành thì hoa mắt chóng mặt, tranh giành mà thắng được tà khí, ra mồ hôi thì khỏi bệnh.

Nhận xét : Đại ý điều này nói chứng Đối dương hoặc Thương hàn là chảy ra nguyên đồ ăn, mạch Trĩ Trĩ, mặt hơi đỏ, sinh hơi nóng; do dương khí hư còn nhẹ, còn khả năng đấu tranh với tà khí, cũng có thể ra mồ hôi mà khỏi; nhưng trước khi ra mồ hôi mà khỏi, chính và tà đang tranh giành, phần nhiều phát sinh chóng mặt tối xầm (uất mao) đó là tình huống phải lưu ý trong lâm sàng. Biện tượng mặt đỏ của chứng Đối dương với chứng Dương tà bị uất ở Biểu giống nhau, rất dễ lẫn lộn, cần biện chứng cho kỹ. Trương Lộ Ngọc biện chứng khá rõ ràng, như : Dương tà ở Biểu bị

bổo bối, phải cố chúng đỡ mặt mà chân tay tự ấm; nếu là chúng Đái dương do âm chúng hư dương tràn lên thì mặt tuy đỏ, ống chân phải lạnh chớ với chỉ thấy mặt đỏ đã cho là chúng nhiệt !

là chảy mạch Sáo mà khát, tức là sắp khởi. Giả sử không khởi, tất phải đại tiện ra mủ máu, vì phần lý với nhiệt tà (điều 367).

từ âm chuyển ra dương

Giới thiệu chúng đại tiện ra mủ máu do Dương khí hồi phục thái quá.

Chúng là chảy ở điều trên, mạch Trầm mà Tri là âm hàn thịnh. Chúng là chảy ở điều này, mạch Sáo khát nước, là dương khí hồi phục, cho nên có xu thế tự khởi. Còn ở điều này với điều 334 "bệnh thương hàn trước quyết sau phát nhiệt, là chảy ắt tự ngừng... nếu không ngừng, ắt đại tiện ra mủ máu" bệnh tình giống nhau.

Là chảy mà dương khí hồi phục, có nhiên là dấu hiệu khởi rất tốt, nhưng dương hồi phục thái quá lại thường do dương oang dẫn đến thương âm, nung nấu thành biến chúng đại tiện ra mủ máu .

Từ các điều 360 "là chảy, sốt nhẹ mà khát, mạch nhược, sẽ khởi" điều 363 "là chảy, mạch Sáo, có sốt nhẹ, ra mủ hôi, sẽ khởi" điều 365 "là chảy... mạch vi Nhược Sáo... là muốn ngừng là chảy" xem xét lại, không khó nhận ra chúng hậu âm chúng là chảy sẽ khởi, đều là dương hồi phục. Nhưng lại không được thái quá, nếu quá là dương hồi phục thái quá, không chỉ có khởi hay không; mà tất phải biến chúng khác .

Điều này nói lên hai trường hợp chuyển quy khác nhau của chúng là chảy, mạch Sáo, khát nước. Một là Dương hồi phục, bệnh khởi. Hai là Dương hồi phục thái quá sẽ biến chúng Đại tiện ra mủ máu .

Sau khi là chảy, mạch tuyết, chân tay quyết lạnh, qua một ngày đêm mạch trở lại, chân tay ấm thì sống, mạch không trở lại thì chết (điều 366).

Giới thiệu sau là chảy mạch tuyết, chân tay lạnh, điều quyết định sống chết sau một ngày đêm.

Sau là chảy mà mạch tuyết ở điều này, nên là là chảy dữ dội cấp tính, tân dịch bị tổn thất đột ngột quá mức, dương khí nhất thời thoát ly đến nỗi chân tay quyết lạnh, mạch phục muốn tuyết. Nhưng chứng bệnh này phần nhiều thoát đột ngột tạm thời cho nên sau khi điều trị, Dương khí còn khả năng hồi phục. Nếu dương khí hồi phục, thì mạch trở lại và chân tay ấm dần dần, có cơ may sống. Nếu quyết vẫn không hồi phục, mạch không thấy mới có thể đoán là chứng chết.

Đối với chứng hậu chân tay quyết và mạch phục, có thể xuất hiện hai tình huống. Một là thoát đột ngột cấp tính, tức là chứng hậu đã nói ở trên. Hai là qua thời gian mắc bệnh khá dài, đi đến chỗ chân dương tiêu ma cũng kiệt, tuy đợi sau một ngày đêm, cũng quyết không khả năng làm cho tay chân ấm và mạch trở lại.

Thương hàn là chảy ngày hơn 10 lần, mạch lại Thục có lực, là chứng chết (điều 369).

Điều này nói chứng hậu chết do là chảy, mạch và chứng không phù hợp.

Là chảy do hư hàn mạch nên Vi nhược Trầm Trĩ mới là mạch chứng tương ứng, điều trị dễ dàng hơn. Bây giờ Hư chứng mà có mạch thục, là chảy lại không giảm đi, mạch với chứng không phù hợp đó là Vi khí đã bại hoại, tức như nội kinh nói "Chân mạch xuất hiện một mình" cho nên là chứng hậu chết.

Là chảy ra nguyên đồ ăn, phần lý có chân hàn, bên ngoài lại giả nhiệt, ra mồ hôi mà chân tay quyết lạnh, Thông mạch tử nghịch thang chủ chữa bệnh ấy (điều 370).

Điều này nêu chứng trạng và phép trị chứng lý chân hàn, ngoài giả nhiệt.

Là chảy ra nguyên đồ ăn là do dương khí tự thân hư kém gây nên, vì tở mới nói là lý hàn. Còn nói ngoại nhiệt,

không phải là biểu nhiệt, mà là nổi bên ngoài có giả nhiệt .

Căn cứ vào điều 317 nêu lên các chứng trạng "bệnh thiếu âm là chảy ra nguyên đồ ăn, lý han ngoại nhiệt, chân tay quyết nghịch mạch vi muốn tuyết, mình lại không ở hàn, người bệnh sắc mặt đỏ ..." cổ thể biết chứng ngoại nhiệt ở điều này là giả tượng phải có chứng mình lại không ở hàn, sắc mặt đỏ, mạch phải Trầm Trĩ muốn tuyết; chẳng qua tình thế bệnh ở điều này nghiêm trọng hơn. Bởi vì âm bệnh thấy ra mồ hôi da số là chứng hậu vong dương rất nguy cho nên chứng này phải dùng ngay thông mạch cứu nghịch thang để cấp cứu hồi dương cứu cái dương khí sắp thoát.

X Nhiệt chứng, là chảy, hạ trọng, Bạch đầu ông thang chủ chữa bệnh ấy (điều 371) .

Nêu lên chủ chứng và phép chữa Quyết Âm nhiệt lợi. Y văn quá đơn giản, chỉ nêu một chứng hạ trọng. Sào thị bệnh nguyên nói : "Đây là loại Xích bạch đới hạ hiện nay khiến cho hạ bộ người ta đau và nặng". Vì thế, chứng nhiệt lợi (là chảy do nhiệt) ở điều này, nên hiểu là nhiệt lý. Bệnh lý, cổ xưa gọi là "trệ hạ", Nội Kinh gọi là Trường tích, chất bài tiết ra đục nhớt có sắc trắng đỏ, kèm theo mủ máu. Vì nhiệt tà bức bách ở dưới nên phải có cảm giác hạ trọng, mà hạ trọng là đặc trưng của bệnh lý. Điều này nêu ra một chứng hạ trọng thực là điểm chủ yếu để biện chứng .

Bạch đầu ông thang phương .

Bạch đầu ông	2 lạng	- Hoàng bá	3 lạng
Hoàng liên	3 lạng	- Trần Lì	3 lạng.

Bốn vị trên sắc với 7 thăng nước, cạn lấy 2 thăng, bỏ bã, chia uống nóng 1 thăng, nếu không khỏi uống thêm 1 thăng nữa.

Tiền thiên lợi nói : Thần nông bản thảo ghi Bạch đầu ông có khả năng trực huyết chữa đau bụng. Đào Hồng Cảnh nói là chữa được độc lý, Đông viên Lý Cho nói : Trọng Cảnh chữa nhiệt lợi hạ trọng, dùng Bạch đầu ông thang. Bởi vì

Thận muốn kiên, kịp dùng vị đắng làm cho kiên. Lại nói chữa được chứng ăn sán Thiên trụ của nam giới; Bối cũng là chuyển được của Quyết âm kinh, nên Trọng Cảnh dùng làm quân để chữa Quyết âm nhiệt lợi; vị đắng lạnh của Hoàng Liên có thể thanh thấp nhiệt, bên trường vị; Hoàng bá tả cái hỏa ở Hạ tiêu, nếu Trung khí hư hàn và hàn thấp hạ lợi rất cấm kỵ. Nhiệt lợi thì không dùng nó không được, chớ nên dùng làm Thần. Tần bì cũng là loại khô hàn. Lý thời Trân nói : Tần bì sắc xanh, khí hàn, vị đắng, tính sáp, là thuốc của Quyết âm can, thiếu dương Đóm Kinh, chữa hạ lợi Bằng trệ là nhờ ở tác dụng thu sáp. Suy xét như vậy thì cái ý sáng lập pháp và phương đã rõ ràng.

Phạm vi ứng dụng của Bạch đầu ông thang .

1. Tam nhân phương chữa nhiệt lý trệ hạ đại tiện ra máu hàng tháng không khỏi .
2. Chữa trường phong hạ huyết .

X Hạ lợi vùng bụng chướng đầy mà lại đau mình, đó là biểu lý đồng bệnh, điều trị nên trước ôn lý hàn, rồi sau giải biểu tả. Ôn lý có thể dùng Tử Nghịch thang; giải biểu có thể dùng Quế chi thang (điều 372).

Điều này nêu phép chữa và bài thuốc ứng dụng đối với chứng hư hàn hạ lợi kiên cố biểu chứng.

Thương hàn luận đối với đại pháp chữa Biểu lý đồng bệnh, lý thực mà có biểu tà chưa giải, nên giải biểu trước, sau mới công lý, những thứ dụ trong y văn có rất nhiều. Lý hư mà có biểu tà, nên ôn lý trước, sau mới công biểu, như điều 71 thiên Thái Dương : "Bệnh Thương hàn thầy thuốc dùng phép Hạ, tiếp tục là chảy ra nguyên đồ ăn không ngừng, đau mình, kịp nên cứu lý, sau còn chứng đau mình, tiêu tiện trong, nên cứu biểu. Cứu lý nên dùng Tử nghịch thang, cứu biểu, nên dùng Quế chi thang "...đó là dẫn chứng rất rõ ràng. Từ dẫn chứng trên, chứng hạ lợi ở điều này cũng nên là hạ lợi thanh cổ, bụng chướng đầy thì là Tỳ vị dương khí suy vì như Linh Kha nói "Trong Vị hàn thì chứng đầy", có thể thấy chứng này là lý khí hư hàn không

nghe gì nữa, cho nên tuy có biến chứng thân thể đau nhức cũng nên trước ôn lý, đợi cho lý khởi phục, sau khi tiêu tiện trung bấy giờ mới trị biểu chứng. Đối với ôn lý nên tử nghịch thang, cũng biểu nên桂枝湯 giống với điều 91, có thể tham khảo.

X Chứng là chảy, khát muốn uống nước đó là lý cổ nhiệt, Bạch đầu ông thang chủ căn bệnh ấy (điều 373).

Điều này nêu lên khát muốn uống nước là một yếu điểm biến chứng của chứng là chảy do nhiệt.

Quyết âm bệnh là chứng hậu hàn nhiệt lẫn lộn, cho nên quyết âm hợp lợi có chứng hàn, chứng nhiệt khác nhau.

Do âm hàn thịnh, tất tuy phần quyết lạnh, là chảy ra nguyên đồ ăn, nếu đương trở lại quyết lại, chứng là chảy ít tự ngừng.

Do đương cung nhiệt thịnh hun đốt làm thương phần huyết thì đại tiện ra máu, lý cấp hậu trọng, thành chứng nhiệt lợi.

Nhưng cũng có trường hợp hư hàn hợp lợi do đương bồi phục thái quá đến nỗi đương khí quá gắng, nhiệt lợi không trừ được, nhiệt làm thương huyết phần mà biến thành nhiệt lợi. Điều này nối theo tinh thần của điều 371 chứng Bạch đầu ông thang, bổ sung một yếu điểm biến chứng của nhiệt lợi là chứng khát muốn uống nước. Nếu người bệnh đã có hợp trọng lợi có cả khát muốn uống nước thì khó gì không chẩn đoán chính xác là hợp lợi thuận nhiệt, xem vậy những điều y văn trước cũng như sau trọng yếu vô cùng.

Nhận xét : điều 360 nói " hợp lợi có sốt nhẹ và khát, mạnh nhuộc, bấy giờ tự khỏi..." ở điều 367 lại nói : " hợp lợi mạch sắc mà khát, bấy giờ tự khỏi". Hai điều ấy đều lấy hợp lợi khát nước là muốn khỏi chứng của điều 373 này cũng hợp lợi khát nước, tại sao lại dùng Bạch đầu ông thang để chữa ? Nên biết, hai điều kia thuộc âm chứng chuyển dương, đương khí trở lại, cho nên hợp lợi thấy khát nước là muốn khỏi. Điều này, tuyet minh bổ sung cho biến chứng

nhật lợi, ngoài chứng hạ lợi khát nước, nhất định còn có chứng lý cơ hậu trọng, đại tiện ra mủ máu nên mỗi dùng tới Bạch đầu ông thang.

Là chầy do thiếu âm hư hàn cũng có chứng khát nước, chẳng qua khát nước đó chỉ là dương hư không khả năng chứng hóa, khí dịch không dâng lên mà khát, ngoại trừ chứng là chầy khát nước hẳn phải xuất hiện chứng dương hư như rêu lưỡi trắng nhớt, mạch VI Tế, tiểu tiện trong... Phân biệt đối với chứng này không khó khăn gì.

Là chầy mà hôn mê nói sáng là trong một có táo phân, nên dùng tiêu thừa khí thang (điều 374).

Giới thiệu chứng trị táo thực ngắn ở trong, nhiệt kết bằng lưu. Là chầy mà lại có phân táo, đúng là chứng nhiệt kết bằng lưu, phân bài tiết ra, hẳn không phải là nguyên đồ ăn mà là nước trong, mùi hôi khó ngửi, gần giống với bệnh lý có chuyển của điều 321 về bệnh thiếu âm "Thiếu âm bệnh tự là chầy nước trong có màu xanh, dưới Tâm tất đau, miệng ráo, kịp hạ ngay, nên dùng Đại thừa khí thang. Vì vậy chứng nói sáng ở điều này là nhận nhận chủ yếu để chẩn đoán là lý thực, đương nhiên phải có các mạch chứng lý thực khác, đương như mạch trầm Thục hoặc Hoạt Tật, vùng bụng chướng đau, triều nhiệt, rêu lưỡi vàng khô, tiểu tiện vàng đỏ v.v... nên mới điều trị bằng Thừa khí thang, lý thực đã rút thì nói sáng và hạ lợi sẽ ngừng. Nếu biện chứng không sáng xuất mà dùng đến những bài thuốc chữa hạ lợi khác thì không những không thu được hiệu quả như dự tính mà trái lại còn tạo nên bệnh biến nổi lên tử vong.

Nhận xét: Mục đích sử dụng thừa khí thang là tả lý thực của Dương minh chứ không phải để tả cái nhiệt của Quyết âm. Sở dĩ chứng này xếp vào trong thiên Quyết âm, một phương diện do biện chứng hạ lợi, cùng loại đề cập; một phương diện nguồn gốc bệnh biến từ Quyết âm, thực tế vẫn là Dương minh, chỉ có mức độ táo thực là không thôi.

quá, dùng Tiểu thừa khí thang cũng đủ giải quyết được vấn đề, không cần tới tể thuốc hạ mạch Đại thừa khí nữa.

Sau khi đau bụng tả chảy, lại thêm tâm phiền, ấn tay vào vùng dưới Tâm thấy mềm là chứng hậu hư phiền, nên dùng chỉ từ sự thang (điều 375) .

Điều này giới thiệu điều trị và biện chứng sau tả chảy có chứng hư phiền, trong y văn không nêu chứng tay chân quyết lạnh, mạch Vi muốn tuyệt, ra mồ hôi mà suyễn là chứng trạng dương hư muốn thoát, có thể biết loại phiền này không phải loại phiền do hư dương choáng váng tới xâm (ướt mao) mà là cái phiền do lương hồi phục thái quá, nhiệt là quá rồi ở hung cách. Từ nhân xét ấn tay dưới Tâm thấy mềm, cũng không phải cái phiền do lý có thực tả, cho nên mới đoán "là hư phiền", nhất trí với cơ chuyển của bệnh thái dương sau khi dùng hàn thổ hạ. trong tâm ảo não hư phiền không ngủ được cho đến bệnh Dương minh hạ quá sớm dẫn đến hư phiền, do đó mới dùng bài thuốc truyền thông nhẹ nhàng chỉ từ sự thang để quét bỏ dư nhiệt.

Nhận xét : Tinh thần chủ yếu của điều này nói lên sau khi hạ lợi lại phiền, mồ phiền càng tăng, thuộc thực không thuộc hư, ấn dưới vùng Tâm mềm là nhiệt tả vô hình, không phải là Thực là hữu hình .

Tóm tắt từ điều 358 đến điều 375 .

Biện chứng và điều trị chứng Hạ lợi (tả chảy).

1. Báo trước muốn gây nên tả chảy - đau bụng chuyển hơi đồn xuống bụng dưới .
2. Tả chảy thuộc Lý hàn .
 - 2.1- Dấu hiệu khởi .
 - a- Sốt nhẹ mà khát, mạch Nhược - sẽ tự khởi.
 - b- Sốt nhẹ ra mồ hôi mạch Sác - sẽ tự khởi.
 - c- Mạch vi nhược sác - muốn tự ngừng tả chảy .

2.2- Dấu hiệu chưa khỏi .

- a- Mạch lại khẩn - là chưa khỏi .
- b- mạch Đại - chưa ngừng là chảy .

2.3- Dấu hiệu chết .

- Iả chảy, chân tay lạnh, mạch phục, dùng phép cứu vẫn không ấm, mạch không trở về lại hơi suyễn thì chết.
- Iả chảy đột ngột chân tay lạnh mạch tuyệt sau 1 ngày 2 đêm, mạch không đến thì chết .
- Iả chảy mạch Thục thì chết .

2.4- Biện chứng :

- Chứng trạng - Thốn mạch phù Sác, xích mạch Sốc, tất đại tiên ra mầu mủ .
- Nguyên nhân - Dương hồi phục thái quá.

2.5- Kiểm biểu chứng .

- Chứng trạng - iả chảy ra nguyên đồ ăn, đau mình.
- Phép trị - trước ôn lý, sau hòa biểu .
- Hậu quả nhằm chữa biểu - ra mồ hôi tất chương đầy .

3. Lý nhiệt hạ lợi .

- Yếu điểm biện chứng, hạ trọng, khát nước.
- Trị liệu - Bạch đầu ông thang .

4. Lý thực hạ lợi .

- Yếu điểm biện chứng - nói sáng
- Trị liệu - Tiểu thừa khí thang.

5. Chứng sốt lại sau iả chảy .

- Tên chứng - hư phiền.
- Yếu điểm biện chứng - lại phiền, dưới Tâm mền .
- Trị liệu - Chi tử sị thang .

6. Chứng Đối chương nhẹ.

- Chứng trạng - hạ lợi ra nguyên đồ ăn, mạch Trầm Trĩ, mặt hơi đỏ, mình hơi nóng.
- Cơ chuyển - Tất chống mặt tối sầm ra mồ hôi mà giải.

7. Chứng cách dương

- Chứng trạng - là chảy ra nguyên đồ ăn, lý hàn ngoài, nhiệt, ra mồ hôi mà quyết .

- Trị liệu - Thông mạch Tứ nghịch thang.

8. Chứng hàn cách .

- Chứng trạng - vốn là ỉả chảy do lạnh, sau khi dùng nhằm thuốc thổ, hạ, thổ tả càng tăng, ăn uống vào thì mửa.

- Trị liệu - Can khương Hoàng cầm Hoàng liên Nhân sâm thang.

X Do ở trong cổ nhọt mủ gây nên nôn mửa, không được chữa nên, chất mửa trừ hết thì nôn mửa tự khỏi (điều 376).

Điều này nêu ra nguyên tắc chữa bệnh phải tìm từ gốc. Bệnh nhân do bên trong cổ nhọt mủ gây nên nôn mửa, không được chữa nôn mửa, vì nhọt mủ cần phải thoát ra ngoài, nên mửa chính là đường ra của nó; nếu nhọt mủ ra hết thì nôn mửa khỏi .

X Nôn mửa mạch Nhược, tiểu tiện lại trong lợi, mình hơi phát nhiệt, nếu thấy tay chân quyết lạnh thì khó chữa, Tứ nghịch thang chủ chữa bệnh ấy (điều 377).

Điều này nêu chứng hậu khó chữa trong trường hợp âm thịnh dương hư .

Nôn (âu) là chứng Vị khí nghịch lên, mạch Nhược là hiện tượng chính khí suy yếu. Do đó thì biết chứng nôn ở điều này là trong Vị không có dương, khí âm hàn nghịch lên gây bệnh, và lại bệnh ở Âm kinh, dương khí suy vì cực độ, có thể nghĩ đến tiểu tiện lại trong lợi, đó là căn cứ vào loại lý hư, hiện tượng cả trên và dưới thấy đều hư hàn. Nếu là biểu hơi sốt mà chân tay không quyết lạnh, thuộc chứng biểu hòa, lý hàn tuy thịnh, Vệ dương chưa đến nỗi tổn thương cho nên chỉ cần chữa lý hàn. Nếu lại thấy tay chân quyết lạnh thì dù mình có hơi sốt cũng không phải là biểu hòa, đó là dương hư vượt ra ngoài, là dấu hiệu chứng nôn cũng bị ngăn cách nên mới nói khó chữa; Dùng Tứ nghịch thang để ôn lý ngay, họa may cứu được dương khí sắp thoát .

Vưu tại Kinh nói : Mạch nhược là chảy mà quyết lạnh là dấu hiệu trong hư có hàn, thì chúng nên không phải do tà gây ra, đó là âm khí nghịch lên; chứng nhiệt không phải là hàn tà, đó là chính hư khí nghịch, cho nên dùng Tứ nghịch thang để cứu Dương trừ âm làm chủ yếu. Nhưng phần âm xông lên, phần dương vượt ra ngoài, cái xu thế phân ly chưa có thể thuận tiếp được ngay nên mới nói khó chữa .

Nhận xét : Nôn mà mạch nhược là chính hư khí nghịch tiểu tiện lại trong lợi là hạ tiêu hư hàn, dương khí không bền, chân tay quyết lạnh, mình nơi nóng là âm thịnh ở trong cách Dương ra ngoài nên mới điều trị bằng Tứ nghịch thang.

Nôn khan, mửa ra bọt rãi, lại thêm nhức đầu. Ngô thù du thang chủ chữa bệnh ấy (điều 378) .

Giới thiệu chứng trị Can Vị hư hàn, khí trọc âm nghịch lên. Trang Thương hàn luận, phần chứng hậu chủ trị của Ngô Thù Du thang có ba điều :

1. Thấy ở điều 243 trong thiên Dương minh "ăn vào muốn mửa là bệnh thuộc Dương minh".
2. Thấy ở điều 309 trong Thiên Thiếu âm "bệnh Thiếu âm nôn mửa là chảy, chân tay quyết lạnh, phiền táo muốn chết".
3. Tức là điều này" nôn khan, mửa bọt rãi, đau đầu..." cả ba điều đều là chứng hậu hàn khí nghịch lên, riêng chứng hậu ở điều này, khá cụ thể hơn. Vì hàn làm thương Quyết âm, khí trọc âm ở hạ tiêu, dâng lên vị trí thanh dương ở trong Hung, quyết khí nghịch lên đến nơi phát sinh các chứng trạng nôn khan, mửa bọt rãi và đau đầu. Cũng cần nêu rõ, nói mửa bọt rãi tức là mửa ra rãi trong bọt lạnh, khác hẳn chứng Đàm ẩm; đau đầu đa số đau ở vùng đỉnh, cũng khác chứng đau đầu thuộc ba kinh Dương. Triệu chứng trước là hàn tà Quyết âm can thiệp vào Vị, Vị dương không phân bố nên sản sinh ra bọt rãi theo quyết khí nghịch lên mà mửa ra. Triệu

chứng sau do kinh mạch của Quyết âm với Đốc mạch hội ở đỉnh đầu, khí âm hàn có thể theo đường kinh nghịch lên mà gây đau đầu .

Thái âm, thiếu âm đều không có chứng đau đầu, chỉ riêng Quyết âm mới có là lý do nói trên .

Nhưng chứng Quế chi thang cũng có chứng ọc khan đau đầu, giống như điều này, thực ra cũng giống chút nào. Vì chứng khan ở điều này là hàn ở quyết âm lên, bộ vị đau đầu lại ở vùng đỉnh, không có biểu chứng. Chứng Quế chi thang lấy biểu chứng làm chủ, đau ở phần sau đầu kèm theo đầu gối đau cứng, còn ọc khan là do biểu tà bố chặt ở biểu mới có chứng này. Vì vậy một trường hợp dùng Quế chi thang để giải cơ phát biểu; một trường hợp dùng Ngõ thù du thang để ôn hàn giáng nghịch .

Ngõ thù du thang phương

Ngõ thù	1 thăng	Nhân sâm	3 lượng
Dại táo	12 quả	Sinh khương	6 lượng

Bốn vị sắc với 7 thăng nước, cạn lấy 2 thăng, bỏ bã, mỗi lần uống nóng 7 hợp ngày 3 lần .

X Nôn ọc mà phát sốt, Tiểu sài hồ thang chủ chữa bệnh ấy (điều 379).

Quyết âm và thiếu dương cùng biểu lý. Thiếu dương bệnh tiến có thể chuyển vào Quyết âm. Quyết âm bệnh giảm, cũng có thể chuyển ra Thiếu dương. Điều này giới thiệu chứng hậu Quyết âm bệnh chuyển ra Thiếu dương, tuy giới thiệu ngắn gọn nhưng chủ chứng của Thiếu dương đã đầy đủ, nên điều trị bằng Tiểu sài hồ thang. Bởi vì ọc mà phát sốt là một chủ chứng của Thiếu dương như đã nói ở điều 149 "Bệnh Thương hàn 5 - 6 ngày, ọc mà phát nhiệt, đã các chứng của Tiểu Sại hồ thang". Nhưng trong bệnh Thái dương cũng có chứng hậu ọc và phát nhiệt, như Thái dương Thương hàn có chứng ản nghịch thấy ở điều 3; Thái dương Trúng phong có chứng ọc khan thấy ở điều 12. Nhưng chứng Ma hoàng thang phải có đủ các chủ chứng ở hàn, không mồ hôi, đau mình, mạch Phù khẩn, Chứng Quế chi thang phải có đủ các chủ chứng sợ gió, ra mồ hôi, mạch phù hoãn. Chứng này chỉ ọc mà phát nhiệt, không có biểu



chứng nào khác, là tà ở Quyết âm chuyển ra Thiếu dương không còn ngờ gì nữa, cho nên mới điều trị bằng Tiểu Sài hồ thang .

Nhân xét : Hai từ phát nhiệt ở đây, nếu là hàn-nhiệt vắng lai. Điều này là bệnh từ Tạng ra Phủ, từ Lý ra Biểu chứng chủ yếu là phát nhiệt : Phát nhiệt là dương khí hồi phục cho nên Tiền thiên Lai mới nói : Bệnh ở Quyết âm chỉ sợ quyết nghịch hạ lợi, là Dương không thắng âm, phát nhiệt thì từ âm ra Dương là thuận .

Trương Hư Cốc bàn : ọ ọ mà phát nhiệt là tà ra Thiếu dương. Thiếu dương chủ thắng do đó không ỉa chảy mà nôn. Phát nhiệt là tà khí có xu hướng ra ngoài, cho nên lấy Tiểu Sài hồ, xoay chuyển bệnh Lý Thiếu dương, thì tà khí có thể theo Kinh mà giải ra Biểu .

Thương hàn sau khi đại thổ, đại hạ, Vị khí đã hư yếu cực độ, rồi bệnh ở thể biểu không có mồ hôi mà có chủ giác bức bối (uất ột) Thầy thuốc sai lầm cho là biểu tà chưa giải, lại cho uống làm phương pháp phát hàn, khi ra được mồ hôi, biểu bị ọ ọ nghịch, dĩ phát sinh biến hóa đó là do trong Vị có hàn lạnh (điều 380).

Điều này nói lên bệnh bị qua mấy lần chữa sai lầm (hàn, thổ, hạ) dẫn đến hậu quả Vị lạnh gây nên ọ ọ, nội dung có thể chia ba điểm : 1- Thầy thuốc dùng phương pháp đại thổ, đại hạ, do thổ, hạ quá mức, chính khí bị tổn thương làm cho thể lực bệnh nhân hư yếu cực độ. 2- Do tình huống bên ngoài bức bối của bệnh nhân, thầy thuốc nhận định sai lầm là biểu tà chưa giải lại sai lầm dùng phương pháp lấy nước uống làm cho phát ra mồ hôi. 3- Nói lên hậu quả do chữa sai lầm lần nữa, sau khi đại thổ, đại hạ, chính khí đã cực hư lại phát hàn thì dương khí trong Vị càng hư, dương hư thì nước ứ đọng, thủy hàn chọi nhau khí mất thăng giáng nên phát sinh náo .

Thương hàn có chứng Nắc lại có cả chứng bụng đầy, nên xem xét d tiểu tiện của bệnh nhân, xem bộ phận nào không thông lợi, dùng phương pháp thông lợi thì khỏi bệnh (điều 381).



Điều này giới thiệu nguyên tắc thí trị chứng ọc do thực chứng. ọc là một chứng trạng, do Vị khí không gián cố rất nhiều nguyên nhân. Nhưng nói gọn lại không ngoài hai loại hư và thực .

Nếu do hư chứng, tiếng nấc nhỏ nhẹ cách quãng khá mới nấc tiếp một lần, như Báo mệnh toàn thân sách Tả Văn nói : "Bệnh ở nơi sâu thì phát tiếng nấc", đó là dấu hiệu Vị khí sắp tuyệt, như chứng hậu ở y văn trên là loại này. Ngoài ra còn có điều 194 nói "Bệnh Dương minh không ăn được cái nhiệt tất sinh nấc, sở dĩ vậy vì trong Vị hư lạnh. Vì người bệnh vốn hư, cũng cái nhiệt tất sinh nấc" Điều 226 cũng nói : "Nếu trong Vị hư lạnh, không ăn được, uống nước thì nấc" và điều 232 "Bụng đầy lại nấc thì bất trị". Các điều nêu trên là chứng nấc thuộc hư .

Nếu thuộc Thực chứng do Phế Vị khí thực, cho nên tiếng nấc vang rõ, liên tục, như đã nêu lên chứng hậu ở điều này. Ngoài ra, điều 231 còn nói "Tiểu tiện khó, có lúc triều nhiệt, nấc luôn" và điều 98 "ăn uống thì nấc" v.v... đều thuộc Thực chứng.

Nhị tiện không lợi, cũng gây nên Nấc; nếu do không đại tiện mà Nấc như điều 111 nói "hoặc không đại tiện, lâu ngày thành nói sảng, thậm chí gây Nấc", do tiểu tiện không lợi mà nấc, như điều 231, tiểu tiện khó, luôn luôn nấc...

Điều này nói Nấc mà bụng đầy, thuộc thực chứng không ngờ gì nữa. Nhưng vẫn phải tìm hiểu nguyên nhân gây nấc nên mới nói phải xem xét đại, tiểu tiện, bộ phận nào không lợi, làm thông lợi bộ phận đó thì bệnh khỏi, đó là nguyên tắc chủ yếu để chữa chứng này. Nếu quả là tiểu tiện không lợi thì thông lợi tiểu tiện, nếu do đại tiện không thông thì thông lợi đại tiện, căn bệnh đã trừ, Nấc tự đầy bụng tự khỏi .

Trần Tu Viên nói : " Chỉ một chứng Nặc được thông, đủ tổng kết chứng của lục Kinh; thấy mọi chứng hư, chứng thực của bệnh, không chỉ một chứng Nặc mới như vậy; Nhưng chỉ một chứng Nặc, mà có thể suy ra hư thực của mọi bệnh, cho nên chỉ một điều so sánh chứng Nặc, không chỉ kết luận một thiên Quyết Âm, mà ý nghĩa của cả sáu thiên cũng theo kết luận đó. Đây là điều kết thúc toàn bộ Thương hàn !

Thiên Quyết biên soạn

8/1993